

LÂM HÁN ĐẤT
TÀO DƯ CHƯƠNG

LỊCH SỬ
TRUNG QUỐC
5000 NĂM

TẬP 2



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN



Mục lục

[101-102](#)

[103-104](#)

[105-106](#)

[107-108](#)

[109-110](#)

[111-112](#)

[113-114](#)

[115-116](#)

[117-118](#)

[119-120](#)

[121-122](#)

[123-124](#)

[125-126](#)

[127-128](#)

[Cao Doãn Trung Thực](#)

[Đại Phát Minh Gia Tổ Xung Chi](#)

[Phạm Chấn Chống Mê Tín](#)

[Ngụy Hiếu Văn Đế Cải Cách Phong Tục](#)

[Bắc Ngụy Phân Liệt](#)

[Lương Vũ Đế Làm Hòa Thượng](#)

[Hầu Cảnh, Kẻ Phản Phúc](#)

[Trần Hậu Chủ Hưởng Lạc Mất Nước](#)

[Triệu Xức Làm Việc Theo Pháp Luật](#)

[Tùy Dạng Đế Chơi Giang Đô](#)

[Lý Mật Đọc Sách Trên Lưng Trâu](#)

[Quân Ngõa Cường Phá Kho, Chia Lương Thực](#)

[Lý Uyên Khởi Binh Ở Thái Nguyên](#)

[Lý Thế Dân Chiếm Đông Đô](#)

[Sự Biến Cửa Huyền Vũ](#)

Ngụy Trưng Can Ngăn Thằng Thẩn

Lý Tĩnh Tập Kích Âm Sơn

Hòa Thượng Huyền Trang Đi Lấy Kinh

Công Chúa Văn Thành Vào Thổ Phồn

Nữ Hoàng Đế Võ Tắc Thiên

Mời Ngài Vào Trong Chum

Địch Nhân Kiệt Phát Hiện Nhân Tài

Trương Duyệt Không Làm Chứng Gian

Diêu Sùng Diệt Châu Chấu

Lý Lâm Phủ Gian Ngoan, Hiểm Độc

Lý Bạch Coi Thường Quyền Quý

An Lộc Sơn Nổi Loạn

Nhan Quả Khanh Mãng Giác

Binh Biến Ở Mã Ngôi

Trương Tuần Làm Người Có Mượn Tên

Nam Tể Quân Mượn Quân

Lý Tiết Trở Về Núi

Lý Quang Bật Đại Phá Sử Tư Minh

Đỗ Phủ Viết Thi Sứ

Đoàn Tú Thực Không Sợ Cường Bạo

Quách Tử Nghi Một Mình Một Ngựa Đuổi Quân Hồi Hột

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

101-102

BẢY LẦN BẮT MẠNH HOẠCH

Tiên chủ Lưu Bị của Thục Hán khi lâm bệnh nặng, liền triệu Gia Cát Lượng từ Thành Đô tới, dặn dò công việc về sau. Lưu Bị nói: "Tài năng của thừa tướng gấp mười lần Tào Phi, nhất định sẽ cai quản tốt đất nước. Con ta là A Đâu (tên lúc nhỏ của Lưu Thiện) tài hèn, nếu thừa tướng thấy giúp được thì giúp, nếu không thì thừa tướng cứ tự mình giành lấy ngôi vị làm chủ đất nước này".

Gia Cát Lượng giật mình kinh sợ, chảy nước mắt, dập đầu nói: "Thần chịu ơn tri ngộ của bệ hạ, đâu dám không hết lòng hết sức phò tá hậu chủ để báo đáp lại bệ hạ, đến chết mới thôi".

Lưu Bị gọi con nhỏ là Lưu Vinh tới bên mình, căn dặn: "Ta chết đi, anh em con phải tôn kính thừa tướng như cha mới được. Mọi việc phải nhất nhất nghe theo lời thừa tướng".

Sau khi Lưu Bị mất, Gia Cát Lượng trở về Thành Đô, phò tá Lưu Thiện lên kế vị. Lịch sử gọi Lưu Thiện là Thục Hán hậu chủ. Lưu Thiện lên ngôi, mọi việc lớn nhỏ trong triều đều giao cho Gia Cát Lượng quyết định. Gia Cát Lượng tận tụy làm việc, mong phục hồi lại sức mạnh của Thục Hán. Không ngờ tại vùng Nam Trung (nay là vùng từ sông Đại Độ trở về phía nam thuộc tỉnh Tứ Xuyên và vùng Vân Nam, Quý Châu) lại xảy ra cuộc nổi loạn ở mấy quận. Một cường hào ở Ích Châu là Ung Khải nghe tin Lưu Bị chết, liền giết thái thú Ích Châu và nổi loạn. Hãn 1 mặt cử người

sang đưa thư đầu hàng Đông Ngô, 1 mặt lôi kéo thủ lĩnh dân tộc thiểu số ở vùng Nam Trung là Mạnh Hoạch, xúi giục Mạnh Hoạch lôi kéo thêm một số bộ tộc khác cùng chống lại Thục Hán. Bất chước Ung Khải, thái thú Tường Kha (nay là vùng Thuận Nghĩa, Quý Châu) là Chu Bảo và một tù trưởng bộ tộc thiểu số là Cao Định cũng hưởng ứng cuộc nổi loạn. Tình hình đó có nguy cơ khiến Thục Hán mất gần nửa đất đai, khiến Gia Cát Lượng vô cùng lo lắng.

Nhưng lúc đó Thục Hán vừa thua trận Hào Đình và Lưu Bị mới mất, nên không thể xuất binh. Gia Cát Lượng phải cử người sang giảng hòa với Đông Ngô để giữ yên phía đông. Một mặt ra sức phát triển sản xuất, xây dựng công trình thủy lợi, tích trữ lương thảo, huấn luyện binh mã. Qua 2 năm, tình hình mọi mặt đều khởi sắc, Gia Cát Lượng quyết định dẫn quân nam chinh. Năm 225, tháng 3, Gia Cát Lượng dẫn đại quân xuất phát. Mã Tốc là em ruột Mã Lương, vốn là 1 bạn tốt của Gia Cát Lượng, tiễn theo mấy chục dặm trường. Trước lúc chia tay, Gia Cát Lượng nắm tay Mã Tốc nói: "Ta với tôn huynh và tướng quân quen biết và cộng tác với nhau đã lâu, nay ta đem quân nam chinh, tướng quân có ý kiến gì hay góp với Lượng này không?".

Mã Tốc nói: "Người vùng Nam Trung dựa vào địa hình hiểm yếu, lại xa kinh thành, từ lâu đã có ý không tuân theo triều đình, dù ta có cùng đại quân đánh bại được họ thì sau đó, họ vẫn cứ nổi dậy. Tôi nghe nói phép dùng binh chủ yếu là đánh vào lòng người, còn đánh thành là thứ yếu. Lần này thừa tướng nam chinh, nhất định phải làm sao khiến họ tâm phục thì mới mong chỉ vất vả một lần mà yên tâm mãi mãi".

Lời Mã Tốc hoàn toàn trùng hợp với ý Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng gật đầu nói: "Cám ơn tướng quân đã khuyên bảo. ta nhất định sẽ làm như thế".

Gia Cát Lượng đem quân Thục xuống miền nam, liên tục đánh thắng. Quân mới đi tới nửa đường, thì giữa Cao Định và Ung Khải đã xảy ra xung

đột, bộ hạ của Cao Định đã giết chết Ung Khải. Quân Thục tiến tới, cũng giết được luôn Cao Định. Gia Cát Lượng cử 2 đại tướng Lý Khôi và Mã Trung chia đường tiến công. Không đầy nửa tháng, Mã Trung đã đánh phá Tường Pha, tiêu diệt được phiến quân ở đó. Tình hình phản loạn trong 4 quận nhanh chóng được dẹp yên. Nhưng sự việc chưa kết thúc. Tù trưởng bộ tộc ở Nam Trung là Mạnh Hoạch tiếp nhận tàn binh của Ung Khải, tiếp tục chống lại quân Thục. Gia Cát Lượng điều tra biết được rằng Mạnh Hoạch không chỉ giỏi chiến đấu mà còn có uy tín rất cao trong các bộ tộc vùng Nam Trung. Vì vậy, nhớ tới lời Mã Tắc, Gia Cát Lượng quyết tâm tìm cách chinh phục Mạnh Hoạch. Ông ra lệnh cho 3 quân, chỉ được bắt sống chứ không được làm tổn thương tới Mạnh Hoạch.

Do Gia Cát Lượng giỏi dùng mưu kế, mỗi khi giao chiến, quân Thục chạm trán với quân Mạnh Hoạch, đều cố ý rút lui. Mạnh Hoạch ỷ vào người đông, thông thạo địa hình nên cứ thúc quân đuổi tràn. Lúc đó, phục binh Thục mới xông ra, đánh tan quân Nam Trung và bắt sống Mạnh Hoạch. Mạnh Hoạch bị trói dẫn về trại Thục, tự nghĩ lần này chắc khó lòng sống được. Nào ngờ vừa vào khỏi cửa dinh, Gia Cát Lượng đã lập tức quát lính sai cởi trói, mời ngồi, rồi ân cần khuyên nhủ Mạnh Hoạch qui hàng triều đình. Nhưng Mạnh Hoạch không chịu phục, nói: "Chỉ vì ta thiếu thận trọng, nên mới trúng kế của người. Vì vậy, làm sao khiến ta phục được?".

Gia Cát Lượng không nài ép, cho Mạnh Hoạch cùng mình cưỡi ngựa đi xem khắp doanh trại Thục để thấy binh mã và sự bố trí rồi hỏi: "Tù trưởng, người thấy binh mã triều đình ra sao?".

Mạnh Hoạch ngạo mạn trả lời: "Trước kia ta không nắm rõ được hư thực của quân Thục nên mới thua trận. Lần này đã tận mắt thấy rõ, đối với loại quân đội như thế này, ta có thể đánh thắng không khó khăn gì".

Gia Cát Lượng cười lớn nói: "Nếu quả như vậy, tù trưởng hãy về chuẩn bị cho cẩn thận, rồi chúng ta lại cùng thử sức một lần nữa".

Mạnh Hoạch được tha, trở về bộ lạc của mình, chấn chỉnh lại lực lượng rồi lại đem quân ra đánh. Nhưng vốn là 1 kẻ hữu dũng vô mưu, Mạnh Hoạch đâu phải là đối thủ của Gia Cát Lượng, nên quân Thục dễ dàng bắt sống hẳn. Gia Cát Lượng lại khuyên hàng. Mạnh Hoạch vẫn chưa chịu phục, nhưng vẫn được thả về. Cứ như vậy, bắt rồi lại thả, trước sau tất cả 7 lần. Sau khi bắt được lần thứ 7, vừa thấy dẫn Mạnh Hoạch vào, Gia Cát Lượng lại muốn thả ra lần nữa. Nhưng Mạnh Hoạch chảy nước mắt nói: "Đội ơn thừa tướng bảy lần bắt bảy lần tha, thật là chí nhân chí nghĩa. Mạnh Hoạch này cảm thấy hổ thẹn và kính phục thừa tướng vô cùng. Từ nay trở đi, quyết không dám làm phản nữa".

Mạnh Hoạch trở về, khuyên tất cả các bộ lạc khác đầu hàng. Vùng Nam Trung lại chịu sự khống chế của Thục Hán. Bình định Nam Trung xong, Gia Cát Lượng ra lệnh cho Mạnh Hoạch và các thủ lĩnh bộ lạc khác cứ cai quản vùng đất của mình như cũ. Có người khuyên Gia Cát Lượng: "Chúng ta trải bao khó khăn mới bình định được Nam Trung. Tại sao thừa tướng không cử quan lại đến cai trị, mà lại cứ để cho các đầu lĩnh của họ cai quản như cũ?".

Gia Cát Lượng nói: "Cử quan lại tới, không phải là cách hay, chỉ thêm nhiều bất tiện. Vì đã cử quan lại thì phải đóng quân. Quân lính đóng ở nơi xa, phải tiếp tế lương thực khó khăn. Thêm nữa, hai bên vừa độ can qua, nhiều dân địa phương tử trận. Nếu chúng ta cử quan lại tới cai trị, không khỏi khơi lại thù hận, nhất định sẽ sinh ra hậu loạn. Nay ta vừa không phải quan lại tới, lại không đóng quân, để họ tự trị, giữa người Hán và các bộ lạc khác không có va chạm gì, chẳng tốt hơn sao?".

Mọi người nghe nói, đều khâm phục tầm nhìn của thừa tướng. Gia Cát Lượng dẫn quân, ca khúc khải hoàn trở lại Thành Đô. Hậu chủ và các đại thần đều ra ngoài thành đón tiếp. Mọi người rất vui mừng vì đã bình định được Nam Trung. Từ đó, Gia Cát Lượng ra sức chinh đốn nội trị, khuyến

khích sản xuất, tích lũy lương thực, thao luyện quân sĩ, một lòng một dạ chuẩn bị cho việc đánh Tào Ngụy ở phía bắc.

MÃ TỐC ĐỂ MẤT NHAİ ĐÌNH

Sau khi bình định Nam Trung, qua 2 năm chuẩn bị, mùa đông năm 227, Gia Cát Lượng dẫn đại quân lên giữ Hán Trung. Vì Hán Trung ở gần nơi giáp giới giữa Thục và Ngụy nên ở đây dễ chọn thời cơ tiến đánh Tào Ngụy. Trước khi rời Thành Đô, Gia Cát Lượng dâng biểu lên hậu chủ, khuyên hậu chủ không nên thỏa mãn với hiện trạng, thiếu chí tiến thủ; cần gần gũi hiền thần, xa lánh bọn tiểu nhân. Đồng thời tỏ ý mình quyết không phụ sự ủy thác của tiên đế, kiên quyết gánh vác trách nhiệm khôi phục triều Hán. Bài biểu này là 1 tác phẩm nổi tiếng của Gia Cát Lượng, được lịch sử văn học gọi là "Tiên xuất sư biểu" (Sau này Gia Cát Lượng trong lần xuất quân sau còn 1 bài biểu nữa, được gọi là "Hậu sư xuất biểu").

Tới đầu năm sau, Gia Cát Lượng dùng biện pháp giương đông kích tây, tung tin là sẽ đánh My Thành (nay là huyện My, tỉnh Thiểm Tây) và phái đại tướng Triệu Vân đem một toán quân tới đánh ở Cơ Cốc (nay ở phía bắc Bao Thành, Thiểm Tây), làm ra vẻ sắp đánh My Thành. Nhân lúc quân Ngụy bị thu hút về hướng đó, Gia Cát Lượng tự dẫn đại quân bất ngờ đánh vào Kỳ Sơn (nay ở phía đông huyện Lễ, Cam Túc). Quân Thục trải qua mấy năm được Gia Cát Lượng huấn luyện, có đội ngũ chỉnh tề, kỷ luật nghiêm minh, sĩ khí hết sức hăng hái. Từ sau khi Lưu Bị chết, Thục Hán không có hành động gì ở phía bắc, nên quân Ngụy thiếu phòng bị. Lần này bất ngờ bị tiến đánh, quân Ngụy ở Kỳ Sơn không chống đỡ nổi, nên liên tục thua trận, buộc phải rút về phía sau. Quân Thục thừa thắng tiến lên. Tướng giữ 3 quận Thiên Thủy, Nam An, An Định đều phản lại Ngụy và phái người tới xin hàng Gia Cát Lượng.

Lúc đó, Ngụy Văn Đế Tào Phi mới ốm chết, bá quan văn võ trong triều đình Ngụy nghe tin quân Thục tiến công, đều hoảng hốt kinh sợ. Ngụy Minh Đế Tào Nhuệ mới lên ngôi, còn tương đối trấn tĩnh, lập tức phái đại

tướng Trương Cáp đem 5 vạn quân tới gặp Kỳ Sơn đối địch. Còn bản thân Minh Đế cũng tới Trường An để đốc chiến. Gia Cát Lượng tới Kỳ Sơn, quyết định phái 1 đội quân tới chiếm Nhai Đình (nay ở đông nam Trang Lăng, Cam Túc) để làm cứ điểm hỗ trợ cho việc tiến thoái. Gia Cát Lượng cân nhắc, thấy đây là 1 nhiệm vụ quan trọng cần cử người có tài năng mưu trí. Bên cạnh Gia Cát Lượng lúc đó có mấy lão tướng dày dặn kinh nghiệm chiến trận, nhưng ông không chọn, lại cử tham quan Mã Tốc nhận nhiệm vụ này.

Mã Tốc là người đã từng đọc không ít binh thư, ngày thường rất thích đàm luận quân sự. Gia Cát Lượng tìm ông tới để nói chuyện về việc dụng binh, Mã Tốc say sưa nói không dứt, trong đó từng có những đề xuất đúng đắn, được Gia Cát Lượng tán thưởng; ví như kế sách về việc bình định Nam Trung. Vì vậy Gia Cát Lượng rất tin dùng. Nhưng Lưu Bị khi còn sống đã phát hiện thấy nhược điểm của Mã Tốc là thiếu thực tế, nên đã có lần nói với Gia Cát Lượng: "Mã Tốc là con người hay nói quá mức, không nên để giao đảm đương việc lớn". Nhưng Gia Cát Lượng không lưu tâm đúng mức tới lời dặn của Lưu Bị. Lần này, ông cử Mã Tốc làm tiền phong, Vương Bình làm phó Tướng.

Mã Tốc và Vương Bình dẫn quân tới Nhai Đình thì Trương Cáp cũng đang dẫn viện binh của quân Ngụy tiến tới. Mã Tốc quan sát địa hình, rồi nói với Vương Bình: "Chỗ này địa hình hiểm yếu, bên cạnh Nhai Đình lại có một ngọn núi, nên đóng quân trên đó để mai phục".

Vương Bình nhắc Mã Tốc: "Trước lúc xuất quân, thừa tướng có nhắc là phải giữ vững thành lũy, lập dinh trại cho tốt. Nếu đóng quân trên núi thì mạo hiểm quá".

Mã Tốc thiếu kinh nghiệm chiến đấu, tự cho mình đọc nhiều binh thư, nên không nghe theo lời nhắc nhở của Vương Bình, cứ nhất định đóng quân trên núi. Vương Bình can ngăn mãi không được, liền xin Mã Tốc cấp cho mình hơn 1000 quân, dẫn tới đóng ở chân núi gần đó. Trương Cáp dẫn

đại binh tới Nhai Đình, thấy Mã Tốc bỏ không dùng thành trì sẵn có dưới núi mà lại mang quân lên đóng trên núi thì mừng lắm, lập tức điều quân chiếm lấy thành lũy dưới núi, rồi vây chặt trái núi có quân Mã Tốc đóng trên đó. Mã Tốc nhiều lần ra lệnh cho quân xông xuống núi, nhưng do Trương Cáp giữ vững thành lũy, quân Thục không sao phá được, lại bị quân Ngụy bắn chết khá nhiều. Quân Ngụy xiết chặt vòng vây và cắt đứt nguồn nước, khiến quân Thục không có nước nấu cơm, dần dần sinh ra rối loạn. Trương Cáp thấy cơ hội đã đến, liền ra lệnh tổng công kích. Quân Thục tan vỡ, đua nhau lui trốn, không sao ngăn cản được. Cuối cùng Mã Tốc đành liều chết phá vây chạy về hướng tây.

Vương Bình có 1000 binh mã, giữ vững dinh trại. Thấy quân Mã Tốc bị đánh bại, liền hạ lệnh thúc trống, làm ra vẻ chuẩn bị tiến công. Trương Cáp ngỡ là quân Thục có mai phục nên không dám tới gần. Vương Bình chỉnh đốn đội ngũ, rồi từ từ rút về, không những không tổn thất 1 tên lính nào, mà còn thu nhận được một số quân tán lạc của Mã Tốc nữa. Nhai Đình thất thủ, quân Thục bị mất 1 cứ điểm quan trọng, lại tổn thất nhiều người ngựa. Để tránh bị tổn thất lớn hơn nữa, Gia Cát Lượng đành rút lui toàn bộ về Hán Trung. Về tới Hán Trung, qua thăm vấn, được biết việc mất Nhai Đình do hoàn toàn là lỗi của Mã Tốc đã không tuân theo mệnh lệnh về việc bố trí quân đội. Mã Tốc cũng không thể không thừa nhận lỗi của mình. Theo quân pháp, Gia Cát Lượng hạ lệnh đưa Mã Tốc vào nhà giam và định vào tử tội.

Mã Tốc tự biết mình không thể tránh khỏi chết, liền từ trong ngục viết 1 lá thư cho Gia Cát Lượng. Thư viết: "Thường ngày thừa tướng đối đãi với mặt tướng thân thiết như đối với con đẻ của mình. Mặt tướng cũng kính trọng thừa tướng như cha. Lần này mặt tướng phạm vào tử tội, không dám kêu oan, chỉ cúi xin thừa tướng đoái thương con cái của mặt tướng, như vua Thuấn ngày xưa đã giết Cỗ mà dùng Vũ. Được như vậy, mặt tướng dù có chết cũng được yên lòng".

Gia Cát Lượng theo quân pháp phải giết Mã Tắc, nhưng nghĩ tới tình cảm xưa kia giữa mình với Mã Lương, Mã Tắc nên cũng trào lệ cảm thương. Ông phái người chăm nom chu đáo cho gia đình Mã Tắc. Lại thấy Vương Bình ở Nhai Đình đã từng can gián Mã Tắc, lại biết dùng mẹo khi lui quân, bảo toàn được binh mã, lập được công, cần được khen thưởng để khích lệ tướng sĩ, liền thăng Vương Bình làm tham quân, giao cho chỉ huy 5 đạo binh mã. Gia Cát Lượng nói với các tướng sĩ: "Lần này ra quân thất bại, cố nhiên là do Mã Tắc làm trái mệnh lệnh, nhưng cũng do lỗi của ta dùng người không minh". Liền dâng tấu chương lên hậu chủ Lưu Thiện, xin giáng chức mình xuống cấp.

Lưu Thiện nhận được tấu chương, không biết nên xử trí thế nào. Có đại thần nói: "Thừa tướng đã có ý kiến như vậy, bệ hạ nên làm theo ý thừa tướng".

Lưu Thiện liền hạ chiếu, giáng Gia Cát Lượng xuống làm Hữu tướng quân, nhưng vẫn đảm trách công việc của thừa tướng. Do Gia Cát Lượng thường phạt nghiêm minh, tự mình gương mẫu nên tướng sĩ Thục đều rất cảm phục. Toàn quân rút bài học thất bại, sĩ khí vẫn được giữ vững. Mùa đông năm đó, Gia Cát Lượng lại đem quân đánh ra Tản Quan (nay ở tây nam Bảo Khê, Thiểm Tây), bao vây Trần Thương (nay ở đông Bảo Khê), giết được 1 tướng Ngụy. Mùa xuân năm sau, lại đem quân thu phục 2 quận Vũ Đô (nay là huyện Thành, Cam Túc) và Âm Bình (nay ở phía bắc huyện Văn, Cam Túc). Hậu chủ Lưu Thiện cho rằng Gia Cát Lượng đã lập được công, lại hạ chiếu thư khôi phục lại chức thừa tướng cho ông như cũ.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

103-104

KHÔNG MINH MẤT Ở GÒ NGŨ TRƯỢNG

Năm 229, tháng 4 Ngô vương Tôn Quyền chính thức xưng đế. Đại đa số các đại thần Thục Hán cho rằng Tôn Quyền xưng đế là tiếm hiệu, cần phải cắt đứt liên minh với Đông Ngô. Nhưng Gia Cát Lượng cho rằng, trước mắt Tào Ngụy mới là đối thủ chủ yếu của Thục Hán. Vì vậy ông vẫn liên minh với Đông Ngô, và chuẩn bị bắc phạt. Năm 231 Gia Cát Lượng đem quân thực hiện cuộc bắc phạt lần thứ 4, tiến quân đến Kỳ Sơn. Ngụy đế cử đại tướng Tư Mã Ý và Trương Cáp cùng dẫn quân đến Kỳ Sơn đối địch. Gia Cát Lượng để 1 bộ phận lưu tại Kỳ Sơn, còn tự mình dẫn quân chủ lực đánh chặn Tư Mã Ý. Tư Mã Ý tìm hiểu chiến lược của Gia Cát Lượng, thấy quân Gia Cát Lượng tiến xa hậu phương, quân lương tiếp tế khó khăn. Vì vậy, quyết định xây dựng thành lũy ở nơi hiểm yếu, ra lệnh cho tướng sĩ giữ vững chử không ra đánh.

Tướng sĩ Ngụy cho rằng Tư Mã Ý sợ quân Thục, nên nhiều lần xin ra đánh và nói: "Tướng quân sợ Gia Cát Lượng như sợ hổ, không sợ người trong thiên hạ cười cho hay sao?".

Tư Mã Ý liền dẫn quân tiến lên giao chiến, bị quân Thục đánh cho 1 trận tơi bời. Nhưng phía quân Thục, do lỗi lầm của quan vận lương nên lương thảo tiếp tế không đủ, đành chủ động rút quân. Đại tướng Ngụy là Trương Cáp dẫn quân đuổi riết, tới 1 hẻm núi trong rừng cây rậm rạp, bị phục binh do Gia Cát Lượng bố trí sẵn, dùng cung tên bắn chết. Gia Cát

Lượng mấy lần xuất quân đều không thành công. Một trong những nguyên nhân quan trọng là lương thực tiếp tế không kịp. Do đường núi nhỏ bé, gập ghềnh, xe tải lương đi lại khó khăn, chậm chạp. Vì vậy, Gia Cát Lượng liền thiết kế ra trâu gỗ, ngựa gỗ gọi là "mộc ngư", "lưu mã" (thực chất là 1 loại xe vận chuyển cải tiến, có thể đi trên đường nhỏ, gập ghềnh), chở lương thực đến dự trữ sẵn ở hang Tà Cốc (nay ở tây nam huyện My, Thiểm Tây).

Năm 234, sau khi chuẩn bị đầy đủ, Gia Cát Lượng dẫn 10 vạn đại quân, lại tiến hành bắc phạt lần cuối cùng. Ông cử sứ giả sang Đông Ngô, hẹn với Tôn Quyền đồng thời cử quân để phối hợp đánh Ngụy cả từ 2 phía. Đại quân Gia Cát Lượng qua hang Tà Cốc, đến gò Ngũ Trượng ở bờ nam sông Vị. Để tính kế lâu dài, Gia Cát Lượng cho tướng sĩ đôn đốc binh lính xây dựng dinh lũy chuẩn bị tác chiến, đồng thời cử 1 bộ phận binh sĩ khai khẩn đất đai, cày cấy cùng với nhân dân địa phương để sản xuất lương thực tại chỗ. Nhờ có kỷ luật nghiêm minh, nên giữa quân Thục và dân địa phương có quan hệ rất tốt.

Ngụy Minh đế phái Tư Mã Ý dẫn quân Ngụy vượt qua sông Vị, cũng xây thành đắp lũy phòng thủ để cầm cự với quân Thục. Tôn Quyền nhận được thư của Gia Cát Lượng, lập tức cử 3 cánh quân lên bắc đánh Ngụy. Ngụy Minh đế cũng là người có bản lĩnh, 1 mặt dẫn đại quân xuống phía nam chống lại, 1 mặt báo cho Tư Mã Ý biết, cứ giữ vững ở Ngũ Trượng Nguyên, không ra quân chống lại. Gia Cát Lượng chờ đợi tin tức ở mặt Đông Ngô, nhưng kết quả khiến ông thất vọng. Cuộc tiến công của Tôn Quyền đã bị thất bại. Ông muốn quyết chiến cùng quân Ngụy, nhưng Tư Mã Ý trước sau nhất định giữ vững thành lũy, không chịu đem quân ra đánh. Gia Cát Lượng dùng mọi biện pháp để khiêu chiến, nhưng đều không có hiệu quả. Hai bên kìm giữ nhau ở đây hơn 100 ngày. Muốn buộc quân Ngụy ra đánh, Gia Cát Lượng nghĩ ra 1 cách chọc tức Tư Mã Ý, lợi dụng tâm lý và phong tục coi khinh phụ nữ thời đó, ông phái sứ giả mang tặng Tư Mã Ý một bộ áo phụ nữ, tỏ ý coi thường Tư Mã Ý hèn nhát như đàn bà, không đáng mặt làm tướng cầm quân ra chiến trường.

Tướng sĩ quân Ngụy thấy chủ tướng bị lãnh nhục như vậy, thấy đều cảm giận, muốn đem quân quyết một trận sống mái với quân Thục. Tư Mã Ý biết đây là thủ đoạn khích tướng của Gia Cát Lượng nên không hề nổi giận. Ý an ủi tướng sĩ: "Được! Nếu các người muốn đánh, thì ta dễ dàng tấu chương lên triều đình, xin hoàng đế chuẩn y cho chúng ta quyết chiến cùng quân Thục".

Mấy ngày sau, Ngụy Minh đế phái 1 đại thần tới trại quân, truyền đạt chỉ dụ của hoàng đế: không cho ra đánh. Tướng sĩ Thục nghe tin, đều lấy làm thất vọng. Chỉ có Gia Cát Lượng hiểu được dụng ý của Tư Mã Ý, liền nói: "Việc Tư Mã Ý dâng biểu xin đánh, chỉ là trò làm yên lòng tướng sĩ thôi. Chứ bao giờ có chuyện đại tướng quân ở ngoài xa ngàn dặm lại phải dâng biểu về triều đình xin đánh"

Tư Mã Ý và Gia Cát Lượng đều là những đối thủ rất hiểu rõ tâm lý của nhau, và luôn tìm cách để thăm dò tình hình đối phương. Có lần Gia Cát Lượng phái sứ giả đến khiêu chiến, Tư Mã Ý tiếp đãi rất ân cần, rồi hỏi thăm và nói chuyện văn. Tư Mã Ý hỏi: "Thừa tướng bên quý quốc chắc là bận rộn lắm. Gần đây sức khỏe thừa tướng thế nào? Ăn uống có được ngon miệng không?"

Sứ giả nghĩ rằng đó là lời thăm hỏi theo phép xã giao, không có gì quan trọng nên thực thà trả lời: "Thừa tướng của chúng tôi đúng là rất bận rộn, phải tự mình giải quyết mọi việc lớn nhỏ trong quân doanh. Ngài thường thức khuya dậy sớm. Có điều gần đây ăn uống không được ngon miệng, mỗi bữa chỉ dùng rất ít".

Sau khi sứ giả ra về, Tư Mã Ý liền nói với các tướng sĩ: "Các người xem, Gia Cát Lượng làm việc thì nhiều mà ăn uống lại ít, làm sao mà kéo dài được?".

Đúng như Tư Mã Ý dự đoán, Gia Cát Lượng do làm việc quá mệt nhọc nên ít lâu sau sinh bệnh ngay tại quân doanh. Hậu chủ nghe tin Gia

Cát Lượng ốm liền cử đại thần Lý Phúc tới Ngũ Trượng Nguyên thăm hỏi. Sau khi nói chuyện quan trọng trong triều với Gia Cát Lượng, Lý Phúc cáo từ ra về. Mấy hôm sau Lý Phúc lại tới, thấy Gia Cát Lượng vàng hẳn đi, liền bật khóc. Gia Cát Lượng mở to mắt nhìn Lý Phúc rồi nói: "Ta đã hiểu ý hoàng thượng sai ông tới đây là để hỏi gì rồi. Hoàng thượng muốn biết sau khi ta mất đi thì ai là người thay thế. Ta xin tiến cử Tưởng Uyển thay ta làm thừa tướng".

Lý Phúc nói: "Thừa tướng đoán rất đúng. Hoàng thượng phái hạ chức tới đây chính là hỏi, vạn nhất thừa tướng mệnh chung thì ai là người đảm đương nổi trọng trách quốc gia. Vậy sau Tưởng Uyển thì ai là người kế nhiệm được?".

Gia Cát Lượng nói: "Có thể giao cho Phí Vi".

Lý Phúc còn muốn hỏi tiếp thì Gia Cát Lượng đã nhắm mắt không trả lời nữa. Mấy hôm sau, con người đầy tài năng và tâm huyết, mới 54 tuổi đã trút hơi thở cuối cùng, ôm theo mối hận vì hoài bão lớn không thực hiện được. Theo lời dặn dò của Gia Cát Lượng, quân Thục giữ bí mật tin tức về cái chết của Gia Cát Lượng. Họ để thi thể Gia Cát Lượng trong xe rồi bố trí lui quân có trật tự. Khi thám tử quân Ngụy dò biết được tin tức, cấp báo lên Tư Mã Ý, Ý lập tức cho quân đuổi theo. Vừa qua Ngũ Trượng Nguyên, bỗng nhiên đội ngũ quân Thục quay lại, thúc trống vang lừng rồi xông tới chém giết.

Tư Mã Ý giật mình, tưởng bị trúng kế, vội quay đầu ngựa, hạ lệnh rút quân. Chờ cho quân Ngụy rút xa, quân Thục lại từ từ rút khỏi Ngũ Trượng Nguyên. Dân chúng biết việc đó, liền đặt ra 1 câu về chế giễu Tư Mã Ý:

"Gia Cát Lượng đã về trời

Còn làm Trọng Đạt rụng rời chân tay"

(Trọng Đạt là tên tự của Tư Mã Ý).

Tư Mã Ý nghe được câu vè, cũng không tỏ ý bực, chỉ nói: "Ta chỉ dự đoán được mưu mẹo của Gia Cát Lượng lúc sống, chứ sao có thể biết được sự bố trí của ông ta sau khi chết". Sau đó, Tư Mã Ý tự đến nơi bố trí doanh trại của quân Thục, xem xét kỹ rồi than: "Gia Cát Khổng Minh thực là bậc kì tài trong thiên hạ".

Hoài bão thống nhất Trung Nguyên của Gia Cát Lượng không thực hiện được, nhưng trí tuệ và phẩm cách của ông được người đời sau mãi mãi truyền tụng. Trong truyền thuyết dân gian, hình tượng Gia Cát Lượng trở thành hóa thân của trí tuệ. Trong bài "Hậu xuất sư biểu" của ông có câu: "Cúc cung tận tụy, tử nhi hậu dĩ" (hết lòng tận tụy, đến chết mới thôi) được người đời cho rằng đó là sự đánh giá xác đáng nhất đối với toàn bộ cuộc đời ông.

TƯ MÃ Ý GIẢ ỐM

Mấy năm sau khi Gia Cát Lượng mất, Thục Hán chỉ giữ thế thủ với Ngụy. Nước Ngụy ngày càng lớn mạnh, nhưng nội bộ lại xảy ra động loạn. Đại tướng Tư Mã Ý của Ngụy vốn là dòng dõi đại sĩ tộc địa chủ. Khi Tào Tháo mới lên cầm quyền có mời Tư Mã Ý ra làm quan. Lúc đó, Tư Mã Ý thấy Tào Tháo xuất thân từ tầng lớp thấp kém hơn mình, nên không nhận ra làm quan dưới quyền Tào Tháo. Nhưng vì không dám để mất lòng Tào Tháo, Tư Mã Ý phải lấy cớ có bệnh phong thấp, Tào Tháo ngờ là Tư Mã Ý cố tình thoái thác, liền cho tay sai giỏi võ nghệ ban đêm lên vào nhà Tư Mã Ý quan sát, quả nhiên thấy Tư Mã Ý nằm trên giường, có người hầu hạ xung quanh.

Thích khách vẫn chưa tin Tư Mã Ý có bệnh, liền xông vào rút kiếm chĩa vào cổ Tư Mã Ý. Anh ta cho rằng nếu Tư Mã Ý không mắc bệnh thì nhất định sẽ vùng lên. Nhưng Tư Mã Ý vốn nhiều mưu trí, đoán ngay ra phép thử của Tào Tháo, vẫn nằm im như không cất nhắc được chân tay, chỉ mở mắt ra lơ lơ hỏi: "Nhà ngươi có thù gì với ta?".

Thích khách tin là Tư Mã Ý ốm thật, liền quay phắt trở ra, nhảy qua tường, về báo với Tào Tháo. Tư Mã Ý biết rằng nếu cứ bất hợp tác mãi thì Tào Tháo không để yên. Vì vậy, một thời gian sau, cho loan tin là đã khỏi bệnh phong thấp. Tào Tháo lại triệu ra làm quan. Tư Mã Ý liền nhận lời. Lần lượt trong 2 đời Tào Tháo và Tào Phi, Tư Mã Ý đều giữ chức vị cao, có nhiều ý kiến đóng góp được trọng nể. Đến khi Ngụy Minh Đế Tào Duệ lên ngôi, Tư Mã Ý đã là 1 nguyên lão đại thần của nước Ngụy. Do suốt trong thời gian dài, Tư Mã Ý đã đảm việc thống lĩnh quân Ngụy đánh nhau với quân Thục ở Quan Trung, nên phần lớn binh quyền ở nước Ngụy đã nằm trong tay ông. Sau đó, thái thú Liêu Đông là Công Tôn Uyên cầu kết với bọn quý tộc người Tiên Ti nổi dậy chống lại Ngụy. Ngụy Minh đế lại cử Tư Mã Ý đem binh mã đi dẹp loạn.

Dẹp xong Liêu Đông, Tư Mã Ý chuẩn bị dẫn quân về triều thì nhận được chiếu thư khẩn cấp, triệu về Lạc Dương. Về tới Lạc Dương, Ngụy Minh đế đã lâm bệnh nặng. Minh đế gọi Tư Mã Ý và đại thần trong hoàng tộc là Tào Sảng đến bên giường bệnh, dặn dò họ cùng nhau hiệp lực phò tá thái tử Tào Phương. Sau khi Ngụy Minh đế mất, thái tử Tào Phương lên nối ngôi, tức là Ngụy Thiếu Đế. Tào Sảng làm đại tướng quân, Tư Mã Ý làm thái úy. Mỗi người lĩnh 3000 quân thay nhau trực trong hoàng cung. Tào Sảng được nhận trọng trách, chủ yếu là thuộc hoàng tộc, còn về tài năng và tư cách thì kém xa Tư Mã Ý. Khi mới nhận chức, ông ta không thể không tôn trọng Tư Mã Ý, có việc gì đều đến hỏi ý kiến Tư Mã Ý. Sau đó, một số tay chân tâm phúc nhắc nhở Tào Sảng: "Đại tướng quân là người trong hoàng tộc, không nên chia sẻ đại quyền cho người ngoài".

Họ xui Tào Sảng lấy danh nghĩa Thiếu Đế, thăng Tư Mã Ý lên cấp thái phó, thực chất là cướp binh quyền của Tư Mã Ý, vì thái phó tuy có tước vị cao hơn thái úy, nhưng lại thuộc ngạch văn quan, không nắm binh quyền. Sau đó, Tào Sảng lại bố trí cho anh em và tay chân trong họ Tào giữ những chức vụ trọng yếu. Tư Mã Ý thấy rõ ý đồ đó, nhưng cứ giả câm giả điếc, không hề nói 1 lời nào. Tào Sảng nắm được đại quyền, liền bắt đầu

lao vào cuộc sống xa xỉ hoan lạc. Sau, nghe lời bộ hạ, Tào Sảng lại muốn diễu võ giương oai, đem đại quân đi đánh Thục Hán, toan lấy võ công để tăng thêm uy tín. Không ngờ, đại quân Tào Ngụy dưới sự chỉ huy ngu dốt của Tào Sảng, bị quân Thục đánh cho đại bại, suýt nữa thì bị tiêu diệt hết toàn quân. Tư Mã Ý không để lộ thái độ, nhưng đã có dự tính ngầm. Vì tuổi đã cao, ông ta liền dâng sớ nói tuổi già nhiều bệnh, không tham dự triều chính nữa. Tào Sảng thấy Tư Mã Ý sinh bệnh thì rất mừng rỡ, nhưng vẫn chưa thật yên tâm, liền tìm cách thử xem Tư Mã Ý ốm thật hay ốm giả.

Vừa gặp dịp người thân tín của Tào Sảng là Lý Thảng được cử đi làm thứ sử Kinh Châu. Trước lúc lên đường nhậm chức, Sảng sai Lý Thảng mượn cớ đến chào từ biệt Tư Mã Ý để xem hư thực ra sao. Lý Thảng tới tận giường nằm của Tư Mã Ý để thăm hỏi và nói lời cáo biệt. Ông ta thấy Tư Mã Ý nằm trên giường bệnh, có 2 nha hoàn đang hầu hạ bón cháo. Ý không cầm nổi bát cháo, chỉ ngậm miệng vào miệng bát, uống 1 cách khó khăn. Vừa được vài ngụm, nước cháo đã trào ra bên mép, rớt xuống ướt hết cả ngực áo. Lý Thảng đứng bên cạnh, cảm thấy Tư Mã Ý đã thực sự ốm đau tới mức đáng thương hại. Lý Thảng nói: "Kính bẩm thái phó, hạ quan nhờ ân điển của hoàng thượng, được về nhận chức thứ sử ở bản châu (Lý Thảng là người Kinh Châu, vì vậy gọi là bản châu, tức châu của quê nhà) nên xin tới cáo từ thái phó".

Tư Mã Ý vừa ghen vừa nói: "Ôi, thật là tội nghiệp cho ngài, phải đi nhậm chức xa quê, Tịnh Châu ở miền bắc, giáp với người Hồ, ngài cần phòng bị chu đáo. Lão phu bệnh nặng thế này, sợ không còn dịp gặp ngài nữa".

Lý Thảng nói: "Bẩm, thái phó nghe nhầm, hạ quan được về quê Kinh Châu, chứ không phải lên Tịnh Châu".

Tư Mã Ý nghiêng tai nghe, vờ nghe chưa rõ, lại hỏi: "À, thế ra là Thanh Châu à?"

Lý Thảng lại phải nói rành rọt lại 1 lần nữa, Tư Mã Ý mới nghe ra, rồi thở dốc lên nói: "Ta già quá rồi, mắt mờ tai điếc, không nghe rõ lời ngài. Ngài được về Kinh Châu thì tốt quá rồi".

Lý Thảng cáo từ ra về, nói tường tận cho Tào Sảng nghe, rồi nói thêm: "Thái phó chỉ còn chút hơi tàn, đại tướng quân chẳng phải lo gì nữa".

Tào Sảng nghe nói, rất vui mừng và hoàn toàn yên tâm. Năm 249, nhân ngày đầu năm, Ngụy Thiếu Đế Tào Phương dân bá quan ra ngoài thành để tế lễ tại khu lăng mộ các tiên đế. Tào Sảng và toàn bộ tay chân thân tín đều đi theo. Vì cho rằng Tư Mã Ý bệnh nặng, nên không có ai tới mời ông ta đi cùng. Ngờ đâu, khi biết Tào Sảng và thân tín ra hết khỏi hoàng thành. Tư Mã Ý liền hết mọi bệnh tật, mặc khôi giáp, lên ngựa, dẫn 2 con là Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu đem binh mã chiếm cửa thành và kho vũ khí, đồng thời giả truyền chiếu lệnh của Hoàng thái hậu, cách chức đại tướng quân của Tào Sảng. Được tin, Tào Sảng và thân tín cuống cuống rối loạn, không biết đối phó ra sao.

Có người xui ông ta mang Thiếu đế rút về Hứa đô, lệnh cho các nơi đem binh mã về đánh bại Tư Mã Ý. Nếu làm như vậy thì nhất định sẽ đẩy Tư Mã Ý vào thế khó khăn. Nhưng Tào Sảng và đám họ hàng thân tín đều là 1 lũ bất tài chỉ quen ăn chơi hưởng lạc, làm gì có dũng khí để thực hiện kế sách đó. Đúng lúc đó, Tư Mã Ý lại phái người đến khuyên Tào Sảng đầu hàng, nói là chỉ yêu cầu giao lại binh quyền chứ không có ý gì làm hại. Tào Sảng liền ngoan ngoãn xin hàng. Mấy hôm sau, dựa vào 1 lời cáo giác là phe cánh Tào Sảng chuẩn bị làm phản, Tư Mã Ý liền cho bắt toàn bộ và đem xử tử.

Sau sự việc đó, chính quyền trong nước Ngụy trên danh nghĩa vẫn là của họ Tào, nhưng trên thực tế đã hoàn toàn chuyển sang tay họ Tư Mã.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

105-106

DÃ TÂM CỦA TƯ MÃ CHIÊU

Sau khi giết Tào Sảng được 2 năm, Tư Mã Ý cũng chết. Người thay thế chức vị của Tư Mã Ý là Tư Mã Sư, con cả ông. Đại quyền trong nước Ngụy rơi vào tay 2 anh em Ta Mã Sư và Tư Mã Chiêu. Trong số đại thần, ai dám có ý kiến chống lại, đều bị Tư Mã Sư giết. Ngụy Thiệu đế Tào Phương rất căm tức Tư Mã Sư. Có người khuyên Tào Phương nên tước bỏ binh quyền của 2 anh em họ Tư Mã, nhưng Tào Phương chưa kịp thực hiện ý định, đã bị Tư Mã Sư ra tay trước, bằng cách buộc thái hậu ra chiếu lệnh phế Tào Phương và lập Tào Mao, 1 cháu nội của Tào Phi lên kế vị. Một số tướng lĩnh Ngụy cai trị ở địa phương vốn không phục sự chuyên quyền của họ Tư Mã, nên sau khi Tào Phương bị phế, thứ sử Dương Châu là Văn Khâm và Trấn Đông tướng quân là Quán Khâu Kiệm liền đem quân chống lại Tư Mã Sư. Tư Mã Sư thân đem quân đi đánh, dẹp được 2 đạo quân trên, nhưng trên đường dẫn quân về Hứa đô, Tư Mã Sư bị bệnh mất.

Tư Mã Chiêu liền thay anh làm đại tướng quân. Ba cha con, anh họ Tư Mã, người sau càng ghê gớm hơn người trước, càng ngang ngược chuyên quyền hơn người trước. Ngụy đế Tào Mao không sao chịu nổi. Một hôm, ông ta cho gọi bọn thượng thư là Vương Kinh và 2 đại thần khác vào cung, thổ lộ lòng căm giận nói: "Dã tâm của Tư Mã Chiêu khắp mọi người đều biết. Trẫm không thể ngồi chờ tới lúc hãn giết mình. Hôm nay trẫm muốn cùng chư khanh đi trừ khử hãn".

Các đại thần đều thấy nếu đối đầu với Tư Mã Chiêu, không khác gì lấy trứng chọi đá, đều khuyên hoàng đế nên nín nhịn, kéo chuốc lấy tai họa. Nhưng Tào Mao đã rút từ trong tay áo ra 1 đạo chiếu thư đã viết sẵn, quăng xuống đất nói: "Trẫm đã quyết tâm, dù có chết cũng không sợ, mà cũng không hăn là có thể thất bại mà chết. Các khanh nếu còn lòng trung thành với cơ nghiệp do Võ đế xây dựng, thì hãy một lòng vì trẫm". Nói xong đi thẳng vào nội cung để bâm với thái hậu. Nào ngờ, trong số 3 vị đại thần trên, đã có 2 vị vội lên ra ngoài, báo ngay cho Tư Mã Chiêu biết. Vị hoàng đế mới 20 tuổi là Tào Mao, mang lòng phần uất của tuổi trẻ, nhưng không biết chống lại Tư Mã Chiêu bằng cách nào. Ông ta tập hợp số quân cấm vệ ít ỏi trong nội cung, cùng với các thái giám hầu hạ quanh mình, rầm rộ kéo từ trong cung ra toan giết Tư Mã Chiêu. Bản thân Tào Mao rút bảo kiếm, đứng trên xe chỉ huy chiến đấu.

Tướng tâm phúc của Tư Mã Chiêu là Giả Sung dẫn 1 đội quân tới, chặn đứng quân cấm vệ lại. Hai bên xô xát. Tào Mao tiến lên, vung kiếm xông vào đánh. Thủ hạ của Giả Sung thấy hoàng đế tự ra tay, cũng có chút hoảng sợ, có kẻ đã toan tháo chạy. Thủ hạ có kẻ tên là Thành Tế, hỏi Giả Sung: "Tướng quân, chẳng lẽ chúng ta đánh nhau với hoàng thượng sao?".

Giả Sung lớn tiếng quát: "Tư Mã Công bình thường nuôi các người làm gì, mà còn phải hỏi!".

Nghe Giả Sung quát như vậy, Thành Tế liền hăng tiết vung trường mâu tới đâm thẳng vào Tào Mao. Tào Mao không kịp đỡ, bị Thành Tế đâm xuyên qua ngực, gục xuống xe chết ngay. Tư Mã Chiêu nghe tin quân mình đã giết mất hoàng đế, cũng có phần lo ngại, vội đến triều đình, họp các đại thần lại bàn. Trước các triều thần, Tư Mã Chiêu giả bộ bất ngờ, thương khóc thảm thiết, rồi hỏi lão thần Trần Thái: "Lão quan, bây giờ ta nên giải quyết thế nào?".

Trần Thái nói: "Sự việc đã đến nước này, chỉ có chém đầu Giả Sung thì mới tạ tội được với thiên hạ"

Tư Mã Chiêu thấy khó liền nói: "Lão quan xem, còn có thể có biện pháp nào khác nữa không?".

Trần Thái nói: "Theo lão phu, chỉ có thể xử nặng hơn nữa, chứ không thể có biện pháp nào nhẹ hơn được". (ý của Trần Thái là cần phải truy cứu lên tới cấp trên của Giả Sung nữa). Tư Mã Chiêu chột dạ, lặng im không nói gì. Sau đó, Tư Mã Chiêu dùng danh nghĩa thái hậu, ban 1 đạo chiếu thư, chụp cho Tào Mao rất nhiều tội trạng, phế làm bình dân và cố tình chìm vụ án giết vua này đi.

Nhưng mọi người vẫn xôn xao bàn luận, chê trách Tư Mã Chiêu bao che cho hung thủ. Tư Mã Chiêu bất đắc dĩ, liền dồn toàn bộ tội trạng cho 1 mình Thành Tế, qui vào tội đại nghịch vô đạo, đem chém cả nhà. Giết Tào Mao xong, Tư Mã Chiêu chọn trong hoàng tộc họ Tào 1 người ít tuổi là Tào Hoán lên nối ngôi hoàng đế. Đó là Ngụy Nguyên Đế, hoàng đế cuối cùng của Tào Ngụy.

ĐẶNG NGÁI NGÂM VƯỢT KIỂM CÁC

Tư Mã Chiêu đã trừ được Tào Mao, cho rằng nội bộ đã ổn định, liền quyết tâm cử đại quân đi đánh Thục Hán. Lúc đó, những người thay thế Gia Cát Lượng làm thừa tướng là Tưởng Uyển, Phí Vi đều đã mất. Người làm đại tướng quân của Thục Hán là Khương Duy. Khương Duy nuôi hoài bão kế thừa sự nghiệp bắc phạt của Gia Cát Lượng nên hầu như năm nào cũng ra quân đánh Ngụy. Nhưng lực lượng Thục Hán mỗi ngày một yếu, Khương Duy không thể giành được thắng lợi, mà còn bị hao mòn nhiều binh lực. Năm 263, Tư Mã Chiêu phái Đặng Ngái và Gia Cát Tự, mỗi người đem 3 vạn quân. Chung Hội mang mười mấy vạn quân, chia đường tiến đánh Thục Hán. Khương Duy thấy thế quân Ngụy quá mạnh, khó có thể chống chọi lại, liền tập trung quân Thục giữ chặt nơi hiểm yếu là Kiểm Các (nay là huyện Kiểm Các, Tứ Xuyên), không ra giao chiến. Chung Hội dẫn đại quân tới, không đánh vào được.

Đặng Ngải thấy chủ lực quân Thục tập trung cả ở Kiếm Các, liền dẫn tinh binh ngầm đi vòng theo triền núi rậm rạp phía tây Kiếm Các rồi tiến xuống phía nam. Đó là vùng rừng núi xưa nay không có dấu chân người. Đội tinh binh của Đặng Ngải vừa mở lối, bắc cầu. Đi suốt 700 dặm mà vẫn không bị quân Thục phát hiện. Cuối cùng, đội quân Đặng Ngải tới 1 đỉnh núi dựng đứng, dưới là thung lũng sâu, không thể đi tiếp được. Lương khô mang theo đã gần cạn, không thể vòng tìm lối khác, tướng sĩ đều hoang mang lo lắng. Đặng Ngải quyết đoán, dùng chần quấn chặt thân mình, lăn từ vách đá cao xuống. Quân sĩ thấy chủ tướng dũng cảm, cũng làm theo, từng người một xuống tới thung lũng. Đặng Ngải cho điểm lại quân số, chỉnh đốn đội ngũ, tiến nhanh tới Giang Du (nay là huyện Giang Du, Tứ Xuyên). Quân Thục ở Giang Du không ngờ quân Ngụy xuất hiện từ phía sau lưng, ồ ạt bất ngờ đánh vào tòa thành nhỏ, không được bố phòng vững chắc, không kịp chống trả, phải nhanh chóng đầu hàng.

Đặng Ngải tiếp tục tiến đánh Miên Trúc (nay là tây nam Miên Dương, Tứ Xuyên). Tướng giữ Miên Trúc là Gia Cát Chiêm, con của Gia Cát Lượng. Đặng Ngải đưa thư dụ hàng, nói nếu đầu hàng, sẽ phong làm Lang Nha vương. Gia Cát Chiêm uất giận trước lời lẽ ngạo mạn trong thư, liền sai chém luôn sứ giả, rồi bày trận quyết một phen sống chết. Nhưng quân Thục dưới sự chỉ huy của Gia Cát Chiêm không thể địch nổi đội tinh binh của Đặng Ngải. Gia Cát Chiêm và con là Gia Cát Thượng đều chết trận. Hạ xong Miên Trúc, không còn chướng ngại nào nữa, quân Đặng Ngải xông thẳng tới kinh thành Thục là Thành Đô. Dân chúng Thành Đô không thể nào ngờ quân Ngụy bỗng nhiên đã xuất hiện dưới thành, tất cả nháo nhác sợ hãi, tan tác chạy vào rừng rậm núi cao để lẩn tránh. Triều đình Thục Hán lại càng rối loạn. Hậu chủ cuống quýt triệu tập đại thần tới bàn. Các vị mũ cao áo dài quen sống sung sướng tại kinh thành nằm sâu trong hậu phương, trước tình hình quân địch như trên trời rơi xuống như vậy, cũng cuống quýt không kém. Người thì nêu ý kiến nên mở cửa nam thành chạy trốn, người nêu ý kiến nên chạy sang với Đông Ngô, kẻ khác lại thấy đại quân Ngụy quá hùng dũng, chỉ có đầu hàng là hơn.

Hậu chủ là kẻ nhất gan, lại không bao giờ ý có kiến độc lập, không dám nghĩ tới việc chống lại. Mặt khác, vì toàn bộ quân chủ lực đều tập trung ở Kiếm Các, kinh thành hầu như trống rỗng. Cuối cùng, Hậu chủ chỉ còn cách tự trói mình, dẫn bá quan văn võ mở cửa thành đầu hàng Đặng Ngải. Đặng Ngải vào được Thành Đô, thấy mình lập được công to nhất, lên mặt coi thường Chung Hội là kẻ mang số quân đông hơn nhưng vẫn bị chặn lại trước Kiếm Các. Ngải sai người dâng thư lên Tư Mã Chiêu, xin nhân đà thắng lợi, kéo quân sang diệt luôn Đông Ngô. Không ngờ Tư Mã Chiêu lập tức trả lời: "Không cho phép tự tiện hành động".

Tướng Thục Khương Duy đang cầm cự với Chung Hội ở Kiếm Các, được tin Đặng Ngải tập kích Thành Đô, vừa định mang quân về cứu thì nhận được lệnh của Hậu chủ, yêu cầu phải đầu hàng ngay quân Ngụy. Nhận được lệnh, tướng sĩ Thục vẫn phần uất, đau đớn, nhiều người tức giận rút đao kiếm chém bừa vào đá núi. Trước tình hình đó, Khương Duy trầm tĩnh tính toán. Ông bàn mật kế với các tướng thân cận, rồi quyết định đầu hàng Chung Hội. Chung Hội xưa nay vẫn kính trọng tài năng và phẩm cách của Khương Duy nên không coi Khương Duy như 1 hàng tướng bình thường, mà đối đãi trân trọng. Chung Hội cùng Khương Duy khi ra vào đều ngồi chung xe, mời Khương Duy tham gia bàn bạc mọi việc, coi như bạn bè thân thiết. Biết giữa Chung Hội và Đặng Ngải có mối bất hòa, Khương Duy khuyên Chung Hội bí mật viết thư cáo giác với Tư Mã Chiêu là Đặng Ngải mưu phản. Tư Mã Chiêu xưa nay vốn có tính đa nghi, nhận được báo cáo của Chung Hội, liền dùng danh nghĩa của Ngụy Nguyên đế Tào Hoán, cử người tới Thành Đô bắt Đặng Ngải, nhốt vào xe tù chở về Lạc Dương. Sở Đặng Ngải chống lại, Tư Mã Chiêu lại hạ lệnh cho Chung Hội mang đại quân tới gấp Thành Đô.

Chung Hội tới Thành Đô, đọc chiếu lệnh bắt Đặng Ngải nhốt vào xe tù giải đi rồi sai người giết chết giữa đường. Trừ được Đặng Ngải, toàn bộ binh quyền Ngụy ở Thục đều rơi vào tay Chung Hội. Thấy đất Thục rộng rãi, hiểm yếu, Chung Hội liền nảy ra ý mưu phản, muốn lập một giang sơn

riêng. Chung Hội đem ý đó ra bàn với Khương Duy, được Khương Duy nhiệt liệt tán đồng. Bản thân Khương Duy vốn có ý định lợi dụng Chung Hội để giết các tướng lĩnh Ngụy rồi cuối cùng giết luôn Chung Hội, khôi phục lại Thục Hán. Vì vậy, Khương Duy cử người mang mật thư cho Lưu Thiên: "Xin bệ hạ nhẫn nhịn mấy ngày nữa, thần nhất định sẽ có cách khôi phục lại quốc gia".

Chung Hội vẫn tưởng rằng Khương Duy thực lòng hợp tác với mình để chống lại Tư Mã Chiêu, liền giả truyền mệnh lệnh của thái hậu sai mình đem quân thảo phạt Tư Mã Chiêu. Sợ các tướng Ngụy không phục, Chung Hội liền giam lỏng họ trong cung điện Thục. Các tướng sĩ Ngụy đem lòng nghi ngờ Chung Hội, sau có người phao tin là Chung Hội và Khương Duy sẽ giết hết hết các tướng Ngụy. Họ nhao nhao tìm cách chống lại, có người phóng hỏa đốt cung điện. Tình hình hỗn loạn, Chung Hội và Khương Duy không khống chế nổi, đều bị loạn binh giết chết.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

107-108

ADẤU ĐÓN HÈN

Sau khi Đặng Ngải diệt Thục, Hậu chủ Lưu Thiện còn lưu lại Thành Đô. Tới khi Chung Hội và Khương Duy làm binh biến thất bại, Tư Mã Chiêu thấy để Hậu chủ ở Thành Đô sẽ dễ sinh nhiều bất trắc, liền phái Giả Sung vào Thành Đô dẫn Lưu Thiện về Lạc Dương. Lưu Thiện vốn là kẻ u mê bất tài. Khi Gia Cát Lượng còn sống, mọi công việc quốc gia đại sự đều giao cho Gia Cát Lượng giải quyết, Lưu Thiện không bao giờ đưa ra được chủ trương gì. Sau khi Gia Cát Lượng mất, tuy vẫn có các đại thần như Tưởng Uyển, Phi Vi, Khương Duy phò tá nhưng Lưu Thiện không còn kính trọng họ như đối với Gia Cát Lượng nữa. Sau khi Tưởng Uyển, Phí Vi mất, hoạn quan Hoàng Hạo đắc thế lộng hành, triều chính Thục Hán càng ngày càng thối nát. Tới khi Thục Hán diệt vong, Khương Duy bị giết, các đại thần người thì chết, người thì bỏ đi. Đi theo Hậu chủ về Lạc Dương chỉ có 2 viên quan cấp thấp là Khích Chính là Lưu Thông. Lưu Thiện hết sức ngốc nghếch, mỗi khi tiếp xúc, xưng hô đều phải nhờ Khích Chính chỉ dẫn. Lúc thường, Lưu Thiện không coi Khích Chính ra gì, đến nay mới thấy Khích Chính là người tận tụy trung thành.

Lưu Thiện đến Lạc Dương, Tư Mã Chiêu lấy danh nghĩa Ngụy Nguyên Đế, phong Lưu Thiện làm An Lạc công. Ngoài ra, còn phong con cháu Lưu Thiện và những đại thần cũ của Thục Hán, tất cả gồm hơn 50 người làm tước hầu, Làm như vậy, Tư Mã Chiêu chỉ nhằm lung lạc nhân tâm, để ổn định tình hình trong vùng đất mới chiếm được. Nhưng Lưu

Thiên lại coi đó là ân huệ to lớn. Một hôm, Tư Mã Chiêu mở tiệc lớn, mời Lưu Thiên và các đại thần của Thục Hán cũ tham dự. Trong yến tiệc, Tư Mã Chiêu cố ý cho đoàn ca nữ biểu diễn các điệu ca múa của Thục. Các đại thần ngồi xem, nghĩ tới nhục mất nước, ai cũng xúc động rơi nước mắt. Chỉ có Lưu Thiên là há miệng nghe chăm chú say sưa như khi còn ngồi trong cung điện cũ của mình vậy. Tư Mã Chiêu quan sát thái độ của Lưu Thiên, sau bữa tiệc liền nói với Giả Sung: "Lưu Thiên hèn đốn tới mức này, thì dù Gia Cát Lượng còn sống, e cũng không thể giữ nổi Thục Hán, nói gì đến Khương Duy".

Mấy ngày sau, Tư Mã Chiêu lại gặp Lưu Thuyền hỏi: "An Lạc công có nhớ mong đất Thục không?".

Lưu Thiên hồn nhiên trả lời: "Ở đây rất vui. Thiên này chẳng nhớ gì đất Thục cả".

Khích Chính đứng bên, nghe Lưu Thiên nói năng không ra sao, khi về chúa phủ liền nói: "Chúa công không nên trả lời Tấn vương (tức Tư Mã Chiêu) như thế".

Lưu Thiên ngây ngô hỏi: "Thế theo ý người thì phải trả lời thế nào?".

Khích Chính nói: "Lần sau, nếu Tấn vương có hỏi như thế nữa, chúa công cần phải sụt sùi rơi lệ mà nói: phần mộ tổ tiên của Thiên này đều ở đất Thục, trong lòng luôn luôn tưởng nhớ khôn nguôi. Nói như vậy, may ra Tấn vương có thể tha chúng ta về đất Thục".

Lưu Thiên gật đầu nói: "Người nói rất đúng. Ta sẽ ghi nhớ để lần sau nói như vậy".

Lần sau, quả nhiên Tư Mã Chiêu lại hỏi: "Triều đình đối đãi tốt như thế, ông còn nhớ đất Thục không?".

Lưu Thiên nhớ tới lời Khích Chính dạy, liền cố gắng đáp lại đúng từng câu từng chữ, 1 mặt cố làm ra dáng bi thương, nhưng không sao rặn ra được nước mắt, đành nhắm tịt mắt lại. Tư Mã Chiêu thấy bộ dạng đó, đã đoán biết được, liền cười lớn hỏi: "Câu nói này sao có vẻ giống lời lẽ Khích Chính thế?".

Lưu Thiên giật mình mở mắt, ngậy người nhìn Tư Mã Chiêu: "Đạ đúng! Đúng là Khích Chính dạy Thiên này nói như thế".

Tư Mã Chiêu cười vang, tùy tòng tả hữu cũng không ai nhịn được cười. Từ đó, Tư Mã Chiêu thấy rõ Lưu Thiên là kẻ đốn hèn vô dụng, chẳng có thể làm hại gì mình được, liền bỏ qua, không giết. Sự đốn hèn, ngu ngốc của Lưu Thiên trở thành nổi tiếng trong lịch sử. Cho tới ngày nay, người ta vẫn dùng câu "đốn hèn như A Đẩu" để nói về những kẻ ngu ngốc, vô dụng.

VƯƠNG TUẤN DÙNG LÂU THUYỀN ĐÁNH NGÔ

Sau khi diệt được Thục Hán, Tư Mã Chiêu chưa kịp đánh Đông Ngô thì đã bị bệnh mất. Con Tư Mã Chiêu là Tư Mã Viêm phế luôn hoàng đế bù nhìn là Ngụy Nguyên đế Tào Hoán, tự mình lên làm hoàng đế, lập ra triều Tấn. Đó là Tấn Vũ Đế. Từ năm 265 đến năm 316, triều Tấn đóng đô ở Lạc Dương, lịch sử gọi triều đại đó là Tây Tấn. Khi triều Tây Tấn được kiến lập, thì Đông Ngô, nước duy nhất còn lại của thời Tam quốc đã rất suy yếu. Tôn Hạo, hoàng đế cuối cùng của Đông Ngô là 1 bạo quân nổi tiếng, ngoài việc xây dựng cung thất, hưởng lạc xa xỉ, ông ta còn dùng những hình phạt tàn khốc vô nhân đạo như lột da móc mắt để trấn áp nhân dân, nên trên từ quan lại, dưới tới dân đen đều căm ghét.

Năm 279, một số đại thần triều Tấn cho rằng thời cơ đã chín muồi, đều khuyên Tấn Vũ Đế diệt Đông Ngô. Tấn Vũ Đế liền huy động hơn 20 vạn quân, chia làm mấy đường tiến công Kiến Nghiệp (nay là thành phố Nam Kinh, tỉnh Giang Tô). Trấn Nam đại tướng quân Đỗ Dự chỉ huy cánh quân đi giữa, tiến xuống Giang Lăng; An Đông tướng quân Vương Hồn chỉ

huy cánh quân phía đông, tiến xuống Hoàng Giang (nay thuộc tỉnh An Huy); ngoài ra còn có 1 cánh thủy quân do thứ sử Ích Châu là Vương Tuấn, theo Trường Giang từ phía tây tiến xuống.

Vương Tuấn là 1 viên tướng có tài, ông đã sớm chuẩn bị việc đánh Ngô, cho chế tạo nhiều chiến thuyền ở Ích Châu. Loại chiến thuyền này rất lớn, có thể chở được 2000 người, trên có lầu cao, từ đó có thể quan sát được khá xa. Vì vậy ông gọi đó là lầu thuyền. Việc chế tạo lầu thuyền được tiến hành bí mật. Nhưng trong khi đóng thuyền, có 1 số mảnh gỗ vương vãi rơi xuống nước, thuận dòng trôi nổi tới tận Đông Ngô. Ngô Ngạn là 1 thái thú của Đông Ngô phát hiện thấy hiện tượng đó liền tâu lên hoàng đế Tôn Hạo: "Thần thấy những mảnh gỗ đó nhất định là do quân Tấn đang đóng thuyền để vương vãi xuống. Quân Tấn đóng thuyền, rõ ràng là nhằm tiến công Đông Ngô ta. Hạ thần khẩn thiết xin bệ hạ sớm cho phòng bị".

Nhưng Tôn Hạo thản nhiên trả lời: "Sợ cái gì! Ta không đánh chúng thì thôi, chúng làm sao dám xâm phạm đến ta".

Ngô Ngạn vẫn không yên tâm, liền cho đóng nhiều cọc gỗ xuống lòng sông ở những nơi hiểm yếu, dùng xích sắt chằng ngang sông; lại cho đóng những cọc sắt dài hơn 1 trượng chìm dưới mặt nước như đá ngầm để cản thủy quân Tấn. Qua 1 năm, cánh trung quân của Đỗ Dự và cánh phía đông của Vương Hồn liên tiếp thắng trận, chỉ có thủy quân của Vương Tuấn bị xích sắt và cọc sắt ngăn lại ở Ti Qui, không tiến lên được. Vương Tuấn liền nghĩ ra biện pháp đối phó: ông cho quân Tấn đóng nhiều bè gỗ lớn, trên có dựng bù nhìn mặc áo giáp, đội mũ, mang binh khí; cho 1 số thủy binh linh lợi điều khiển bè xuôi dòng. Những cọc sắt chôn ngầm bị vướng vào đáy bè gỗ, đều bị cuốn đổ. Để đối phó với xích sắt, Vương Tuấn cho đặt nhiều bể lò rèn lớn trên bè, nung đỏ và chặt đứt hết xích ngang sông. Sau khi khắc phục được hết cọc sắt và xích sắt, thủy quân của Vương Tuấn xuôi dòng thuận lợi và nhanh chóng hội hợp được với cánh trung quân của Đỗ Dự.

Đại quân Đỗ Dự đi theo đường bộ hạ được Giang Lăng, giành thắng lợi lớn. Có người đề nghị hãy tạm dừng lại nghỉ để chỉnh đốn quân đội rồi sẽ tiếp tục đánh. Nhưng Đỗ Dự nói: "Hiện nay, quân uy của ta đang vang dội, thế như chẻ tre, cần phát huy thanh thế tiến đánh đến cùng. Bây giờ không phải là lúc nghỉ ngơi". Ông hết sức cổ vũ Vương Tuấn dẫn thủy quân đánh thẳng tới Kiến Nghiệp.

Lúc đó, cánh quân phía đông của Vương Hồn cũng đã gần tới Kiến Nghiệp. Tôn Hạo phái thừa tướng Trương Để dẫn 3 vạn quân Ngô vượt sông nghênh chiến, bị quân Tấn tiêu diệt toàn bộ. Vừa lúc, đoàn thủy quân hùng mạnh của Vương Tuấn đã tiến gần, Tôn Hạo hoảng hốt cử Trương Tượng đem 1 vạn thủy quân chống lại. Quân của Trương Tượng vừa kéo ra, đã thấy thuyền đội của Vương Tuấn đứng kín mặt sông, những lá cờ phấp phới bay rợp trời. Thủy quân Đông Ngô từ lâu đã không tập luyện, thấy thanh thế quân Tấn như thế thì sợ mất vía, chưa giao chiến đã vội đầu hàng. Một tướng Đông Ngô là Đào Tuấn đến tìm Tôn Hạo. Tuấn là kẻ hồ đồ nhưng lại muốn lập công, liền tâu với Tôn Hạo: "Hạ thần thấy thủy quân Ích Châu đều là thuyền nhỏ, xin bệ hạ cấp cho thần 2 vạn thủy binh, dùng chiến thuyền lớn, thần nhất định sẽ đánh bại quân Tấn".

Tôn Hạo lập tức phong Tuấn làm đại tướng, trao cho cờ tiết để chỉ huy toàn bộ thủy quân chống Tấn. Đào Tuấn liền hạ lệnh cho tướng sĩ: hôm sau sẽ ra quân đánh Tấn. Nhưng tướng sĩ dưới quyền thấy rõ tình thế, không muốn theo Tuấn vào chỗ chết, nên ngay đêm đó đã bỏ trốn sạch. Thủy quân của Vương Tuấn hầu như không gặp sự kháng cự nào, xuôi dòng tới thẳng Kiến Nghiệp. Suốt gần 100 dặm trên mặt sông, dày đặc chiến thuyền của Tấn. Vương Tuấn dẫn 8 vạn quân đổ bộ, tiến vào thành Kiến Nghiệp trong tiếng hò reo như sấm dậy. Tôn Hạo đã đến bước sơn cùng thủy tận, đành cởi áo, gọi người trói quặt tay lại, dẫn các đại thần Đông Ngô đến quân doanh của Vương Tuấn xin hàng.

Như vậy thời kì 3 nước phân lập tính từ khi Tào Phi xưng đế (năm 220) cho tới lúc đó là kết thúc. Triều Tấn đã thống nhất toàn Trung Quốc. Thời kì Tam quốc có rất nhiều chuyện sinh động, trong dân gian cũng lưu truyền không ít truyền thuyết. Đến đầu triều Minh, nhà văn La Quán Trung đã căn cứ vào những tư liệu lịch sử và các thoại bản dân gian, viết thành bộ tiểu thuyết lịch sử trường thiên "Tam quốc diễn nghĩa", đã dùng hình tượng nghệ thuật tái hiện các nhân vật lịch sử như Tào Tháo, Gia Cát Lượng, Quan Vũ...Đó là 1 tác phẩm văn học lớn mang tính sử thi hùng tráng trong văn học Trung Quốc.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

109-110

THẠCH SÙNG, VƯƠNG KHẢI THI GIÀU CÓ

Sau khi Tấn Vũ Đế thống nhất toàn quốc, cảm thấy thỏa mãn ý nguyện, liền chìm đắm trong cuộc sống xa hoa dâm dật. Chưa bằng lòng với số cung nữ đông đảo vốn có, ông ta cho thu nạp số cung nữ của Thục Hậu chủ Lưu Thiện và của Đông Ngô Qui Mệnh Hầu Tôn Hạo (riêng số cung nữ của Tôn Hạo đã là gần 5000), đưa tổng số cung nữ lên gần 1 vạn người. Theo gương ông ta, các đại thần trong triều đều coi việc khoa trương sự giàu có và thói ăn chơi làm phong thái thời thượng. Tại kinh đô Lạc Dương lúc đó có 3 đại phú hào nổi tiếng. Một là Trung bộ quân Dương Tú, giữ chức chưởng quân cấm vệ; người thứ 2 là Hậu tướng quân Vương Khải, cậu của Tấn Vũ Đế; người thứ 3 là Tán kỵ thường thị Thạch Sùng. Dương Tú và Vương Khải đều là ngoại thích nên có quyền thế hơn Thạch Sùng, nhưng Thạch Sùng lại đứng đầu về sự giàu có. Không ai biết rõ Thạch Sùng có bao nhiêu tiền, chỉ biết rằng rất nhiều. Nguồn tiền bạc ấy do đâu mà có? Nguyên là Thạch Sùng từng làm thứ sử Kinh Châu trong mấy năm. Trong thời gian đó, ngoài việc bóc lột, hút máu mủ nhân dân, hẳn còn nhúng tay vào các hành động cướp bóc bắn thiu, phi pháp. Các sứ thần và thương nhân ngoại quốc đi qua Kinh Châu đều bị bộ hạ của Thạch Sùng vùi vĩnh tiền đút lót và nhiều khi còn đóng vai giặc cướp, giết người, chiếm đoạt hết hàng hóa. Vì vậy, hẳn tích lũy được rất nhiều tiền bạc và đồ châu ngọc quý giá, trở thành người giàu có nhất nước lúc bấy giờ.

Thạch Sùng về Lạc Dương, nghe nói Vương Khải giàu có nổi tiếng nên có ý so đo hơn thua. Nghe nói nhà Vương Khải thường cọ nội bằng đường mạch nha, Thạch Sùng liền hạ lệnh cho gia nhân dùng nến để đun nấu thay củi. Chuyện đó được lan truyền, nhiều người cho rằng như vậy là Thạch Sùng xài sang hơn Vương Khải. Vương Khải liền cho dựng bình phong bằng lụa tía suốt 2 bên đường trước nhà mình, dài tới 40 dặm. Ai muốn tới nhà Vương Khải, đều phải đi giữa 2 hàng bình phong lụa tía dài dằng dặc ấy. Kiểu trang trí xa xỉ ấy làm rung động toàn kinh thành Lạc Dương. Thạch Sùng chơi trội hơn, cho dùng đoạn màu, là thứ đắt tiền hơn lụa tía nhiều lần, cũng làm 2 dãy bình phong dài dài suốt 50 dặm, hơn hẳn Vương Khải cả về chiều dài và sự lộng lẫy. Vương Khải bị thua lần thứ 2, rất cay cú nhưng chưa cam chịu. Khải liền nhờ Tấn Vũ Đế - là cháu gọi bằng cậu giúp đỡ 1 tay. Tấn Vũ Đế cho là cuộc thi đó rất thú vị, liền tặng cho Vương Khải 1 cây san hô cao hơn 2 thước vẫn được bày trong hoàng cung để ông cậu có thể gỡ thế diện trước mọi người.

Được hoàng đế giúp đỡ, Vương Khải tin chắc lần này mình sẽ thắng, liền mở tiệc, mời Thạch Sùng và nhiều quan chức tới dự. Trong bữa tiệc, Vương Khải đặc ý tuyên bố: "Nhà tôi có một cây san hô hiếm có. Chư vị có vui lòng thưởng ngoạn không?".

Tất nhiên mọi người đều muốn xem. Vương Khải liền sai một số thị nữ khiêng cây san hô ra. Đó là 1 cây san hô cao hơn 2 thước, hình dáng đầy đặn, cân xứng; có màu phấn hồng rất tươi đẹp. Mọi người khen nức nở, đều cho đó là một bảo vật hiếm có trên đời. Chỉ có Thạch Sùng là đứng bên cạnh cười nhạt. Hắn nhìn thấy trên bàn có 1 chiếc gậy như ý (1 đồ trang trí thời xưa) bằng sắt, liền thuận tay cầm lấy, không nói năng gì, đập thẳng vào cây san hô. Một tiếng "choang" khô đục, cây san hô gãy vụn, rơi lả tả. Mọi người kinh hoàng thất sắc. Chủ nhân Vương Khải giật run người, tím mặt, nói không thành tiếng: "Sao...sao...ngươi dám làm thế?".

Thạch Sùng vẫn ung dung tươi tỉnh: "Tướng quân khoan nổi giận, Thạch Sùng này không để tướng quân chịu thiệt, sẽ xin đền ngài 1 cây san hô khác".

Vương Khải vừa xót của, vừa uất giận, nói lấp bắp: "Được, được, người đền ngay cho ta"

Thạch Sùng lập tức cho gia nhân về nhà khuân toàn bộ san hô trong nhà tới để Vương Khải chọn. lát sau, lũ gia nhân đông đảo mang tới mấy chục cây san hô, trong số đó có 6, 7 cây cao ba bốn thước, có cây cao vừa gấp đôi cây của Vương Khải, cây nào cũng có hình dáng, màu sắc đẹp đẽ. Còn số cây giống như cây san hô của Vương Khải, thì càng nhiều hơn. Các quan khách đứng ngây người. Vương Khải lúc đó mới biết Thạch Sùng giàu có hơn mình nhiều lần, đành chịu thua, không còn gì để đua tranh nữa. Cuộc thi giàu kết thúc. Sự hào phú của Thạch Sùng lừng danh khắp Lạc Dương và truyền lan ra khắp nước. Lúc đó, một đại thần là Phó Hàm liền dâng sớ tấu lên Tấn Vũ Đế, nói tình hình xa xỉ, lãng phí nghiêm trọng đó còn tai hại hơn cả thiên tai. Việc thi sang trọng, thi xa xỉ đó không những không bị trách phạt, mà còn được coi là vẻ vang hơn người. Nếu cứ tiếp tục như vậy thì sẽ dẫn tới hậu quả khôn lường.

Tấn Vũ Đế xem sớ tấu, bỏ qua luôn. Bản thân ông cũng giống như Thạch Sùng, Vương Khải, đều ra sức vơ vét bóc lột, sống cuộc đời xa hoa cùng cực. Triều Tây Tấn vừa bắt đầu mà đã thối nát như vậy, tất nhiên không tránh khỏi phát sinh đại loạn.

CHU XỨ TRỪ "TAM HẠI"

Thời Tây Tấn, ngoài những kẻ có quyền thế và sự giàu có, xa xỉ cùng cực như Vương Khải, Thạch Sùng ra, còn có rất nhiều kẻ trong giới quan liêu sĩ tộc no cơm ấm áo, chẳng làm việc gì có ích, chỉ tùm năm tùm ba, đàn đúm nói chuyện bậy bạ nông cuồng, bịa đặt ra nhiều chuyện hoang đường quái đản. Họ gọi loại hoạt động đó là "thanh đàm". Nhưng những

người đó lại có tiếng tăm lớn, địa vị cao trong giới thượng lưu. Điều đó chứng tỏ phong khí không lành mạnh của xã hội thời đó. Tuy nhiên, trong số quan chức vẫn có những người tương đối chính trực có những việc làm đáng khen, Chu Xứ đầu thời Tây Tấn là 1 trong số đó. Khi ông làm thái thú Quảng Hán (nay là ở bắc Quảng Hán, Tứ Xuyên), vì quan lại địa phương trước đó rất thối nát, các đơn từ kiện cáo để dồn đống suốt 30 năm không hề xét xử. Chu Xứ vừa đến nhận chức, liền bắt tay vào xét xử hết những vụ án tồn đọng đó. Sau, ông được điều về triều làm Ngự sử trung thừa, không kể là hoàng thân quốc thích, hễ phạm pháp, ông đều thẳng thắn yêu cầu trừng phạt. Chu Xứ vốn là người ở Nghĩa Hưng (nay là huyện Nghi Hưng, Giang Tô) thuộc Đông Ngô cũ. Khi còn trẻ, ông có vóc dáng cao lớn và sức khỏe hơn người. Cha mất sớm từ nhỏ, ông suốt ngày chơi bời lêu lổng, không chịu học hành, tính nết lại hung hãn, hơi có chuyện gì là vung nắm đấm đánh người, thậm chí là dùng tới cả đao kiếm. Dân chúng ở vùng Nghĩa Hưng đều sợ ông.

Trên Nam Sơn gần Nghĩa Hưng có 1 con mãnh hổ trán trắng, thường làm hại người và gia súc mà phường săn địa phương chưa làm gì được. Trong dòng sông, bên dưới Trường Kiều có 1 con cá sấu, hay bất ngờ xuất hiện, khiến không ai dám bơi lại gần. Dân chúng vùng Nghĩa Hưng gọi gộp cả Chu Xứ, con hổ trán trắng trên Nam Sơn và con cá sấu dưới Trường Kiều là "Nghĩa Hưng tam hại". Trong số "tam hại" này, Chu Xứ lại là cái "hại" làm dân chúng địa phương đau đầu nhất. Có lần, Chu Xứ đang đi đường, thấy mọi người đều có vẻ buồn bã, liền hỏi 1 ông già: "Cụ ơi, năm nay mùa màng thu hoạch khá, tại sao ai cũng buồn bã, ủ ê như vậy?".

Cụ già xãng giọng đáp: "Tam hại còn chưa trừ được, thì vui sướng nổi gì!"

Chu Xứ lần đầu tiên nghe thấy từ "tam hại", liền hỏi: "Cụ nói cho cháu biết "tam hại" là cái gì?".

Cụ già nói: "Con hồ trán trắng trên Nam Sơn, con cá sấu dưới Trường Kiều, cộng thêm bản thân anh nữa. Chẳng là tam hại là gì?".

Chu Xứ giật mình, thì ra lâu nay bà con địa phương vẫn coi mình là đồ gây hại giống như hồ và cá sấu. Ông trầm ngâm một lát rồi nói: "Thôi thì thế này, xưa nay bà con vẫn buồn khổ vì tam hại, cháu sẽ trừ diệt hết chúng".

Hôm sau, Chu Xứ quả nhiên vai mang cung tên, lưng đeo kiếm sắc, vào trong núi tìm hồ. Đi mãi, đi mãi, sâu vào vùng cây cối rậm rạp, bỗng nghe 1 tiếng gầm ghê rợn, con hồ trán trắng từ bụi rậm lao ra. Vốn can đảm và nhanh nhẹn, Chu Xứ nhảy phắt sang 1 bên, nấp vào 1 thân cây lớn, giương cung lắp tên. Đúng lúc con hồ đang gầm ghè lấy đà toan chồm tới, thì "phụt", mũi tên của Chu Xứ đã xuyên vào giữa trán. Kết thúc tính mạng con mãnh thú từng gieo rắc tai họa 1 thời. Chu Xứ trở về thông báo cho mọi người biết. Dân thôn còn bán tín bán nghi, nhưng cũng cử 1 đoàn thợ săn theo vào rừng. Con hồ to lớn được khiêng về trong tiếng reo mừng rộn rã của trẻ già trai gái khắp vùng. Nhiều người đến chúc mừng cho Chu Xứ, nhưng ông gạt đi, nói: "Khoan đã, để tôi đi tìm nốt con cá sấu".

Hôm sau, Chu Xứ thay quần áo chèn, lại mang cung tên đao kiếm nhảy xuống sông dưới Trường Kiều. Con cá sấu thường ngày ẩn nấp dưới sâu, thấy có người liền nổi lên, xông tới toan đớp. Đã chuẩn bị sẵn, Chu Xứ lao tới đâm mạnh 1 nhát kiếm, ngập gần lún tới cán. Con cá sấu bị trọng thương, đau đớn quay đầu bơi xuôi theo dòng sông. Thấy nó chưa chết, Chu Xứ quyết không buông tha, tìm cách giữ chặt đuôi kiếm. Người và cá sấu vật lộn, lúc chìm xuống đáy nước, lúc cùng nổi lên, trôi nổi xuôi dòng suốt mấy chục dặm. Ba ngày ba đêm trôi qua, vẫn chưa thấy Chu Xứ trở về. Mọi người xôn xao bàn tán, những người chứng kiến từ đầu cho rằng cá sấu đã bị kiếm đâm trúng như thế, khó lòng còn sống được; nhưng trước khi chết, chắc nó cũng đớp và quật chết Chu Xứ rồi. Và như vậy, cả 2 chắc đã chìm sâu dưới đáy nước rồi sẽ trôi ra biển. Lúc đầu, dân chúng cho rằng,

nếu Chu Xứ trừ được hổ và cá sấu, đã là tốt lắm rồi, nay không ngờ cả "tam hại" đều đã chết, thật là vượt cả mong muốn, từ nay dân chúng trong vùng được sống bình yên. Thế là khắp phố phường thôn xóm, đều tưng bừng phấn khởi, không khí vui mừng như ngày hội.

Ngờ đâu, tới ngày thứ 4, Chu Xứ vẫn lành lặn trở về. Mọi người đều kinh lạ. Thì ra, con cá sấu bị trọng thương, lại bị Chu Xứ bầm riết. Cuối cùng, máu ra nhiều quá, không còn động cựa được nữa, bị Chu Xứ bồi thêm nhiều nhát kiếm, kết thúc tính mạng. Về tới nhà, Chu Xứ ngạc nhiên được biết mọi người đoán rằng mình đã chết, lại tỏ ra vui mừng phấn khởi. Lúc đó, ông mới tỉnh ngộ, nhận thức rõ rằng sự căm ghét của dân chúng trong vùng đối với hành vi trước kia của mình là sâu sắc tới mức độ nào. Quyết tâm sửa chữa lỗi lầm, Chu Xứ liền rời quê hương, tới Ngô quận tìm thầy học tập. Lúc đó, ở Ngô quận có 2 danh sĩ nổi tiếng là Lục Cơ và Lục Vân. Chu Xứ tìm đến thì Lục Cơ đi vắng, chỉ có Lục Vân ở nhà. Chu Xứ trình bày với Lục Vân về quyết tâm sửa lỗi của mình. Ông nói: "Con vô cùng hối hận vì đã hiểu ra quá muộn, để trôi qua uổng phí bao nhiêu tháng năm quý giá. Bây giờ muốn làm được việc gì hữu dụng, chỉ sợ rằng không kịp nữa".

Lục Vân khuyến khích ông: "Chớ nản lòng. Anh đã có quyết tâm như thế, lo gì không có tiền đồ tươi sáng. Một con người, miễn là có ý chí vững vàng, thì nhất định sẽ làm nên sự nghiệp hữu dụng cho đời".

Từ đó, Chu Xứ miệt mài học tập dưới sự dạy bảo ân cần của Lục Cơ, Lục Vân; vừa trau dồi tri thức, vừa rèn luyện phẩm hạnh. Tinh thần nghiêm túc, cần mẫn của ông được nhiều người biết tiếng và ca ngợi. Ít lâu sau, quan chức ở châu, quận gọi ông ra làm quan. Sau khi Đông Ngô bị Tấn tiêu diệt, ông trở thành 1 đại thần của triều Tấn.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

111-112

MỘT HOÀNG ĐẾ NGÂY NGÔ

Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm cũng giống như ông nội (Tư Mã Ý), bác (Tư Mã Sư) và cha (Tư Mã Siêu), đều là những người giỏi giang và nhiều thủ đoạn. Nhưng đến đời con kế vị Viêm là thái tử Tư Mã Trung thì lại là 1 kẻ ngu ngốc, ngây ngô, không có được đầu óc của 1 người bình thường. Vì vậy, từ triều đình tới các địa phương, ai cũng lo lắng sau khi Tấn Vũ Đế chết đi, đến lượt vị thái tử ngây ngô đó làm hoàng đế, thì đất nước khó tránh khỏi rối loạn. Một số đại thần muốn khuyên Tấn Vũ Đế lập người con khác làm thái tử, vì trong số con cái đông đúc (gần 20 người) của ông có khá nhiều người giỏi giang, tài trí hơn thái tử Tư Mã Trung, nhưng họ sợ, không dám nói rõ ý ấy ra. Một hôm, khi Tấn Vũ Đế mở tiệc, đại thần Vệ Quán giả vờ say rượu, ngã quay ra trước ngự tọa, sờ soạng vào đai vàng của Tấn Vũ Đế, miệng lè nhè: "Đáng tiếc, chỗ ngồi này đáng tiếc quá".

Vốn là người thông minh, Tấn Vũ Đế hiểu ngay ý Vệ Quán muốn nói gì, nhưng giả vờ làm như hiểu ra nghĩa khác, nổi giận quát: "Người nói bậy bạ gì thế! Say quá rồi phải không?". Rồi gọi thị vệ vực Vệ Quán dậy, lôi ra ngoài. Từ đó, không còn ai dám đề cập đến việc xin thay thái tử nữa.

Tuy vậy, bản thân Tấn Vũ Đế cũng có chút do dự, ông ta muốn thử xem con mình có thật là quá kém cỏi không, liền viết 1 đầu đề, nội dung có mấy vấn đề quốc sự, giao cho thái tử xem rồi nêu ý kiến giải quyết. Vợ của

thái tử là Giả Phi, vốn là 1 người đàn bà lanh lợi, thấy đề tập đó, hiểu ngay rằng đây là 1 việc có tầm quan trọng ảnh hưởng tới ngôi hoàng đế của chồng và ngôi hoàng hậu của mình trong tương lai. Bà ta lại càng biết rằng chồng mình không thể làm được, liền mời thầy dạy thái tử tới, yêu cầu ông viết cho 1 đáp án. Thầy dạy thái tử là 1 người có học vấn cao, lập tức vung bút viết 1 bài văn, vận dụng mọi kinh điển nho gia và sử sách cổ kim, lập luận đanh thép, lời văn bay bướm, giải quyết xác đáng những vấn đề mà Tấn Vũ Đế đưa ra, nộp cho thái tử. Giả Phi xem thấy, rất vui mừng, nhưng 1 nội thị trong phủ biết chút chữ nghĩa, thường hầu hạ Giả Phi, vội nhắc nhở: "Kính thưa nương nương, quyển văn này hay thì hay thật, nhưng hoàng thượng rất sáng suốt, Người thừa biết rằng thái tử vốn không giỏi lắm, bây giờ lại viết được thế này thì Người nghi ngờ. Lỡ hoàng thượng sai truy cứu biết rõ sự việc, thì ta tránh sao khỏi tội khi quân. Xin nương nương cẩn trọng, minh xét".

Giả Phi cũng giật mình nói: "Đúng, may mà có người nhắc ta. Quyển văn này hãy tạm cất đi, để thái tử dùng về sau. Bây giờ, thôi thì người cũng là người biết chút chữ nghĩa, người hãy viết cho thái tử một quyển văn khác, cố viết cho khá một chút. Sau này, người sẽ cùng được chung hưởng phú quý".

Viên nội thị liền viết 1 quyển văn khác, tất nhiên là vụng về và thô thiển, rồi đưa cho thái tử chép lại đúng từng chữ, sau đó nộp lên Tấn Vũ Đế. Tấn Vũ Đế xem, thấy bài làm tuy chẳng lấy gì làm hay ho, nhưng cũng trả lời đúng vào được những câu hỏi nêu ra, chứng tỏ đầu óc thái tử không đến nỗi đần độn lắm. Thói đời ai chẳng xót xa, nương nhẹ với con mình, huống gì đây lại là con kế vị của hoàng đế. Vì vậy, Tấn Vũ Đế yên lòng cho qua. Năm 290, Tấn Vũ Đế bị bệnh nặng. Thái tử Tư Mã Trung đã ngoài 30 tuổi. Thông thường, đã 30 tuổi thì hoàn toàn có thể giải quyết được chính sự. Nhưng Tấn Vũ Đế vẫn không yên tâm, liền lập di chiếu, yêu cầu quốc trượng (cha của hoàng hậu) Dương Tuấn và chú mình là Nhữ Nam vương

Tư Mã Lượng cùng phụ chính. Khi Tấn Vũ Đế hấp hối, chỉ có Dương Tuấn có mặt cạnh long sàng.

Để độc chiếm quyền binh, Dương Tuấn liền thông đồng với con gái là Dương hoàng hậu, lập 1 tờ di chiếu giả, trao quyền phụ chính cho một mình Dương Tuấn. Tấn Vũ Đế mất, thái tử Tư Mã Trung lên kế vị, đó là Tấn Huệ Đế, Giả Phi trở thành hoàng hậu. Tấn Huệ Đế ngồi trên ngai vàng, nhưng chẳng biết giải quyết chính sự quốc gia thế nào, nên gây ra rất nhiều chuyện nực cười. Có lần, vị hoàng đế ngây ngô này đi cùng bọn thái giám dạo chơi trong vườn ngự uyển, lúc đó là đầu mùa hè, trong các bụi cỏ ven hồ vang lên tiếng cóc kêu ì ọp. Tấn Huệ Đế ngơ ngác hỏi các thái giám: "Con vật nào thế? Nó kêu cho quan nghe hay cho dân nghe?".

Bọn thái giám nhìn nhau, không biết nên trả lời sao cho phải. Một tên thái giám láu lỉnh liền trả lời: "Muôn tâu bệ hạ, đó là những con cóc, cóc của nhà quan thì kêu cho quan nghe; còn cóc của nhà dân thì kêu cho dân nghe". Tấn Huệ Đế gật đầu, như đã hiểu rõ.

Một năm, toàn quốc mất mùa, lâm vào nạn đói. Các địa phương tới tập gửi sớ tấu lên triều đình, nói dân bị chết đói rất nhiều. Tấn Huệ Đế nghe tâu, liền hỏi các đại thần: "Những người đang khỏe mạnh, sao lại chết đói được?".

Các đại thần tâu: "Vì không có lương thực để ăn".

Tấn Huệ Đế bỗng nhanh nhẹn phán: "Tại sao chư khanh không bảo họ nấu cháo thịt mà ăn?".

Toàn bộ triều thần đều mím miệng nín cười. Triều Tấy Tấn mới truyền được tới đời thứ 2, đã nảy nòi ra 1 hoàng đế ngây ngô như vậy, nên 1 loạt các vương hầu có dã tâm đều nhắm nhe mũi lên giành chiếc ngai vàng. Và bà hoàng hậu gian xảo, nhiều tham vọng, đã có vai trò châm ngòi cho cuộc hỗn chiến sắp tới.

TÁM VƯƠNG HỒN CHIẾN

Tấn Vũ Đế cho rằng triều Ngụy diệt vong là vì đã không chia quyền lực cho các anh em trong hoàng tộc, khiến hoàng thất bị cô lập. Vì vậy, khi lên ngôi, ông ta đã phong vương cho 27 người, mỗi vương quốc đều có quân đội riêng; các quan văn võ trong vương quốc đều do vương chư hầu tự tuyển chọn. Tấn Vũ Đế tưởng rằng làm như vậy thì triều đình sẽ được nhiều anh em trong hoàng tộc giúp đỡ và nền thống trị của họ Tư Mã sẽ vững vàng. Nào ngờ, cách làm đó lại gieo sấm mầm loạn. Năm 290, Tấn Huệ Đế lên ngôi, ngoại thích Dương Tuấn dùng âm mưu đoạt quyền, gạt Nhữ Nam vương Tư Mã Lượng khỏi cương vị phụ chính, giành riêng cho mình. Một số vương chư hầu đương nhiên không cam chịu tình hình đó, nhưng nhất thời chưa có cơ hội ra tay chống lại.

Tấn Huệ Đế ngây ngô, nhưng hoàng hậu Giả Nam Phong (là con gái của Giả Sung, 1 người từ lâu đã là thân tín của Tấn Vũ Đế và trước đó đã thực hiện lệnh giết Tào Mao do Tư Mã Chiêu giao cho-xem chương 105) lại là người đàn bà gian xảo, quỷ quyệt. Bà không chịu để 2 cha con Dương thái hậu thao túng triều chính, liền bí mật sai người liên lạc với Nhữ Nam vương Tư Mã Lượng và Sở vương Tư Mã Vĩ, yêu cầu họ đem quân về Lạc Dương thảo phạt Dương Tuấn. Năm 291, Sở vương Tư Mã Vĩ từ Kinh Châu đem quân về Lạc Dương. Dựa vào sự ủng hộ của Tư Mã Vĩ, Giả hoàng hậu lấy danh nghĩa Tấn Huệ Đế, hạ chiếu ghép Dương Tuấn vào tội mưu phản, sai Tư Mã Vĩ đem quân tới vây tư dinh của Dương Tuấn và giết chết cả 3 họ. Số người có liên quan bị giết có tới mấy ngàn.

Sau khi Dương Tuấn bị giết, Nhữ Nam vương Tư Mã Lượng về Lạc Dương làm đại thần phụ chính. Nhưng binh quyền lúc đó đã nằm trong tay Tư Mã Vĩ (Vĩ là con thứ 5 của Tư Mã Viêm, tức là em Huệ Đế và là cháu gọi Tư Mã Lượng là ông ngành thứ). Giữa 2 vương ông cháu này sinh mâu thuẫn về quyền lực. Hoàng hậu Giả Nam Phong thấy đây là cơ hội tốt để trừ luôn cả 2 vương lúc này đã trở thành vật cản đối với tham vọng lũng

đoạn triều chính của mình. Bà dùng qui kế: trước hết, giả truyền mệnh lệnh của Huệ Đế, sai Tư Mã Vĩ đem quân vây tư dinh của Tư Mã Lượng và bắt đem về trị tội vì có âm mưu phản nghịch, luôn tiện cũng làm tương tự đối với đại thần Vệ Quán là người đã từng khuyên Tư Mã Viêm lập thái tử khác. Cả 2 người và toàn gia đình lập tức bị chém, không được thanh minh biện bạch gì. Sự việc này gây bàng hoàng cho toàn thể triều đình vì Tư Mã Lượng là 1 nguyên lão trong hoàng tộc và quan Tư không Vệ Quán là 1 lão thần chính trực, có uy tín cao.

Bước tiếp theo, Giả hoàng hậu phải tay, làm ra bộ không hay biết gì, xui Huệ Đế ra chiếu bắt và giết Tư Mã Vĩ vì tội giả mạo chiếu chỉ, tự tiện giết hại những trọng thần của triều đình, Sở vương Tư Mã Vĩ biết mình đã bị Giả hoàng hậu lừa, tưởng rằng đã lập được công vì chấp hành mau mắn "mặt chỉ" của hoàng đế, nào ngờ lại nhận được kết cục bi thảm. Ông ta ra sức kêu oan, nhưng Huệ Đế với sự giật dây của Giả hoàng hậu, không thèm nghe và sai hành hình tức khắc. Từ đó, triều đình không còn đại thần phụ chính. Huệ Đế là hoàng đế trên danh nghĩa. Nhưng trên thực tế, hoàng hậu Giả Nam Phong nắm toàn bộ quyền lực. Giả hoàng hậu nắm quyền liên tục bảy tám năm, gạt hoàng đế ngây ngô sang 1 bên, chuyên quyền độc đoán, làm đủ mọi chuyện bẩn thỉu, dân trong kinh thành Lạc Dương ai cũng biết những vụ bê bối, dâm loạn của bà, nhưng không ai dám nói ra.

Giả hoàng hậu không có con trai, nhưng Huệ Đế lại có 1 con trai với 1 bà phi là Tạ phu nhân, đặt tên là Tư Mã Duật và được phong làm thái tử. Giả hoàng hậu sợ thái tử Duật trưởng thành thì ngôi hoàng hậu của mình khó mà giữ được, liền lập mưu diệt trừ thái tử. Bà sai 1 nội thị tâm phúc viết 1 bức thư nhân danh thái tử Duật gửi cho Huệ Đế, nội dung đại ý nói với giọng xác xược, là Huệ Đế bất tài, nên sớm nhường ngôi lại cho thái tử và tự kết liễu đời mình đi, "nếu bệ hạ không dám tự kết liễu, thì thần tử này sẽ vào cung giúp kết liễu". Sau đó, Giả hoàng hậu cho gọi thái tử tới, chuốc rượu say sưa tới mức mất hết lý trí rồi đưa bức thư đó ra và nói: "Hoàng đế

có một văn bản quan trọng, bảo ta đưa cho thái tử và để thái tử tự tay sao lại ngay một bản đưa lên ngự cung".

Đang trong trạng thái mê mụ, thái tử Duật không còn đủ tỉnh táo để hiểu được ý nghĩa văn bản, chỉ biết cầm đầu chép từng chữ theo bản mẫu có sẵn 1 cách máy móc. Hôm sau, Giả hoàng hậu bảo Tấn Huệ Đế triệu tập quần thần, đưa bức thư đó ra cho bọn họ xem và tuyên bố là thái tử mưu phản, là kẻ đại nghịch, bất trung bất hiếu, có chứng có bằng giấy trắng mực đen. Nhiều đại thần tỏ ý ngờ rằng bức thư đó là giả, Giả hoàng hậu liền bảo họ sao tự dạng. Kết quả, khi so với những văn bản do thái tử viết trước kia thì thấy đúng là bút tích của 1 người. Thường ngày, thái tử tỏ ra là người trung hậu, thành thực, được nhiều người yêu mến. Nhưng trước chứng cứ đó, không ai có cách gì bào chữa giúp được. Huệ Đế là người vừa ngây ngô, vừa rất sợ Giả hoàng hậu, mọi việc đều nghe theo vợ. Vì vậy, nghe Giả hoàng hậu nói là tội thái tử đáng chết, nhưng nghĩ tình ruột thịt, trước hết hãy phế bỏ và đem giam lỏng ở 1 nơi xa, Huệ Đế liền nghe theo ngay.

Tuyệt đa số đại thần từ lâu vốn đã rất bất bình trước sự lạm quyền và gian xảo, tàn bạo của Giả hoàng hậu. Lần này, trước việc phế bỏ thái tử, họ không dám công khai chống lại, nhưng sau buổi chiều nhiều người đã tụ tập, tỏ sự căm phẫn, bàn tán xôn xao. Triệu vương Tư Mã Luân (con thứ 9 của Tư Mã Ý, vào hàng ông của Huệ Đế) là người chỉ huy quân cấm vệ, từ lâu đã có mộng tưởng vươn lên nắm đại quyền, thấy đây là cơ hội lớn để ra tay. Vốn cũng rất nham hiểm, ông ta không muốn là theo ý kiến của đa số đại thần là tìm cách phế Giả hoàng hậu và phục hồi cho thái tử, mà muốn trừ cả 2 để dọn đường cho mình. Tư Mã Luân đi 1 nước cờ cao: trước tiên phao tin cho Giả hoàng hậu biết là các đại thần đang bí mật mưu toan phục hồi chức vị thái tử. Giả hoàng hậu nghe tin, rất lo sợ, liền vội phái người đến đầu độc thái tử. Bà ta đâu ngờ, làm như vậy là đổ thêm dầu vào ngọn lửa căm phẫn đang âm ỉ trong đại đa số triều thần. Năm ngay sự kiện đó, Triệu vương Tư Mã Luân phái hiệu úy cấm quân là Tề vương Tư Mã Quýnh (em họ của Huệ Đế) đem quân vào cung bắt Giả hoàng hậu.

Người đàn bà xưa nay vốn nhiều mưu mô xảo quyệt, lần này bị sa bẫy của Tư Mã Luân. Vừa thấy Tư Mã Quýnh dẫn quân xông vào, Giả hoàng hậu giật nảy mình, nhưng vẫn làm mặt cứng cỏi, quát: "Các người dám tự tiện vào đây làm gì?".

Tề Vương Quýnh đáp: "Ta phụng chiếu của hoàng thượng, đến bắt nhà ngươi".

Giả hoàng hậu đáp: "Chiếu thư của hoàng thượng đều do ta phát ra, Làm gì còn có chiếu thứ nào nữa?". Nói rồi la hét ầm ĩ, sai cung nữ đi gọi Huệ Đế tới. Tư Mã Quýnh không nói không rằng, sai quân cấm vệ xông vào trói Giả hoàng hậu lại cho dẫn đi, đồng thời cho lòng bắt, giết hết tay chân thân tín của bà. Trong chốc lát, trong hoàng cung vang dậy tiếng hô giết của quân lính và tiếng kêu khóc của hoạn quan, nội thị. Trong nhà, ngoài đường ngổn ngang xác chết, tràn ngập máu me (sự kiện này đã xảy ra vào năm 300 công nguyên).

Diệt xong Giả hoàng hậu, Triệu vương Tư Mã Luân tự lên làm tướng quốc, nắm toàn bộ triều chính. Ông ta còn chuyên quyền hơn cả Giả hoàng hậu. Trong mọi việc, không thèm để ý đến hoàng đế bù nhìn Tấn Huệ Đế nữa. Một năm sau đó, vẫn chưa thỏa mãn tham vọng, Tư Mã Luân liền phế luôn Huệ Đế, tự mình lên ngôi hoàng đế (năm 301). Sau khi lên ngôi, để xây dựng vây cánh, Tư Mã Luân phong quan chức rộng rãi cho đồng đảng, kể từ tên lính trong đội quân cũ của ông ta cũng trở thành quan. Trên mũ của các quan từ lớn đến nhỏ đều cắm đuôi điếu (1 loại chồn phương bắc) để trang trí. Vì quá nhiều quan, nên số đuôi điếu có trong kho hoàng cung không đủ dùng, phải dùng thêm đuôi chó cho đủ. Dân gian liền đặt ca dao để châm biếm: "đuôi điếu chẳng đủ để dùng, đành thay đuôi chó lộn sòng cho qua".

Các vương chư hầu khác thấy Triệu vương Tư Mã Luân bỗng chốc nhảy tót lên ngôi hoàng đế, chiếm mất ngai vàng mà từ lâu họ từng dòm ngó, thì đâu chịu ngồi yên. Tất cả đều lấy cớ thảo phạt tội thoán nghịch,

rùng rùng đem binh mã về kinh đô Lạc Dương. Cuộc đại hỗn chiến bắt đầu. Diễn biến đại lược như sau: Ngay trong năm đó (năm 301) Tề vương Tư Mã Quýnh liên hợp với Thành Đô vương Tư Mã Dĩnh (con thứ 16 của Tư Mã Viêm, em cùng cha của Huệ Đế) cùng đánh Tư Mã Luân. Sau hơn 60 ngày kịch chiến, số Lính chết trận của 2 bên lên tới gần 10 vạn. Cuối cùng, Tư Mã Luân thua trận, bị giết. Huệ Đế được trở lại làm hoàng đế bù nhìn, do Tư Mã Quýnh làm đại thần phụ chính, nắm toàn bộ thực quyền.

Năm 302, Tư Mã Ngung lại liên hợp với Trường Sa vương Tư Mã Nghệ (con thứ 6 của Tư Mã Viêm, em Huệ Đế) đánh vào thành Lạc Dương. Qua 3 ngày kịch chiến, Tư Mã Quýnh đại bại, bị Tư Mã Nghệ bêu đầu thị chúng. Quyền lực lại rơi vào tay Tư Mã Nghệ. Năm 308, Tư Mã Dĩnh lại cùng Tư Mã Ngung đem 27 vạn quân đánh vào Lạc Dương. Tư Mã Nghệ ít quân hơn, phải đem Huệ Đế chạy khỏi Lạc Dương. Quân Tư Mã Dĩnh vào kinh thành, thả sức chém giết cướp bóc, hàng vạn người dân vô tội bị giết. sau đó, quân Tư Mã Dĩnh rút ra ngoài thành. Huệ Đế được đưa về cung, còn Tư Mã Nghệ bị bắt và bị thiêu chết. Năm 304, Đông Hải vương Tư Mã Việt (chú họ Huệ Đế) dẫn Huệ Đế đem quân thảo phạt Tư Mã Dĩnh. Hai bên kịch chiến, Tư Mã Việt bị Tư Mã Dĩnh đánh bại, bỏ chạy về đất phong của mình ở Sơn Đông. Huệ Đế trúng 3 mũi tên, bị Tư Mã Dĩnh bắt đưa vào Nghiệp Thành. Trong lúc 2 vương kia đánh nhau, thì Tư Mã Ngung thừa cơ chiếm Lạc Dương. Tư Mã Dĩnh ở Nghiệp Thành bị 1 số lực lượng địa phương đánh đuổi, phải đem Huệ Đế chạy về Lạc Dương, phụ thuộc vào Tư Mã Ngung. Tư Mã Ngung thấy Lạc Dương đã tan hoang, liền buộc Huệ Đế và Tư Mã Dĩnh cùng vào Trường An, rồi phế Tư Mã Dĩnh, độc chiếm triều chính.

Năm 305, Tư Mã Việt lại từ Sơn Đông đem quân vào chiếm Trường An, ép Huệ Đế cùng Tư Mã Ngung, Tư Mã Dĩnh trở về Lạc Dương. Năm 306, Tư Mã Việt lần lượt giết Tư Mã Dĩnh, Tư Mã Ngung và Huệ Đế, rồi lập Tư Mã Sí (em Huệ Đế), đó là Tấn Hoài Đế. Đại quyền nắm hoàn toàn trong tay Tư Mã Việt. Chiến loạn kết thúc. Trong hơn 15 năm, kể từ khi

Giả hoàng hậu giết Dương Tuấn (năm 291) đến khi Hoài Đế được lập (năm 306), kinh đô Lạc Dương và cố đô Trường An bị tàn phá, cướp bóc tan hoang. Ở Lạc Dương, nam giới từ 13 tuổi trở lên đều bị bắt đi lính. Lương thực hiếm hoi, 1 thạch lúa giá 1 vạn tiền. Vì vậy, người chết đói đầy đường. Quân lính các phe phái thiếu lương ăn, đã giải quyết bằng cách giết người, lấy thịt bù vào số thịt bò ngựa không đủ.

Tham gia vào cuộc hỗn chiến đó có Triệu vương Tư Mã Luân, Tề vương tư Mã Quýnh, Thành Đô vương Tư Mã Dĩnh, Hà Giang vương Tư Mã Ngung, Trường Sa vương Tư Mã Nghệ, Đông Hải vương Tư Mã Việt, cộng thêm Nhữ Nam vương Tư Mã Lượng, Sở vương Tư Mã Vĩ bị giết ngay từ đầu cuộc, tất cả là 8 vương. Đến mà cuối, 7 vương bị giết, chỉ còn lại 1 vương là Tư Mã Việt. Lịch sử gọi sự kiện này là "bát vương chi loạn" (loạn 8 vương).

Triều Tây Tấn vừa lên được 26 năm (265-291) đã lâm vào cảnh hỗn chiến cốt nhục tương tàn này nên nhanh chóng suy yếu. Do đó, chỉ 11 năm sau đó, nó đã bị các dân tộc thiểu số phương bắc, lực lượng tàn dư phải chạy xuống phương nam, lập ra triều Đông Tấn.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

113-114

LÝ ĐẶC LẬP TRẠI CHO DÂN LƯU TÁN

Nền thống trị thối nát và cục diện hỗn chiến dưới thời Tây Tấn đã gieo tai họa vô cùng vô tận xuống đầu dân chúng. Cộng thêm vào đó là thiên tai liên tiếp khiến nông dân nhiều địa phương không đủ lương ăn, phải rời bỏ làng quê, lũ lượt tới các vùng khác kiếm sống. Số nông dân đi lánh nạn đó được gọi là "lưu dân" (dân lưu tán). Năm 298, vùng Quan Trung lâm vào nạn đói lớn, các quận Lược Dương, Thiên Thủy (nay thuộc Cam Túc) và 4 quận lân cận có hơn 10 vạn dân lưu tán vào đất Thục. Đi cùng với dân lưu tán có 3 anh em thuộc 1 gia đình dân tộc Đê là Lý Đặc, Lý Tường, Lý Lưu. Trên đường đi, trong số dân lưu tán có ai đói khát, ốm đau, 3 anh em Lý Đặc đều giúp đỡ và chăm sóc tận tình. Vì vậy, họ được dân lưu tán cảm kích và tôn trọng. Đất Thục cách Trung nguyên khá xa nên nhân dân được sống tương đối yên ổn. Tới Thục, số lưu dân liền phân tán đi làm thuê dài ngày cho các nhà giàu để kiếm ăn.

Nhưng thứ sử Ích Châu là La Thượng không muốn để vùng đất dưới quyền cai trị của mình bị dân lưu tán làm cho nhiễu loạn, nên chủ trương đuổi họ trở về Quan Trung. Ông cho đặt trạm kiểm soát tại các ngã đường ra vào Thục để ngăn chặn dân lưu tán đi vào và cướp đoạt tài sản mang theo của họ. Dân lưu tán nghe biết có lệnh đuổi của địa phương, lại nghĩ tới tình cảnh đói khát ở quê nhà, nếu phải trở về thì không có cách gì sống nổi, tất cả đều than trời kêu khổ. Mọi người liền nhờ Lý Đặc giúp đỡ. Lý Đặc nhiều lần thay mặt dân lưu tán, viết tờ thỉnh cầu xin lùi hạn đuổi lại, để dân

lưu tán có thời gian tìm ra cách kiếm sống mà không gây ra xáo động cho địa phương. Họ thấy Lý Đặc có uy tín để giao thiệp với quan chức địa phương nên rủ nhau đến nhờ ông che chở. Lý Đặc liền lập 1 trại lớn ở vùng Miên Trúc để tập trung dân lưu tán lại. Chưa tới 1 tháng, đã có khoảng 2 vạn người tới theo. Em ông là Lý Lưu cũng lập 1 trại riêng, tiếp nhận được mấy ngàn người.

Sau khi tập trung dân lưu tán vào 1 khu, để họ khai phá ruộng nương, tự túc được lương thực. Lý Đặc liền cử đại diện là Diêm Húc đến gặp La Thượng, xin hoãn dài hạn việc đuổi dân lưu tán. Diêm Húc đến phủ thứ sử, thấy ở đó đang diễn ra quang cảnh tấp nập sửa sang đồn lũy và tập trung người ngựa, rõ ràng là đang chuẩn bị cho 1 hành động quân sự. Diêm Húc gặp La Thượng, đề đạt lời thỉnh cầu của dân lưu tán. La Thượng làm ra vẻ dễ dãi trả lời: "Ta đã chuẩn bị ban hành lệnh hoãn đuổi, ông cứ an tâm, về báo cho họ biết, đừng lo lắng gì nữa".

Thấy thái độ La Thượng không có ý chân thật, Diêm Húc nói: "Xin La công đừng nghe lời xúi giục của những người nuôi ý định xấu đối với dân lưu tán chúng tôi. Nhìn tình hình ở nơi đây, tôi thấy các ngài không có ý dung nạp chúng tôi. Nhưng tôi khuyên ngài, không nên coi thường đám dân đói khát, nhìn bề ngoài họ có vẻ yếu đuối; nhưng nếu bị bức đến bước đường cùng, họ sẽ buộc phải phản kháng. Đến lúc đó, e rằng sẽ không có điều gì hay cho ngài đâu!".

La Thượng giả bộ nghiêm chỉnh nói: "Ta không đánh lừa đâu, ông cứ về nói với họ ý kiến trên của ta".

Diêm Húc trở về Miên Trúc, nói tường tận tình hình đã quan sát và những lời lẽ của La Thượng cho Lý Đặc nghe, rồi bổ sung thêm: "Theo tôi, tuy La Thượng nói như thế, nhưng chúng ta không nên nhẹ dạ tin lời ông ta, cần phải chuẩn bị đề phòng ông ta đem quân tới tập kích".

Lý Đặc cũng cùng chung nhận định, lập tức cho tổ chức dân lưu tán thành đội ngũ, chuẩn bị vũ khí, bố trí trận thế, sẵn sàng chống trả nếu bị quân Tấn tiến công. Quả nhiên, một đêm sau đó, La Thượng phái bộ tướng dẫn dẫn 3 vạn bộ binh và kỵ binh đến đánh úp trại lớn Miên Trúc. Quân Tấn tiến tới doanh trại của Lý Đặc. Lý Đặc làm ra vẻ không hay biết gì, toàn trại vẫn im phắc không có động tĩnh. Quân Tấn tưởng Lý Đặc trúng kế của La Thượng, không đề phòng gì, liền nổi hiệu lệnh, quân lính reo hò, ào ạt xông vào trại. Nào ngờ, khi 3 vạn quân Tấn đã vào hết trong khu trại, thì 4 phương 8 hướng vang dậy tiếng trống và thanh la. Toàn thể dân lưu tán đã mai phục sẵn cầm trường mâu, đại đao xông ra chém giết. Dân lưu tán đã chất chứa sẵn lòng uất ức, chiến đấu hết sức dũng mãnh, một địch nổi mười, mười địch nổi trăm. Quân Tấn bị bất ngờ, từ chỗ chủ quan, chuyển sang hoảng sợ, không kịp đối phó, bị dân lưu tán đánh cho khôi giáp tả tơi, ôm đầu tháo chạy. Mấy viên tướng Tấn chạy không kịp, bị giết chết.

Sau trận đó, dân lưu tán biết bọn thống trị Tấn nhất định không bỏ qua, nên đều xin Lý Đặc đứng ra chỉ huy họ, chống lại quân triều đình và địa phương. Qua bàn bạc giữa thủ lĩnh của dân lưu tán 6 quận với Lý Đặc, mọi người tôn Lý Đặc làm Trấn Bắc đại tướng quân, Lý Lưu làm Trấn Đông tướng quân. Mấy thủ lĩnh khác của dân lưu tán cũng được cử làm tướng. Họ tổ chức, chỉnh đốn lại binh mã, thanh thế lừng lẫy 1 vùng. Mấy ngày sau, đội quân đó đánh chiếm Quảng Hán, đuổi viên thái thú đi. Lý Đặc vào quận Quảng Hán, học theo cách làm của Hán Cao Tổ Lưu Bang, ban bố "ước pháp tam chương", mở kho thóc công, cứu tế cho dân nghèo địa phương. Quân đội của lưu dân, dưới sự lãnh đạo của Lý Đặc, đã giữ nghiêm kỉ luật, không quấy nhiễu dân địa phương. Dân chúng trong đất Thục, xưa nay chịu mọi áp bức khắc nghiệt của quan quân triều Tấn, nay nhờ có quân lưu dân của Lý Đặc, đời sống được yên ổn và dễ thở hơn. Họ đều phấn khởi và sáng tác ca dao ca ngợi đội quân của Lý Đặc:

"La Thượng tàn ác trăm bề

Nay nhờ Lý Đặc võ về muôn dân"

Trước thanh thế của quân lưu dân, La Thượng ngoài mặt phải cử người đến cầu hòa, nhưng một mặt ngầm ngầm cấu kết với thế lực cường hào địa phương đánh Lý Đặc. Sau 1 số trận chống trả anh dũng, Lý Đặc thua trận, anh dũng hy sinh. Con của Lý Đặc là Lý Hùng tiếp tục lãnh đạo lưu dân chiến đấu. Năm 304, Lý Hùng tự lập làm Thành Đô vương. Hai năm sau, lại tự xưng là hoàng đế, lấy quốc hiệu là Đại Thành. Sau, tới đời cháu Lý Hùng là Lý Thọ nối ngôi hoàng đế, liền đổi quốc hiệu là Hán. Do đó, sử còn gọi chính quyền này là Thành Hán.

NGƯỜI HUNG NÔ XƯNG LÀM HÁN ĐẾ

Trong cùng năm khi Lý Hùng xưng làm Thành Đô vương (304), thì ở miền bắc, 1 nhân vật quý tộc Hung Nô là Lưu Uyên cũng tuyên bố độc lập với triều Tấn, tự xưng là Hán Vương. Từ cuối đời Tây Hán, 1 bộ phận tộc Hung Nô từ phía bắc dời vào cư trú ở các quận huyện miền biên giới. Họ chung sống lâu dài với nhân dân tộc Hán, dần dần tiếp thu nền văn hóa Hán. Giới quý tộc Hung Nô cho rằng các đời trước, đã nhiều lần thông hôn với hoàng thất nên họ cũng là họ hàng thân thích với nhà Hán. Vì vậy, họ liền đổi sang họ Lưu, là họ của hoàng đế Hán. Cuối thời Đông Hán, đầu thời Tam quốc, sau khi Tào Tháo thống nhất được miền bắc Trung Quốc, liền phân 3 vạn dân thuộc các bộ lạc Hung Nô thành 5 bộ, mỗi bộ có 1 bộ soái. Quý tộc Hung Nô Lưu Báo là một trong năm bộ soái đó.

Lưu Uyên là con Lưu Báo, từ nhỏ đã học chữ và tiếng Hán, có đọc khá nhiều thư tịch Hán, lại có sức khỏe và võ nghệ cao cường, có thể kéo được đoạn dây cung có lực căng 300 cân. Sau khi Lưu Báo chết, Lưu Uyên kế thừa chức bộ soái của cha, có thời gian làm tướng dưới quyền Thành Đô vương Tư Mã Dĩnh (một trong tám vương đã nói ở phần trên) đóng quân ở Nghiệp Thành chỉ huy toàn thể quân đội Hung Nô thuộc cả 5 bộ. Sau khi cuộc hỗn chiến 8 vương nổi ra, một số quý tộc Hung Nô họp nhau lại bàn bạc ở Tả Quốc Thành (nay ở phía bắc Ly Thạch, Sơn Tây). Một quý tộc già

nói: "Từ đầu triều Hán, người Hung Nô chúng ta kết thân với người Hán. Trải qua hai triều Ngụy, Tấn, con cháu các thiên vu Hung Nô tuy vẫn có tước phong, nhưng không có một tấc đất của riêng mình, không khác gì dân thường. Nay triều Tấn có nội loạn, hoàng tộc đang tàn sát lẫn nhau, đây chính là thời cơ để người Hung Nô ta khôi phục lại địa vị".

Mọi người đều thấy ý kiến đề xuất đó là đúng. Nhưng chọn ai là người đứng đầu? Qua thảo luận, mọi người đều cho rằng Lưu Uyên có tài năng và uy tín cao, rất thích hợp với chức vị thiên vu. Hội nghị quý tộc liền cử đại diện đến Nghiệp Thành, báo cho Lưu Uyên biết ý kiến của hội nghị và mời ông trở về. Lưu Uyên mừng rỡ, liền lấy cớ về Hung Nô an táng cho cha, xin phép Tư Mã Dĩnh cho nghỉ. Nhưng Tư Mã Dĩnh nhất định không đồng ý. Lưu Uyên đành cho người đại diện về trước và hẹn cả 5 bộ của Hung Nô tập trung lực lượng quân sự và di chuyển xuống phía nam. Sau đó, thứ sử Tịnh Châu là Tư Mã Đẳng cùng với tướng Vương Tuấn liên hợp với quý tộc Tiên Ty đánh Tư Mã Dĩnh. Tư Mã Dĩnh bị thua, chạy về Lạc Dương. Nhân cơ hội đó, Lưu Uyên xin Tư Mã Dĩnh cho về Hung Nô để lấy quân đến trợ chiến. Tư Mã Dĩnh tin là thật cho đi. Năm 304, Lưu Uyên về đến Tả Quốc Thành được cả 5 bộ tôn là Đại thiên vu. Ông dẫn 5 vạn quân tiến xuống phía nam, giúp quân Tấn đánh lại quân Tiên Ty. Có người hỏi: "Tại sao ông không nhân cơ hội này diệt phăng triều Tấn đi, mà lại giúp đỡ quân Tấn?".

Lưu Uyên trả lời: "Diệt triều Tấn thì dễ như kéo đổ cây củi mục, nhưng dân Tấn chưa hẳn đã chịu theo chúng ta. Triều Hán đã dựng nước lâu dài, có ảnh hưởng sâu trong lòng người. Các đời ông cha ta chúng ta đã từng thông hôn với triều Hán trở thành anh em thân thích với nhau. Nay triều Hán đã mất, ta nên lấy danh nghĩa kế thừa triều Hán, thì sẽ được lòng người hơn".

Mọi người đều phục, Lưu Uyên liền tự xưng là Hán Vương. Sau đó Lưu Uyên liên tiếp đánh chiếm được các quận Thượng Đảng, Thái Nguyên, Hà Đông, Bình Nguyên, thế lực càng ngày càng mạnh. Một số lực lượng

chống Tấn của các bộ tộc nhỏ đều quy phục Lưu Uyên. Năm 308, Lưu Uyên xưng làm Hán Đế. Năm sau liền dời đô đến Bình Dương (nay ở tây nam Lâm Phần, Sơn Tây) rồi tập trung binh lực tiến đánh Lạc Dương. Nhân dân Lạc Dương tuy căm ghét triều Tây Tấn thối nát, nhưng không muốn bị quý tộc Hung Nô thống trị. Vì vậy, qua 2 lần tiến công, Lưu Uyên đều gặp phải sự chống trả mãnh liệt của quân dân Lạc Dương, đều phải lui quân. Trong lúc đó, vương cuối cùng còn lại sau "loạn tám vương" là Đông Hải vương Tư Mã Việt vẫn còn sa vào việc chém giết với các đại thần khác. Vì vậy, chút ít lực lượng quân sự còn sót lại của triều Tấn cũng bị tiêu hao hết.

Sau khi Lưu Uyên chết, con là Lưu Thông nối ngôi hoàng đế Hán, lại phái các đại tướng là Lưu Diệu và Thạch Lạc tiến công Lạc Dương. Quân dân Lạc Dương chống trả quyết liệt, nhưng cuối cùng do lực lượng quá chênh lệch không thể kéo dài cuộc chiến đấu. Năm 211, thành Lạc Dương thất thủ, Tấn Hoài Đế bị bắt làm tù binh. Lưu Thông tiến vào Lạc Dương, tàn sát hàng loạt quan chức và nhân dân. Một lần, Lưu Thông mở tiệc, sai Tấn Hoài Đế mặc áo xanh của nô bộc, đứng hầu rượu. Một số triều thần cũ của triều Tấn nhìn thấy cảnh đó, không kìm lòng được, òa lên khóc. Lưu Thông thấy các đại thần của triều Tấn còn nặng tình cảm với Hoài Đế như vậy, thì nổi giận, đem Hoài Đế giết đi.

Sau khi Tấn Hoài Đế bị giết, các quan triều Tấn ở Trường An liền tôn cháu của Hoài Đế là Tư Mã Nghiệp lên kế thừa kế vị. Đó là Tấn Mẫn Đế. Năm 316 Lưu Thông chiếm được Trường An, Tấn Mẫn Đế cũng lâm vào số phận giống như Tấn Hoài Đế, sau khi chịu mọi nhục nhã rồi cũng bị giết đi. Triều Tây Tấn duy trì được 52 năm, tới đây kết thúc. Sau khi Tây Tấn bị diệt, các bộ tộc miền bắc Trung Quốc (chủ yếu là 5 bộ tộc Hung Nô, Tiên Ty, Kiệt, Đê, Phương) dồn dập khởi nghĩa. Tầng lớp trên trong các bộ tộc đó thừa cơ khởi binh, giống như Lý Hùng, Lưu Uyên đã làm, trước sau xuất hiện 16 chính quyền cát cứ. Lịch sử gọi tình hình đó là "Ngũ Hồ, thập lục quốc".

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

115-116

LƯU CÔN LẬP CHÍ CỨU NƯỚC

Trong khi quý tộc Hung Nô hoành hành ở miền bắc và vương triều Tây Tấn đứng trước họa diệt vong thì 1 số tướng lĩnh trung thành vẫn kiên trì chiến đấu. Một đại biểu kiệt xuất trong số đó là Lưu Côn. Thời thanh niên Lưu Côn có 1 người bạn thân là Tổ Địch. Đầu thời Tây Tấn hai người cùng làm chức chủ bạ (chức quan trông coi việc giấy tờ) ở Tư Châu (trị sở đông bắc Lạc Dương ngày nay). Đêm đêm hai người cùng ngủ chung 1 giường, đàm luận việc quốc gia đại sự, thường say sưa sôi nổi đến canh khuya. Một hôm, khi họ đang ngủ ngon thì có tiếng gà gáy làm Tổ Địch thức dậy. Nhìn ra ngoài cửa sổ thấy mảnh trăng tàn còn treo ở chân trời, phương đông vẫn chưa rạng. Nhưng Tổ Địch không muốn ngủ nữa, liền lấy chân hích Lưu Côn. Côn giật mình, dụi mắt, hỏi xem có việc gì. Tổ Địch nói: "Anh nghe xem, tiếng gà hay biết bao. Nó giục chúng ta trở dậy đây!".

Hai người phấn khởi vùng dậy, lấy kiếm đang treo trên vách, đi ra ngoài, cùng nhau múa kiếm dưới ánh trăng mờ nhạt dưới hừng đông. Cứ như vậy, ngày ngày, họ khổ công tập luyện võ nghệ, nghiên cứu binh pháp. Cuối cùng, cả 2 đều trở thành tướng lĩnh nổi tiếng. Năm 308, Tấn Hoài Đế phong Lưu Côn làm thứ sử Tịnh Châu. Lúc đó, Tịnh Châu trong tình trạng bị Hung Nô, cướp bóc, tàn sát, dân chúng tán loạn khắp nơi. Lưu Côn chiêu mộ hơn 1000 binh sĩ, xông pha vô vàn gian nan nguy hiểm, tiến tới Tấn Dương thuộc Tịnh Châu (nay ở tây nam thành phố Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây). Trong thành phố Tấn Dương, nhà cửa bị đốt phá, gai góc

mọc đầy, cảnh hoang vắng thê lương bao phủ khắp nơi. Trong khi xông pha tìm kiếm, đội quân của Lưu Côn phát hiện thấy 1 số dân còn sót lại, đang thoi thóp vì nhịn đói quá lâu. Nhìn thấy cảnh đó, Lưu Côn rất thương tâm. Ông ra lệnh cho các binh sĩ phát quang gai góc, chôn cất những người chết, sửa sang lại nhà cửa, thành trì, phòng bị chống lại sự tập kích của Hung Nô. Ông còn dùng mưu, khiến các bộ lạc Hung Nô nghi ngờ lẫn nhau. Nhờ đó, về sau hơn 1 vạn người Hung Nô đầu hàng Lưu Côn, lực lượng ông hùng hậu lên, ngay cả Hán Đế Lưu Uyển cũng gồm sợ, không dám xâm phạm vào vùng đất ông cai quản.

Lưu Côn chiêu tập dân đào vong trở về đất cũ, khai hoang phục hóa, ổn định cuộc sống. Không tới 1 năm, vùng đất hoang vu cũ đã có tiếng gà gáy chó sủa, thành Tấn Dương dần dần khôi phục lại cảnh tượng phồn vinh. Sau khi Lưu Thông đánh chiếm Lạc Dương, binh lực của triều Tây Tấn ở miền bắc phần lớn bị đánh tan chỉ còn lại 1 mình Lưu Côn kiên trì chiến đấu ở dải Tịnh Châu. Sau khi Tấn Mẫn Đế lên ngôi ở Trường An, liền cử người phong Lưu Côn làm đại tướng quân, giao cho ông chỉ huy toàn bộ lực lượng quân sự ở Tịnh Châu. Lúc đó, đại tướng Hán là Thạch Lạc đã chiếm được Tương Quốc (ở phía tây nam Hình Đài, tỉnh Hà Bắc ngày nay), tập kết 1 đội quân lớn tới mấy chục vạn, toan đánh chiếm Tịnh Châu. Lưu Côn ở vào tình thế bị kẹt giữa Lưu Thông ở phía nam và Thạch Lạc ở phía bắc, khó khăn đến cực điểm. Nhưng ông không hề sợ hãi, không chịu lui và co cụm lại. Trong sớ tấu gửi lên Tấn Mẫn Đế, ông viết: "Hạ thần không thể đội trời chung với Lưu Thông, Thạch Lạc. Nếu không dẹp yên được chúng, thần quyết không về triều".

Theo kể lại, khi Lưu Côn ở Tấn Dương, có lần bị kỵ binh Hung Nô bao vây nhiều lớp. Thành Tấn Dương rất ít quân, không thể đánh lui được địch. Mọi người rất sợ hãi, nhưng Lưu Côn vẫn bình thản. Đêm tới, ông trèo lên thành lầu, hú từng hồi dài dưới ánh trăng. Tiếng hú nghe bi thương, ai oán. Quân Hung Nô nghe thấy, đều buồn rầu than thở. Tới nửa đêm, Lưu Côn lại sai người dùng sáo Hồ (1 nhạc cụ của các dân tộc miền bắc Trung

Quốc), thổi các điệu nhạc Hung Nô, gợi lên tình cảm nhớ quê hương. Binh lính Hung Nô xúc động rơi nước mắt. Trước khi trời sáng, tiếng sáo Hồ lại cất lên, binh lính Hung Nô tự động lui hết.

Sau đó, Lưu Côn bắt liên lạc với thủ lĩnh tộc Tiên Ty, cùng nhau phối hợp đánh Lưu Thông, nhưng không thành công. Tiếp đó, Thạch Lạc tiến công Lạc Bình (ở tây nam Tích Dương, tỉnh Sơn Tây ngày nay). Lưu Côn phái quân đi cứu, bị Thạch Lạc dùng tinh binh mai phục dọc đường, tiêu diệt hầu như toàn bộ. Đúng vào lúc đó, lại truyền tới tin Lưu Thông đã chiếm Trường An, bắt được Mẫn Đế. Tình hình diễn biến tới mức đó, thì dù có ngoan cường dũng cảm đến đâu cũng khó lòng giữ được Tịnh Châu, Lưu Côn đành dẫn tàn binh chạy lên U Châu.

HỌ VƯƠNG GIÚP HỌ TƯ MÃ

Trong khi Lưu Thông chiếm được Trường An, thì miền nam Trung Quốc vẫn còn nằm trong tay các quan lại địa phương triều Tấn. Trước khi bị bắt, Tấn Mẫn Đế để lại chiếu thư yêu cầu Lang Nha vương Tư Mã Duệ lúc đó đang trấn thủ ở Kiến Khang (vốn có tên là Kiến Nghiệp, nay là thành phố Nam Kinh, tỉnh Giang Tô) kế thừa ngôi hoàng đế. Trong hoàng tộc Tây Tấn, địa vị và danh vọng của Tư Mã Duệ không cao. Thời Tấn Hoài Đế, ông được phái xuống trấn thủ miền Giang Nam. Khi nhậm chức, ông mang theo 1 số quan chức có học vấn từ miền bắc xuống, trong đó, người có danh vọng nhất là Vương Đạo. Tư Mã Duệ coi Vương Đạo là người bạn chí thiết, luôn làm theo ý kiến và mưu kế do Vương Đạo bày cho. Khi mới tới Kiến Khang, Tư Mã Duệ bị 1 số địa chủ thuộc các dòng họ lớn coi thường vì địa vị và tiếng tăm của ông tương đối thấp. Họ không chịu đến chào quan trấn thủ mới. Thấy thế, Tư Mã Duệ hơi hoang mang, liền nhờ Vương Đạo bày cho cách đối phó.

Wang Dao có người anh họ là Vương Đôn, lúc đó làm thứ sử Dương Châu, có thế lực tương đối lớn. Vương Đạo mời Vương Đôn đến Kiến Khang cùng nhau bàn bạc, tìm ra 1 biện pháp. Ngày mùng 3 tháng 3 năm

đó, theo phong tục địa phương là ngày lễ trừ tai, dân chúng và quan chức đều ra sông để "cầu phúc tiêu tai". Hôm đó, Vương Đạo để Tư Mã Duệ ngồi trên 1 cỗ kiệu trang hoàng lộng lẫy, có 1 đội nghi trượng đánh chiêng mở đường, tiến ra bờ sông. Vương Đạo, Vương Đôn và các quan chức, danh sĩ người miền bắc cưỡi những con ngựa cao lớn đi sau kiệu, hình thành 1 đội ngũ uy nghiêm, hùng dũng. Hôm đó, người đi xem lễ bên bờ sông ở Kiến Khanh rất đông. Mọi người thấy cảnh tượng chưa từng thấy đó thì đều náo động, xôn xao.

Cố Vinh là 1 đại địa chủ có tiếng ở vùng Giang Nam cùng 1 số đại địa chủ khác nghe được tin đó, đều hé rèm cửa nhìn ra. Họ thấy những nhân vật có uy vọng cao như Vương Đạo, Vương Đôn đều tôn kính Tư Mã Duệ như vậy thì đều giật mình. Để chuộc lại lỗi đã ngạo mạn không tới chào hôm trước, tất cả không ai bảo ai đều ra đứng xếp hàng ven đường, bái kiến Tư Mã Duệ. Từ đó, uy tín của Tư Mã Duệ lên cao trong giới địa chủ, sĩ tộc Giang Nam. Tiếp theo, Vương Đạo lại khuyên Tư Mã Duệ: "Cố Vinh và Hạ Tuấn là danh sĩ nổi tiếng ở vùng này. Chỉ cần lôi kéo được hai người đó thì không còn phải lo người khác không theo chúng ta nữa".

Tư Mã Duệ cử Vương Đạo đến tận nhà Cố Vinh, Hạ Tuấn, mời ra làm quan. Cả 2 phẫn khởi đến bái kiến Tư Mã Duệ. Tư Mã Duệ ân cần tiếp kiến và phong quan tước cho từng người. Từ đó về sau, các dòng họ lớn ở Giang Nam đều tới tấp quây quần xung quanh Tư Mã Duệ. Địa vị của ông ở Kiến Khang vì vậy ngày càng vững chắc. Sau khi miền bắc xảy ra đại loạn, các danh gia, địa chủ ở miền bắc dồn dập chạy xuống ở miền nam chạy nạn. Vương Đạo lại khuyên Tư Mã Duệ chọn những người có uy tín nhất trong số đó, mời vào làm việc trong vương phủ. Nghe theo ý kiến Vương Đạo, Tư Mã Duệ trước sau đã mời 106 người vào làm cho vương phủ. Nhờ sự sắp đặt mưu kế của Vương Đạo mà Tư Mã Duệ chinh phục được lòng tin của của sĩ tộc Giang Nam, lại tiếp nhận được nhân tài từ miền bắc xuống củng cố, vững chắc được địa vị. Do đó, đối với Vương Đạo, Tư Mã Duệ vô cùng cảm kích. Ông nói với Vương Đạo: "Ngài đúng là Tiêu Hà của ta!".

Năm 317, Tư Mã Duệ lên ngôi hoàng đế ở Kiến Khang, xây dựng lại triều Tấn, đó là Tấn Nguyên Đế. Từ đó về sau, quốc đô của triều Tấn đặt tại Kiến Khang. Để phân biệt với triều Tấn do Tư Mã Viêm kiến lập, đóng đô ở Lạc Dương, được gọi là Tây Tấn, lịch sử gọi triều Tấn do Tư Mã Duệ xây dựng là Đông Tấn. Hôm Tấn Nguyên Đế làm lễ đăng quang, Vương Đạo cùng bá quan văn võ vào cung triều kiến. Tấn Nguyên Đế nhìn thấy Vương Đạo, liền từ ngai vàng đứng dậy, nắm chặt tay kéo tới ngai vàng, bảo Vương Đạo cùng ngồi để nhận sự triều bái của bách quan. Cử chỉ bất ngờ đó làm Vương Đạo rất hoảng sợ vì dưới thời phong kiến tuyệt đối không cho phép có việc như vậy. Vương Đạo cuống quýt kiêu từ, nói: "Muôn tâu bệ hạ, không thể như thế được. Nếu mặt trời cùng ở một chỗ với muôn vật, thì muôn vật làm sao có thể nhận được ánh sáng mặt trời?".

Lời kiêu từ khôn khéo mang tính tâng bốc đó khiến Tấn Nguyên Đế vô cùng phấn khởi. Ông không ép Vương Đạo nữa, nhưng ông biết rất rõ ràng mình được kế thừa đế vị, hoàn toàn là do sức của anh em Vương Đạo, Vương Đôn. Vì vậy, Tấn Nguyên Đế đặc biệt tôn trọng họ. Ông phong Vương Đạo làm thượng thư, nắm đặc quyền chính trị trong triều, và trao cho Vương Đôn trách nhiệm tổng quản về quân sự, Trong số con em họ Vương, rất nhiều người được phong các chức trọng yếu. Đương thời, trong dân gian lưu truyền câu nói: "Vương với Mã, chung thiên hạ", để tỏ ý rằng họ Vương cùng họ Tư Mã của hoàng tộc cùng nhau nắm đại quyền Đông Tấn.

Vương Đôn nắm quyền về quân sự, tự cho mình là quan trọng, không coi Tấn Nguyên Đế vào đâu. Tấn Nguyên Đế cũng thấy được sự lộng hành của Vương Đôn, liền trọng dụng thêm các đại thần Lưu Ngụy và Điều Hiệp, rồi lạnh nhạt dần với anh em họ Vương. Do vậy, triều Đông Tấn vừa được thành lập thì nội bộ đã xuất hiện sự rạn nứt.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

117-118

THẠCH LẶC ĐỌC HÁN THƯ

Năm thứ 2 đời Tấn Nguyên Đế (tức 318 công nguyên), quốc vương nước Hán của tộc Hung Nô là Lưu Thông bị bệnh mất, nội bộ nước Hán bị phân liệt. Cháu Lưu Thông là Lưu Diệu kế thừa ngôi quốc vương. Ông thấy việc dùng danh nghĩa triều Hán cũng không đánh lừa được dân, nên năm 319 liền đổi tên quốc hiệu là Triệu. Đại tướng nước Hán là Thạch Lặc, trong cuộc chiến tranh chống Tấn đã mở rộng được binh lực, nắm trong tay 1 đội quân lớn, không chịu đứng dưới Lưu Diệu, cũng tự xưng là Triệu Vương. Thạch Lặc là người tộc Kiệt, đời ông cha là đầu mục nhỏ trong bộ lạc Kiệt. Thời trai trẻ, vùng Tinh Châu có nạn đói, Thạch Lặc lưu lạc, từng làm nô lệ, làm thuê cho các nhà hào phú. Một lần, Thạch Lặc bị loạn binh bắt, nhốt trong xe tù. May nhờ lúc đó có 1 đàn hươu chạy qua, binh lính lũ lượt rượt đuổi hươu nên Thạch Lặc thừa cơ trốn thoát.

Thạch Lặc trải qua mọi nỗi khổ, thấy tiền đồ mờ mịt, liền chiêu tập 1 toán nông dân lưu tán, tổ chức thành một đội quân dũng mãnh. Sau khi Lưu Uyên khởi binh, Thạch Lặc đi theo và trở thành 1 đại tướng của Hán. Trình độ văn hóa của người Kiệt thấp hơn người Hung Nô. Từ nhỏ, Thạch Lặc không được giáo dục theo văn hóa Hán như Lưu Uyên, bản thân không biết chữ. Sau khi làm đại tướng, ông ta nhận thấy là muốn làm nên sự nghiệp lớn thì không thể chỉ dựa vào vũ lực. Ông ta nhờ 1 học giả người Hán là Trương Tân giúp vạch ra nhiều biện pháp chính trị. Ông còn lưu giữ nhiều người nghèo khổ, có học thuộc dân tộc Hán, tổ chức thành 1 "quân tử

doanh" (doanh trại của những người quân tử). Do Thạch Lặc anh dũng thiện chiến, lại được nhiều mưu sĩ như Trương Tân giúp bày mưu lập kế, nên thế lực ngày càng lớn mạnh. Đến năm 328, Thạch Lặc tiêu diệt được Lưu Diệu. Hai năm sau (330), Thạch Lặc tự xưng hoàng đế ở Tương Quốc, vẫn lấy quốc hiệu là Triệu. Lịch sử gọi nước Triệu của Lưu Diệu là "Tiền Triệu" và nước Triệu do Thạch Lặc lập nên là "Hậu Triệu".

Bản thân Thạch Lặc không có văn hóa nhưng lại hết sức coi trọng các bậc thức giả. Sau khi lên ngôi hoàng đế, Thạch Lặc hạ lệnh cho cấp dưới, mỗi khi bắt được 1 người có học thì không được phép giết mà phải giải về Tương Quốc để ông xử lý. Nghe Trương Tân, ông cho mở trường học, yêu cầu con em và các tướng dưới quyền đến trường học tập. Ông còn lập ra chế độ tiến cử và chế độ thi tuyển. Phàm những người do các địa phương tiến cử lên, qua bình xét thấy hợp cách, đều được tuyển dụng làm quan. Thạch Lặc nghiêm cấm cấp dưới nói tới chữ "Hồ", "Kiệt", nhưng để phù dụ kẻ sĩ người Hán, đôi khi ông cũng bỏ qua không trị tội khi họ lỡ dùng theo thói quen. Một lần, có 1 người Hán là Phàn Đản được bổ dụng làm quan. Khi Phàn Đản vào cung triều kiến, trên mình, áo quần rất rách rưới. Thạch Lặc ngạc nhiên hỏi: "Khanh sao lại nghèo khổ tới mức này?"

Phàn Đản quên mất lệnh cấm, liền trả lời: "Gia đình thần vừa gặp một lũ giặc Kiệt, chúng cướp bóc sạch sành sanh, đến một bộ quần áo cho ra hồn cũng còn nữa".

Thạch Lặc thấy anh ta gặp rủi ro, liền an ủi: "Bọn giặc Kiệt cướp bóc bừa bãi như thế thật là bậy. Ta sẽ thay chúng để đền cho khanh".

Phàn Đản chợt nhớ ra, thấy mình đã xúc phạm tới hoàng đế thì sợ hãi run lấy bậy, cuống quýt dập đầu xin chịu tội. Thạch Lặc cười nói: "Lệnh cấm đó của ta là để đối phó với dân thường. Còn đối với những người có học như khanh, ta không trách". Nói xong, sai người đền trả Phàn Đản 1 số quần áo, tiền bạc, còn thưởng cho 1 cỗ xe, 1 con ngựa.

Thạch Lặc rất thích đọc sách. Bản thân ông không biết chữ, liền dùng 1 số người có học đọc sách cho mình nghe. Ông vừa nghe, vừa tùy lúc phát biểu kiến giải của mình. Một lần, ông nghe đọc Hán Thư (bộ sử chính triều Hán, do Ban Cố soạn), nghe đến đoạn có người khuyên Hán Cao Tổ Lưu Bang phong tước cho con cháu quý tộc cũ của 6 nước (Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên, Tề) liền nói: "Hầy! Lưu Bang dùng biện pháp sai lầm đó, tại sao lại giành được thiên hạ?".

Người giảng sách vội giải thích: sau nhờ có lời khuyên của Trương Lương, nên Hán Cao Tổ không làm việc đó nữa. Thạch Lặc gật đầu: "Như thế mới đúng chứ!".

Một lần khác, Thạch Lặc mở tiệc chiêu đãi các đại thần. Trong bữa tiệc, ông hỏi 1 đại thần: "Khanh xem, trăm có thể sánh với hoàng đế nào trong lịch sử cổ đại?".

Viên đại thần đó nói nịnh: "Bệ hạ anh minh thần vũ, còn hơn cả Hán Cao Tổ, những hoàng đế khác càng không thể sánh với bệ hạ".

Thạch Lặc cười đáp: "Khanh nói quá lời rồi, nếu ta gặp Hán Cao Tổ thì chỉ có thể làm bầy tôi, đại khái như Hàn Tín, Bành Việt. Nếu ta sinh vào thời Hán Quang Vũ Đế, thì có thể đua tranh với ông ta, chưa biết ai sẽ thắng ai".

Do Thạch Lặc quý trọng nhân tài, có chủ trương sáng suốt về chính trị nên đầu thời Hậu Triệu, miền bắc Trung Quốc đã xuất hiện cảnh hưng thịnh.

TỔ ĐỊCH VƯỢT SÔNG BẮC PHẠT

Từ khi người Hung Nô chiếm lĩnh Trung nguyên(chỉ lưu vực Hoàng Hà), rất nhiều người Hán ở miền bắc bị nạn xuống miền nam. Người bạn thân của Lưu Côn là Tổ Địch cũng dẫn mấy trăm người thân thích trong làng chạy xuống vùng lưu vực Hoàng Hà. Tổ Địch tự đứng ra chỉ huy đoàn

người tị nạn, nhường ngựa xe cho người già cả, ốm yếu, bỏ lương thực, quần áo của gia đình mình cho mọi người cùng sử dụng. Mọi người hết sức kính trọng ông, đồng thanh tiến cử ông làm thủ lĩnh. Khi đến Tứ Khẩu (nay ở phía bắc thành phố Thanh Giang, tỉnh Giang Tô), thủ hạ của Tổ Địch đã bao gồm nhiều tráng sĩ. Họ đều là người miền bắc đã buộc lòng rời bỏ quê hương. Tất cả đều mong muốn Tổ Địch lãnh đạo, dẫn dắt họ sớm trở về khôi phục lại Trung nguyên.

Lúc đó, Tư Mã Duệ chưa nhường ngôi hoàng đế. Tổ Địch vượt Trường Giang, đến Kiến Khang, khuyên Lang Nha vương Tư Mã Duệ: "Triều Tấn đại loạn, chủ yếu là do nội bộ hoàng thất tàn sát lẫn nhau, khiến cho người Hồ nhân cơ hội tiến công Trung nguyên. Nay trăm họ ở Trung nguyên bị kẻ địch bức bách tàn khốc, ai cũng muốn vùng lên chống lại. Chỉ cần đại vương hạ lệnh xuất binh, cử chúng tôi đi thu phục lại đất đai đã mất, thì nhân dân khắp các vùng ở miền bắc sẽ răm rộ hưởng ứng".

Tư Mã Duệ vốn không có ý định thu phục Trung nguyên, nhưng thấy Tổ Địch nói có tình, có lý, không tiện từ chối, đành miễn cưỡng đáp ứng yêu cầu của ông, cử ông làm thứ sử Dự Châu (là vùng gồm phía đông tỉnh Hà Nam và phía bắc tỉnh An Huy ngày nay), cấp cho ông số lương thực đủ nuôi 1000 người, cùng 3000 tấm vải. Còn người ngựa và vũ khí thì do Tổ Địch tự lo liệu. Tổ Địch khắc phục mọi khó khăn, lấy mấy trăm người thân thuộc đi theo mình từ miền bắc xuống làm nòng cốt, tổ chức 1 đội quân, tự sắm sửa thuyền bè vũ khí, vượt Trường Giang tiến lên vùng bị chiếm. Khi thuyền tới giữa sông, Tổ Địch dùng mái chèo đập vào mạn thuyền, thề với mọi người: "Tổ Địch này, nếu không quét sạch được quân địch chiếm lĩnh Trung nguyên thì quyết không qua con sông này nữa". Giọng nói hùng hồn và ý chí gang thép của ông khiến mọi tráng sĩ đi theo đều xúc động, càng thêm hăng hái.

Đến Hoài Âm, họ dừng lại chiêu mộ thêm binh mã, rèn thêm vũ khí, tăng lực lượng lên hơn 2000 người ngựa, sau đó tiến thẳng lên phía bắc.

Trên đường tiến binh, quân của Tổ Địch được nhân dân vùng bị chiếm nhiệt liệt ủng hộ, nên nhanh chóng thu hồi được nhiều đất đai. Khi đó, vùng bắc Trường Giang còn rất nhiều cường hào địa chủ, nhân lúc Trung nguyên đại loạn liền tập hợp lực lượng, xây thành đắp lũy, tranh đoạt đất đai và tài sản của nhau. Tổ Địch gặp gỡ, thuyết phục họ ngừng việc tranh chấp để cùng với ông tiến hành bắc phạt chống lại lực lượng xâm chiếm ngoại tộc. Kẻ nào không nghe theo, lại còn dựa thế kẻ địch để chống lại, ông đều kiên quyết dùng vũ lực tiến công, tiêu diệt. Do đó, uy tín của Tổ Địch ngày một cao. Lưu Côn lúc đó đang ở miền bắc, nghe tin người bạn thân đem quân bắc phạt thì rất vui mừng. Ông nói: "Ta nung nấu tinh thần chiến đấu, đêm nào cũng gối lên vũ khí, đợi trời sáng để đi giết giặc. Nay Tổ Địch đã đến hợp sức với ta rồi".

Năm 319, Trần Xuyên, một địa chủ cường hào ở vùng Trần Lưu đầu hàng Thạch Lạc, quốc vương Hậu Triệu. Tổ Địch quyết định đem quân tiến công Trần Xuyên. Thạch Lạc đưa 5 vạn quân đến cứu, bị Tổ Địch đánh cho đại bại. Tiếp đó, diễn ra cuộc tranh đoạt thành Bồng Pha (nay ở gần thành phố Khai Phong, tỉnh Hà Nam) giữa Đào Báo, tướng của Hậu Triệu với Hàn Tiềm, bộ hạ của Tổ Địch. Hai bên đánh nhau trong 40 ngày, giằng co mãi, đều gặp khó khăn về tiếp tế lương thực. Tổ Địch nghĩ kế đánh lừa địch, cho dùng túi vải đựng đầy đất, cho hơn 1000 quân vận chuyển tới trại quân của Hàn Tiềm, làm như vận tải lương thực. Cuối đoàn vận tải đất, cử một số nhỏ binh lính khiêng mấy bao lúa, đi chùng chình tới nửa đường thì giả bộ dừng lại nghỉ. Đào Báo từ trong trại của Hậu Triệu, quan sát thấy quân Tấn vận chuyển nhiều lương thực, thì nổi máu tham; lại thấy 1 số lính Tấn nghỉ giữa đường, liền sai quân lính xông ra cướp. Quân Tấn thấy vậy, bỏ mấy bao lúa lại, chạy về. Quân Triệu đang cạn lương, cướp được mấy bao lúa chẳng bỏ bèn gì, thấy doanh trại quân Tấn xếp đầy lương thực thì hoang mang, lo lắng. Đào Báo vội sai người về cầu cứu với Thạch Lạc.

Mấy hôm sau, Thạch Lạc phái 1 đoàn vận tải có hơn 1000 lừa ngựa chở lương thực cho Đào Báo. Tổ Địch dò được tin tức, phái quân mai phục

giữa đường, đoạt được toàn bộ số lương thực đó. Do không được tiếp tế, Đào Báo không trụ nổi, ngay trong đêm, phải bỏ trận địa rút chạy. Dưới sự lãnh đạo của Tổ Địch, quân Tấn qua chiến đấu gian khổ, đã thu phục lại được toàn bộ đất đai phía nam Hoàng Hà. Khá nhiều binh lính của Hậu Triệu theo hàng Tổ Địch. Sau khi Tấn Nguyên Đế lên ngôi, thấy Tổ Địch có công lớn, liền phong ông làm Trấn Tây tướng quân. Trong hoàn cảnh chiến đấu gian khổ, Tổ Địch sát cánh, đồng cam cộng khổ với tướng sĩ, bản thân hết sức tiết kiệm, có tiền bạc dư thừa đều giúp đỡ cấp dưới. Ông còn khuyến khích sản xuất, chiêu nạp, phủ dụ những người mới qui phục. Dù là những người ở địa vị thấp kém và những người không có quan hệ thân thích, ông đều đối xử nhiệt tình. Do đó, nhân dân vùng mới thu hồi đều nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ Tổ Địch.

Một hôm, Tổ Địch mở tiệc mời phụ lão địa phương. Mọi người vui mừng ca hát, nhảy múa. Một số cụ già rưng rưng nước mắt nói: "Chúng tôi đều già cả rồi, hôm nay còn được sống để gặp lại người thân, thì dù có chết cũng yên tâm nhắm mắt".

Tổ Địch vừa luyện quân, vừa phát triển thêm quân đội để chuẩn bị tiếp tục cuộc bắc phạt thu hồi lại vùng đất phía bắc Hoàng Hà. Nào ngờ, Tấn Nguyên Đế ngu tối, thấy Tổ Địch có lực lượng mạnh thì đem lòng nghi kỵ, sợ không khống chế được ông liền phái 1 người tin cậy là Đái Uyên là Chinh Tây tướng quân, nắm quyền chỉ huy quân sự cả 6 châu miền bắc và đặt Tổ Địch dưới quyền chỉ huy của Đái Uyên. Tổ Địch trải bao gian khổ mới thu hồi được vùng đất bị mất, nay lại bị triều đình khống chế nên rất buồn bực. Không lâu sau, lại nghe tin người bạn thân là U Côn đang ở Lưu Châu bị Vương Đôn cử người bức hại. Lại biết được giữa Tấn Nguyên Đế và Vương Đôn đang tranh đoạt quyền lực, khi thì công khai, khi thì ngầm ngầm, nội bộ triều chính chia làm 2 phe kình địch nhau thì lo phiền giận dữ, cuối cùng bị bệnh mất. Già trẻ trai gái ở Dự Châu nghe tin Tổ Địch mất, ai ai cũng đau buồn thương tiếc như mất người thân của mình.

Tuy Tổ Địch chưa hoàn thành được sự nghiệp khôi phục Trung nguyên, nhưng khí phách anh hùng và lời thề khi đập mái chèo giữa dòng Trường Giang vẫn mãi mãi được người sau truyền tụng.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

119-120

ĐÀO KHẢN TẬP KHUÂN GẠCH

Sau khi Tổ Địch mất, vương triều Đông Tấn liên tiếp xảy ra mấy lần nội loạn, Tấn Nguyên Đế muốn kiềm chế thế lực họ Vương, bị Vương Đôn đem quân tiến công Kiến Khang, giết 1 loạt đại thần đã chủ trương chống lại mình. Sau khi Tấn Minh Đế, con của Tấn Nguyên Đế lên ngôi, Vương Đôn lại tiến đánh Kiến Khang 1 lần nữa, nhưng thất bại rồi ốm chết. Đến đời Tấn Thành Đế (con của Tấn Minh Đế), Tô Tuấn, tướng trấn thủ Lịch Dương (nay là huyện Hòa, tỉnh An Huy) khởi binh chống lại triều đình, đánh vào Kiến Khang. Các đại thần trong triều bó tay, không có cách gì đối phó. Sau nhờ có thứ sử Kinh Châu là Đào Khả đem quân đánh dẹp. Trải qua 2 năm trời mới dẹp yên được cuộc nổi loạn của Tô Tuấn. Trong thời Vương Đôn còn đắc thế, Đào Khả vốn là bộ hạ của Vương Đôn. Vì lập được công trong chiến đấu, được làm thứ sử Kinh Châu. Có kẻ đố kỵ nói xấu ông với Vương Đôn, Vương Đôn bèn điều ông tới Quảng Châu. Lúc đó Quảng Châu còn là 1 vùng hoang vắng, điều tới Quảng Châu trên thực tế là 1 sự giáng chức.

Đến Quảng Châu, Đào Khả không hề nản chí, mỗi buổi sớm, ông đều khuân 100 viên gạch từ thư phòng ra ngoài sân; đến tối lại khuân số gạch trên từ sân vào thư phòng (gạch thời đó có kích thước và trọng lượng rất lớn, thường từ 5-10kg/viên). Nhiều người thấy ông ngày nào cũng làm như vậy lấy làm lạ, liền hỏi ông tại sao lại làm thế. Đào Khả trả lời nghiêm túc: "Tôi tuy gửi mình ở miền nam, nhưng trong lòng lúc nào cũng nghĩ tới

việc khôi phục Trung nguyên. Nếu cứ quen với cuộc sống nhàn hạ, thì sau này khi đất nước cần đến, tôi làm sao đảm đương được nhiệm vụ? Vì vậy, hằng ngày tôi phải mượn việc này để rèn luyện gân cốt".

Sau khi Vương Đôn thất bại, vương triều Đông Tấn mới thăng Đào Khản lên chức Chinh Tây đại tướng quân kiêm thứ sử Kinh Châu. Trăm họ ở Kinh Châu nghe tin Đào Khản được trở về thì đều vui mừng tranh nhau đến chào đón. Tuy đã làm đến chức quan đứng đầu 1 châu, nhưng Đào Khản vẫn hết sức thận trọng, cần mẫn. Mọi việc từ lớn đến nhỏ trong nha môn Kinh Châu, ông đều thân tự kiểm tra, không bao giờ buông lỏng. Ông thường nói với bộ hạ: "Đại Vũ là một thánh nhân mà vẫn quý trọng từng chút thời gian, còn chúng ta là những người bình thường, về trí tuệ và năng lực còn kém xa Đại Vũ, lại càng phải quý trọng thời gian, sao có thể tham hưởng an nhàn được. Nếu lúc còn sống không có cống hiến gì cho đất nước, khi đã chết không để lại tiếng tăm gì tốt; thì chẳng phải uổng phí một đời hay sao?".

Một số quan lại dưới quyền ông ham rượu chè cờ bạc nên thường làm lỡ việc công. Đào Khản vô cùng giận dữ khi biết việc đó. Ông sai người đi thu hết các đồ dùng để uống rượu và đánh bạc, ném xuống sông và cho phạt roi tất cả số quan lại đó. Từ đó về sau, những người phạm lỗi đều sợ, không dám tái phạm nữa. Một lần, trên đường đi thị sát, ông thấy 1 người đi đường vừa đi vừa thuận tay ngắt những bông lúa chưa chín ở cánh ruộng ven đường, rồi vung vẩy trên tay chơi nghịch. Đào Khản cho gọi người đó lại hỏi: "Người ngắt những bông lúa này để làm gì?".

Người bị hỏi liền nói thực: "Không để làm gì cả. Chỉ là tiện tay ngắt mà thôi".

Nghe trả lời, Đào Khản dùng dùng nổi giận, mắng: "Bản thân người không cày cấy, lại vô duyên vô cố phá hoại lúa má của người ta. Sao lại có thể như thế được?". Nói rồi hạ lệnh cho binh lính trói người đó lại, đánh cho 1 trận rồi mới thả ra.

Dân chúng thấy thứ sử quan tâm đến việc bảo vệ lúa má hoa màu như vậy thì đều phấn khởi, hăng hái sản xuất. Vùng Kinh Châu nhờ đó mà dần dần sung túc. Kinh Châu ở ven Trường Giang có nghề đóng thuyền. Các xưởng của nhà nước, trong khi đóng thuyền dư ra những mẫu gỗ và tre. Thường thường, người ta vứt bỏ hoặc đốt những thứ đó đi. Nhưng Đào Khản lại lệnh cho cấp dưới thu nhặt những mẫu tre gỗ đó, cất vào kho. Mọi người không hiểu làm thế để làm gì, nhưng không dám hỏi. Sau đó, nhân ngày tết đầu năm, các quan lại ở Kinh Châu đều đến phủ thứ sử để chúc tết Đào Khản. Vào lúc trước tết mấy ngày, trời xuống tuyết lớn. Đến ngày tết thì trời trở ấm, tuyết tan đường xa lầy lội, trước phủ thứ sử do xe ngựa đi nhiều nên đường vừa lầy, vừa trơn. Lúc đó Đào Khản mới sai bộ hạ lấy những mẫu gỗ tre trong kho ra trải lên mặt đường, Nhờ thế, đi đường không còn trơn nữa. Lại 1 lần khác, thủy quân Đông Tấn đóng thuyền, cần có nhiều đỉnh tre. Đào Khản lại sai mở kho, lấy số đầu tre đã khô, rất thích hợp cho việc dùng làm đỉnh, cung cấp đủ cho nhu cầu của thủy quân. Tới lúc đó, mọi người mới khâm phục sự nhìn xa và tác phong tỉ mỉ chu đáo của Đào Khản.

Đào Khản làm quan cai trị kiêm chỉ huy quân sự suốt 41 năm trời. Do ông giữ nghiêm pháp luật, làm việc thận trọng, chu đáo nên mọi người đều tin phục. Theo nói lại, trong vùng ông cai trị, trật tự xã hội hết sức ổn định, thực sự đạt tới mức: "Ban đêm không cần đóng cửa. Ngoài đường không ai nhặt của rơi".

NHÀ THƯ PHÁP VƯƠNG HY CHI

Trong thời Đông Tấn "họ Vương, họ Mã chung thiên hạ", họ Vương chiếm địa vị 1 dòng họ cao sang, đầy quyền lực. Con cháu của gia tộc Vương Đạo, Vương Đôn đều được làm quan. Phần lớn trong số những quan lại đó là những kẻ hèn kém, bất tài. Nhưng chính trong gia tộc đó lại nảy sinh 1 nhà thư pháp nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Đó là Vương Hy Chi. Từ nhỏ, Vương Hy Chi đã ham thích viết chữ. Theo kể lại, thường

ngày khi đi đường, ông thường dùng tay vạch vào không khí để luyện chữ, có lúc vạch vào quần áo nên làm quần áo rất mau rách. Trải qua rèn luyện say mê, mài miệt nên thư pháp của Vương Hy Chi đạt tới 1 trình độ rất cao.

Vì xuất thân trong 1 gia đình đại sĩ tộc, lại có tài hoa xuất chúng, nên các công khanh đại phu trong triều đều tiến cử ông ra làm quan. Ông đã làm tới chức nội sử và Hữu Quân tướng quân. Ông không thích cảnh phồn hoa của kinh thành, chỉ ham thích phong cảnh đẹp ở Cối Kê. Hễ có thời gian nhàn rỗi là dạo chơi sơn thủy cùng bạn bè. Một lần, Vương Hy Chi cùng bè bạn mở tiệc rượu ở Lan Đình thuộc Sơn Âm, Cối Kê. Mọi người vừa uống rượu vừa làm thơ. Cuối cùng Vương Hy Chi cao hứng vung bút viết 1 bài văn kỉ niệm cuộc gặp mặt đó. Đó là bài "Lan Đình tập tự" nổi tiếng. Bản "Lan Đình tập tự" đẹp đẽ do chính tay Vương Hy Chi viết ra đó, xưa nay vẫn được coi là của quý về nghệ thuật thư pháp Trung Quốc. Tiếc thay, bản chính đó đã thất truyền.

Thư pháp của Vương Hy Chi ngày càng nổi tiếng. Người thời đó đều coi mỗi chữ do ông viết ra là của báu. Theo nói lại, một lần ông đến chơi nhà 1 học trò, người học trò tiếp ông nhiệt tình. Ông ngồi cạnh 1 cái bàn mới, thấy mặt bàn sạch sẽ, láng bóng, liền nổi hứng viết chữ, bảo người học trò mang bút mực đến. Người học trò mừng không tả xiết, vội đem bút mực tới cho Vương Hy Chi. Ông liền viết lên mặt bàn mấy dòng chữ làm kỉ niệm, rồi ra về. Mấy hôm sau, người học trò đó có việc, đi khỏi nhà; người cha vào dọn dẹp thư phòng, ngỡ là mặt bàn bị mực làm hỏng, liền dùng dao cạo hết vết mực đi. Người học trò trở về, thấy mấy dòng chữ trên mặt bàn không còn nữa thì buồn rầu, ảo não mất mấy ngày. Lại 1 lần khác, Vương Hy Chi tới 1 làng, thấy ngoài chợ có 1 bà già đang rao bán 1 sọt đầy quạt hình lục giác đan bằng nan tre. Loại quạt này quá thô sơ, không trang trí gì nên chẳng ai chú ý, xem chừng khó mà bán được Bà già hết sức lo lắng, chạy khắp chợ rao đến vã mồ hôi. Vương Hy Chi thấy tình cảnh đó, rất thương bà già, liền tiến tới nói với bà: "Loại quạt của cụ không có hình vẽ,

cũng không có chữ, nên khó bán là phải. Tôi viết giúp cụ mấy chữ lên cái quạt, cụ thấy thế nào?".

Bà cụ không biết Vương Hy Chi, nhưng thấy ông nhiệt tình như thế, liền trao sọt quạt cho ông. Vương Hy Chi lấy bút mực, viết lên mỗi chiếc quạt 5 chữ như rồng bay phượng múa, rồi trao trả lại cho bà cụ. Bà cụ già không biết chữ, chỉ thấy chữ viết ngoằn ngoèo, rất chán nản. Vương Hy Chi an ủi: "Cụ đừng ngại, cứ nói với người mua rằng đây là chữ của Vương Hữu Quân viết".

Ông đi khỏi, bà cụ cứ theo lời dặn, rao lên. Người trong chợ thấy đúng là thư pháp của Vương Hữu Quân, liền tranh nhau mua. Chỉ 1 loáng, cả sọt quạt đã bán hết.

Các nghệ thuật gia mỗi người đều có sở thích riêng, người thì thích trồng hoa, người thì thích nuôi chim. Nhưng Vương Hy Chi lại có niềm say mê đặc biệt: bất kì ở đâu có ngỗng đẹp, ông đều có hứng thú đến xem hoặc mua về thưởng ngoạn. Ở Sơn Âm có 1 đạo sĩ muốn nhờ Vương Hy Chi viết cho 1 cuốn "Đạo Đức Kinh", nhưng ông ta biết rằng Vương Hy Chi không dễ chép kinh cho ai. Sau, ông ta dò biết Vương Hy Chi rất thích chơi ngỗng trắng, liền tìm mua 1 đàn ngỗng trắng thuộc loại giống tốt. Vương Hy Chi nghe nói nhà đạo sĩ có loại ngỗng đẹp, liền tìm đến xem. Khi tới gần nhà đạo sĩ thì thấy trên dòng sông bên cạnh có 1 đàn ngỗng đang bơi thông thả, con ngỗng nào cũng có bộ lông trắng muốt, làm tôn chiếc mỏ đỏ trên chiếc cổ cao, trông rất đáng yêu. Vương Hy Chi đứng bên bờ sông ngắm mãi, càng ngắm càng say, không muốn rời khỏi nữa. Sau đó, ông bảo người nhà thương lượng với đạo sĩ là người chủ của đàn ngỗng, để ông ta bán đàn ngỗng cho mình.

Đạo sĩ cười nói: "Vương Công đã thích như thế, cũng chẳng cần tốn kém làm gì, tôi xin biểu Người tất cả. Có điều, tôi chỉ có một mong muốn là được Người chép cho một quyển kinh".

Vương Hy Chi không do dự, liền chép ngay 1 bản "Đạo Đức Kinh" và nhận về 1 đàn ngỗng đẹp.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

121-122

HOÀN ÔN BẮC PHẠT

Sau khi Đào Khản dẹp xong cuộc nổi loạn của Tô Tuấn, vương triều Đông Tấn tạm ổn định. Chính lúc đó, miền bắc lại rơi vào cảnh hỗn loạn. Từ khi quốc vương Hậu Triệu là Thạch Hổ (con của Thạch Lạc) chết đi, nội bộ xảy ra đại loạn. Đại tướng Hậu Triệu Nhiễm Mẫn xưng đế, xây dựng nước Ngụy, lịch sử gọi chính quyền này là Nhiễm Ngụy. Nước Tiên Yên do quý tộc Tiên Ty là Mộ Dung Hoảng xây dựng, lại tiêu diệt Nhiễm Ngụy. Năm 342, quý tộc tộc Để là Phù Kiện thừa cơ chiếm miền Quan Trung, xây dựng nên nước Tiên Tần.

Khi Hậu Triệu diệt vong, tướng Đông Tấn là Hoàn Ôn dâng thư lên Tấn Mục Đế (hoàng đế thứ 5 của Đông Tấn) xin đem quân bắc phạt. Hoàn Ôn là người rất có tài quân sự. Khi ông làm thứ sử Kinh Châu, đã từng tiến quân vào đất Thục, diệt chính quyền Thành Hán, lập công lớn với triều Tấn. Nhưng nội bộ vương triều Đông Tấn chứa chất nhiều mâu thuẫn lớn. Tấn Mục Đế tuy thăng cấp cho Hoàn Ôn, nhưng lại vẫn nghi kỵ ông. Hoàn Ôn xin đi bắc phạt, Tấn Mục Đế không cho mà lại cử Ân Khiết. Ân Khiết là 1 văn nhân, chỉ có hư danh mà không có tài năng quân sự. Ân Khiết vừa dẫn quân tới Lạc Dương thì bị người tộc Khương đánh cho đại bại, chết 1 vạn người ngựa và mất sạch lương thảo, vũ khí. Hoàn Ôn lại dâng sớ tấu, xin triều đình triệu chức và định tội Ân Khiết, Tấn Mục Đế không thể làm khác đành triệu chức Ân Khiết và đồng ý cho Hoàn Ôn đem quân bắc phạt.

Năm 354, Hoàn Ôn dẫn 4 vạn quân Tấn xuất phát từ Giang Lăng, chia làm 3 đường tiến đánh Trường An. Quốc vương triều Tần là Phù Kiện dẫn 5 vạn quân ra chặn lại ở Nghiêm Quan, bị quân Tấn đánh cho tan tác. Phù Kiện đành dẫn 6 ngàn tàn binh già yếu chạy về Trường An, đào hào đắp lũy cố thủ. Hoàn Ôn thắng lợi, tiến quân đến Bá Thượng. Các quan vùng phụ cận Trường An lũ lượt đến đầu hàng quân Tấn. Hoàn Ôn ra cáo thị, khuyên dân chúng cứ an cư lạc nghiệp. Trăm họ mừng rỡ, tranh nhau bắt bò, dê, mang rượu đến doanh trại quân Tấn úy lạo. Từ khi Tây Tấn diệt vong, nhân dân ở miền bắc chịu mọi nỗi khổ cực do cảnh hỗn chiến đem lại. Nay nhìn thấy quân Tấn từ miền nam tiến lên, mọi người mừng vui trào nước mắt, cảm động nói: "Không ngờ tới hôm nay, lại được nhìn thấy quân của triều đình".

Hoàn Ôn đóng quân ở Bá Thượng, định đợi tới khi lúa mì chín thì tung quân ra gặt cướp để bổ sung cho số lương thực mang theo đã cạn. Nhưng Phù Kiện cũng rất tinh khôn, đoán được ý Hoàn Ôn, liền sai người gặt hết số lúa mì chưa thật chín, không cho quân của Hoàn Ôn được hưởng chút gì. Quân của Hoàn Ôn hết lương, không trụ lại được, đành rút về. Tuy vậy lần bắc phạt này cũng đã giành được thắng lợi lớn. Tấn Mục Đế thăng Hoàn Ôn lên làm Chinh Thảo đại đô đốc. Sau đó, Hoàn Ôn còn bắc phạt 2 lần nữa. Lần cuối, nhằm vào Tiên Yên, tiến quân đánh Phương Đầu (nay ở tây nam huyện Tuấn, Hà Nam). Sau bị quân Tiên Yên cắt đứt đường tiếp lương nên thất bại.

Hoàn Ôn nắm đại quyền về quân sự của Đông Tấn trong 1 thời gian dài. Vì vậy, dần dần nảy sinh dã tâm. Có lần ông ta tự nói với mình: "Làm tài trai, nếu không để tiếng thơm lại trăm đời; thì cũng nên lưu tiếng xấu tới vạn năm".

Một viên quan tâm phúc của Hoàn Ôn biết được dã tâm của ông ta, liền hiến kế: "Nếu muốn nâng cao uy tín của mình, thì nên theo Hoắc

Quang đời Tây Hán, phế bỏ đương kim hoàng đế đi, lập một hoàng đế khác".

Lúc đó, Tấn Mục Đế đã chết, hoàng đế tại vị là Tư Mã Dịch, sau gọi là Tấn Phế Đế. Hoàn Ôn đem quân vào Kiến Khang, tuyên bố phế bỏ Tư Mã Dịch và lập Tư Mã Dục lên làm hoàng đế. Đó là Tấn Giản Văn Đế. Hoàn Ôn làm tể tướng, dẫn quân đóng tại Cô Thục (nay là Dương Đồ, An Huy). Hai năm sau, Tấn Giản Văn Đế lâm bệnh nặng, để lại di chiếu cho thái tử Tư Mã Diêu kế vị. Đó là Tấn Hiếu Vũ Đế. Hoàn Ôn vốn tưởng rằng Giản Văn Đế sẽ nhường ngôi lại cho mình, nay nghe thấy tin đó thì thất vọng, bực bội, liền kéo quân về Kiến Khang. Quân Hoàn Ôn đem về Kiến Khang đều mang khôi giáp, vũ khí như ra trận. Các quan trong triều ra chào đón ở 2 bên đường thấy tình hình đó thì đều sợ hãi biến sắc.

Hoàn Ôn mời 2 đại thần thuộc dòng dõi đại sĩ tộc có uy tín nhất là Vương Đản Chi và Tạ An đến phủ đệ của mình để bàn luận. Hai người được tin là Hoàn Ôn đã bố trí võ sĩ mai phục sau phòng khách để giết họ. Vì vậy, khi đến phủ tể tướng, Vương Đản Chi sợ hãi, khắp người toát mồ hôi, ướt đầm cả lễ phục. Tạ An thì vẫn trấn tĩnh. Sau khi đã an tọa trong phòng khách, ông liền nói với Hoàn Ôn: "Tôi từng nghe từ xưa tới nay, phàm những đại tướng nhân nghĩa, bao giờ cũng bố trí binh mã ở biên cảnh để phòng bị ngoại binh xâm lấn. Nay tại sao Hoàn Công lại giấu binh mã ở sau tường".

Nghe những lời lẽ đường hoàng đó, Hoàn Ôn có vẻ ngượng nói: "Chẳng qua là tôi cũng đề phòng trường hợp bất trắc thôi". Sau đó liền ra lệnh cho rút hết quân mai phục.

Thấy thế lực chống đối mình trong giới sĩ tộc ở Kiến Khang không phải là nhỏ, Hoàn Ôn không dám tự tiện hành động. Không lâu sau, ông ta ốm chết. Sau khi Hoàn Ôn chết, Tạ An đảm nhận chức tể tướng; em trai Hoàn Ôn là Hoàn Xung làm thứ sử Kinh Châu. Hai người đồng tâm hiệp

lực phò tá Tấn Hiếu Vũ Đế. Nhờ đó, vương triều Đông Tấn lại có cục diện ổn định, đoàn kết.

VƯƠNG MÃNH NGHÈO KHÓ, TÀI CAO

Khi Hoàn Ôn tiến hành cuộc bắc phạt lần thứ nhất, đang đóng quân ở Bá Thượng, thì 1 hôm có 1 người xưng là thư sinh, mặc áo ngắn rách rưới, xin vào yết kiến. Hoàn Ôn đang chiêu mộ nhân tài, nghe nói người muốn yết kiến là 1 thư sinh, thì vui vẻ tiếp ngay. Thư sinh đó là Vương Mãnh, gia đình rất nghèo, phải dựa vào nghề đan sọt để kiếm sống. Nhưng vốn rất ham đọc sách, nên Vương Mãnh có 1 vốn kiến thức uyên bác. Vì xuất thân nghèo hèn, ông không được giới sĩ tộc ở Quan Trung kính trọng. Vương Mãnh chẳng thèm chú ý đến điều đó. Có người thấy ông có chữ nghĩa, muốn tiến cử ông làm 1 chức quan nhỏ trong vương phủ Tiền Tần, nhưng ông khảng khái từ chối, và tới ẩn cư ở núi Hoa Âm. Lần này nghe tin Hoàn Ôn đánh vào Quan Trung, nên ông tìm đến xin yết kiến.

Hoàn Ôn muốn thử xem tài học của Vương Mãnh thế nào, nên cùng ông đàm luận về đại thế trong thiên hạ. Vương Mãnh liền phân tích 1 cách hết sức rành rẽ tình hình mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế của cả 2 miền nam, bắc. Kiến giải của ông sâu sắc, tinh tế khiến Hoàn Ôn vừa nghe vừa thầm cảm phục. Vương Mãnh vừa đàm luận vừa luồn tay vào trong áo cánh bắt rận 1 cách tự nhiên. Bộ hạ của Hoàn Ôn thấy thế thì cố nhịn cười. Nhưng Vương Mãnh vẫn đàm luận hăng hái với Hoàn Ôn và tiếp tục bắt rận, coi như không có ai đang chú ý nhìn mình. Hoàn Ôn hỏi: "Lần này ta dẫn đại quân, theo lệnh hoàng đế trừ hại cho dân. Thế mà tại sao ta đã tới đây, vẫn không thấy hào kiệt địa phương đến gặp? Hôm nay mới có ông tìm tới".

Wương Mãnh cười nhạt: "Ngài không ngại vượt đường xa ngàn dặm, vào sâu đất trung tâm của đối phương. Trường An đã ở trước mặt mà ngài lại không vượt Bá Thủy (sông Bá). Vì thế mọi người không hiểu được dự tính của ngài ra sao, nên còn chưa muốn tới gặp ngài đó thôi".

Câu nói đó của Vương Mãnh đã đi trúng vào tính toán thâm kín của Hoàn Ôn. Nguyên do là Hoàn Ôn xin đi bắc phạt, chủ yếu là muốn tạo dựng uy tín trong triều đình Đông Tấn và chèn lấn các đối thủ chính trị. Ông đóng quân ở Bá Thượng, không vội đánh Trường An chính là muốn giữ gìn thực lực của mình để thực hiện các mưu đồ về sau. Bị nêu trúng vào chỗ đó, Hoàn Ôn không biết trả lời sao cho phải. Nhưng qua đàm luận, ông ta thấy Vương Mãnh là 1 tài năng hiếm có. Khi từ Quan Trung rút về nam, Hoàn Ôn nhắc đi nhắc lại lời mời Vương Mãnh cùng đi, và phong cho ông 1 chức quan khá cao. Vương Mãnh biết nội bộ vương triều Đông Tấn có nhiều lực lượng chống đối nhau nên không nhận lời của Hoàn Ôn và trở về núi Hoa Âm. Nhưng qua lần gặp gỡ đó, người thư sinh nghèo khổ đầy chấy rận bỗng nổi tiếng tăm.

Khi hoàng đế Tiền Tần là Phù Kiết chết, con là Phù Sinh kế nghiệp. Phù Sinh là kẻ vô cùng tàn bạo, nên chẳng bao lâu bị 1 người anh em họ là Phù Kiên lật đổ. Phù Kiên là 1 hoàng đế giỏi của vương triều Tiền Tần. Ngay từ khi chưa lên ngôi, ông đã có ý tìm 1 trợ thủ đắc lực. Có người giới thiệu Vương Mãnh. Phù Kiên cho mời Vương Mãnh tới. Hai người vừa gặp nhau, đàm luận về mọi chuyện hưng vong trong lịch sử, kiến giải hoàn toàn hợp nhau, nên nhanh chóng coi nhau như bạn bè thân thiết. Phù Kiên rất mừng, cho rằng mình gặp Vương Mãnh giống như Lưu Bị gặp được Gia Cát Lượng vậy. Phù Kiên lên ngôi, xưng là Đại Tần Thiên Vương; Vương Mãnh trở thành 1 đại thần tin cậy nhất, trong 1 năm được thăng cấp 5 lần, nắm quyền lực lớn, vượt hơn các đại thần khác.

Lúc đó, Vương Mãnh mới 36 tuổi, còn quá trẻ, lại là người Hán. Các lão thần thuộc tộc Để của Tiền Tấn thấy Phù Kiên tin dùng Vương Mãnh như vậy thì không phục. Một đại thần thuộc tộc Để là Phàn Thế, là người đi theo Phù Kiên đánh chiếm Quan Trung, trong 1 lần gặp Vương Mãnh, lớn tiếng mắng: "Chúng ta vất vả cuốc đất cấy trồng để cho người đến ăn bát cơm trắng à?".

Vương Mãnh không chịu kém, trả miếng lại: "Các ông không chỉ cuốc đất cấy trồng, mà còn phải nấu cơm cho ta ăn nữa kia!".

Phàn Thế nổi giận nói: "Ta không cắt được đầu người treo trên thành Trường An thì ta không sống làm gì nữa".

Mấy hôm sau, Phàn Thế và Vương Mãnh tranh cãi kịch liệt trước mặt Phù Kiên. Phàn Thế muốn xông tới đánh Vương Mãnh. Phù Kiên thấy Phàn Thế hành động không theo thể thống, liền ghép ông ta vào tội chết. Từ đó các quan chức người tộc Để không còn ai dám nói xấu Vương Mãnh với Phù Kiên nữa. Vương Mãnh được Phù Kiên tín nhiệm, ra sức giúp Phù Kiên trấn áp bọn cường hào, chinh đốn nội chính. Khi Vương Mãnh kiêm nhiệm chức Kinh Triệu doãn (chức quan trấn thủ kinh thành), em trai của thái hậu là Quang Lộc đại phu Cường Đức say rượu gây rối, cưỡng đoạt tài sản và phụ nữ. Vương Mãnh cho bắt Cường Đức rồi tâu lên Phù Kiên. Khi Phù Kiên sai người mang lệnh miễn tội cho Cường Đức tới, thì Vương Mãnh đã xử quyết Cường Đức rồi. Chỉ trong mấy chục ngày, bọn cường hào cậy quyền thế, hoành thân quốc thích ở Trường An làm bậy bị xử tử, chịu hình phạt và miễn chức có tới hơn 20 người. Các quan chức trong triều đều cảm thấy run sợ, bọn người xấu không dám làm bậy nữa. Phù Kiên cảm thán nói: "Đến bây giờ, ta mới hiểu được rằng đất nước cần phải có pháp luật".

Trong hơn 10 năm, nước Tiền Tần dưới sự cai trị của Phù Kiên và Vương Mãnh, càng ngày càng lớn mạnh, lần lượt diệt 3 nước nhỏ là Tiền Yên, Đại và Tiền Lương, thống nhất cả vùng thuộc lưu vực Hoàng Hà. Năm 375, Vương Mãnh mắc bệnh nặng. Phù Kiên đến thăm ông. Ông khẩn thiết nói với Phù Kiên: "Đông Tấn tuy xa cách tận Giang Nam, nhưng lại là triều đại kế thừa chính thống của triều Tấn, hiện nay nội bộ họ lại yên ổn vô sự. Sau khi thần mất đi, xin bệ hạ muôn ngàn lần không nên tiến công nước Tấn. Địch thủ của chúng ta là người Tiên Ty và người Khương, còn

họ là ta còn hậu hoạn. Nhất định phải diệt được họ đi thì Tiền Tần ta mới được an toàn".

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

123-124

PHÙ KIÊN KHÔNG NGHE LỜI CAN GIÁN

Khi Vương Mãnh còn sống, Phù Kiên luôn luôn làm theo lời khuyên và mưu kế do ông nêu ra. Nhưng lời dạn dò tâm huyết của Vương Mãnh trước khi chết thì Phù Kiên lại không nghe theo. Vương Mãnh cho rằng địch thủ của Tiền Tần là người Tiên Ty và người Khương, nhưng Phù Kiên lại hết sức tín nhiệm 2 người từ Tiền Yên tới đầu hàng là Mộ Dung Thùy, quý tộc người Tiên Ty và Diêu Trường, quý tộc người Khương. Vương Mãnh khuyên không nên tiến công Đông Tấn, nhưng Phù Kiên lại cho rằng Đông Tấn lag địch thủ duy nhất, không thể không tìm cách tiêu diệt. Ba năm sau khi Vương Mãnh chết, Phù Kiên phái con trai là Phù Phi cùng với Mộ Dung Thùy và Diêu Trường dẫn mười mấy vạn quân chia làm nhiều đường tiến đánh thành Tương Dương của Đông Tấn. Tướng trấn thủ Tương Dương là Chu Tự kiên quyết chống lại. Quân Tiền Tần mất gần 1 năm mới hạ được thành Tương Dương, bắt sống Chu Tự.

Chu Tự được đưa về Trường An. Phù Kiên thấy Chu Tự kiên quyết giữ Tương Dương, tỏ ra là 1 trung thần có khí tiết, liền phong Chu Tự làm quan của Tiền Tần. Tiếp đó, Phù Kiên lại cử hơn 10 vạn quân từ Tương Dương tiến sang phía đông đánh Hoài Nam, tướng trấn thủ của Đông Tấn là Tạ Thạch, Tạ Huyền dẫn quân thủy bộ đón đánh, quân Tiền Tần thất bại thảm hại. Nhưng Phù Kiên vẫn cay cú, không chịu thôi. Tới năm 382 Phù Kiên tự thấy mọi việc đã chuẩn bị đầy đủ, liền hạ quyết tâm tiến công vào thành Đông Tấn. Tháng 10 năm đó, Phù Kiên triệu tập các đại thần họp bàn

trong điện Thái Cực ở hoàng cung Trường An. Mở đầu cuộc họp, Phù Kiên nói: "Trẫm kế thừa ngôi báu đến nay đã gần ba mươi năm. Các thế lực cát cứ hầu như đã bình định xong. Chỉ còn lại có Đông Tấn ở miền nam là chưa chịu thần phục. Ngày nay chúng ta có chín mươi bảy vạn quân tinh nhuệ. Trẫm dự định thân chinh đi đánh Tấn. Các khanh thấy thế nào?".

Các đại thần đều tỏ ý phản đối chủ trương đó. Đại thần Quyền Dư nói: "Nước Tấn tuy nhỏ yếu, nhưng quốc vương nước đó không phạm sai lầm gì lớn. Họ lại có những văn thần, võ tướng giỏi giang, đoàn kết chặt chẽ như Tạ An, Hoàn Xung. Thần nghĩ rằng bây giờ chưa phải là lúc tiến công lớn vào Đông Tấn".

Võ tướng Thạch Việt tiếp lời: "Nước Tấn có Trường Giang là chướng ngại thiên nhiên, lại thêm dân chúng đều có ý chí giữ nước. Thần sợ rằng chúng ta không thể thắng được".

Nghe thấy ý kiến đó, Phù Kiên nổi giận, lớn tiếng: "Hừm! Chướng ngại thiên nhiên Trường Giang thì đáng kể gì. Quân đội chúng ta đông thế này, mỗi người chỉ cần ném chiếc roi ngựa xuống cũng đủ làm tắc ứ dòng sông lại. Lúc đó thì còn gì là chướng ngại nữa".

Triều thần bàn bạc suốt buổi, vẫn không đi tới quyết định được. Phù Kiên lại bực bội nói: "Các người lui cả đi. Để ta tự suy xét và quyết định".

Các đại thần thấy Phù Kiên nổi nóng, đành lặng lẽ rời khỏi cung điện. Cuối cùng chỉ còn lại Phù Dung là em ruột Phù Kiên ở lại. Phù Kiên kéo tay Phù Dung tới ngồi bên cạnh nói: "Từ xưa tới nay, quyết định quốc gia đại sự, bao giờ cũng chỉ dựa vào một vài người. Hôm nay mọi người bàn bạc lung tung, chẳng đi đến kết quả gì. Việc này phải do hai anh em ta quyết định thôi".

Phù Dung với nỗi lòng nặng trĩu, lựa lời nói với Phù Kiên: "Thưa hoàng huynh, ngu đệ thấy rằng các đại thần đã trung thực nói lên ý kiến của

họ. Việc đánh Đông Tấn đúng là có rất nhiều khó khăn. Thêm nữa, quân ta gần đây năm nào cũng ra đánh trận, binh sĩ cũng đã quá mỏi mệt, không muốn lại đi đánh trận nữa. Những người phát biểu hôm nay đều là các trung thần. Dám mong hoàng huynh bệ hạ tiếp nhận ý kiến của họ".

Phù Kiên không ngờ ngay cả Phù Dung cũng chống lại chủ trương của mình, liền xầm mặt lại, nói: "Ngay cả người cũng thở ra cái giọng khiếp nhược đó sao. Ta lấy làm thất vọng về người. Trong tay ta có trăm vạn tinh binh, vũ khí lương thảo chất cao như núi. Đánh kẻ địch quèn như Đông Tấn, sao có thể không thắng lợi được?".

Phù Dung thấy Phù Kiên cứ khẳng khẳng giữ chủ trương sai lầm đó thì muốn bật khóc, liền cố van xin Phù Kiên: "Hiện nay mà đánh Tấn, không những không có hy vọng thắng lợi mà thêm nữa, tại kinh đô Trường An hiện có rất nhiều người Tiên Ty, người Khương, người Kiệt. Nếu bệ hạ rời khỏi Trường An đi viễn chinh, bọn họ sẽ vùng lên làm phản, thì sau này có hối cũng không kịp nữa. Lẽ nào bệ hạ đã quên lời Vương Mãnh dặn lại lúc lâm chung?".

Sau lần đó còn có rất nhiều đại thần cố khuyên Phù Kiên không nên đánh Tấn, Phù Kiên đều bỏ ngoài tai. Một hôm, quan kinh triệu doãn Mộ Dung Thùy vào xin yết kiến, Phù Kiên yêu cầu Mộ Dung Thùy nói lên ý kiến của mình đối với việc đánh Tấn. Mộ Dung Thùy nói: "Nước mạnh thôn tính nước yếu, đó là lẽ thường. Bậc quân vương anh minh như bệ hạ, trong tay có trăm vạn hùng sư, khắp triều đình đầy mưu thần võ tướng tài giỏi, diệt một nước nhỏ như nước Tấn là chuyện hết sức dễ dàng. Bệ hạ cứ đưa ra ý kiến quyết định là được, hà tất phải trưng cầu ý kiến nhiều người nữa".

Phù Kiên nghe lời Mộ Dung Thùy thì vui mừng hơn hờ, cười nói: "Xem ra người có thể cùng ta bình định thiên hạ chỉ có khanh mà thôi". Nói xong lập tức hạ lệnh lấy 500 tấm đoạn thưởng cho Mộ Dung Thùy.

Được Mộ Dung Thùy dâng bốc, xúi giục, Phù Kiên hưng phấn tới suốt mấy ngày đêm không ngủ được. Hoàng phi là Vương phu nhân nghe nói trong triều có rất nhiều đại thần không tán thành xuất binh, liền dùng lời lẽ khéo léo khuyên can Phù Kiên. Phù Kiên nói: "Việc chiến trận, không phải là chuyện để đàn bà quan tâm".

Con trai út rất được yêu chiều của Phù Kiên là hoàng tử Phù Tiên cũng khuyên cha: "Hoàng thúc (chỉ Phù Dung) là người rất trung thành với phụ hoàng, sao phụ hoàng không nghe lời khuyên của hoàng thúc?".

Phù Kiên trả lời lãnh đạm: "Việc lớn quốc gia, trẻ con biết gì mà ăn nói lung tung".

Phù Kiên cự tuyệt mọi lời khuyên của đại thần và người thân, quyết tâm dốc hết vốn liếng, đánh 1 nước bạc liều, đem toàn bộ lực lượng tiến công Đông Tấn. Ông ta phái Phù Dung và Mộ Dung Thùy làm tiên phong. Lại phong Diêu Trường làm Long Nhượng tướng quân, chỉ huy quân mã Ích Châu và Lương Châu, chuẩn bị đưa quân đánh Tấn. Hai cháu của Mộ Dung Thùy nói riêng với Mộ Dung Thùy: "Hoàng thượng quá kiêu ngạo. Xem ra lần chiến tranh này là cơ hội tốt để chúng ta khôi phục lại nước Yên đây!".

TẠ AN LẠI RA LÀM QUAN

Tháng 8 năm 383, Phù Kiên thân dẫn 87 vạn đại quân xuất phát từ Trường An. Trên đường đi xuống phía nam, bụi cuốn mù mịt, bộ binh, kỵ binh cộng với xe chỉ huy, lừa ngựa tải lương, đội ngũ rầm rộ, trùng điệp, kéo dài tới hàng ngàn dặm. Hành quân 1 tháng trời, quân chủ lực của Phù Kiên tới Hạng Thành (nay ở phía nam Thẩm Khâu, Hà Nam); thủy quân từ Ích Châu cũng theo Trường Giang xuôi xuống phía đông. Quân mã từ bắc Hoàng Hà kéo đến Bành Thành (nay là thành phố Từ Châu thuộc Giang Tô). Trên chiến tuyến dài hơn 1 vạn dặm từ tây sang đông, quân thủy và quân bộ của Tiền Tần cùng tiến, tới sát vùng Giang Nam. Tin tức truyền tới

Kiến Khang, Tần Hiếu Vũ Đế và bá quan văn võ trong triều đều kinh hoàng. Quân và dân triều Tấn đều không muốn để Giang Nam rơi vào tay Tiền Tần. Mọi người cùng trông mong tể tướng Tạ An đứng ra lo liệu công việc chống Tần.

Tạ An là người Dương Hạ thuộc quận Trần (nay là Thái Khanh, Hà Nam), xuất thân trong 1 gia đình sĩ tộc. Thời trẻ ông giao du thân thiết với Vương Hy Chi, thường cùng nhau ngao du sơn thủy, đàm luận thơ văn ở Đông Sơn thuộc Cối Kê. Tiếng tăm của ông trong giai tầng sĩ đại phu rất vang dội, ai nấy đều cho ông là người có tài năng lớn. Nhưng ông thích ẩn cư ở Đông Sơn chứ không thích làm quan. Được nhiều người tiến cử nhưng ông chỉ ra nhận chức được hơn 1 tháng rồi lại bỏ về. Đương thời, trong giới sĩ đại phu lưu hành 1 câu vè:

"Tạ An chẳng muốn làm quan

Nhân dân trăm họ biết làm sao đây?"

Đến năm hơn 40 tuổi, ông mới chịu ra làm quan trở lại. Vì Tạ An ẩn cư lâu dài ở Đông Sơn nên sau này, người ta gọi việc ông ra làm quan lại là "Đông Sơn tái khởi". Sau khi Phù Kiên phát triển thế lực, biên giới phía bắc Đông Tấn thường xuyên bị quân Tiền Tần quấy nhiễu. Triều đình muốn chọn 1 tướng lĩnh văn võ toàn tài lên trấn thủ biên giới. Tạ An tiến cử cháu (con người anh em của Tạ An) là Tạ Huyền với Tần Hiếu Vũ Đế. Hiếu Vũ Đế phong Tạ Huyền làm tướng lên trấn giữ Quảng Lăng (nay là thành phố Dương Châu thuộc tỉnh Giang Tô), chỉ huy các đạo quân ở Giang Bắc. Tạ Huyền cũng là 1 nhân tài về quân sự. Sau khi đến Quảng Lăng, ông liền chiêu binh mãi mã, tổ chức thêm các đội quân phòng thủ. Lúc đó, nhiều người Hán từ miền bắc chạy xuống, sôi nổi xin sung quân. Trong số họ có 1 người quê ở Bành Thành, tên là Lưu Lao Chi, từ nhỏ đã luyện tập tinh thông võ nghệ; khi ra trận hết sức dũng mãnh. Tạ Huyền dùng Lưu Lao Chi làm tham quân, giao cho chỉ huy 1 đội quân tinh nhuệ. Đội quân đó được Tạ Huyền và Lưu Lao Chi dày công huấn luyện, trở thành 1 đội quân bách

chiến bách thắng. Vì đội quân đó đóng ở Kinh Khẩu (nay là Trấn Giang, Giang Tô), mà Kinh Khẩu lại được gọi là "Bắc Phủ" nên đội quân đó cũng có tên gọi là "Bắc Phủ binh".

Lần này, Phù Kiên đem đại quân tấn công Đông Tấn, Tạ An quyết định tự mình giữ Kiến Khang, cử em là Tạ Thạch làm Chinh Thảo đại đô đốc, Tạ Huyền làm Tiền Phong đô đốc, đem 8 vạn quân lên Giang Bắc chống lại quân Tần. Lại cử tướng Hồ Bân dẫn 5000 thủy quân đến Thọ Dương (nay là huyện Thọ, An Huy) để phối hợp tác chiến. Bắc Phủ binh dưới quyền Tạ Huyền tuy dũng mãnh thiện chiến, nhưng binh lực của Tiền Tần đông gấp 10 lần quân Đông Tấn, nên trong lòng Tạ Huyền không tránh khỏi có lo lắng. Trước khi xuất phát, Tạ Huyền đích thân tới chào từ biệt Tạ An tại nhà riêng và có ý muốn hỏi xem nên tiến hành chiến đấu theo phương pháp gì. Nào ngờ, Tạ An nghe thấy hỏi thì vẫn bình thường như không có chuyện gì, chỉ trả lời nhẹ nhàng, qua quýt: "Ta đã có xếp đặt rồi".

Tạ Huyền nghĩ chắc sau đó Tạ An sẽ dặn dò thêm, nhưng ngồi chờ mãi không thấy Tạ An nói thêm gì nữa. Tạ Huyền về nhà, trong lòng vẫn băn khoăn. Hôm sau lại nhờ người bạn là Trương Huyền đến thăm Tạ An, để thừa dịp thuận lợi hỏi ý kiến Tạ An xem sao. Tạ An vừa thấy Trương Huyền, chẳng nói gì đến chuyện quân sự, mà mời ngay Trương Huyền đến tòa biệt thự trong núi. Tới đó đã có nhiều danh sĩ tới trước, cùng đàm luận văn chương. Trương Huyền không có dịp nào để nêu ra câu hỏi mà Tạ Huyền nhờ. Tạ An mời Trương Huyền cùng mình đánh cờ, và nói vui rằng nếu thua sẽ gán cho Trương Huyền tòa biệt thự này. Trương Huyền vốn là 1 kì thủ có tiếng, ngày thường ông ta luôn thắng Tạ An. Nhưng hôm nay, Trương Huyền không còn lòng dạ chơi cờ nữa, chỉ gượng tiếp Tạ An, nên thua liền mấy ván. Đánh cờ xong, Tạ An lại mời mọi người dạo chơi, xem phong cảnh núi non. Dạo chơi suốt 1 ngày, đến khi trời tối mới trở về nhà. Tối hôm đó, Tạ An triệu tập các tướng Tạ Huyền, Tạ Thạch...tới nhà mình, giao nhiệm vụ cho từng người hết sức rành rọt, tỉ mỉ. Mọi người thấy thấy

Tạ An trầm tĩnh, chủ động như vậy, đều thấy vững tin, phấn khởi cùng nhau về quân doanh.

Lúc đó Hoàn Xung ở Kinh Châu thấy tình thế nguy hiểm, liền dành ra 3000 tinh binh đưa tới Kiến Khang để bảo vệ Kinh Thành. Tạ An nói với các tướng sĩ được cử tới: "Ở đây ta đã sắp đặt ổn thỏa cả rồi. Các người hãy trở về để tăng cường cho việc phòng thủ mặt phía tây".

Các tướng sĩ trở về Kinh Châu báo cáo lại với Hoàn Xung. Hoàn Xung rất lo lắng, nói với các tướng sĩ: "Khí độ của Tạ Công đúng là đáng cho mọi người khâm phục. Nhưng ngài không hiểu rõ việc đánh trận. Kẻ địch đã đến trước mặt, mà vẫn ung dung tự tại, binh lực thì ít ỏi, lại cử những tướng trẻ không có kinh nghiệm đi chỉ huy. Có lẽ chúng ta sắp gặp tai họa lớn rồi".

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

125-126

TRẬN PHÌ THỦY

Theo mệnh lệnh của Tạ An, Hồ Bân dẫn thủy quân theo Hoài Hà tiến tới Thọ Dương. Trên đường đi, Hồ Bân nhận được tin Thọ Dương đã bị quân tiên phong của Tiền Tần do Phù Dung chỉ huy đánh tan. Hồ Bân đành lui quân tới Hiệp Thạch (nay ở tây nam Phượng Đài, An Huy) rồi đóng lại đó, chờ đại quân của Tạ Thạch, Tạ Huyền tới hội hợp. Sau khi chiếm được Thọ Dương, Phù Dung lại cử bộ tướng Lương Thành dẫn 5 vạn quân tiến công Lạc Gián (nay ở phía đông Hoài Nam, An Huy), cắt đứt đường sau lưng thủy quân Hồ Bân. Quân Hồ Bân bị vây, lương thực ngày càng thiếu, tình hình hết sức nguy ngập. Hồ Bân phái 1 tên lính mang thư cáo cấp với Tạ Thạch nói: "Hiện nay quân địch rất mạnh, quân lương của tôi sắp hết, sợ không có cách nào hội hợp với đại quân được".

Khi tên lính mang thư vượt qua chiến tuyến quân Tần, thì bị quân Tần bắt được. Phong thư cáo cấp rơi vào tay Phù Dung. Phù Dung lập tức cho ngựa chạy về Hạng Thành báo cáo với Phù Kiên. Phù Kiên liền tiếp nhận được tin thắng trận của đội quân tiên phong, càng thêm kiêu ngạo. Ông ta để đại quân đóng ở Hạng Thành, tự dẫn 8000 kỵ binh đi gấp tới Thọ Dương, chỉ muốn nuốt sống ngay quân Tấn. Đến Thọ Dương, Phù Kiên bàn bạc với Phù Dung, cho rằng quân Tấn không thể chịu nổi đòn đánh mãnh liệt của đại quân Tiền Tần, liền cử 1 sứ giả đến đại doanh của quân Tấn khuyên hàng. Sứ giả được cử đi không phải là ai khác, mà lại chính là

người mà mấy năm trước đã từng kiên quyết chống lại quân Tiền Tần ở Tương Dương và bị bắt sống. Người đó là Chu Tự.

Từ sau khi bị bắt, Chu Tự được Phù Kiên trọng dụng, cho làm thượng thư trong triều, nhưng thâm tâm bao giờ cũng hướng về triều Tấn. Khi được cử đi thuyết hàng, gặp lại Tạ Thạch, Tạ Huyền, Chu Tự cảm thấy thân thiết như gặp lại người thân. Vì vậy không những không thuyết hàng theo lời dặn của Phù Kiên, mà ngược lại Chu Tự còn tiết lộ cho Tạ Thạch, Tạ Huyền biết tình hình nội bộ của Tiền Tần. Chu Tự nói: "Lần này Phù Kiên đem hàng trăm vạn quân xuống đánh Đông Tấn. Nếu chúng tập trung được lực lượng đó, e rằng Đông Tấn không thể nào chống đỡ nổi. Nay nhân lúc quân đội của chúng chưa tới được đầy đủ mà nhanh chóng tổ chức cuộc tiến công, đánh bại đội tiên phong để làm tổn thương sĩ khí của chúng, thì có thể đánh bại quân Tần".

Sau khi Chu Tự trở về Tần, Tạ Thạch suy đi tính lại, thấy binh lực của quân Tần ở Thọ Dương rất mạnh, không chắc thắng được, nên nếu cứ cố gắng tăng cường phòng thủ thì đảm bảo hơn. Nhưng con Tạ Thạch là Tạ Viên cố khuyên Tạ Thạch nên nghe theo lời của Chu Tự, gấp rút tổ chức tiến công. Tạ Thạch lại bàn bạc với Tạ Huyền rồi quyết định cử danh tướng Lưu Lao Chi dẫn 5000 quân tinh nhuệ của Bắc Phủ binh tập kích bất ngờ vào quân Tần ở Lạc Gián. Đội quân này quả là danh bất hư truyền, họ dũng mãnh như hùm mọc cánh, tiến đánh ào ạt vào Lạc Gián. Quân Tần phòng giữ ở đây không phải là đối thủ của đội quân thiện chiến này, qua 1 thời gian ngắn gắng gượng, chống đỡ không nổi, đã bị đánh bại; tướng Lương Thành đã bị quân Tấn giết chết. Quân Tần tranh nhau vượt Hoài Hà trốn chạy, số lớn bị chết đuối giữa dòng. Trận thắng Lạc Gián khiến tinh thần quân đội Tấn tăng cao. Tạ Thạch, Tạ Huyền hạ lệnh cho Lưu Lao Chi đem quân cứu viện cho Hồ Bân ở Hiệp Thạch, đồng thời chỉ huy đại quân thừa thắng tiến lên, tới tận bờ phía đông Phì Thủy (nay là Phì Hà - tức sông Phì ở phía nam huyện Thọ, An Huy), đem quân lên đóng cạnh Bát Đông Sơn, đối diện với quân Tần đang đóng ở Thọ Dương, bên bờ phía tây.

Phù Kiên sau khi cử Chu Tự đi khuyên hàng, đang dương dương đắc ý chờ quân Tấn mang thư hàng tới; nay đột nhiên nghe tin Lạc Gián thất thủ thì choáng váng như bị 1 gậy giáng vào đầu. Ông ta cùng Phù Dung đi lên lầu thành Thọ Dương để quan sát tình hình quân Tấn bên kia sông. Phù Kiên đứng trên lầu thành nhìn sang, thấy lầu trại quân Tấn hàng ngũ chỉnh tề, quân Tấn cầm vũ khí đi lại tuần phòng nghiêm ngặt, thế trận vững chắc, uy nghiêm. Nhìn về phía xa, thấy trên Bát Công Sơn thấp thoáng có nhiều binh lính Tấn. Sự thực do Phù Kiên hoang mang lóa mắt, nhiều cỏ cây lay động trên Bát Công Sơn lại tưởng nhầm thành quân Tấn (văn ngôn Trung Quốc gọi cảm giác này của Phù Kiên là "thảo mộc giai binh"). Phù Kiên hơi sợ, quay đầu lại nói với Phù Dung: "Đây đúng là một kẻ địch mạnh! Sao có thể nói chúng là quá yếu được".

Từ đó Phù Kiên hạ lệnh cho quân Tần phòng thủ nghiêm ngặt, quân Tấn vì vậy rất khó vượt được Phì Thủy. Tạ Thạch, Tạ Huyền hết sức lo lắng, nếu cứ kéo dài như vậy, e khi quân Tần đến đủ thì càng bất lợi cho quân Tấn. Tạ Huyền nghĩ ra 1 mẹo, cho người mang thư sang Phù Kiên nói: "Các ngài đem đại quân đi sâu vào đất nước Tấn, mà hiện nay lại dàn trận lên bờ Phì Thủy, án binh bất động. Như vậy chẳng lẽ các ngài ngại giao chiến hay sao? Nếu các ngài chịu lui quân về phía sau một chút, nhường ra một khu đất, để chúng tôi vượt sông bày trận rồi sẽ so tài cao thấp, thì mới được coi là có đảm lược".

Phù Kiên nhận được thư, tự nghĩ: "Nếu không chấp nhận yêu cầu đó thì chẳng phải là mình sợ quân Tấn hay sao?". Liền triệu tập các tướng đến, hạ lệnh: "Quân Tấn đề nghị chúng ta nhường ra một vùng đất để họ bày trận. Chúng ta hãy lùi lại một chút, chờ khi quân chúng đang vượt sông, sẽ dùng kỵ binh xông lên, đảm bảo sẽ tiêu diệt được chúng".

Tạ Thạch, Tạ Huyền được tin quân Tần chấp nhận lui quân, liền nhanh chóng chỉnh đốn người ngựa chuẩn bị vượt sông tiến công. Tới thời gian 2 bên đã thỏa thuận, Phù Kiên ra lệnh cho Phù Dung chỉ huy quân Tần lui về

sau. Họ vốn định lùi lại 1 đoạn ngắn rồi sẽ quay trở lại tiến đánh Tấn. Không ngờ rất nhiều lính Tần, số thì chán ghét chiến tranh số thì sợ quân Tấn, nên vừa nhận được lệnh rút là quay đầu chạy không muốn dừng lại nữa. Tả Huyền dẫn hơn 8000 kỵ binh, nhân cơ hội đó nhanh chóng vượt sông, tiến đánh mãnh liệt vào quân Tần. Đúng lúc đó, Chu Tự ở phía sau trận quân Tần hoảng hốt hô lớn: "Quân ta thua rồi! Quân ta thua rồi!".

Quân Tần ở phía sau không biết tình hình ở phía trước ra sao, chỉ thấy quân lính đang chạy trở lại rầm rập thì cũng quay đầu chạy, vừa chạy vừa la hoảng. Phù Dung vội vã vung kiếm, cưỡi ngựa xông ra toan ngăn lại. Nhưng quân Tần đang như dòng nước triều cuồn cuộn, không có sức mạnh nào ngăn lại được. Một toán loạn binh ào tới, xô ngã con ngựa do Phù Dung đang cưỡi. Phù Dung đang cố bò dậy thì bị 1 tên lính rút dao chém chết. Chủ tướng đã chết, quân Tần càng như ngựa xông cương, tan chạy khắp các ngã. Phù Kiên ở phía sau thấy tình hình đột nhiên diễn ra như vậy, không có cách gì khống chế được nữa, đành nhảy lên ngựa chạy thực mạng. Một phát tên không biết từ đâu bay tới, trúng vào vai Phù Kiên. Ông cố nhịn đau, thúc ngựa chạy nhanh hơn, chạy mãi tới Hoài Bắc mới dám dừng lại nghỉ. Quân Tấn thừa thắng truy kích ráo riết. Quân Tần càng hỗn loạn chạy trốn. Khắp dọc đường la liệt xác quân lính bị giẫm chết và bị thương. Dọc đường chạy, số quân lính Tần nghe thấy tiếng gió thổi và tiếng hạc kêu trên không (văn ngôn dùng chữ "phong thanh hạc lệ"), cứ tưởng là tiếng hô "giết" của quân Tấn nên lại càng sợ kinh hồn lạc phách.

Tả Thạch, Tả Huyền thu phục được Thọ Dương, vội phái khoái mã báo tin thắng trận về Kiến Khang. Hôm đó, Tả An đang ngồi đánh cờ với 1 người khách. Ông xem phong thư báo tin mừng của Tả Thạch, cố kiềm chế niềm vui, lại đặt lá thư xuống rồi tiếp tục chơi cờ. Người khách biết là thư từ tiền phương gửi về, không nén được tò mò, liền hỏi Tả An: "Tình hình chiến tranh ra sao?".

Tạ An thông thả trả lời: "Cuối cùng bọn trẻ đã đánh bại được quân Tần rồi".

Người khách nghe nói mừng quá, không thiết gì đánh cờ nữa, vội xin cáo biệt để đem tin thắng trận báo cho mọi người biết. Tạ An tiễn khách, trở vào nhà. Tới lúc đó thì niềm vui không thể kìm giữ được nữa. Bao nhiêu suy nghĩ lao lung và sự tính toán hao tổn cân não để chỉ đạo cuộc kháng chiến đã đem lại thắng lợi huy hoàng. Ông vùng nhảy qua ngưỡng cửa, chiếc guốc gỗ dưới chân bị va sút 1 miếng mà ông không biết. Qua trận Phì Thủy nổi tiếng trong lịch sử này, triều Tiền Tần lớn mạnh bị tiêu hao hết sức lực. Phù Kiên chạy về tới Lạc Dương, thu thập tàn binh bại tướng, thì chỉ còn lại mười mấy vạn. Trong khi đó thì binh lực của Mộ Dung Thùy vẫn còn nguyên vẹn, không hề bị sút mẻ gì. Đúng như dự liệu của Vương Mãnh, Mộ Dung Thùy của tộc Tiên Ty và Diêu Trường của tộc Khương cuối cùng đã chống lại Tiền Tần. Mộ Dung Thùy lập ra nước Hậu Yên, Diêu Trường lập ra nước Hậu Tần. Bản thân Phù Kiên cũng bị Diêu Trường giết chết.

Trận Phì Thủy cung cấp 1 bài học lớn về quân sự cho hậu thế, đồng thời làm sản sinh 1 thành ngữ trong tiếng Hán: "Phong thanh hạc lệ, thảo mộc giai binh".

ĐÀO UYÊN MINH KHÔNG CHỊU KHOM LƯNG

Sau trận Phì Thủy, Tạ An nhân thời cơ Tiền Tần tan rã, cử Tạ Huyền đem quân thu lại 1 vùng đất lớn ở khu vực Hoàng Hà. Nhưng Tấn Hiếu Vũ Đế lại trọng dụng anh em mình là Cối Kê vương Tư Mã Đạ Tử, ra sức chèn ép Tạ An, khiến Tạ An không thể phát huy hết tài năng của mình. Sau khi Tạ An mất, chính quyền Đông Tấn hoàn toàn chịu sự khống chế của Tư Mã Đạ Tử, 1 kẻ ngu dốt. Triều chính Đông Tấn càng ngày càng hủ bại. Năm 399, dưới đời Tấn An Đế, tại quận Cối Kê nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân do Tôn Ân lãnh đạo. Qua 2 năm, mười mấy vạn quân khởi nghĩa đã áp sát kinh đô Kiến Khang. Triều Đông Tấn phải điều động tới Bắc Phủ binh mới

đàn áp được. Nhưng sau đó, nội bộ tập đoàn thống trị Đông Tấn lại xảy ra rối loạn. Con của Hoàn Ôn là Hoàn Huyền chiếm lĩnh vùng thượng du Trường An rồi đem quân đánh chiếm Kiến Khang, phế Tấn An Đế, tự lập làm hoàng đế. Trải qua ba bốn tháng, tướng chỉ huy Bắc Phủ binh là Lưu Dụ mới đánh bại được Hoàn Huyền, đón Tấn An Đế trở lại ngôi hoàng đế. Từ đó về sau, vương triều Đông Tấn chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa.

Trong những năm tháng nhiễu loạn đó, ở vùng Tử Tang có 1 nhà thơ nổi tiếng, tên là Đào Tiềm, tự là Uyên Minh thường được gọi là Đào Uyên Minh. Ông chán ghét nền chính trị thối nát đương thời, nên chỉ ẩn cư ở làng quê. Tằng tổ của Đào Uyên Minh là Đào Khản, 1 danh tướng của Đông Tấn (xem chương "Đào Khản tập khuân gạch"), tuy đã giữ chức quan cao, nhưng không phải là 1 sĩ tộc đại địa chủ nên không có nhiều tài sản. Đến đời Đào Uyên Minh thì gia cảnh đã rất sa sút. Đào Uyên Minh từ nhỏ đã ham đọc sách, không muốn làm quan, nhà có lúc không đủ cơm ăn, nhưng ông vẫn đọc sách ngâm thơ, lấy đó làm vui. Trước cửa nhà ông có 5 cây liễu, nên ông đặt biệt hiệu cho mình là Ngũ liễu tiên sinh. Sau, Đào Uyên Minh càng ngày càng nghèo, việc cày cấy không đủ nuôi già trẻ trong gia đình. Người thân thích và bạn bè khuyên ông ra nhận 1 chức quan gì đó để giúp đỡ gia đình. Ông đành phải nhận lời. Quan địa phương nghe nói Đào Uyên Minh là dòng dõi của 1 danh tướng, lại có tài văn chương, liền tiến cử ông vào làm tham quân cho Lưu Dụ. Nhưng ít ngày sau, ông phát hiện thấy các văn quan võ tướng đều tìm cách giành giật hất cẳng lẫn nhau, nên chán nản xin đổi đi làm quan địa phương. Quan trên liền cử ông tới Bành Trạch (trong tỉnh Giang Tây ngày nay), làm huyện lệnh.

Thời đó làm huyện lệnh, lương bổng không có nhiều. Đào Uyên Minh lại không biết vòi tiền, không biết tham ô nên cuộc sống gia đình cũng không sung túc. Tuy vậy vẫn khá hơn nhiều khi còn làm ruộng khi ở Tử Tang. Thêm nữa, ông cảm thấy làm quan ở 1 huyện nhỏ, không phải giao tiếp nhiều với quan trường, nên được tự do hơn. Một hôm, trên quận phái 1 viên đốc bưu xuống thị sát ở vùng Bành Trạch. Tên tiểu lại trong huyện

được tin, vội chạy vào báo với Đào Uyên Minh. Lúc đó Đào Uyên Minh đang ngồi trong phòng riêng, vuốt râu ngâm thơ, thấy nói có viên đốc bưu đến thì mất hứng, đành buông tập thơ, chuẩn bị theo tên tiểu lại dẫn đường ra gặp viên đốc bưu. Tên tiểu lại thấy ông vẫn mặc bộ quần áo thường phục, giật mình nói: "Đốc bưu đến, xin quan lớn mặc quan phục, thắt đai ra bá kiến mới phải, sao lại có thể mặc thường phục được?".

Xưa nay Đào Uyên Minh vốn không ưa những kẻ cậy thế quan trên để hạch sách cấp dưới. Nay lại nghe tên tiểu lại có vẻ sợ sệt, giục già mình mặc quan phục ra bá kiến tên đốc bưu, thì cảm thấy nhục nhã, liền thở dài nói: "Ta không muốn vì năm đấu gạo, là số lương của quan huyện, mà phải khom lưng trước bọn tiểu nhân đó".

Rồi ông không ra gặp viên đốc bưu, mà dứt khoát cởi ấn thụ trao cho viên tiểu lại, từ chức không làm quan nữa. Trở về quê nhà ở Tử Tang, Đào Uyên Minh thấy nhẹ nhàng, cảm thấy cụ diện xã hội rồi beng lúc đó rất xa cách với hứng thú và lý tưởng của mình. Từ đó về sau, ông quyết ẩn cư, lúc nhàn rồi viết rất nhiều thơ văn, thổ lộ tư tưởng, tình cảm của mình. Trong số thơ văn của ông, có 1 bài hết sức nổi tiếng, đó là bài "Đào hoa nguyên ký" (bài ký về suối hoa đào), nội dung đại lược như sau: ở Vũ Lăng có 1 người đánh cá, 1 hôm anh ta bơi thuyền theo con ngòi nhỏ đi đánh cá. Không biết từ lúc nào, con thuyền dẫn tới 1 rừng đào, phong cảnh như hoa thêu gấm dệt, dưới là cỏ thơm xanh mượt. Người đánh cá bị cảnh đẹp hấp dẫn, cứ bơi thuyền đi mãi, tới cuối rừng đào thì phát hiện 1 cửa động. Anh ta rời thuyền, lần mò đi vào trong động. Ban đầu động rất đẹp, nhưng qua 1 đoạn, bỗng thấy rộng rãi sáng bừng. Thì ra trong động có 1 xóm làng rất lớn, đất đai phì nhiêu, bãi dâu xanh tốt, già trẻ trai gái đi lại tấp nập, lao động vui vẻ, sống 1 cuộc sống thanh bình vô tư lự. Mọi người thấy có khách lạ tới thì đều nhiệt tình mời ăn cơm uống rượu. Người đánh cá hỏi chuyện, mới biết người trong thôn đều có tổ tiên là người chạy nạn tới đây vào những năm loạn lạc cuối đời Tần. Họ không hề biết sau triều Tần còn có triều Hán, càng không biết tới triều Ngụy, Tấn sau đó nữa. Người đánh

cá ở lại đó mấy ngày, cảm thấy sung sướng như sống trong tiên cảnh, xa cách hần bụi trần. Khi từ biệt ra về, anh ta chú ý đánh dấu kỹ đường đi, chuẩn bị để sau này lại đến thăm. Về đến Vũ Lăng, anh ta báo cáo với quan thái thú. Thái thú cảm thấy rất thú vị, liền cử người đi theo anh đánh cá để tìm rừng hoa đào, nhưng tìm mãi, tìm mãi không sao thấy cửa động đâu nữa.

Đào nguyên ngoài cõi đời mà Đào Uyên Minh miêu tả trong bài ký, thật ra không thể tồn tại trong hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ. Nhưng quang cảnh mọi người đều lao động, mọi người đều sung sướng no đủ, sống cuộc đời không bận chút lo âu...được miêu tả trong bài ký, đã phản ánh ước muốn tốt đẹp của người đương thời trong hoàn cảnh xã hội đen tối, hỗn loạn lúc đó. Vì vậy, tác phẩm "Đào hoa nguyên ký" mãi mãi được người đời sau truyền tụng và yêu thích.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

127-128

LƯU DỤ BÀY TRẬN

Sau khi Tấn An Đế trở lại ngôi hoàng đế, Lưu Dụ hoàn toàn nắm quyền ở Đông Tấn. Xuất thân là 1 chức quan võ nhỏ, Lưu Dụ không có địa vị gì trong giới sĩ tộc. Để nâng cao uy tín của mình, ông quyết định phát động cuộc bắc phạt. Năm 409, Lưu Dụ dẫn quân xuất phát từ Kiến Khang, trước hết bao vây kinh đô nước Nam Yên (1 trong 16 nước thời Ngũ Hồ thập lục quốc ở miền bắc Trung Quốc) là Quảng Cố (nay ở tây bắc Ích Đô, Sơn Đông). Quốc vương Nam Yên là Mộ Dung Siêu sợ hãi, vội cử người cầu cứu triều Hậu Tần. Lúc đó, ở miền bắc, Hậu Tần là 1 quốc gia tương đối lớn. Quốc vương Hậu Tần là Diêu Hưng phái sứ giả đến đại doanh quân Tấn nói: "Nước Yên là nước lân bang hữu hảo của chúng tôi. Chúng tôi đã cử mười vạn đại quân đóng sẵn tại Lạc Dương. Nếu các ngài nhất định cứ uy hiếp nước Yên, chúng tôi sẽ không thể ngồi yên nhìn mà không cứu".

Nghe lời dọa của sứ giả Hậu Tần, Lưu Dụ cười nhạt nói: "Người về nói với Diêu Hưng, ta vốn đã định diệt xong nước Yên, sẽ nghỉ ngơi chinh đốn trong ba năm rồi sẽ tiêu diệt các người. nay các người lại muốn đến nộp mạng ngay thì hãy đến đi".

Sứ giả ra về, có viên quan dưới quyền lấy làm lạ hỏi: "Tướng quân trả lời như thế có khác gì chọc tức Diêu Hưng. Nếu quân Tần đến thật thì ta đối phó thế nào?".

Lưu Dụ thản nhiên đáp: "Ông không hiểu được thực trạng. Tục ngữ nói "Bình quý thần tốc", nếu chúng muốn đem quân tới thật, thì phải lặng lẽ hành động, việc gì phải cử người đến báo cho ta biết? Đây hoàn toàn là trò hư trương thanh thế của Diêu Hưng, để dọa chúng ta. Theo ta, chúng thân lo không xong, còn có sức đâu mà đi cứu người khác".

Đúng như nhận định của Lưu Dụ, lúc đó Hậu Tần còn đang mắc vào cuộc chiến với 1 nước nhỏ là nước Hạ, mà lại thua trận thì cứu Nam Yên sao được. Không lâu sau, Lưu Dụ tiêu diệt được Nam Yên (năm 410). Mấy năm sau, Lưu Dụ bình định các thế lực cát cứ ở miền nam rồi lại tiến hành bắc phạt, tấn công Hậu Tần. Ông cử các đại tướng Vương Trấn Ác, Đàn Đạo Tế dẫn bộ binh từ vùng Hoài Hà tiến công lên Lạc Dương; còn bản thân tự dẫn thủy quân ngược dòng Hoàng Hà tiến lên. Lúc đó, nước Bắc Ngụy do người Tiên Ty xây dựng lên ở miền bắc bắt đầu lớn mạnh, đã phát triển thế lực xuống sát bờ bắc Hoàng Hà. Bắc Ngụy tập kết hơn 10 vạn đại quân ở bờ bắc, uy hiếp quân Tấn. Thủy quân của Lưu Dụ đi trên Hoàng Hà, có lúc gặp nước xiết, gió lớn, thuyền dạt vào bờ bắc, liền bị quân Bắc Ngụy tiến công. Lưu Dụ cho đổ bộ lên bờ bắc đánh lại quân Ngụy, quân Ngụy liền lui chạy; nhưng khi quân Tấn xuống thuyền, quân Ngụy lại ra cản trở. Quân Tấn cứ tới lui vất vả, không tiến được bao nhiêu.

Lưu Dụ liền cử 1 viên tướng mang 700 quân và 100 cỗ binh xa đổ bộ lên bờ bắc, bày trận hình bán nguyệt bên bờ sông. Hai cánh trận bám sát bờ sông, phần giữa phình ra, trong đó bày các xe trận, trên mỗi xe cắm 1 lá cờ bằng lông trắng. Vì hình dạng đó giống như nửa mặt trăng, nên được gọi là "Thế trận vành trăng khuyết". Quân Ngụy từ xa, quan sát thấy thế trận như vậy, không hiểu ý đối phương ra sao, nên không dám hành động. Lát sau, lại thấy trên chiếc xe ở giữa có người giương cao cờ trắng rồi thấy 2 bên sườn ủa ra hơn 2000 binh sĩ, khiêng 100 cây cung lớn, đặt trên các binh xa. Thấy cung cách như vậy, quân Ngụy cho rằng chẳng có gì ghê gớm, liền tập trung 3 vạn kỵ binh, xung phong tiến đánh vào trận địa Tấn. Hơn 100 cây cung lớn trên binh xa Tấn cùng bắn, nhưng vẫn không chặn nổi quân

Ngụy. Ngờ đâu, phía sau thế trận hình trăng khuyết còn bố trí hơn 100 ngọn lao dài, lắp trên những dây cung cực lớn. Loại lao này dài tới ba bốn thước, đầu rất bén nhọn. Khi quân Ngụy đang ồ ạt xông tới, quân Tấn dùng búa lớn đánh bật chốt các dây cung, các mũi lao bay vùn vụt ra, mỗi mũi có thể Xuyên qua ba bốn lính Ngụy. Trong chốc lát, trong số 3 vạn quân kỵ của phía Ngụy đã bị giết chết mấy ngàn. Số khác không biết rõ đằng sau trận quân Tấn còn có bao nhiêu vũ khí ghê gớm hơn loại này, nên sợ hãi quay ngựa chạy thục mạng. Toàn đội hình tan vỡ. Quân Tấn thừa thắng truy kích, giết được khá nhiều quân Ngụy.

Lưu Dụ đánh bại quân Ngụy, mở thông đường thủy, tiếp tục tiến quân lên phía tây. Lúc đó, bộ binh do Vương Trấn Ác và Đàn Đạo Tế chỉ huy đã hạ được thành Lạc Dương, cùng đem quân vào Đông Quan hội hợp với Lưu Dụ. Tiếp đó, Lưu Dụ cử Vương Trấn Ác đem quân đánh Trường An, diệt nhà Hậu Tần (năm 417). Diệt xong Hậu Tần, Lưu Dụ để Vương Trấn Ác cùng đưa con trai mới 12 tuổi của mình ở lại Trường An, rồi dẫn quân về nam. Mấy năm sau, Tấn An Đế chết. Lưu Dụ cho rằng thời cơ đã chín, liền cử người thuyết phục Tấn Cung Đế mới lên ngôi nhường lại ngôi hoàng đế cho mình. Năm 420, Lưu Dụ lên ngôi, đổi quốc hiệu là Tống. Lịch sử gọi là Tiền Tống. Đó là Tống Vũ Đế. Triều Đông Tấn diệt vong sau 104 năm thống trị miền nam Trung Quốc.

ĐÀN ĐẠO TẾ ĐÔNG CÁT GIẢ LÀM LƯƠNG

Sau khi Tống Vũ Đế Lưu Dụ thành lập triều Tống (Tiền Tống) được 19 năm (tức năm 439) thì ở miền bắc, Thái Vũ Đế của Bắc Ngụy là Thác Bạt Đào (họ Thác Bạt, thuộc tộc Tiên Ty) tiêu diệt nước cuối cùng trong 16 nước là Bắc Lương, thống nhất cả miền bắc. Như vậy, trong khoảng thời gian 170 năm tính từ khi Đông Tấn diệt vong (năm 420), lịch sử Trung Quốc xuất hiện cục diện 2 miền nam bắc, có 2 hệ thống chính quyền đối chọi nhau. Ở miền nam, có 4 triều đại kế tiếp nhau là Tống, Tề, Lương, Trần; ở miền bắc mở đầu là Bắc Ngụy, sau phân thành Đông Ngụy, Tây

Ngụy, 2 nước này lần lượt bị Bắc Tề, Bắc Chu thay thế. Lịch sử gọi chung cả giai đoạn đó là Nam Bắc Triều.

Tổng Vũ Đế làm hoàng đế được 2 năm, đến năm thứ 3 thì bị bệnh mất. Con Vũ Đế là thái tử Lưu Nghĩa Phù, mới 17 tuổi lên nối ngôi (năm 423), tỏ ra thiếu đức độ nên sau 1 năm (năm 424) bị các đại thần phế truất, giáng xuống làm Doanh Dương vương. Con thứ 3 của Lưu Dự là Lưu Nghĩa Long được phò tá lên làm hoàng đế. Đó là Tống Văn Đế. Lúc đó, Bắc Ngụy mở cuộc tiến công lớn, vượt qua Hoàng Hà, xâm chiếm 1 vùng đất rộng phía nam sông. Tống Văn Đế phái Đàn Đạo Tế dẫn đại quân chống lại. Có lần, quân Bắc Ngụy tiến công Tế Nam, Đàn Đạo Tế dẫn quân tới bên sông Tế Thủy, trong hơn 20 ngày, giao chiến với quân Bắc Ngụy hơn 30 trận; liên tục thắng lợi, truy kích địch tới tận Lịch Thành (nay thuộc tỉnh Sơn Đông). Vì thắng trận nên Đàn Đạo Tế có phần kiêu ngạo và lơ đãng trong phòng bị. Quân Ngụy nhằm cơ hội đó, dùng 2 toán kỵ binh bất ngờ đánh kẹp vào 2 mặt trước sau quân Tống, đốt hết lương thảo và xe tải lương thực.

Quân của Đàn Đạo Tế tuy anh dũng thiện chiến, nhưng bị cạn lương, không thể kéo dài cuộc chiến đấu, đành chuẩn bị rút khỏi Lịch Thành. Trong quân Tấn có 1 tên lính chạy sang hàng quân Ngụy, nói hết tình hình khó khăn về lương thực của Tống cho Ngụy biết. Bắc Ngụy liền phái đại tướng đem quân đuổi quân Tống, nhằm bao vây tiêu diệt đội quân của Đàn Đạo Tế. Các tướng sĩ quân Tống thấy quân Ngụy hình thành thế bao vây thì đều lo sợ, 1 số binh lính bắt đầu lên trốn. Nhưng Đàn Đạo Tế lại ung dung hạ lệnh cho tướng sĩ đóng trại, dừng lại nghỉ ngơi. Tối hôm đó trong doanh trại quân Tống đèn đuốc sáng trưng, Đàn Đạo Tế thân đến kiểm tra lương thực trong doanh trại, 1 số lính tay cầm bó thẻ tre cao giọng đếm số lượng bao lương thực đong được, số khác dùng đầu đong gạo đóng vào bao. Thám tử của quân Ngụy từ xa quan sát thấy bao nào cũng được đong đầy gạo trắng, số bao gạo ngày càng chất cao, được che đậy và có lính canh gác

nghiêm mật. Tướng Ngụy được tin, cho rằng là tên lính Tống trốn sang là gian tế trá hình để đánh lừa mình, liền sai đem chém.

Kỳ thực, trò dàn cảnh trên chỉ là 1 mẹo của Đàn Đạo Tế. Trong doanh trại của Đàn Đạo Tế quả đã hết lương thực. Ông bày cho quân lính đóng cát đổ vào bao, mỗi bao phủ 1 ít gạo lên trên, thám tử Ngụy quan sát từ xa nên không phân biệt được. Trời sáng, Đàn Đạo Tế hạ lệnh cho tướng sĩ khôi giáp chinh tề, đường hoàng theo đường lớn, di chuyển về phía nam. Tướng Ngụy bị Đàn Đạo Tế đánh thua nhiều trận, lại thấy quân Tống lương thực sung túc, đội ngũ hùng dũng, nghiêm chỉnh thì có ý sợ; thêm nữa thấy quân Tấn lui quân 1 cách ung dung, có vẻ như khiêu khích thì ngờ là có mai phục ở đâu đó nên không dám đuổi theo. Nhờ sự trấn tĩnh và mưu trí, Đàn Đạo Tế đã bảo toàn được quân Tống, đưa toàn quân rút lui nguyên vẹn. Từ đó, quân Bắc Ngụy không dám mạo hiểm tiến đánh Tống nữa.

Đàn Đạo Tế làm tướng sĩ suốt 2 triều Tống Vũ Đế và Tống Văn Đế, nhiều lần lập công lớn. Nhưng chính vì ông có công to, uy tín cao lại khiến triều đình Tống nghi kỵ. Gặp khi Tống Văn Đế lâm bệnh nặng, 1 người anh em trong hoàng tộc là Lưu Nghĩa Khang bàn bạc với tâm phúc: "Nếu chẳng may hoàng thượng có mệnh hệ nào, thì Đàn Đạo Tế sẽ là mối họa".

Họ liền dùng danh nghĩa Tống Văn Đế, hạ chiếu thư khép Đàn Đạo Tế vào tội tumpul tập bọn người xấu, toan làm phản, rồi bắt và xử tội chết. Trong lúc bị giam, Đàn Đạo Tế phản nộ tumpul cùng, trợn mắt, lột khăn trên đầu ném xuống đất nói: "Các người đang tự phá hoại Vạn lý trường thành của mình".

Cuối cùng ông vẫn bị giết. Tin đó truyền tới Bắc Ngụy. Các tướng lĩnh Ngụy vui mừng chúc tụng nhau: "Đàn Đạo Tế bị giết, phương nam không còn kẻ nào đáng sợ nữa!".

Sau sự việc này, Tống Văn Đế rất hối tiếc. Khi đại quân Bắc Ngụy đánh tới thành Trảo Bộ (nay là Lục Hợp, Giang Tô) thuộc Giang Bắc, Tống

Văn Đế trèo lên thành đá ở Kiến Khang quan sát, không ngăn được lời than thở: "Nếu Đàn Đạo Tế còn sống, thì kỵ binh Hồ không thể hoành hành hung hãn đến mức này được!".

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Cao Doãn Trung Thực

Giai tầng thống trị trong triều Bắc Ngụy thuộc họ Thác Bạt trong tộc Tiên Ty. Đầu thời Đông Tấn, Thác Bạt còn là 1 bộ lạc du mục ở miền đông bắc Trung Quốc. Sau đó họ tiếp thu văn hóa Hán, dần dần xây dựng và phát triển chế độ kinh tế phong kiến. Năm 386, quý tộc Tiên Ty là Thác Bạt Khuê xây dựng triều Bắc Ngụy, đó là Ngụy Đạo Vũ Đế. Sau khi xây dựng vương triều, Ngụy Đạo Vũ Đế sử dụng nhiều kẻ sĩ Hán tộc làm mưu sĩ. Trong số đó người nổi tiếng nhất là Thôi Khiết.

Thôi Khiết đã có cống hiến lớn trong việc giúp Bắc Ngụy tiến hành chiến tranh để thống nhất miền bắc Trung Quốc, được 3 đời vua của Bắc Ngụy hết sức tín nhiệm. Sau khi Ngụy Thái Vũ Đế (hoàng đế thứ 3 của Bắc Ngụy) lên ngôi, ông làm quan tư đồ, nắm đại quyền chính trị trong triều và cử hơn 10 kẻ sĩ Hán tộc làm quận thú các địa phương. Do đó, giữa Thôi Khiết và những quan chức khác người tộc Tiên Ty nảy sinh mâu thuẫn. Ngụy Thái Vũ Đế cử Thôi Khiết cùng mấy văn nhân khác biên soạn bộ lịch sử nước Ngụy. Ngụy Thái Vũ Đế dặn họ là viết quốc sử cần căn cứ vào thực lục (thực lục là 1 thể tài của biên niên sử, chuyên ghi chép những chuyện lớn trong thời gian trị vì của mỗi hoàng đế). Dựa theo yêu cầu đó, Thôi Khiết và các đồng sự của ông thu thập mọi tư liệu về các đời trước, biên soạn thành cuốn quốc sử của Bắc Ngụy. Thời đó, mục đích soạn quốc sử của các hoàng đế vốn chỉ để lưu lại cho con cháu trong hoàng thất xem. Nhưng trong số thủ hạ của Thôi Khiết lại có 2 văn nhân có dự định riêng, khuyên Thôi Khiết đem quốc sử khắc trên bia đá cho bách quan cùng xem, để nâng cao uy tín và tiếng tăm của Thôi Khiết. Bản thân Thôi Khiết cũng

cho là mình giữ chức cao, lại có công lớn nên không e ngại gì, liền huy động nhân công và vật liệu, khắc toàn bộ pho quốc sử lên bia đá rồi đem các bia đó dựng 2 bên đường gần đàn tế trời ở ngoại ô kinh đô.

Những điều ghi chép trong quốc sử đều là sự thực, nhưng vì các đời trước của Bắc Ngụy do trình độ phát triển văn hóa thấp, có nhiều tập tục lạc hậu, nay đem viết ra thì thấy mất thể diện cho hoàng thất. Người đi đường xem bia đá, bình luận sôi nổi, cho rằng người viết sử đã bêu rếu triều đình. Quý tộc Tiên Ty là những người phản đối mạnh mẽ nhất. Họ cáo giác với Ngụy Thái Vũ Đế là bọn Thôi Khiết có dụng tâm bêu xấu, xúc phạm cả tiên đế và đương kim hoàng thượng. Ngụy Thái Vũ Đế vốn đã cho rằng Thôi Khiết lạm quyền, dám tự tiện quyết định nhiều việc, nay thấy sự việc này thì nổi trận lôi đình, hạ lệnh bắt tất cả những người tham gia viết quốc sử để xét hỏi. Trong số người tham gia, có Cao Doãn là thầy dạy học của thái tử. Thái tử nghe được tin đó thì hết sức hoảng hốt, liền mời Cao Doãn đến Đông cung (là cung dành riêng cho thái tử), nói với ông: "Ngày mai tôi sẽ cùng tiên sinh đi triều kiến hoàng thượng. Nếu hoàng thượng hỏi tiên sinh, tiên sinh cứ trả lời theo ý của tôi, chớ có nói gì khác".

Cao Doãn không hiểu đầu đuôi ra sao nên không trả lời gì. Hôm sau, ông theo thái tử vào triều kiến. Thái tử lên điện, gặp Thái Vũ Đế nói: "Cao Doãn xưa nay là người nghiêm túc, thận trọng lại giữ chức quan thấp. Vụ án quốc sử hoàn toàn là do Thôi Khiết chịu trách nhiệm, thần tử cúi xin bệ hạ tha tội cho Cao Doãn".

Thái Vũ Đế gọi Cao Doãn lên hỏi: "Quốc sử hoàn toàn do Thôi Khiết viết có phải không?".

Cao Doãn thật thà đáp: "Thôi Khiết bận nhiều việc, chỉ nắm bố cục lớn, còn nội dung cụ thể đều do hạ thần và mấy người khác viết".

Thái Vũ Đế ngoảnh đầu lại nói với thái tử: "Người xem, tội của Cao Doãn còn nặng hơn Thôi Khiết nữa, sao có thể tha thứ được?".

Thái tử vội bẩm: "Cao Doãn thấy bệ hạ thì quá sợ hãi nên nói năng nhảm lẫn lung tung. Thần tử vừa hỏi ông ta, ông ta nói là do Thôi Khiết viết mà".

Thái Vũ Đế lại hỏi Cao Doãn: "Có đúng như vậy không?".

Cao Doãn đáp: "Hạ thần phạm tội, sao còn dám nói dối bệ hạ. Vừa rồi thái tử nói như vậy là muốn cứu tính mạng hạ thần. Kỳ thực, thái tử không hề hỏi hạ thần và hạ thần cũng không nói những lời trên".

Ngụy Thái Vũ Đế thấy Cao Doãn trung thực thẳng thắn như vậy, có chiều cảm động, liền nói với thái tử: "Cao Doãn đứng trước cái chết mà vẫn không nói dối, thật hết sức đáng quý. Ta tha tội cho ông ta".

Sau đó, Ngụy Thái Vũ Đế sai giải Thôi Khiết đến xét hỏi. Thôi Khiết quá sợ hãi, mặt mày nhợt nhạt, không biện bác được câu nào. Thái Vũ Đế giận dữ, yêu cầu Cao Doãn khởi thảo chiếu thư, xử chém cả nhà Thôi Khiết. Cao Doãn trở về cung thái tử, do dự rất lâu vẫn không viết được chữ nào. Thái Vũ Đế mấy lần cử người đến thúc giục, Cao Doãn liền nói: "Đề tôi xin được tâu lại với hoàng thượng một lần nữa". Rồi lại xin vào cung tâu với Thái Vũ Đế: "Thần không được rõ Thôi Khiết còn phạm tội gì nữa. Nếu chỉ vì viết quốc sử, xúc phạm đến triều đình, thì không nên xử tội chết".

Ngụy Thái Vũ Đế cảm thấy Cao Doãn quả không biết thân phận, liền hét 1 tiếng, gọi vũ sĩ đến trói lại. Sau nhờ thái tử van xin tha thiết, Thái Vũ Đế nguôi giận mới tha cho. Sau chuyện đó, thái tử trách Cao Doãn: "Người ta cần phải theo tình hình mà cư xử. Tôi đã hết lòng van xin cho tiên sinh, mà sao tiên sinh cứ làm hoàng thượng nổi giận. Nghĩ lại việc vừa xảy ra, tôi vẫn còn thấy sợ hãi".

Cao Doãn nói: "Thôi Khiết làm việc đó, có sai lầm là nhằm đề cao cá nhân. Nhưng trong việc biên soạn lịch sử, ghi chép hoạt động của các

hoàng đế, việc đúng việc sai của triều chính thì ông ta đều làm đúng như sự thực. Thêm nữa, quốc sử là do Thôi Khiết và chúng tôi cùng làm. Nay có thiếu sót sao có thể dồn hết lỗi cho ông ta. Điện hạ hết lòng muốn cứu tôi, tôi vô cùng cảm kích, nhưng nếu bảo tôi vì tính mạng của mình mà nói những lời trái với lương tâm, thì tôi không làm được".

Cuối cùng, Ngụy Thái Vũ Đế vẫn không tha cho Thôi Khiết, đã sai chém cả nhà Thôi Khiết và mấy người thân thích. Nhưng nhờ sự can gián thẳng thắn của Cao Doãn, nhiều người khác khỏi bị liên lụy. Chính Thái Vũ Đế đã nói, nếu không có Cao Doãn, ông ta có thể đã giết chết mấy ngàn người. Năm 452, Ngụy Thái Vũ Đế bị hoạn quan giết chết. Một năm sau (453), ở Nam Triều, con Tống Văn Đế là Lưu Tuấn lên ngôi, đó là Tống Hiếu Vũ Đế.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Đại Phát Minh Gia Tổ Xung Chi

Sau khi Tống Hiếu Vũ Đế lên ngôi, vương triều Tống nhanh chóng suy yếu. Chính trong thời kỳ đó lại xuất hiện 1 nhà khoa học kiệt xuất là Tổ Xung Chi. Ông nội Tổ Xung Chi tên là Tổ Xương, giữ chức quan đứng đầu ngành xây dựng của triều Tống. Sống trong gia đình như vậy, từ nhỏ Tổ Xung Chi đã đọc rất nhiều sách. Mọi người đều ca ngợi ông là 1 thanh niên học rộng. Ông đặc biệt ham thích toán học, cũng thích nghiên cứu thiên văn, lịch pháp, thường xuyên quan sát sự vận động của mặt trời và các thiên thể, và ghi chép lại tỉ mỉ. Tống Hiếu Vũ Đế nghe thấy tiếng ông, liền cử ông đến làm việc ở 1 cơ quan chuyên nghiên cứu khoa học lúc đó, có tên là "Hoa Lâm Học Tinh". Ông vốn không thích làm quan, nhưng làm việc ở đó, ông có điều kiện chuyên tâm vào nghiên cứu toán học và thiên văn.

Các triều đại Trung Quốc đều có đặt chức quan nghiên cứu về thiên văn và căn cứ vào kết quả quan sát thiên văn mà đặt ra lịch. Đến triều Tống, lịch pháp đã có tiến bộ lớn, nhưng Tổ Xung Chi phát hiện thấy vẫn còn đó điểm chưa đủ chính xác. Ông căn cứ vào kết quả nghiên cứu lâu dài của mình, biên soạn ra 1 lịch mới, gọi là lịch Đại Minh (Đại Minh - niên hiệu của Tống Hiếu Vũ Đế từ 457 đến 465). Loại lịch này qui định số ngày của mỗi năm hồi qui (năm hồi qui là thời gian giữa 2 kỳ đông chí) chỉ sai khác với sự đo đạc của khoa học hiện đại có 50 giây, đo số ngày của 1 chu kỳ đi vòng quanh trái đất của mặt trăng chỉ sai với sự đo đạc của khoa học hiện đại chưa tới 1 giây. Đủ thấy sự tính toán của Tổ Xung Chi lúc đó đã đạt tới trình độ chính xác khá cao. Năm 462, Tổ Xung Chi xin Tống Hiếu

Vũ Đế cho ban hành lịch mới. Tống Hiếu Vũ Đế triệu tập các đại thần lại bàn bạc. Một đại thần vốn được hoàng đế tin cậy nhất, tên là Đái Pháp Hưng phản đối, cho rằng Tổ Xung Chi dám tự tiện thay đổi lịch cổ, đổi lịch cổ là 1 hành vi "ly kinh bệ đạo", không thể chấp nhận được.

Tổ Xung Chi dùng các cứ liệu nghiên cứu được, trực tiếp phản bác lại sự phê phán của Đái Pháp Hưng. Đái Pháp Hưng cậy thế được vua yêu, liền quyết đoán 1 cách ngang ngược: "Lịch pháp là do người xưa đặt ra. Người đời sau không được thay đổi".

Tổ Xung Chi không nề nang gì, trả lời nghiêm chỉnh: "Nếu quả thật ngài có luận cứ thực tế nào thì xin cứ đưa ra biện luận, không nên dùng những lời suông rỗng để dọa người".

Tống Hiếu Vũ Đế muốn giúp Đái Pháp Hưng, liền chọn 1 số người hiểu lịch pháp đến tranh luận với Tổ Xung Chi. Ý kiến phản bác của họ đều bị Tổ Xung Chi đánh đổ. Nhưng Tống Hiếu Vũ Đế vẫn không ban hành lịch mới. Mãi tới 10 năm sau khi Tổ Xung Chi mất, lịch Đại Minh do ông soạn ra mới được ban hành. Dù tình hình xã hội lúc đó hết sức không ổn định, nhưng Tổ Xung Chi vẫn miệt mài nghiên cứu khoa học. Thành tựu lớn nhất của ông là trong lĩnh vực toán học. Ông từng nghiên cứu và chú giải tác phẩm toán học cổ "Cửu chương toán thuật" (là tác phẩm toán học cổ nhất còn truyền lại tới nay của Trung Quốc, xuất hiện vào khoảng thời Tần - Hán, gồm 9 chương, đề cập tới nhiều tri thức về số học, phương trình đại số và hình học). Ngoài ra ông còn viết cuốn "Xuyết thuật" (là phương pháp tổ hợp). Nhưng cống hiến lớn nhất của Tổ Xung Chi là đã tìm ra trị số khá chính xác của số Pi (π). Qua quá trình tính toán gian khổ, lâu dài, ông tính được trị số của Pi nằm giữa 3,1415926 và 3,1415927, trở thành nhà khoa học đầu tiên trên thế giới tìm ra số Pi với 7 số lẻ.

Về phát minh khoa học, Tổ Xung Chi là người có tài năng nhiều mặt. Ông đã chế ra xe chỉ nam. Khi lắp đặt lên xe, dù có chuyển hướng thế nào thì người đồng trên xe vẫn chỉ tay về hướng nam (đáng tiếc, phát minh này

của Tổ Xung Chi chỉ được các hoàng đế Trung Hoa sử dụng như 1 trò chơi giải trí mà không đem ứng dụng ngay vào hàng hải và các kỹ thuật khác). Ông còn chế ra "Thiên lý thuyền" (thuyền đi ngàn dặm) và tổ chức thí nghiệm tại Tân Đình Giang (ở tây nam thành phố Nam Kinh hiện nay). Loại thuyền này 1 ngày có thể đi được hơn 100 dặm. Ông còn cho lợi dụng sức nước để làm quay cối đá, phục vụ cho việc xay, nghiền ngũ cốc.

Sau khi Tổ Xung Chi chết đi, con ông ta là Tổ Cảnh, cháu nội là Tổ Hạo kế thừa sự nghiệp của ông ta; đã cần cù nghiên cứu toán học và lịch pháp. Theo nói lại, Tổ Cảnh trong khi nghiên cứu khoa học đã tập trung tinh thần cao độ, ngay cả khi sấm rền, sét đánh cũng không nghe thấy. Ông thường vừa đi vừa suy nghĩ về đề tài nghiên cứu. Một lần, ông đang đi đường thì trước mặt có 1 viên quan to là Từ Miễn đang đi tới. Tổ Cảnh không hề hay biết, cứ bước đâm sầm vào Từ Miễn. Tới khi Từ Miễn vội lên tiếng, Tổ Cảnh mới như ngủ mê sự tỉnh, vội vàng chào hỏi và xin lỗi. Từ Miễn thấy ông suy nghĩ quên cả đất trời như thế, cũng không quở trách gì. Những năm cuối đời của Tổ Xung Chi, Tiêu Đạo Thành người chỉ huy quân cấm vệ của triều Tống đã diệt Tống. Năm 479, Tiêu Đạo Thành xưng đế, lập nên triều Nam Tề. Đó là Tề Cao Đế.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Phạm Chấn Chống Mê Tín

Thời Năm Bắc Triều, Phật giáo dần dần thịnh hành. Trong triều đình Nam Tề, từ hoàng đế đến đại thần, đều đề xướng Phật giáo. Tể tướng Nam Tề là Cảnh Lăng vương Tiêu Tử Lương là 1 người rất sùng tín Phật giáo. Tiêu Tử Lương có 1 biệt thự trên núi Kê Lung ở ngoại thành Kiến Khang. Ông thường chiêu đãi các danh sĩ văn nhân ở đây. Một lần, ông ta mời 1 số hòa thượng tới để giảng về đạo lý Phật giáo. Tiêu Tử Lương cung kính bưng cơm chay và bưng trà mời các hòa thượng. Có người cho rằng làm như vậy là mất thể thống của chức tể tướng, nhưng ông ta coi như không có chuyện gì.

Nhờ sự đề xướng của tể tướng, thế lực Phật giáo càng mạnh. Các hòa thượng ra sức truyền bá giáo thuyết của Phật giáo là sau khi người ta chết đi, linh hồn vẫn tồn tại. Còn nói là mỗi người giàu sang hay nghèo hèn đều là do nhân quả báo ứng từ kiếp trước. Người nghèo bị khổ sở, nhục nhã đều do số kiếp đã định, không có cách gì cưỡng lại được. Lúc đó, 1 nho sinh dũng cảm là Phạm Chấn lên tiếng, vạch trần đó là 1 quan niệm mê tín, đề nghị mọi người đừng tin theo. Anh họ của Phạm Chấn là Phạm Vân, người năng lui tới nhà tể tướng Tiêu Tử Lương. Tiêu Tử Lương nghe nói Phạm Chấn dám công khai chống lại chủ trương đề xướng Phật giáo của mình thì vô cùng giận dữ, bảo Phạm Vân gọi Phạm Chấn tới. Tiêu Tử Lương hỏi Phạm Chấn: "Người không tin thuyết nhân quả báo ứng, thì người thử nói xem, có người sinh ra giàu sang, có người sinh ra lại nghèo hèn là tại sao?".

Phạm Chấn không hề sợ hãi, trả lời: "Điều đó không có gì lạ. Lấy một thí dụ mọi người như một chùm hoa trên cây. Một cơn gió thổi, hoa bay lá tả. Có bông bay lọt qua rèm cửa, rơi xuống ghế ngồi; có bông bị thổi qua hàng rào, rơi xuống hố bùn".

Tiêu Tử Lương mở to mắt ngạc nhiên, chưa hiểu ý của Phạm Chấn. Chấn thông thả nói tiếp: "Bông hoa rơi xuống ghế ngồi, giống như Ngài; còn bông hoa rơi xuống hố bùn, giống như tôi. Giàu sang, nghèo hèn là như thế. Làm gì có chuyện nhân quả báo ứng".

Phạm Chấn từ chỗ Tiêu Tử Lương ra về, cảm thấy tuy đã phản bác được Tiêu Tử Lương, nhưng vẫn chưa nói được hết lý lẽ chống mê tín của mình, liền chuyên tâm ngồi viết 1 luận văn, nhan đề là "Thần diệt luận" (bàn về sự chết của tinh thần). Nội dung khái lược như sau: "Hình thể là bản chất của tinh thần. Tinh thần chỉ là sự biểu hiện và tác dụng của hình thể. Có thể ví hình thể và tinh thần với con dao và tính chất sắc bén. Không có dao thì không thể có tính chất và tác dụng sắc bén. Không có hình thể thì sao có được tinh thần?". Trong bài luận văn, Phạm Chấn còn đoán định rằng, sau khi con người chết đi thì linh hồn không tồn tại. Mọi thuyết về nhân quả báo ứng, chỉ là trò bịp người.

Bài luận văn được công bố, khắp triều đình từ trên xuống dưới đều sôi sục. Một số người thân và bạn bè của Tiêu Tử Lương đều cho rằng không thể để mặc cho Phạm Chấn nghĩ theo kiểu đó. Tiêu Tử Lương lập tức cho mời 1 số cao tăng đến để tranh luận với Phạm Chấn. Nhưng lý luận của Phạm Chấn bám chắc vào luận cứ khoa học, các cao tăng không có lý lẽ gì bẻ gãy được lập luận của ông. Có 1 tín đồ Phật giáo tên là Vương Viêm châm biếm Phạm Chấn: "Này Phạm tiên sinh, ngài không tin thần linh. Thế thì ngài cũng không biết linh hồn của tổ tiên mình ở đâu nữa?".

Phạm Chấn không chịu kém, lập tức châm biếm lại: "Thật đáng tiếc, Vương tiên sinh. Ngài đã biết linh hồn của tổ tiên mình ở đâu, thì sao ngài không sớm đi gặp các vị đó đi!".

Tiêu Tử Lương sợ ảnh hưởng của Phạm Chấn quá lớn sẽ làm lung lay niềm tin của các tín đồ Phật giáo, liền cử 1 người thân tín là Vương Dung đến khuyên Phạm Chấn: "Tể tướng là người hết sức quý trọng nhân tài. Người có tài như ngài, muốn làm tới chức Trung thư lang cũng chẳng khó gì! Sao ngài cứ một mực khổ công đưa ra luận điểm ngược dòng như thế. Theo tôi, ngài nên cho thu hồi bài văn không hợp thời ấy lại!".

Phạm Chấn nghe xong, ngửa mặt cười ha hả, nói: "Phạm Chấn tôi nếu vứt bỏ quan điếm của mình để xin làm quan, thì muốn chức quan to nữa cũng không khó, chứ chức Trung thư lang mà ngài nói đó có đáng kể gì!".

Tiêu Tử Lương không có cách gì đối phó với Phạm Chấn, đành mặc cho ông tự do. Vương triều Nam Tề chỉ trải qua có 1 đời vua Tề Cao Đế và Tề Vũ Đế rồi xảy ra nội loạn. Thứ sử Ung Châu là Tiêu Diễn khởi binh đánh vào Kiến Khang. Năm 502, Tiêu Diễn diệt Nam Tề, xây dựng nên triều Lương. Đó là Lương Vũ Đế.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Ngụy Hiếu Văn Đế Cải Cách Phong Tục

Triều Bắc Ngụy từ sau khi Thái Vũ Đế chết đi, nền chính trị trở nên hủ bại. Quý tộc Tiên Ty và các đại thương nhân áp bức, bóc lột nhân dân, làm nổ ra liên tục các cuộc phản kháng của các dân tộc ở miền bắc Trung Quốc. Năm 471, Ngụy Hiếu Văn Đế lên ngôi, quyết tâm tiến hành những biện pháp cải cách. Ngụy Hiếu Văn Đế qui định rõ bổng lộc của quan chức các cấp, trừng trị nghiêm khắc tham quan ô lại, thực hiện chế độ quân điền (chia đều ruộng đất cho nông dân), cấp đất hoang nông dân. Mỗi đàn ông thanh niên được cấp 40 mẫu, phụ nữ mỗi người được 20 mẫu để trồng lương thực. Ngoài ra còn chia đất trồng dâu. Nông dân có nghĩa vụ nộp tô và lao dịch cho nhà nước. Khi người nông dân chết, trừ ruộng dâu, phải trả ruộng cho nhà nước. Nhờ vậy, ruộng đất được khai khẩn ngày một nhiều, sản xuất ngày càng phát triển, đời sống nông dân tương đối ổn định, no đủ, thu nhập của triều đình cũng tăng lên.

Ngụy Hiếu Văn Đế là người có tài chính trị. Ông cho rằng muốn củng cố nền thống trị thì nhất định phải tiếp thu văn hóa Hán, cải cách những phong tục lạc hậu. Để thực hiện điều đó, ông quyết tâm dời đô từ Bình Thành (nay ở đông bắc Đại Đồng, Sơn Tây) đến Lạc Dương. Sợ các đại thần phản đối chủ trương dời đô, trước hết ông đề ra mục tiêu là tiến công đại qui mô vào Nam Tề. Trong một buổi thiết triều, ông nêu ra ý định đó. Các đại thần đua nhau phản đối, người phản đối mạnh mẽ nhất là Nhâm Thành vương Thác Bạt Trừng. Hiếu Văn Đế nổi giận nói: "Đất nước là đất nước của trẫm. Người dám cản trở trẫm dùng binh hay sao?".

Thác Bạt Trừng cãi lại: "Tuy đất nước là của bộ hạ. Nhưng là một đại thần, thấy rõ việc dùng binh là tai họa, lẽ nào lại không nói?".

Hiếu Văn Đế nghĩ ngợi 1 lát, rồi tuyên bố bãi triều. Về cung, ông cho gọi riêng Thác Bạt Trừng vào, nói: "Nói thực với khanh, vừa rồi ta làm ra vẻ nổi giận là để dọa mọi người thôi. Ý định thật của ta là cảm thấy Bình Thành chỉ là đất dụng võ, không thích hợp với việc cải cách chính trị. Nay ta muốn thay đổi phong tục thì không thể không dời đô. Lần này, ta nói là đem quân đánh Nam Tề, sự thực là muốn mượn cớ đó, dẫn bá quan văn võ dời đô xuống Trung nguyên. Khanh thấy thế nào?".

Thác Bạt Trừng chột hiểu, lập tức đồng ý với chủ trương của Hiếu Vũ Đế. Năm 493, Hiếu Vũ Đế thân dẫn 30 vạn quân bộ và quân kỵ từ Bình Thành tiến xuống Lạc Dương. Vừa lúc đó, mưa thu rùng rã suốt 1 tháng, đường xa lầy lội, hành quân rất khó khăn. Nhưng Hiếu Văn Đế vẫn mang khôi giáp, cưỡi ngựa, hạ lệnh tiếp tục tiến quân. Các đại thần vốn không muốn đem quân đánh Tề, nhận thấy trời mưa đều can ngăn Hiếu Văn Đế. Hiếu Văn Đế trả lời nghiêm chỉnh: "Chúng ta ra quân lần này, đã huy động quân và dân phu. Nếu nửa chừng bỏ dở, chẳng phải là trò cười cho đời sau hay sao? Nếu không đánh Tề thì cũng dời quốc đô xuống gần đó, các khanh thấy thế nào?".

Các đại thần nhìn ngó lẫn nhau, không nói được gì. Hiếu Văn Đế nói: "Không nên do dự. Ai đồng ý dời đô thì đứng sang phía tả, ai không đồng ý thì đứng sang phía hữu".

Một đại thần là quý tộc nói: "Nếu bộ hạ đồng ý đình chỉ nam phạt, thì chúng thần đồng ý dời đô xuống Lạc Dương". Nhiều quan chức văn võ tuy không tán thành dời đô, nhưng nghe nói có thể đình chỉ nam phạt, nên cũng đành tỏ thái độ ủng hộ việc dời đô.

Hiếu Văn Đế sắp xếp xong công việc ở Lạc Dương lại cùng với Nhâm Thành vương Thác Bạt Trừng trở về Bình Thành, thuyết phục các vương

công quý tộc về cái lợi của việc dời đô và họp riêng với các lão thần, thảo luận việc dời đô. Không ít quý tộc ở Bình Thành phản đối việc dời đô. Mọi lý do họ nêu ra đều bị Hiếu Văn Đế phản bác. Cuối cùng, không còn lý lẽ gì, những người phản đối liền nói: "Dời đô là việc đại sự. Rút cuộc đó là lành hay dữ, còn cần phải bói toán xem đã".

Hiếu Văn Đế nói: "Bói toán là để giải quyết những việc còn phân vân chưa quyết định được. Còn việc dời đô thì đã thấy rõ ràng là tốt rồi, cần gì phải bói nữa. Muốn cai trị thiên hạ, cần coi bốn biển là nhà. Nay đi xuống nam, ngày mai lên bắc, có lý nào cứ cố định một chỗ. Thêm nữa, tổ tiên chúng ta cũng đã từng dời đô tới mấy lần. Tại sao chúng ta lại không thể dời đô?".

Các đại thần quý tộc không còn lý lẽ gì ngăn cản được nữa, đành chấp hành lệnh dời đô. Sau khi dời đô đến Lạc Dương, Hiếu Văn Đế tiếp tục đẩy mạnh việc cải cách phong tục. Một lần trong khi bàn việc triều chính cùng các đại thần, ông hỏi: "Các khanh thấy nên thay đổi phong tục hay cứ giữ nguyên các phong tục cũ?".

Hàm Dương vương Thác Bạt Hỷ nói: "Đương nhiên là nên thay đổi phong tục".

Sau đó, Hiếu Văn Đế ban bố mấy điều qui định: Từ nay trong toàn quốc đổi dùng tiếng Hán. Những người từ 30 tuổi trở lên có khó khăn, cho tạm hoãn; người dưới 30 tuổi làm quan trong triều, nhất loạt phải nói tiếng Hán; ai vi phạm sẽ giáng chức hoặc triệt chức. Qui định từ quan đến dân đều thay đổi y phục theo lối Hán. Khuyến khích người Tiên Ty thông hôn với giới sĩ tộc Hán. Đổi họ của người Tiên Ty sang họ Hán. Hoàng thất Bắc Ngụy vốn mang họ Thác Bạt, nay đổi sang họ Nguyên. Ngụy Hiếu Văn Đế vốn tên là Thác Bạt Hoảng, nay đổi sang gọi là Nguyên Hoảng.

Nhờ sự cải cách mạnh dạn của Ngụy Hiếu Văn Đế, Bắc Ngụy đã có sự phát triển lớn về chính trị và kinh tế, xúc tiến sự hợp dung giữa tộc Tiên Ty

và tộc Hán.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Bắc Ngụy Phân Liệt

Sau khi Bắc Ngụy dời đô xuống Lạc Dương, Hiếu Văn Đế đã 2 lần đem quân đánh Nam Tề, nhưng gặp phải sức phản kích của quân dân Nam Tề nên đều không giành được thắng lợi. Năm 499, Nam Tề đưa quân đánh lên Bắc Ngụy. Ngụy Hiếu Văn Đế đang có bệnh, vẫn đem quân chống lại, đánh lui được quân Tề. Không lâu sau, Hiếu Văn Đế bị bệnh mất (năm 500). Ngụy Tuyên Vũ Đế Nguyên Khác lên nối ngôi, Bắc Ngụy lại bắt đầu suy yếu. Đến đời Ngụy Hiếu Minh Đế, khi lên ngôi còn rất nhỏ tuổi. Hồ thái hậu lâm triều nghe chính sự. Hồ thái hậu là người độc đoán và xa xỉ. Bà sùng tín Phật giáo, cho rằng Phật giáo có thể giúp xóa mọi tội lỗi cho mình. Bà cho xây dựng cạnh hoàng cung 1 ngôi chùa lớn nguy nga, đồ sộ, đặt tên là chùa Vĩnh Ninh. Các tượng Phật được thờ trong chùa, có pho bằng vàng ròng, có pho bằng bạch ngọc. Pho tượng lớn nhất có chiều cao 1 trượng 8 thước (=6m). Cạnh chùa còn xây 1 bảo tháp 9 tầng cao 90 trượng (=300m).

Đêm khuya tĩnh lặng, gió làm lay động quả chuông treo trên tháp phát ra tiếng lan xa ngoài 10 dặm. Trong chùa còn có 1000 gian tăng phòng, được trang trí ngọc ngà gấm vóc, dân thường nhìn thấy đều hoa mắt. Theo nói lại, đây là ngôi chùa hoa lệ nhất từ khi Trung Quốc du nhập đạo Phật cho tới lúc đó. Giai tầng thống trị Bắc Ngụy đã huy động rất nhiều nhân, tài, vật lực để đục các hang núi, dựng tượng Phật trong đó. Trước khi xây dựng kinh đô ở Lạc Dương, họ đã đục rất nhiều hang núi ở Vân Cương (nay ở núi Vũ Chu, Đại Đồng, Sơn Tây), và đặt hơn 10 vạn tượng Phật ở đó. Từ Tuyên Vũ Đế tới thời Hồ thái hậu, lại đục hang núi ở Long Môn

Sơn để làm nơi thờ phật, ròng rã 24 năm, dùng tới hơn 80 vạn nhân công. Những hang đá và tượng phật còn lại cho tới ngày nay, đã tỏ rõ nghệ thuật điêu khắc của nhân dân lao động thời đó. Nhưng việc làm ấy đã khiến nhân dân phải đóng góp rất nhiều. Do trong mấy đời vua trước của Bắc Ngụy, thế nước cường thịnh, giai cấp thống trị đã vơ vét và tích lũy được rất nhiều của cải Một lần, Hồ thái hậu ngẫu nhiên vào nhà kho xem xét, phát hiện thấy quá nhiều lụa là gấm vóc, dùng không sao hết. Bà ta nảy ra 1 ý, gọi các quý tộc đại thần vào kho, tuyên bố thưởng cho họ theo cách: người nào có sức vác được bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu. Các quý tộc đại thần đó đều là bọn tham lam, ào ào xông vào cố vác cho nhiều. Nhưng hàng ngày, chúng chỉ quen ăn chơi phè phỡn, không tham gia lao động chân tay, sao có thể vác được nhiều. Thượng thư lệnh Lý Sùng và Chương Vũ vương Nguyên Dung là 2 người xông lên trước, mỗi người vác 1 xấp lụa đầy, thở hổn hển quay ra. Vừa bước đi mấy bước, cả 2 mệt quá, ngã lăn đùng. Lý Sùng bị sụn lưng, còn Nguyên Dung bị sái căng, nằm quay lơ rên rỉ dưới đất.

Hồ thái hậu thấy thế, sai người thu lại 2 xấp lụa. Hai vị đại thần không xơ múi được gì, lại bị đau, lòng không, khập khiễng ra khỏi cửa cung, bị đám đông ồn ào giễu cợt, cười nghiêng ngả. Được Hồ thái hậu đầu têu, các quý tộc, đại thần đua nhau phô bày sự giàu sang của mình. Thời Tây Tấn đã từng có đại phú hào Thạch Sùng, Bắc Ngụy đâu có chịu kém, Hà Giang vương Nguyên Thâm cũng muốn học theo kiểu Thạch Sùng. Ông ta mở tiệc, mời các quý tộc đại thần đến dự. Đồ dùng trên các bàn tiệc đủ cả cốc pha lê, bát mã não chế tạo cực kì tinh xảo. Nguyên Thâm còn mời quan khách xem kho chứa vàng bạc, tơ lụa của mình. Cuối cùng, mọi người được mời xem chuồng ngựa, thấy máng đựng thức ăn cho ngựa đều được làm bằng bạc. Nguyên Thâm vừa hướng dẫn khách tham quan, vừa nói với Chương Vũ vương Nguyên Dung: "Mọi người đều nói là Thạch Sùng đời Tấn rất giàu có. Tôi không tiếc là mình không được gặp Thạch Sùng, chỉ tiếc cho Thạch Sùng không được gặp tôi mà thôi!".

Nguyên Dung từ nhà Nguyên Thâm trở về, thấy mình không giàu có bằng Nguyên Thâm, thì buồn rầu ảo não, nằm bẹp trên giường 3 ngày liền không dậy được. quý tộc Bắc Ngụy đua nhau xa xỉ cùng cực như thế, đương nhiên phải ra sức bóc lột tàn tệ nhân dân lao động. Nhân dân chịu không nổi, đã vùng lên phản kháng. Lúc đó ở biên giới phía bắc, triều đình Bắc Ngụy lập nên 6 trấn, phái quân đến đóng giữ. Năm 523, một người Hung Nô tên là Phá Lục Hàn Bạt Lăng dẫn đầu 1 số binh sĩ thuộc trấn Ốc Dã, giết tướng chỉ huy trấn, rồi phát động khởi nghĩa. Binh sĩ ở 5 trấn khác đều sôi nổi hưởng ứng. Thế lực quân khởi nghĩa mỗi ngày 1 lớn. Cuối cùng, triều đình Bắc Ngụy lôi kéo được tộc Nhu Nhiên ở miền bắc để cùng đánh lại nghĩa quân, nên cuộc khởi nghĩa thất bại. Để chấm dứt việc phản kháng của binh sĩ 6 trấn, triều đình Bắc Ngụy liền điều tất cả hơn 20 vạn binh sĩ ở đó xuống các vùng Ký Châu, Định Châu, Doanh Châu (đều thuộc tỉnh Hà Bắc hiện nay). Số binh sĩ này không chịu nổi sự nô dịch hà khắc lại vùng lên khởi nghĩa ở Ký Châu. Cát Vinh, người tộc Tiên Ty, lãnh đạo quân khởi nghĩa tiến đánh Doanh Châu. Triều đình Bắc Ngụy cử Chương Vũ vương Nguyên Dung làm đại tư mã, Quảng Dương vương Nguyên Thâm (không phải là Nguyên Thâm đã nói ở trên) làm đại đô đốc, đem đại quân đánh dẹp.

Bọn quý tộc ăn chơi phè phỡn không quen chiến trận. Quân khởi nghĩa của Cát Vinh đến trấn Bác Dã (nay ở vùng giữa tỉnh Hà Bắc), phái 1 đội kỵ binh nhẹ tập kích vào đại doanh của Nguyên Dung. Nguyên Dung không phòng bị gì, bị quân khởi nghĩa giết chết. Nguyên Thâm nghe tin Nguyên Dung bị giết, sợ hãi dẫn quân lui về Định Châu, cũng bị kỵ binh của Cát Vinh đuổi theo bắt sống. Cát Vinh hợp các cánh quân khởi nghĩa lại, phao lên là có 100 vạn quân, chuẩn bị đánh về Lạc Dương, thanh thế lừng lẫy. lúc đó ở Tú Dung (nay thuộc tỉnh Sơn Tây) có 1 tù trưởng bộ lạc tên là Nhĩ Chu Vinh, chỉ huy 8000 kỵ binh dũng mãnh, chống đối lại quân khởi nghĩa. Hiếu Minh Đế liền lợi dụng binh lực của Nhĩ Chu Vinh để đối phó với Cát Vinh. Cát Vinh cho rằng Nhĩ Chu Vinh ít quân, dễ đối phó, liền triển khai quân trên 1 chính diện rộng mấy chục dặm, chuẩn bị vây bắt Nhĩ Chu Vinh.

Nào ngờ, Nhĩ Chu Vinh cho quân mai phục trong hẻm núi và dùng quân tinh nhuệ đánh thọc vào trận địa mỏng yếu của Cát Vinh tan tác, rồi từ mây mù đánh kẹp lại. Quân khởi nghĩa bị đánh bại, bản thân Cát Vinh cũng bị giết chết.

Sau khi cuộc khởi nghĩa của Cát Vinh bị đánh bại, nội bộ triều đình Bắc Ngụy cũng xảy ra đại loạn. Ba lực lượng của Nhĩ Chu Vinh, Hồ thái hậu và Hiếu Minh Đế tàn sát lẫn nhau. Cuối cùng, thực quyền trong triều Bắc Ngụy rơi vào tay 2 viên đại tướng là Cao Hoan và Vũ Văn Thái. Năm 534, Hiếu Vũ Đế của Bắc Ngụy phải chạy vào Trường An, dựa vào Vũ Văn Thái. Năm sau, Vũ Văn Thái giết Hiếu Vũ Đế, lập Hiếu Văn Đế. Cao Hoan lại phò tá Ngụy Hiếu Tĩnh Đế, dời đô đến Nghiệp Thành. Từ đó, Bắc Ngụy phân biệt thành 2 triều đình. Lịch sử gọi triều Ngụy đóng đô ở Trường An là Tây Ngụy, triều Ngụy đóng ở Nghiệp Thành là Đông Ngụy.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Lương Vũ Đế Làm Hòa Thượng

Sau khi Bắc Ngụy xảy ra nội loạn, triều Lương ở phương nam mấy lần đem quân bắc phạt. Nhưng Lương Vũ Đế không có tài quân sự, không những không thu hồi được đất đã mất mà còn bị tổn thất lớn về sinh mạng và tiền của. Bắc Ngụy sau khi phân liệt, cũng không có sức tiến đánh phương nam, vì vậy triều Lương có 1 thời kỳ yên ổn tương đối dài. Lương Vũ Đế thấy 2 triều đại Tống, Tề vì tàn sát lẫn nhau trong hoàng tộc mà bị diệt, nên chủ trương hết sức khoan dung với họ hàng thân thích trong hoàng tộc. Trong hoàng tộc có ai đó phạm tội, ông ta chỉ dùng lời lẽ ôn tồn để khuyên bảo, chứ không xử phạt bao giờ. Em thứ 6 của Lương Vũ Đế là Lâm Xuyên vương có mấy chục gian kho, lúc nào cũng khóa kín. Có người ngờ rằng trong đó có chứa vũ khí, liền cáo giác với Lương Vũ Đế là Tiêu Hoảng tàng trữ vũ khí, chuẩn bị làm phản. Lương Vũ Đế giật mình, liền tự dẫn cấm quân đến khám xét, Tiêu Hoảng thấy Lương Vũ Đế dẫn quân tới thì sợ hãi cuống cuồng. Lương Vũ Đế càng thêm nghi ngờ, liền hạ lệnh mở hết các kho ra khám. Cuối cùng phát hiện thấy trong hơn 30 gian kho đều chứa đầy tiền đồng, còn có rất nhiều vải, lụa, tơ, bông và các vật dụng khác, nhiều không đếm xuể.

Tiêu Hoảng đi theo Lương Vũ Đế, hết sức sợ hãi, lo rằng Lương Vũ Đế thấy nhiều của cải như thế thì sẽ bắt tội. Không ngờ, Lương Vũ Đế kiểm tra xong, quay đầu lại cười hì hì với Tiêu Hoảng và nói: "Chú sáu, chú sống cũng không đến nỗi tòi, nhỉ?".

Sau lần kiểm tra đó, Lương Vũ Đế biết Tiêu Hoảng không có ý làm phản, nên lại càng tín nhiệm hơn trước. Lương Vũ Đế nuông chiều thân thuộc và quan lại như vậy, nhưng lại đối đãi với dân chúng hoàn toàn khác. Hễ có ai đi hành động đi ngược lại pháp luật của triều đình, đều bị trừng trị rất nặng. Nếu người phạm tội bỏ trốn, thì cả nhà phải phạt khổ sai. Do đó, bọn quý tộc quan liêu không sợ hãi gì cả, càng lộng hành và áp bức, bóc lột nhân dân hết sức tàn tệ. Thậm chí, có kẻ công khai giết người giữa đường phố kinh thành cũng không có ai dám can thiệp. Một viên quan chính trực tên là Hạ Thâm dâng lên 1 sớ tấu, nêu lên ý kiến với Lương Vũ Đế: một là hiện nay quan lại ở các châu quận bóc lột tàn khốc, nhân dân chịu không nổi. Hai là, các quan lại cực kì xa xỉ, lãng phí hết sức nghiêm trọng. Ba là, gian thần hoành hành, tác uy tác phúc, hãm hại người tốt. Bốn là, xây dựng cung điện dinh thự tràn lan, không lúc nào ngừng, nhân dân phải phục dịch suốt năm không được nghỉ ngơi.

Mọi điều Hạ Thâm nêu lên đều là sự thực, nhưng Lương Vũ Đế không nghe lọt tai câu nào. Ông ta lập tức đọc cho thái giám chép 1 chiếu thư quở trách Hạ Thâm. Trong chiếu thư, ông ta tự miêu tả mình là 1 hoàng đế hiền minh hiếm có dưới gầm trời này, gồm đủ các đức tính cần lao và tiết kiệm, gọi các ý kiến của Hạ Thâm là hoang đường, vô căn cứ. Lương Vũ Đế cũng là 1 ông vua sùng tín Phật giáo. Ông ta cho xây dựng tại Kiến Khang 1 ngôi chùa có qui mô hùng vĩ là chùa Đồng Thái. Mỗi buổi sớm, ông đều đến chùa thắp hương cúng Phật, giảng giải Phật pháp cho mọi người nghe, nói rằng làm như vậy là để tiêu trừ tai nạn cho dân. Về già, ông còn làm những việc hết sức kì cục nữa. Một hôm, ông quyết định đến chùa Đồng Thái để "xá thân" (có nghĩa là xuất gia đi làm hòa thượng). Hoàng đế làm sư, đây là sự việc mới có lần đầu. Nhưng hoàng đế đã quyết, ai còn dám phản đối. Thêm nữa lúc đó Phật giáo đang thịnh hành, hoàng đế tình nguyện làm hòa thượng, còn tỏ rõ rằng ông dốc lòng tin vào Phật pháp.

Lương Vũ Đế đi tu trong 4 ngày thì trong cung cử người đi đón về. Sau đó, ông nghĩ: làm như thế không thỏa đáng. Bởi vì theo phong tục

trong dân, một người muốn hoàn tục, phải bỏ ra một khoản tiền nộp cho nhà chùa để "chuộc thân". Hoàng đế muốn hoàn tục cũng không thể không theo lệ đó. Lần thứ 2, ông ta lại tới chùa Đồng Thái "xá thân", các đại thần mời ông về cung, ông không chịu. Sau đó, các đại thần hiểu ý của ông, liền chuẩn bị 10 triệu quan tiền đem tới nhà chùa để "chuộc thân" cho "hoàng đế bồ tát". Sư vãi trong chùa được một khoản tiền quá lớn thì mừng rỡ để ông hoàn tục. Các đại thần liền chuẩn bị nghi trượng, đến chùa đón ông về. Lần thứ 3, Lương Vũ Đế lại nghĩ ra 1 trò mới. Ông đến chùa Đồng Thái "xá thân" một lần nữa và tuyên bố rằng, để tỏ rõ lòng sùng tín với đạo Phật, ông không những gửi gắm bản thân mình, mà còn gửi gắm toàn bộ người trong cung và tất cả đất đai toàn quốc cho Phật. Đã "xá" nhiều, tất nhiên tiền chuộc cũng phải nhiều. Một tháng sau, các đại thần lại đem 20 triệu quan tiền nộp cho nhà chùa để "chuộc" ông về. Vừa khéo, đúng ngày hôm đó, 1 tòa tháp của chùa Đồng Thái bị bốc cháy. Hòa thượng trụ trì vội báo cáo với Lương Vũ Đế. Lương Vũ Đế chấp tay nói, đó nhất định là do tà ma quấy rối. Ông hạ chiếu thư, nói: "Đạo càng cao, ma cũng càng thịnh. Chúng ta phải xây tháp cao hơn nữa, mới có thể trấn áp được tà khí".

Một năm sau, ông lại "xá thân" một lần nữa. Các đại thần lại xuất kho ra 10 triệu quan tiền nữa để "chuộc" về. Trước sau, Lương Vũ Đế đã 4 lần làm hòa thượng. Các đại thần phải xuất kho ra 40 triệu quan tiền để "chuộc thân" cho hoàng đế. Số tiền đó, đương nhiên là nã từ nhân dân lao động. Lương Vũ Đế 1 lòng muốn làm hòa thượng, khiến công việc triều chính rối beng. Một kẻ đã tâm lợi dụng sự ngu tối của ông, đã phát động 1 cuộc nổi loạn lớn chưa từng có.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Hầu Cảnh, Kẻ Phản Phúc

Vào năm sau khi Lương Vũ Đế xuất gia lần cuối cùng, ông nằm mơ thấy 1 chuyện li kì: các thứ sử và thái thú của Bắc triều đều kéo nhau đến đầu hàng triều Lương. Đây chẳng qua chỉ là 1 ảo mộng do ông mơ tưởng lâu ngày tạo thành, nhưng bản thân Lương Vũ Đế lại cho là 1 điềm lành được trời phạt báo trước. Hôm sau, trong buổi triều kiến bá quan, ông ta đem giấc mơ đó kể cho các quan nghe và nói: "Trăm rất ít năm mơ, giấc mơ này nhất định là một điềm tốt". Các quan nghe xong, đều tung hô "vạn tuế".

Hai mươi ngày sau, có tin đại tướng của Tây Ngụy là Hầu Cảnh phái người đến, nói là hãn có thù oán với cả Đông Ngụy và Tây Ngụy nên quyết định đầu hàng Nam Lương và còn nói là sẽ hiến cho Nam Lương cả 13 châu quận từ Hàm Cốc Quan về phía đông. Hầu Cảnh vốn là 1 đại tướng dưới quyền Cao Hoan, thừa tướng Đông Ngụy. Cao Hoan giao cho Hầu Cảnh 10 vạn quân để trấn thủ vùng nam Hoàng Hà. Khi sắp chết, Cao Hoan thấy Hầu Cảnh không đủ tin cậy, liền cử người triệu Hầu Cảnh về Lạc Dương. Hầu Cảnh nghe tin Cao Hoan chết, liền không nghe theo mệnh lệnh của Đông Ngụy, mà đem binh mã sang hàng Tây Ngụy. Thừa tướng Tây Ngụy là Vũ Văn Thái cũng không tin Hầu Cảnh, nên 1 mặt nhận đất của Hầu Cảnh, 1 mặt triệu Hầu Cảnh về Trường An để tước binh quyền của hãn. Hầu Cảnh không để Vũ Văn Thái lừa mình, liền quay sang đầu hàng Nam Lương.

Sua khi tiếp kiến sứ giả Hầu Cảnh, Lương Vũ Đế lập tức triệu tập đại thần lại bàn bạc. Đa số đại thần cho rằng giữa Nam Lương và Bắc Ngụy bao năm nay hòa thuận không va chạm gì với nhau, nay nếu lại tiếp nhận phản tướng của Bắc triều thì e rằng sẽ dẫn tới xung đột. Nhưng Lương Vũ Đế cho rằng tiếp nhận Hầu Cảnh thì có thể nhân cơ hội khôi phục được Trung nguyên. Lại nhớ tới giấc mơ của mình, ông cho rằng việc này là do Phật tổ phù hộ nên mới có. Vì vậy, ông không nghe lời khuyên ca của các đại thần, quyết định tiếp nhận sự đầu hàng của Hầu Cảnh, phong Hầu Cảnh làm đại tướng quân, tước vị là Hà Nam vương. Đồng thời phái cháu là Tiêu Uyên Minh dẫn 5 vạn quân lên tiếp ứng cho Hầu Cảnh. Tiêu Uyên Minh dẫn quân lên phía bắc, bị quân Đông Ngụy tiến công. Quân Lương từ nhiều năm nay không hề luyện tập chiến trận, kỷ luật và kỹ năng đều kém nên vừa giao phong với quân Đông Ngụy là tan vỡ, hầu như bị tiêu diệt hoàn toàn. Tiêu Uyên Minh bị bắt sống.

Đông Ngụy lại tiến đánh Hầu Cảnh, Hầu Cảnh đại bại, chỉ còn hơn 800 người chạy xuống Thọ Dương thuộc Nam Lương. Đông Ngụy phái sứ giả đến Nam Lương, đề nghị 2 bên lại giảng hòa và Đông Ngụy sẵn sàng thả Tiêu Uyên Minh về Nam Lương. Hầu Cảnh được tin, rất sợ hãi, liền nghĩ ra 1 kế thăm dò, phái 1 người giả làm sứ giả Đông Ngụy, đi xuống Kiến Khang đưa thư đề nghị đổi Tiêu Uyên Minh lấy Hầu Cảnh. Lương Vũ Đế không phân biệt được thật giả nhận được thư liền phúc đáp ngay, là chỉ cần Tiêu Uyên Minh được tha về thì sẽ lập tức trao Hầu Cảnh cho Đông Ngụy. Hầu Cảnh vốn đã không thực lòng đầu hàng Nam Lương, nay lại xem được thư của Lương Vũ Đế muốn bán rẻ mình, liền quyết định chống lại Nam Lương. Số quân trong tay Hầu Cảnh đã bị Đông Ngụy đánh cho tan tác, nhưng đối với triều Nam Lương thối nát thì lại vẫn là 1 lực lượng lợi hại. Khi quân đội Hầu Cảnh sắp tới bờ bắc Trường Giang, Lương Vũ Đế phái cháu là Tiêu Chính Đức đem quân phòng thủ ở bờ nam.

Hầu Cảnh cử người dụ dỗ Tiêu Chính Đức là nếu chịu làm nội ứng thì sau khi lật đổ được Lương Vũ Đế, sẽ tôn Tiêu Chính Đức lên làm vua. Hám

ngôi vị hoàng đế, được lời hứa của Hầu Cảnh, Tiêu Chính Đức liền bí mật phái mấy chục chiếc thuyền lớn, giúp quân Hầu Cảnh vượt Trường Giang, rồi lại tự mình dẫn đội quân đó qua Hoài Hà. Hầu Cảnh rất nhanh chóng tiến vào Kiến Khang, bao vây chặt Đài Thành là nơi cư trú của Lương Vũ Đế. Quân Hầu Cảnh dùng mọi biện pháp đánh phá Đài Thành, quân dân trong Đài Thành kiên quyết chống lại: dùng nước đập tắt lửa do địch bắn vào; dùng đá tảng phá vỡ thang đánh thành của địch. Quân Hầu Cảnh lại xé đất đắp núi để trèo vào thành, quân dân trong thành cũng đắp núi đất để chống lại. Hai bên giằng co trong hơn 130 ngày. Bắt đầu cuộc chiến tranh, trong thành có mười mấy vạn dân và hơn 2 vạn quân. Trong quá trình chiến đấu, số thì chết trận, số thì chết đói và chết bệnh, cuối cùng chỉ còn lại không đầy 4000 người. Trong thành đầy rẫy xác chết không có người chôn. Mọi người hết lòng mong ngóng quân đội của các vương chư hầu của các châu về cứu viện. Nào ngờ, các vương chư hầu đem hai, ba chục vạn quân về gần Kiến Khang rồi án binh bất động, lấy cớ còn chờ các cánh quân khác. Người được tạm thời cử làm làm đại đô đốc là Liễu Trọng Lễ thì nằm lì ở nhà, uống rượu vui chơi.

Một lần, Lương Vũ Đế hỏi các đại thần xem có cách gì để đánh lui quân Hầu Cảnh, thì 1 vị đại thần trả lời: "Các vương công đại thần dưới quyền bệ hạ đều là một lũ bất trung bất hiếu, sao có thể đối phó với quân phản nghịch được?".

Đến bước đó, không còn ai cứu vãn được tình thế nữa. Quân Hầu Cảnh tiến vào Đài Thành, Lương Vũ Đế trở thành tù binh của Hầu Cảnh. Hầu Cảnh tự phong làm đại đô đốc, nắm đại quyền trong triều. Trước hết, hãm giết kẻ đồng mưu vì hám làm hoàng đế là Tiêu Chính Đức, rồi giam lỏng Lương Vũ Đế, tiếp tế ăn uống rất hạn chế. Lương Vũ Đế thiếu thốn khổ sở quá, cuối cùng chết đói trong Đài Thành. Sau khi Lương Vũ Đế chết, Hầu Cảnh lần lượt lập nên 2 hoàng đế bù nhìn, mỗi người làm hoàng đế được 1 năm: đó là Tiêu Cương, tức giã Văn Đế năm 550 và Tiêu Đống, tức Dự Chương Vương năm 551. Cuối cùng, Hầu Cảnh phế Tiêu Đống, tự

lập làm hoàng đế (năm 551). Hầu Cảnh tàn bạo, cho quân lính và tay sai thả cửa cướp bóc, tàn sát dân chúng, khơi dậy lòng căm thù sôi sục khắp miền Giang Nam. Năm 552, đại tướng triều Lương là Trần Bá Tiên và Vương Tăng Biện dẫn đại quân xuất phát từ Giang Lăng, tiến đánh Kiến Khang. Quân đội của Hầu Cảnh lập tức tan rã. Hầu Cảnh dẫn mấy chục thủ hạ dùng thuyền nhỏ chạy trốn, nửa đường bị thủ hạ giết chết.

Vương triều Nam Lương qua cuộc biến loạn này, nội bộ chia năm xẻ bảy. Đến năm 557, Trần bá Tiên xây dựng nên triều Trần ở Kiến Khang. Đó là Trần Vũ Đế.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Trần Hậu Chủ Hưởng Lạc Mất Nước

Khi Trần Vũ Đế xây dựng nên vương triều Trần thì ở miền bắc, Bắc Tề và Bắc Chu đã thay thế Đông Ngụy và Tây Ngụy. Năm 550, Cao Tường, con của Cao Hoan ở Đông Ngụy xây dựng nên triều Bắc Tề. Năm 557, Vũ Văn Giác, con của Vũ Văn Thái ở Tây Ngụy xây dựng nên triều Bắc Chu. Bắc Tề và Bắc Chu lại xung đột nhau, đến đời Bắc Chu Vũ Đế (năm 561-579) thì Bắc Chu tiêu diệt Bắc Tề (578) và thống nhất miền bắc Trung Quốc. Bắc Chu Vũ Đế là 1 hoàng đế khá giỏi giang, nhưng đến đời Tuyên Đế tiếp sau ông, thì lại là 1 hoàng đế hoang dâm bạo ngược. Sau khi Chu Tuyên Đế chết đi, nhạc phụ là Dương Kiên tiếm quyền. Năm 581, Dương Kiên lập ra triều Tùy, đó là Tùy Văn Đế.

Trong khi miền bắc ở trong tình trạng rối ren về chính trị, thì vương triều Trần ở miền nam tạm thời có được cục diện ổn định, kinh tế dần được khôi phục. Nhưng đến đời thứ 5, lại là 1 ông vua buông thả vô độ đến kỳ lạ. Đó là Trần Hậu Chủ. Trần Hậu Chủ tên là Trần Thúc Bảo, là 1 hoàng đế không hiểu gì việc trị nước, chỉ biết uống rượu và vui chơi. Ông ham mê việc xây dựng, cho dựng lên ở Kiến Khang 3 tòa lầu các hào hoa tráng lệ làm nơi ở cho các sủng phi. Tế tướng Giang Tổng, thượng thư Khổng Phạm cũng đều là những văn nhân thối nát. Mỗi khi Trần Hậu Chủ và các sủng phi mở tiệc trong cung, bao giờ cũng có Giang, Khổng tham gia. Họ uống rượu ngâm thơ thâu đêm suốt sáng, người xướng kẻ họa, rồi phổ nhạc, chọn ra hơn 1000 cung nữ vừa múa vừa ca những tác phẩm của họ. Để có cuộc sống phóng túng, xa hoa như vậy, đương nhiên Trần Hậu Chủ

phải ra sức vơ vét bóc lột nhân dân. Trăm họ lầm than, ly tán, khắp nơi có thể thấy thân người chết đói.

Một đại thần là Phó Tế dâng sớ lên nói: "Tình hình đất nước đã đến lúc trời giận, người oán, dân chúng chống lại, người thân xa rời rời. Nếu còn tiếp tục như thế này, e rằng vương triều ta sẽ diệt vong mất".

Trần Hậu Chủ xem xong sớ tấu, liền nổi giận đùng đùng, phái người tới bảo Phó Tế: "Người có thấy như thế là đại bất kính không? Nếu người chịu nhận rõ tội thì Trẫm còn có thể khoan thứ cho người".

Phó Tế trả lời sớ giả của Trần Hậu Chủ: "Tấm lòng của tôi cũng như khuôn mặt của tôi. Nếu khuôn mặt có thể thay đổi được thì tấm lòng tôi mới có thể thay đổi được!".

Trần Hậu Chủ liền sai giết Phó Tế. Năm thứ 5 đời Trần Hậu Chủ, triều Tùy ở miền bắc dần dần lớn mạnh lên, quyết định đem quân tiêu diệt triều Trần ở phương nam. Tùy Văn Đế làm theo kế hoạch do các mưu sĩ đưa ra: cứ gần đến mùa gặt của miền Giang Nam thì Tùy cho tập kết người ngựa ở biên giới, tuyên bố chuẩn bị đánh xuống phía nam, làm cho dân chúng Trần xông xáo sợ hãi, không dám đi gặt lúa. Chờ đến khi Trần tập trung đủ quân đội để chuẩn bị chống lại thì quân Tùy lại không tiến công nữa. Cứ liên tục như vậy trong mấy năm, nền nông nghiệp Trần bị ảnh hưởng nặng và sự cảnh giác của quân đội cũng lơ lửng. Quân Tùy còn thường xuyên phái những toán nhỏ lên xuống tập kích, đốt phá kho tàng của Trần, khiến thực lực của Trần bị sút mẻ nghiêm trọng. Năm 588, Tùy Văn Đế chuẩn bị đội ngũ chiến thuyền hùng hậu, phái con là Tấn vương Dương Quảng cùng thừa tướng Dương Tố làm nguyên soái, Hạ Nhược Bật và Hàn Cầm Hồ làm đại tướng, dẫn 11 vạn quân, chia làm 8 đường, chuẩn bị vượt sông đánh Trần.

Tùy Văn Đế hạ chiếu thư, tuyên bố thảo phạt triều Trần, vạch ra 20 tội trạng của Trần Hậu Chủ và in ra 30 vạn bản, cử người phân phát khắp các

địa phương ở Giang Nam. Trăm họ nước Trần vốn đã căm giận Trần Hậu Chủ, nay nhận được chiếu thư của Tùy Văn Đế, đều rục rịch xông xao cả lên. Thủy quân Tùy do Dương Tố chỉ huy xuất phát từ Vĩnh An. Mấy ngàn chiến thuyền lớn mang hiệu Hoàng Long (rồng vàng) theo dòng Trường Giang tiến xuống. Cờ xí rợp sông, khói giáp và vũ khí sáng lóa dưới ánh mặt trời. Quân phòng thủ của Trần nhìn thấy cảnh đó, đều sợ hãi ngây người, làm gì còn tinh thần chiến đấu nữa. Mấy cánh quân khác của Tùy đều tiến quân thuận lợi tới sát bờ sông. Cánh bắc do Hạ Nhược Bật chỉ huy tiến tới Kinh Khẩu, cánh quân của Hàn Cầm Hồ tiến đến Cô Thục. Quân phòng thủ của Trần gửi thư cáo cấp về Kiến Khang tới tấp như bướm bướm.

Trần Hậu Chủ cùng các sủng phi và văn nhân đang say nghiêng ngả. Nhận được thư cáo cấp, ông ta chẳng thèm bóc xem, ném hàng đồng trên giường, chẳng đoái hoài gì. Về sau, thư cáo cấp càng lúc càng gấp. Có đại thần nhiều lần xin họp để bàn việc chống quân Tùy, Trần Hậu Chủ mới cho họp đại thần lại bàn bạc. Trần Hậu Chủ nói: "Đông nam là vùng phúc địa, trước kia Bắc Tề đã tiên công 3 lần, Bắc Chu cũng tiến công hai lần, nhưng đều thất bại. Lần này quân Tùy đến, cũng chỉ là đến nộp mạng mà thôi. Không có gì đáng sợ cả!".

Sủng thần Khổng, Phạm phụ họa theo nói: "Bệ hạ nói rất đúng. Chúng ta có Trường Giang là thiên hiểm (chướng ngại thiên nhiên). Quân Tùy không có cánh làm sao bay qua được! Đây là do các tướng giữ biên thù muốn kể công nên dựng chuyện ra thôi".

Các đại thần đua nhau dựa ý nhà vua, không coi quân Tùy ra gì. Bàn quấy một hồi, rồi vua thôi lại cho ca nữa tấu nhạc, tiếp tục yến ẩm. Năm 589, tháng giêng, quân mã của Hạ Nhược Bật vượt sông ở Quảng Lăng, đánh chiếm Kinh Khẩu. Cánh quân của Hàn Cầm Hồ vượt sông ở Hoàng Giang, tiến xuống Thái Thạch. Hai cánh quân Tùy áp sát Kiến Khang. Lửa đã cháy tới lông mi, Trần Hậu Chủ bắt đầu hoảng sợ. Trong thành Kiến Khang có

mười mấy vạn quân, nhưng các sủng thần Giang Tổng, Khổng Phạm vốn chỉ biết ngâm thơ, không biết chỉ huy quân đội thế nào. Trần Hậu Chủ cuống cuống khóc mếu, không có biện pháp gì. Chẳng mấy lúc, quân Tùy đã tràn vào Kiến Khang. Quân bảo vệ số thì đầu hàng, số thì bị bắt, không có sự kháng cự nào đáng kể. Quân Tùy vào cung, tìm khắp nơi không thấy Trần Hậu Chủ đâu. Sau, có mấy thái giám nói là Hậu Chủ đã chạy ra hậu điện, đâm đầu xuống giếng rồi. Quân Tùy tìm tới hậu điện, nhìn xuống thì là cái giếng khô, thắp thoáng bên dưới thấy có người. Quân Tùy hét hỏi, không thấy tiếng trả lời. Quân lính liền dọa: "Nếu không trả lời sẽ ném đá xuống". Một số lính vác đá tới, làm ra vẻ chuẩn bị ném xuống.

Trần Hậu Chủ sợ hãi kêu thất thanh, quân lính Tùy liền thả dây thừng xuống. Lúc kéo lên thấy rất nặng. Thì ra, ngoài Trần Hậu Chủ, còn có 2 sủng phi nữa cùng bám vào dây thừng, mặt mũi tái xanh tái xám. Triều Trần, triều đại cuối cùng của Nam Triều diệt vong. Như vậy, tính từ năm 316 khi Tây tấn diệt vong, qua hơn 270 năm chia cắt, Trung Quốc lại trở lại thống nhất dưới triều Tùy.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Triệu Xước Làm Việc Theo Pháp Luật

Sau khi Tù Văn Đế thống nhất đất nước, liền áp dụng các biện pháp củng cố nền chính trị, như cải cách quan chế, binh chế, lập chế độ khoa cử, tuyển dụng các quan chức có năng lực, trừng phạt nghiêm khắc tham quan ô lại. Tù Văn Đế còn sai sửa đổi hình luật, phế bỏ những hình phạt tàn khốc. Đó vốn là 1 việc tốt, nhưng bản thân Tù Văn Đế lại không làm theo hình luật đã sửa đó, mà thường khi nổi giận thì tùy tiện hạ lệnh giết người, không theo các qui định do luật đề ra. Tình hình đó gây khó xử cho các quan chức tòa Đại lý (cơ quan phụ trách về tư pháp). Đại lý thiếu khanh Triệu Xước thấy trách nhiệm của mình là bảo vệ pháp luật, nên thường có ý kiến trái với ý Tù Văn Đế.

Tù Văn Đế từng hạ lệnh cấm sử dụng những đồng tiền không phù hợp tiêu chuẩn do luật qui định. Một lần, trên đường phố phường ở Đại Hưng (thành phố triều Tù, nay là Tây An, Thiểm Tây) có người đem tiền nhẹ đổi lấy tiền đủ tiêu chuẩn, bị tố giác bắt giải đến nha môn. Tù Văn Đế nghe tin có kẻ dám phạm vào lệnh cấm của mình thì nổi nóng, hạ lệnh đem chém cả 2 người. Triệu Xước nhận được lệnh, vội vào cung xin tiếp kiến Tù Văn Đế và nói: "Hai người đó phạm vào lệnh cấm, theo hình luật chỉ có thể đánh trượng, chứ không nên xử tử".

Tù Văn Đế bực bội nói: "Đó là lệnh của trẫm, không phải việc của khanh".

Triệu Xước nói: "Bệ hạ đã không ngại thần ngu muội, cho thần làm quan Đại lý. Nay gặp phải việc giết người không theo đúng luật pháp, sao có thể nói là không phải việc của thần?".

Tùy Văn Đế nổi giận đùng đùng, nói: "Người toan lay động đại thụ chẳng? Đại thụ không lay động được đâu, người hãy rút đi!"

Triệu Xước nói: "Thần chỉ muốn khuyên bệ hạ thay đổi quyết định, đâu dám lay động đại thụ".

Tùy Văn Đế quát lại: "Người muốn xúc phạm đến sự uy nghiêm của thiên tử chẳng?".

Mặc dù bị dọa như vậy, Triệu Xước vẫn kiên trì ý kiến của mình, mặc cho Tùy Văn Đế quát mắng và đuổi ra, ông vẫn không chịu đi. Tùy Văn Đế không biết làm thế nào, liền mặc ông đứng đó, bỏ đi vào nội cung. Sau, do có 1 số đại thần khác cũng dâng sớ khuyên can, nên Tùy Văn Đế cuối cùng đã hủy bỏ lệnh xử tử 2 người đối tiền. Một lần khác, một viên quan tên là Tân Đản bị tố giác là có hoạt động mê tín dị đoan, vi phạm vào pháp luật. Tùy Văn Đế lại hạ lệnh cho tòa Đại lý xử tử Tân Đản. Triệu Xước vào triều, tấu với Tùy Văn Đế: "Tội của Tân Đản không đáng chết. Thần không thể chấp hành lệnh của bệ hạ".

Tùy Văn Đế giận run người, nói: "Người muốn cứu Tân Đản thì cả người cũng phải chết!". Nói rồi, quát tả hữu lôi Triệu Xước xuống dưới điện.

Triệu Xước không hề sợ hãi, nói: "Bệ hạ có thể giết hạ thần, nhưng không nên giết Tân Đản".

Thị vệ đã lôi Triệu Xước xuống dưới điện, đang lột mũ áo của Triệu Xước, chuẩn bị đem chém thì Tùy Văn Đế cảm thấy nếu giết Triệu Xước là quá vô lý, liền sai người xuống hỏi: "Người có còn gì muốn nói nữa không?".

Triệu Xước quì dưới đất, vươn thẳng lưng lên nói: "Thần một lòng bảo vệ pháp luật, không ngại gì cái chết".

Tùy Văn Đế vốn không có ý định giết Triệu Xước, suy nghĩ 1 hồi lâu, cơn giận nguôi đi. Ông thấy Triệu Xước ra sức bảo vệ pháp luật, xét cho cùng là có lợi có việc cai trị của mình, liền hạ lệnh tha Triệu Xước. Hôm sau, còn cử người tới an ủi Triệu Xước. Trong tòa Đại lý, có 1 viên quan tên là Lai Khoáng, nghe nói Tùy Văn Đế nhiều lần không hài lòng với Triệu Xước, liền phụ họa với Tùy Văn Đế, dâng sớ tấu nói rằng tòa Đại lý chấp hành pháp luật không nghiêm. Tùy Văn Đế xem sớ tấu, cho rằng Lai Khoáng nói đúng, liền thăng quan cho y. Lai Khoáng cho rằng mình đã được hoàng đế tin dùng, lại dâng sớ vu cáo Triệu Xước vì tư tình mà làm điều sai trái, đã miễn tội cho kẻ phạm pháp. Tùy Văn Đế tuy có không ưa Triệu Xước hay trái ý mình, nhưng cũng không hoàn toàn tin vào lời tâu của Lai Khoáng. Ông cử người thân tín đi điều tra thì thấy không hề có chuyện đó. Tùy Văn Đế nổi giận, lập tức hạ lệnh xử tử Lai Khoáng và giao cho tòa Đại lý chấp hành. Trao việc này cho tòa Đại lý, ông nghĩ rằng Triệu Xước là người bị vu cáo, tất nhiên sẽ nhanh chóng thi hành. Ngờ đâu, Triệu Xước lại tâu lên: "Lai Khoáng tuy có tội, nhưng chưa đến mức phải xử tử".

Tùy Văn Đế bực mình, phất tay áo, bỏ đi vào nội cung. Triệu Xước ở đằng sau, kêu to lên: "Thần không nói về chuyện Lai Khoáng nữa. Nhưng thần có việc rất quan trọng, muốn được trực tiếp tâu lên bệ hạ".

Tùy Văn Đế tưởng là thực, liền cho gọi Triệu Xước vào nội cung. Tùy Văn Đế hỏi Triệu Xước xem có chuyện gì quan trọng. Triệu Xước tâu: "Thần có ba tội lớn, xin bệ hạ trừng phạt. Một là, bản thân thần là Đại lý thiếu khanh mà không quản lý được các quan chức dưới quyền, để cho Lai Khoáng vi phạm pháp luật. Hai là, tội Lai Khoáng không đáng xử tử, thần không đủ khả năng biện luận cho hết lý lẽ. Ba là, thần xin vào cung, vốn không có việc gì, chỉ vì nôn nóng vội vã nên đã đánh lừa bệ hạ là có việc quan trọng".

Tùy Văn Đế nghe đến mấy câu cuối cùng thì không nhịn được cười. Độc Cô hoàng hậu ngồi bên cạnh thấy vậy, cũng rất nể trọng sự chính trực của Triệu Xước, liền lệnh cho tả hữu ban cho Triệu Xước 2 cốc rượu. Tùy Văn Đế cũng đồng ý miễn án tử cho Lai Khoáng, đổi thành cách chức và đày đi xa.

Tùy Văn Đế rút ra bài học từ sự mất nước của Trần Hậu Chủ nên rất chú ý đến việc tiết kiệm. Khi phát hiện các quan lại có hành vi tham ô, xa xỉ, ông đều nghiêm trị. Ngay đến con đẻ của mình, ông cũng không tha. Tần vương Dương Tuấn là con của Tùy Văn Đế, vì ở xa nên đã tự ý cho xây dựng cung thất hoa lệ cho mình. Tùy Văn Đế phát hiện, lập tức tước bỏ vương vị của Dương Tuấn và đem giam lại. Các đại thần tâu lên: "Tần vương không phạm tội gì lớn, chẳng qua chỉ tiêu phí một ít tiền của để xây dựng nhà cửa, xin bệ hạ hãy khoan dung".

Tể tướng Dương Tố cũng thấy xử phạt Dương Tuấn như thế là quá nặng. Tùy Văn Đế nói: "Trẫm là người đứng đầu một nước, đâu phải chỉ là người cha của mấy đứa con. Vì vậy, phải xử lý theo luật pháp. Nếu nói như các khanh, thì phải chẳng cần soạn riêng một bộ luật dành cho các hoàng tử?".

Các đại thần không biết nói gì nữa. Tùy Văn Đế lại phát hiện thái tử Dương Dũng sinh hoạt xa xỉ, thích phô trương, nên rất không hài lòng, gọi đến giáo huấn nghiêm khắc: "Từ xưa tới nay, phàm những đế vương thích xa hoa, số mệnh không bao giờ lâu dài được. Người là thái tử, cần phải đặc biệt chú ý tiết kiệm mới phải!".

Hoàng tử Tấn vương Dương Quảng là người giáo hoạt hơn 2 người anh em của mình. Ông nắm vững tính nết của cha, nên ngoài mặt làm ra vẻ hết sức thật thà, giản dị, đánh lừa được cả Tùy Văn Đế và Độc Cô hoàng hậu, được cả 2 người yêu mến và tin cậy. Lại nhờ có Dương Tố giúp đỡ nói thêm vào. Kết quả, Tùy Văn Đế quyết định phế truất Dương Dũng, lập Dương Quảng làm thái tử. Cho mãi tới khi bệnh nặng, Tùy Văn Đế mới

phát hiện Dương Quảng là người có phẩm hạnh rất xấu. Ông toan cho Dương Dũng trở lại ngôi thái tử, nhưng không kịp nữa rồi. Dương Quảng nhanh tay hơn, đã đầu độc giết cha, giành lấy ngôi vua. Đó là Tùy Dạng Đế, một bạo quân nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Tùy Dạng Đế Chơi Giang Đô

Sau khi Tùy Dạng Đế Dương Quảng lên ngôi, liền nghĩ cách tăng cường sự khống chế về chính trị trong cả nước, đồng thời làm cho vật tư dồi dào của miền Giang Nam có thể vận chuyển thuận lợi lên miền bắc, cộng thêm tính ham hưởng lạc, nên chủ trương làm ngay 2 việc "lớn": một là, xây dựng Lạc Dương thành một đô thành mới, gọi là Đông Đô. Hai là đào 1 con sông thông suốt nam bắc, gọi là Đại vận hà.

Năm 605, Tùy Dạng Đế trao cho Vũ Văn Khải, 1 đại thần chuyên quản lý việc xây dựng, nhiệm vụ xây dựng Đông Đô. Vũ Văn Khải là 1 công trình sư có tài. Ông ta đoán đúng tâm lý thích phô trương xa xỉ của Tùy Dạng Đế nên đã cho xây dựng Đông Đô hết sức to lớn, tráng lệ. Mọi thứ gỗ tốt, đá quý đều được vận chuyển từ vùng phía nam Trường Giang, phía bắc Ngũ Lĩnh lên. Chỉ riêng 1 cây gỗ lớn dùng làm cột, đã phải điều hàng ngàn người kéo. Để xây dựng Đông Đô, mỗi tháng phải huy động 2 triệu dân công thi công liên tục suốt ngày đêm. Ở phía tây Lạc Dương, còn làm 1 vườn hoa lớn, dành riêng cho Tùy Dạng Đế thưởng ngoạn, gọi là Tây Uyển. Vườn có chu vi 200 dặm, bên trong có biển và núi nhân tạo, các đình đài lầu các, kỳ hoa dị thảo, không thứ gì không có. Điều đặc biệt không tưởng tượng được, là vào mùa đông khi cây trụi hết lá, rất nhiều người đã được cắt cử đến để dán lên mọi cành cây các mảnh lụa màu theo đúng hình hoa lá của từng loại cây, khiến cho khắp vùng vườn rộng lớn được xanh tốt như mùa xuân, hạ.

Cũng trong năm khởi công xây dựng Đông Đô, Tùy Dạng Đế còn hạ lệnh điều động hơn 1 triệu dân phu thuộc Hà Nam và Hoài Bắc để đào 1 con sông từ vườn Tây Uyển ở Lạc Dương đến Sơn Dương (nay là Hoài An, Giang Tô) ở bờ nam Hoài Thủy và đặt tên là "Thông Tế cừ". Ngoài ra, còn điều hơn 10 vạn dân phu ở Hoài Nam để nạo vét Hàn Cừ nối Sơn Dương với Giang Đô (nay là Dương Châu, Giang Tô). Hàn Cừ vốn được Ngô vương Phù Sai cho đào từ thời Xuân thu, đến lúc đó nhiều chỗ đã bị lấp cạn. Hai đoạn đường thủy trên được mở ra và khai thông khiến cho việc giao thông đường thủy từ Lạc Dương đến Giang Nam tiện lợi hơn trước rất nhiều. Trong 5 năm sau đó, Tùy Dạng Đế lại 2 lần hạ lệnh điều dân phu để đào vận hà. Đoạn thứ nhất từ bờ bắc Hoàng Hà ở Lạc Dương đến Trác Quận (nay là Bắc Kinh), gọi là "Vĩnh Tế cừ". Đoạn thứ 2 từ Kinh Khẩu (nay là Trấn Giang, Giang Tô) đến Dư Hàng (nay là Hàng Châu, Triết Giang), gọi là "Giang Nam Hà". Cuối cùng, nối liền 4 vận hà trên lại với nhau, thành ra 1 Đại vận hà xuyên suốt bắc nam, dài tới 4000 dặm. Đại vận hà này là 1 trong những công trình vĩ đại nhất trong lịch sử Trung Quốc. Nó có vai trò tích cực trong việc phát triển kinh tế, văn hóa và duy trì sự thống nhất của Trung Quốc. Tất nhiên, để có được công trình vĩ đại này, nhân dân lao động đã phải đổ mồ hôi và thậm chí cả sinh mạng mới hoàn thành được.

Tùy Dạng Đế đặc biệt thích đi tuần du bên ngoài kinh đô Lạc Dương, một là để chơi bời hưởng lạc, hai là để tỏ rõ uy phong với trăm họ. Khi vận hà nối liền Lạc Dương (tức Đông Đô) với Giang Đô vừa làm xong. Tùy Dạng Đế liền dẫn 1 đội ngũ đông đảo gồm 20 vạn người đi tuần du Giang Đô. Trước đó, Tùy Dạng Đế đã cho đóng hơn 1 vạn chiếc thuyền lớn dùng cho việc này. Ngày xuất phát, Tùy Dạng Đế và Tiêu hoàng hậu mỗi người dùng 1 chiếc thuyền cực lớn 4 tầng. Trên mỗi thuyền, có bố trí cung điện và hơn 100 gian cung thất, trang trí vàng son rực rỡ. Tiếp sau 2 thuyền lớn là mấy ngàn thuyền hoa dành cho các cung phi, vương công quý tộc, văn võ bá quan. Sau đó là mấy ngàn thuyền lớn chở binh lính tùy tùng cùng vũ khí,

màn trướng. Trên 1 vạn chiếc thuyền dàn trên mặt sông, từ thuyền đầu tới thuyền cuối dài tới 200 dặm.

Đoàn thuyền lớn như vậy vận hành bằng cách nào? Các quan lo việc phục vụ ăn chơi cho hoàng đế đã chuẩn bị đầy đủ: hai bờ vận hà, đã trồng liễu thành hàng tít tắp, sát bờ sông là con đường đất nhỏ, 8 vạn dân phu được điều động để kéo thuyền, có kỵ binh đi kèm đốc thúc. Quang cảnh chuyển đi thật từng bừng, rộn rã. Dưới sông là đoàn thuyền dài vô tận, treo đèn kết hoa rực rỡ; trên bờ là kỵ binh và phu kéo thuyền mang những lá cờ ngũ sắc lớn. Về đêm, đèn đuốc sáng trưng, chiêng trống vang rền, quang cảnh hào hoa không lời nào tả xiết. Để cung cấp mọi hưởng dụng cho đoàn du ngoạn, Tùy Dạng Đế hạ lệnh cho nhân dân vùng 2 bờ sông phải nộp đủ rượu thịt và lương thực, gọi việc đó là "hiển thực". Các quan châu huyện nhận lệnh, liền bắt dân soạn sửa tiệc rượu dâng lên hoàng thượng. Mỗi huyện phải chuẩn bị hàng trăm mâm tiệc. Tùy Dạng Đế và cung phi, thái giám, vương công đại thần không thể nào ăn hết. Thức ăn dư thừa được sai đồ xuống 1 hồ lớn ven bờ rồi lấp đi. Trong khi đó, những người dân lo toan chạy vạy để hiển thực, có nhiều người phải khuynh gia bại sản.

Giang Đô thời đó là 1 đô thị phồn hoa. Tùy Dạng Đế đến đó ngoài việc thả sức ăn chơi hưởng lạc, còn nhân dịp phô diễn oai phong. Chỉ riêng đồ dùng và nghi trượng phục vụ cho 1 lần tuần du, đã cần hơn 10 vạn nhân công chế tác và tiêu tốn hàng trăm triệu quan tiền. Lần tuần du đầu tiên kéo dài đúng nửa năm trời. Sau đó Dạng Đế mới trở lại Đông Đô. Từ đó trở về sau, hầu như năm nào Tùy Dạng Đế cũng mở cuộc tuần du. Một lần, ông ta đi đường bộ lên phía bắc, điều động dân phu của mười mấy quận huyện Hà Bắc, đục núi Thái Hàng, lấy đá rải trên đường sẽ đi qua. Để đảm bảo an toàn cho cuộc tuần du, còn điều động hơn 1 triệu người sửa lại Trường Thành, hẹn trong 20 ngày phải xong. Sau đó, dưới sự hộ tống của 50 vạn quân, Tùy Dạng Đế tiến hành cuộc tuần du dọc biên cảnh phía bắc. Ở miền bắc, không có sẵn cung điện dành cho Tùy Dạng Đế nghỉ ngơi, công trình sư Vũ Văn Khải liền đặc biệt chế tạo 1 cung điện di động dành cho hoàng

đế và hoàng hậu, cung phi, thị vệ, đặt tên là "Quan phong hành điện". Loại "hành điện" này khi sử dụng đến thì lắp lại, lúc thường có thể tháo ra để vận chuyển theo. Khi lắp, toàn bộ hành điện có thể di động nhờ những bánh xe đặt bên dưới, bên trong có thể chứa mấy trăm người. Vào thời bấy giờ, loại cung điện di động này có thể kể là 1 phát minh. Nhưng đáng tiếc, nó chỉ nhằm phục vụ riêng cho Tùy Dạng Đế mà thôi.

Việc xây dựng Đông Đô, đào vận hà, đắp Trường Thành, cộng thêm những cuộc tuần du liên miên hết năm này đến năm khác, khiến cho nhân dân phải lao dịch và đóng góp sưu thuế nặng nề tới mức không sao chịu đựng nổi. Trước tình hình đó, sự kiêu sa, dâm dật của Tùy Dạng Đế lại càng ngày càng tăng thêm. Để phô trương sức mạnh và khoe khoang vũ công, năm 611, Tùy Dạng Đế phát động cuộc chiến tranh xâm lược Cao Ly (nay là bán đảo Triều Tiên). Năm đó, ông xuất phát từ Giang Đô, cưỡi thuyền rồng theo vận hà đi lên Trác Quận, đích thân chỉ huy cuộc chiến. Ông hạ lệnh cho quân đội trong cả nước không kể xa gần, đều phải tập trung về Trác Quận. Ngoài ra, còn hạ lệnh bắt thợ thuyền về cửa biển Đông Lai (nay thuộc huyện Dịch, Sơn Đông) chế tạo gấp 300 thuyền chiến lớn. Các dân phu làm thuyền có quan lại đôn đốc nghiêm ngặt, thay nhau làm việc suốt ngày đêm, ngày nào cũng phải ngâm nửa mình dưới nước biển, nên từ lưng trở xuống đều bị bọt da, thối thịt. Rất nhiều người không chịu đựng nổi, đã gục chết trong nước biển.

Đồng thời, Tùy Dạng Đế còn hạ lệnh cho các vùng Hà Nam, Hoài Nam, Giang Nam chế tạo 5 vạn cỗ xe lớn, đưa đến Cao Dương vận chuyển khô giáp, màn trướng cho binh lính. Một mặt, lệnh cho miền Giang Nam, Hoài Nam huy động dân phu và thuyền bè chở lương thực từ kho Lê Dương (nay ở đông nam huyện Tuấn, Hà Nam) và kho Lạc Khẩu lên Trác Quận. Thế là, thuyền bè xe cộ khắp nước, không kể ngày đêm từ các hướng nườm nượp đi lên Trác Quận. Mấy chục vạn dân phu quá mệt mỏi, nhiều người chết gục trên đường, suốt dải đường dài đầy xác chết. Dân phu vì thế bị thiếu, trâu bò cày liền được điều đi thờ thay người, làm cho đồng ruộng

bỏ hoang, toàn dân lâm vào nạn đói. Nhân dân không chịu nổi nữa, liền vùng lên phản kháng. Đầu tiên là Vương Bạc ở Trâu Bình (nay thuộc Sơn Đông) lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở núi Trường Bạch. Vương Bạc sáng tác ra bài hát "không đi chết ở Liêu Đông", kêu gọi nhân dân chống lại quan lại triều đình. Lời ca viết:

"...Nếu thấy quan quân đến

Vác dao vùng chém luôn

Dù đầu rơi máu chảy

Còn hơn đi Liêu Đông..."

Tiếp đó, ở các vùng rộng lớn thuộc Sơn Đông, Hà Bắc liên tiếp nổ ra các cuộc khởi nghĩa nông dân. Nền thống trị của vương triều Tùy bắt đầu lung lay.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Lý Mật Độc Sách Trên Lưng Trâu

Trong cuộc tiến công Cao Ly lần thứ nhất, quân Tùy bị đại bại. Hơn 1 triệu quân xuất chinh, chỉ còn chạy về được 2700. Thảm bại như vậy, nhưng Tùy Dạng Đế vẫn chưa thôi cuồng vọng. Ông lại thu góp lực lượng, phát động cuộc tiến công lần thứ 2, và đích thân chỉ huy đại quân tiến công Liêu Đông. Đại thần Dương Huyền Cảm được phân công lo việc vận chuyển lương thảo từ hậu phương Lê Dương ra mặt trận. Cha Dương Huyền Cảm là Dương Tố đã từng là người thân tín của Tùy Dạng Đế, giúp Dạng Đế rất đắc lực trong việc tranh giành ngôi hoàng đế. Nhưng sau lại bị Dạng Đế nghi ngờ, nên uất ức mà chết. Vì thế, Dương Huyền Cảm rất bất mãn với Tùy Dạng Đế. Lần này, thấy tình hình hỗn loạn, Dương Huyền Cảm muốn lợi dụng thời cơ để lật đổ Tùy Dạng Đế.

Lấy danh nghĩa đại thần phụ trách đơn đốc việc vận chuyển lương thảo, Dương Huyền Cảm ra lệnh điều động 8000 trai tráng làm phu và người chở thuyền để vận chuyển lương thực ra tiền tuyến Liêu Đông. Những thanh niên này rất chán ghét việc làm phu phen, lần này nghe tin phải đi lao dịch ra tiền tuyến nên đều hết sức phẫn nộ. Dương Huyền Cảm tập hợp đám dân phu đó lại, tuyên bố: "Đương kim hoàng thượng không đếm xỉa gì đến sự sống chết của trăm họ, buộc hàng ngàn hàng vạn người từ già cả đến trai tráng đi bỏ mạng ở Liêu Đông. Tình hình này không thể chịu đựng được nữa. Ta bị buộc phải làm việc này. Nay ta quyết tâm cùng mọi người vùng lên lật đổ bạo quân, các người có dám theo ta không?".

Mọi người thấy có 1 đại thần dẫn đầu họ chống lại triều đình thì tất cả đều tán thành, tiếng hoan hô vang dậy. Dương Huyền Cảm tổ chức 8000 người đó thành đội ngũ, phân phát vũ khí cho họ để chuẩn bị chống lại quân Tùy. Nhưng lúc đó, Dương Huyền Cảm thấy bên cạnh mình thiếu 1 người làm mưu sĩ để giúp việc bày mưu tính kế, liền nhớ tới 1 người bạn thân lúc đó đang ở Trường An. Người đó là Lý Mật. Ông cha của Lý Mật từng là quý tộc dưới triều Bắc Chu và triều Tùy. Khi còn thanh niên, Lý Mật đã được cử vào cung làm thị vệ cho Tùy Dạng Đế. Vốn tính tình linh hoạt hay tò mò, khi phục vụ Tùy Dạng Đế, Lý Mật hay nhìn ngang nhìn ngửa, nên bị Tùy Dạng Đế cho là không đáng tin cậy và thải ra khỏi hàng ngũ thị vệ. Lý Mật không buồn nản, về nhà liền vui đầu đọc sách, quyết tâm là 1 kẻ sĩ.

Một hôm, Lý Mật cưỡi 1 con trâu đi thăm bè bạn. Dọc đường, không bỏ phí thời gian, ông buộc sách Hán thư vào sừng trâu để vừa đi vừa đọc. Đúng lúc đó, tể tướng Dương Tố đi xe ngựa từ phía sau vượt lên, thấy trước mặt có 1 thanh niên đang đọc sách trên lưng trâu thì lấy làm lạ. Dương Tố ngồi trên xe, hỏi sang: "Này cậu học trò kia, sao mà chăm chỉ thế?".

Lý Mật quay sang, nhận ra là tể tướng, liền vội vàng tụt từ lưng trâu xuống, vái chào Dương Tố và xưng rõ họ tên. Dương Tố hỏi: "Cậu đọc sách gì thế?".

Lý Mật thưa: "Kẻ thư sinh này đang đọc Hán thư, phần truyện kí về Hạng Vũ".

Dương Tố hỏi chuyện Lý Mật hồi lâu, nhận thấy chàng thanh niên này có hoài bão lớn. Về nhà liền nói với con là Dương Huyền Cảm: "Ta thấy học thức và tài năng của Lý Mật hơn mấy anh em con nhiều. Sau này có việc gì quan trọng, các con nên hỏi Lý Mật".

Từ đó, Dương Huyền Cảm giao du thân thiết với Lý Mật. Lần này cần tìm mưu sĩ, Dương Huyền Cảm nhớ tới lời dặn của cha, liền cử người về Trường An, đón Lý Mật tới Lê Dương. Khi Lý Mật tới, Dương Huyền Cảm hỏi về việc muốn đánh đổ Tùy Dạng Đế thì nên hành động thế nào. Lý Mật nói: "Có ba phương án hành động. Phương án thứ nhất: hiện nay Tùy Dạng Đế đang ở Liêu Đông, chúng ta đem quân lên phía bắc, chặn đường lui của hôn quân. Như vậy, chỉ không quá mười ngày, lương thực không được tiếp tế, phía trước có Cao Ly, phía sau ta trấn giữ, chúng tự khắc tan vỡ, ta không cần đánh cũng giành được thắng lợi. Đó là thượng sách. Phương án hai là đem quân về phía tây, chiếm lấy Trường An, là hậu phương của triều Tùy; nếu quân triều đình kéo về, ta sẽ lấy vùng Quan Trung làm căn cứ địa, dựa vào địa thế hiểm yếu mà giữ vững. Đó là trung sách. Phương án thứ ba là đánh chiếm Đông Đô Lạc Dương ở gần đây; nhưng đó chỉ là hạ sách, bởi vì Đông Đô còn một số quân triều đình đóng giữ, không chắc chắn chiếm nhanh được".

Dương Huyền Cảm vốn nôn nóng, muốn thành công ngay, nghe 3 phương án của Lý Mật, thấy 2 phương án đầu tốn thời gian quá, liền nói: "Tôi thấy hạ sách lại là phương án tốt. Hiện nay gia đình quân quan triều đình đều ở Đông Đô, chúng ta chiếm được Đông Đô, bắt hết gia đình của họ, thì lòng quân sẽ dao động, ta sẽ giành thắng lợi".

Dương Huyền Cảm liền điều quân từ Lê Dương tiến đánh Đông Đô. Trên đường tiến công, rất nhiều nông dân hăng hái tham gia quân khởi nghĩa, quân số tăng lên tới 10 vạn, đánh thắng liên tục mấy trận. Tùy Dạng Đế đang chỉ huy quân đội đánh dữ dội vào Liêu Đông, được tin cáo cấp, liền lui binh ngay trong đêm, phái đại tướng Vũ Văn Thuật cùng 1 số tướng khác chia đường tiến đánh Dương Huyền Cảm. Dương Huyền Cảm không chống nổi, muốn kéo quân về Trường An. Vũ Văn Thuật dẫn quân đuổi riết, vây chặt quân Dương Huyền Cảm lại. Dương Huyền Cảm hết đường chạy, cuối cùng bị giết. Lý Mật từ trong đám loạn quân chuồn ra, định trốn về Trường An, nhưng bị quân Tùy lòng bắt được. Tướng Tùy phái quân áp

giải Lý Mật về chỗ Tùỵ Dạng Để. Dọc đường, Lý Mật bàn với hơn 10 phạm nhân cùng bị áp giải, đem hết tiền bạc có trong người, hối lộ cho quân áp giải để chúng chè chén say sưa. Nhân lúc quân Tùỵ lơ lửng, Lý Mật và các phạm nhân khác vượt tường trốn thoát.

Sau khi thoát vòng nguy hiểm, Lý Mật toan dựa vào 1 thủ lĩnh quân khởi nghĩa đang nổi lên ở miền bắc để tiếp tục chống lại triều Tùỵ. Nhưng 1 số thủ lĩnh nghĩa quân thấy Lý Mật là 1 thư sinh yếu đuối, nên tỏ ý coi thường. Lý Mật phải thay tên đổi họ, trốn tránh khắp nơi, mấy lần suýt bị quan quân triều đình bắt được. Cuối cùng nghe tin ở Đông Quận (nay ở phía đông huyện Hoạt, Hà Nam) có cánh quân khởi nghĩa ở trại Ngõa Cương, có binh lực rất mạnh, người đứng đầu là Trác Nhượng, rất trung hậu, thích kết giao với anh hùng hào kiệt, liền quyết định đến Đông Quận, đi theo quân Ngõa Cương.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Quân Ngõa Cường Phá Kho, Chia Lương Thực

Trác Nhượng, thủ lĩnh quân Ngõa Cường vốn là 1 viên lại nhỏ ở Đông Quận, vì có lỗi với quan trên, bị bắt giam và xử tử tội. Một người coi ngục thương cảm bảo: "Tôi thấy ông là một trang hảo hán, sao có thể cứ ở đây mà chờ chết". Đêm tối, người đó lén phá xiềng xích, mở cửa nhà ngục, thả ông ra.

Trác Nhượng thoát khỏi ngục, chạy đến trại Ngõa Cường ở gần đó, chiêu tập một số nông dân nghèo khổ, tổ chức 1 đội quân khởi nghĩa. Thanh niên trai tráng trong vùng nghe tin đến theo rất đông. Trong số đó, có 1 thanh niên tên là Từ Thế Tích, mới 17 tuổi, không những võ nghệ cao cường, lại rất có mưu trí. Từ Thế Tích khuyên Trác Nhượng: "Quanh đây đều là dân làng nghèo khổ. Chúng ta không nên bắt họ đóng góp. Tôi thấy vùng Huỳnh Dương có rất nhiều nhà giàu có, chi bằng ta nên tới đó để lấy lương thực".

Trác Nhượng nghe theo ý kiến Từ Thế Tích, dẫn quân tới Huỳnh Dương, chuyên đánh vào dinh quan và các nhà phú thương, đoạt được rất nhiều tài sản. Nông dân quanh vùng đi theo Trác Nhượng ngày một nhiều, đội ngũ nhanh chóng tăng lên tới hơn 1 vạn người. Sau khi Lý Mật đến với Trác Nhượng, liền giúp Trác Nhượng chinh đốn người ngựa thành đội ngũ chinh tề. Lúc đó, vùng lân cận cũng có 1 số nhóm nông dân khởi nghĩa. Lý Mật tới các nơi đó bắt liên lạc, thuyết phục họ liên hợp lại dưới sự chỉ huy của Trác Nhượng. Trác Nhượng rất phấn khởi, dần dần thân thiết với Lý Mật. Đội ngũ ngày càng phát triển mạnh, nhưng Trác Nhượng không nghĩ

rằng mình có thể lật đổ Tùy Dạng Đế. Lý Mật liền nói với Trác Nhược: "Trước kia Lưu Bang, Hạng Vũ cũng chỉ là những người dân bình thường, mà cuối cùng lật đổ được triều Tần. Nay hoàng đế ngu tối, bạo ngược, trăm họ oán giận, quân đội triều đình đại bộ phận ở xa mãi Liêu Đông. Trong tay ngài có đủ quân mạnh ngựa khỏe, muốn đánh hạ Đông Đô và Trường An thì không khó khăn gì?".

Trác Nhược Nghe xong rất phấn khởi, nói: "Lời của tiên sinh rất đúng, tôi chưa nghĩ được tới điều đó".

Sau đó, 2 người bàn bạc, quyết định đánh Huỳnh Dương trước. Thái thú Huỳnh Dương cáo cấp với Tùy Dạng Đế, Tùy Dạng Đế phái đại tướng Trương Tu Đà đem quân trấn áp. Trương Tu Đà là viên tướng đã từng trấn áp nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân. Trác Nhược đã từng bị hấn đánh thua, lần này nghe tin hấn lại mang quân đến, nên có ý sợ. Lý Mật nói: "Trương Tu Đà hữu dũng vô mưu, lại thêm hấn cậy có nhiều quân nên kiêu ngạo khinh địch. Chúng ta lợi dụng nhược điểm của hấn, thì có thể đánh bại hấn".

Lý Mật đề nghị Trác Nhược bày trận, đón đánh chính diện quân địch, còn tự mình dẫn 1000 người ngựa bố trí mai phục trong rừng rậm ở phía bắc chùa Đại Hải thuộc Huỳnh Dương. Trương Tu Đà khinh thường, coi Trác Nhược không phải là đối thủ của mình, nên dùng dùng dẫn quân xông thẳng tới Trác Nhược chống cự qua loa rồi vội thua chạy. Trương Tu Đà đuổi theo hơn 10 dặm, đường đi ngày càng hẹp, rừng càng lúc càng rậm rạp, vào tới giữa vùng bố trí phục binh. Lý Mật lập tức nổi hiệu lệnh, quân Ngõa Cương mai phục sẵn, nhất tề xông ra chém giết, vây chặt Trương Tu Đà lại. Trương Tu Đà tuy dũng mãnh, nhưng bị bao vây nhiều lớp, tả xung hữu đột nhưng không sao thoát ra được. Toàn bộ cánh quân lớn của Trương Tu Đà cuối cùng bị tiêu diệt, bản thân Trương Tu Đà bị giết chết. Qua cuộc chiến đấu này, uy tín của Lý Mật trong quân Ngõa Cương lên cao. Lý Mật giữ kỷ luật nghiêm minh, sinh hoạt lại rất giản dị. phần tiền bạc tịch thu từ

quân triều đình, ông ta đều đem chia cho tướng sĩ. Lâu ngày, các tướng sĩ dần dần qui tụ xung quanh Lý Mật.

Mùa xuân năm 617, Lý Mật khuyên Trác Nhượng nên nhân lúc Tùy Dạng Đế tuần du Giang Đô, Đông Đô bị bỏ trống, nên tiến công vào Đông Đô. Người của quân Ngõa Cương phái đến Đông Đô thám thính, bị quân phòng thủ bắt được, nên việc phòng thủ được tăng cường. Lý Mật liền đổi kế hoạch, đề nghị trước hết hãy đánh kho Hưng Lạc (nay ở huyện Củng, Hà Nam). Kho Hưng Lạc, còn gọi là kho Lạc Khẩu, là kho lương thực lớn nhất của triều Tùy. Chu vi kho dài tới hơn 20 dặm, trong đó có 3000 hầm cất giấu lương thực, mỗi hầm chứa 8000 thạch lúa. Đây là mồ hôi nước mắt của nông dân bị triều Tùy bóc lột trong nhiều năm, tích trữ ở đây. Trác Nhượng, Lý Mật dẫn 7000 tinh binh tiến đánh kho Hưng Lạc. Nghĩa quân vốn đều là nông dân bị tan cửa mất nhà, khi nghe tin đi đánh kho lương thực thì đều hăm hở, hăng hái bội phần. Bị tiến công, quân phòng thủ cố gắng chống trả nhưng không thể nào chống nổi với quân Ngõa Cương dũng mãnh như hùm mọc cánh. Chẳng mấy chốc, kho Hưng Lạc lọt vào tay nghĩa quân. Chiếm được kho, quân Ngõa Cương lập tức hạ lệnh mở kho, phân phát thóc lúa cho dân. Binh sĩ chuyển các bao lúa ra cho nhân dân thỏa sức lĩnh về. Nông dân đói khổ khắp nơi các vùng ùn ùn kéo đến kho xin lĩnh lúa. Từ người già đầu bạc đến phụ nữ địu con sau lưng ai nấy đều xúc động, nước mắt lưng tròng, vô cùng cảm kích trước ân tình của quân khởi nghĩa.

Tiếp sau, quân Ngõa Cương lại đánh bại quân cứu viện của triều đình. Lúc này, quyền chỉ huy nghĩa quân dần dần tập trung trong tay Lý Mật. Trác Nhượng thấy tài năng của mình không bằng Lý Mật, liền nhường địa vị thủ lĩnh cho Lý Mật. Mọi người tôn Lý Mật làm Ngụy Công, kiêm Hành quân nguyên soái. Sau khi quân Ngõa Cương xây dựng chính quyền của mình ở Lạc Khẩu, liền thừa thắng đánh chiếm quận, huyện. Quan lại và binh lính triều Tùy tới tập đầu hàng. Quân Ngõa Cương tiến đánh Đông Đô, đồng thời phát hịch kể tội Tùy Dạng Đế và kêu gọi trăm họ cùng đứng

lên lật đổ nền thống trị của vương triều Tùy. Sự kiện này làm khắp vùng Trung nguyên chấn động. Chính trong lúc quân Ngõa Cương phát triển thắng lợi thì nội bộ lại xảy ra chia rẽ nghiêm trọng. Sau khi Trác Nhược nhượng quyền thủ lĩnh cho Lý Mật thì 1 số tướng lĩnh và thủ hạ của Trác Nhược không hài lòng. Một số người khuyên Trác Nhược đòi lại quyền, nhưng Trác Nhược vẫn cười ha hả, cho chuyện đó không đáng để tâm. Nhưng những lời đó đến tai Lý Mật, khiến Lý Mật rất không hài lòng. Thủ hạ của Lý Mật xúi giục ông ta nên trừ khử Trác Nhược đi. Để giữ vững địa vị của mình, Lý Mật liền ngả theo ý kiến đó, bắt đầu nuôi dã tâm.

Một hôm, Lý Mật mở tiệc mời Trác Nhược. Giữa buổi tiệc, Lý Mật đuổi những binh sĩ bảo vệ Trác Nhược ra ngoài, rồi giả vờ đưa ra 1 cây cung tốt, đề nghị Trác Nhược giương thử. Trác Nhược đang khom mình giương cung thì đao phủ do Lý Mật bố trí sẵn đã chém gục ông xuống. Sau biến cố đó, quân Ngõa Cương bắt đầu đi xuống. Trong khi đó, cánh quân chống Tùy do Lý Uyên lãnh đạo đang dần lớn mạnh lên.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Lý Uyên Khởi Binh Ở Thái Nguyên

Lý Uyên vốn là quý tộc của vương triều Tùy, kế thừa tước vị của ông cha, nên được phong là Đường quốc công. Năm 617, Tùy Dạng Đế phái Lý Uyên đi giữ chức lưu thủ Thái Nguyên (nay là thành phố Thái Nguyên, thủ phủ tỉnh Sơn Tây) để trấn áp quân khởi nghĩa nông dân. Ban đầu, ông đánh thắng 1 số trận, nhưng quân khởi nghĩa càng ngày càng mạnh, mỗi lúc một đông thêm nên ông rất bối rối. Lý Uyên có 4 con trai, con trai thứ 2 là Lý Thế Dân, năm ấy mới 18 tuổi, là 1 thanh niên gan dạ và mưu trí, thường thích kết giao với những người có tài. Mọi người thấy Lý Thế Dân hào phóng, hiếu khách, nên ai cũng thích giao du. Lý Thế Dân thấy triều Tùy không thể kéo dài sự thống trị được nữa, nên thâm tâm từ lâu đã có dự tính hành động.

Huyện lệnh Tấn Dương (nay thuộc Thái Nguyên, Sơn Tây) là Lưu Văn Tĩnh hết sức coi trọng Lý Thế Dân; Lý Thế Dân cũng coi Lưu Văn Tĩnh là bạn tri kỷ. Lưu Văn Tĩnh lại có quan hệ thân thích với Lý Mật. Sau khi Lý Mật tham gia quân khởi nghĩa chống triều đình, Tùy Dạng Đế hạ lệnh tước nã thân thích và bạn bè của Lý Mật. Lưu Văn Tĩnh liền bị cách chức huyện lệnh và bị giam ở nhà giam huyện Tấn Dương. Lý Thế Dân nghe tin Lưu Văn Tĩnh bị bắt giam, liền vội vã đến thăm. Lý Thế Dân cầm tay Lưu Văn Tĩnh nói: "Lưu đại ca, tôi đến thăm đại ca, không phải chỉ là tỏ tình cảm mà còn có việc muốn thỉnh giáo đại ca đây".

Lưu Văn Tĩnh từ lâu đã hiểu rõ tâm trạng của Lý Thế Dân, liền nói: "Hiện nay hoàng đế ở mãi tận Giang Đô. Lý Mật đã áp sát Đông Đô, khắp

nơi đều nổi lên làm phản. Đó là thời cơ tốt để giành thiên hạ. Tôi có thể giúp đại huynh tập hợp được mười vạn người ngựa. Và lệnh phụ (chỉ Lý Uyên) đã có trong tay mấy vạn người. Nếu dùng lực lượng đó đánh vào Trường An, ban bố hiệu lệnh cho thiên hạ, thì không tới nửa năm sẽ giành được thiên hạ".

Lý Thế Dân hết sức vui mừng, nói: "Đại ca đã nói đúng điều tôi muốn hỏi".

Về nhà, Lý Thế Dân nghĩ tới lời Lưu Văn Tĩnh, càng nghĩ càng thấy có lý. Nhưng muốn thuyết phục cha nghe theo ý kiến đó, không phải là chuyện dễ. Vừa may lúc đó, ở phía bắc Thái Nguyên, khả hãn Đột Quyết (một dân tộc thiểu số ở miền bắc Trung Quốc) đem quân tiến công Mã Ấp. Lý Uyên đem quân chống lại, liên tiếp bị thua trận. Lý uyên hết sức lo Tùỵ Dạng Đế biết được việc này sẽ trừng phạt mình, nên luống cuống không biết xử trí ra sao. Lý Thế Dân nắm ngay thời cơ đó, liền khuyên cha đem quân chống lại triều đình. Lý Uyên nghe nói, hết sức run sợ, nói: "Sao con dám nói những lời phản nghịch đó. Nếu ta đi báo quan thì con sẽ bị bắt giam ngay lập tức".

Lý Thế Dân không hề sợ hãi, nói: "Cha muốn cáo giác thì cáo giác đi. Con không sợ chết đâu!".

Đương nhiên Lý Uyên không đi cáo giác, chỉ dặn Lý Thế Dân từ sau không được nói lời lẽ như thế. Hôm sau lý Thế Dân lại nói với Lý Uyên: "Cha được hoàng đế phái tới đây để dẹp loạn. Nhưng xem tình hình trước mắt, thì người làm phản càng ngày càng nhiều, ch làm sao có thể dẹp được? Thêm nữa, hoàng thượng rất hay nghi kỵ, dù cha có lập được công thì địa vị cũng bị đe dọa nghiêm trọng. Chỉ có làm như lời con nói hôm qua, thì mới có đường thoát".

Lý Uyên do dự rất lâu rồi mới thở dài nói: "Suốt đêm qua cha đã suy nghĩ về ý kiến của con, cảm thấy cũng có lý. Nhưng cha vẫn không dám

quyết đoán. Thôi thì bây giờ, hoặc là nhà tan người chết, hoặc là biến nhà thành nước (ý nói chiếm được cả nước, lên làm hoàng đế) đều tùy ở con cả!".

Thế là Lý Uyên mở nhà ngục, tha Lưu Văn Tĩnh ra. Lưu Văn Tĩnh giúp Lý Thế Dân, cùng đi chiêu binh mãi mã. Lý Uyên còn gọi 2 con trai khác là Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát đang đánh giặc ở Hà Đông, về tập trung ở Thái Nguyên. Hai quan chức cấp phó ở Thái Nguyên thấy hành động của cha con Lý Uyên không bình thường, muốn can ngăn lại. Lý Uyên liền lấy cớ họ câu kết với Đột Quyết, sai bắt lại và giết đi. Lý Uyên còn nghe theo kế của Lưu Văn Tĩnh, phái người mang lễ vật rất hậu, đến giảng hòa với khả hãn Đột Quyết, hẹn nhau cùng chống lại triều Tùy. Khả hãn Đột Quyết thấy như vậy rất có lợi cho mình, liền nhận lời giúp đỡ Lý Uyên. Giải quyết ổn thỏa xong với Đột Quyết, Lý Uyên liền chính thức khởi binh chống Tùy. Lý Uyên tự xưng là Đại tướng quân, cử Lý Kiến Thành và Lý Thế Dân làm tả, hữu Lĩnh quân đại đô đốc, Lưu Văn Tĩnh làm tư mã, và gọi toàn thể binh sĩ là "nghĩa sĩ". Họ dẫn 3 vạn quân rời Tấn Dương, tiến về Trường An. Dọc đường tiến quân, tiếp tục chiêu mộ người ngựa, đồng thời học theo cách làm của quân khởi nghĩa nông dân, mở kho lương thực để phân phát cho dân nghèo. Nhờ thế, dân chúng tham gia vào hàng ngũ ngày càng đông.

Quân Đường (vì tước vị của Lý Uyên là Đường quốc công nên quân đội dưới quyền được gọi là Đường quân) đến Hoắc Ấp (nay ở huyện Hoắc, Sơn Tây) thì gặp phải lực lượng đánh chặn của Tống Lão Sinh, 1 viên tướng của triều đình. Đường xa ở vùng Hoắc Ấp rất chật hẹp, lại thêm mưa liên mấy ngày, việc tải lương bị gián đoạn. Trong binh lính có tin đồn xôn xao là quân Đột Quyết chuẩn bị đánh úp Tấn Dương; Lý Uyên hoang mang, muốn lui quân về Tấn Dương. Lý Thế Dân nói với cha: "Nay đang là mùa thu, ngoài đồng đầy lúa chín, lo gì không có lương thực! Tống Lão Sinh cũng không có gì đáng sợ, Chúng ta dùng danh nghĩa nghĩa binh để hiệu triệu thiên hạ, nếu không chiến đấu mà đã rút lui thì sao tránh khỏi

khiến mọi người thất vọng. Nếu trở về Tấn Dương thì sẽ không còn triển vọng gì nữa".

Lý Kiến Thành cũng ủng hộ ý kiến của người em. Do đó Lý Uyên mới thay đổi ý định, không nói đến việc lui quân nữa. Một ngày tháng 8, trời vừa tạnh mưa, từ sáng sớm, quân Đường đã ven theo đường nhỏ dưới chân núi, hành quân gấp tới bên thành Hoắc Ấp. Lý Uyên phái Kiến Thành dẫn mấy chục kỵ binh tới dưới thành khiêu chiến. Tổng Lão Sinh thấy quân Đường ít ỏi, liền mở toan cửa thành, dẫn 3 vạn quân ra đánh. Lý Thế Dân dẫn quân đã bố trí sẵn từ 1 ngọn núi phía nam ào ạt xông xuống chém giết. Quân mã của Tổng Lão Sinh bị cắt rời tan tác. Tổng Lão Sinh hoảng sợ, toan dẫn quân quay trở lại thành, nhưng thành đã bị 1 cánh quân khác của Lý Uyên chiếm mất; cửa thành bị đóng chặt. Tổng Lão Sinh hết đường tiến lui, bị quân Đường giết chết. Sau khi đánh chiếm Hoắc Ấp, quân Đường tiếp tục tiến về phía tây, vượt qua Hoàng Hà với sự phối hợp của quân nông dân Quan Trung. Con gái của Lý Uyên lúc đó ở Trường An cũng chiêu mộ được hơn 1 vạn người ngựa, lập 1 đội "Nương tử quân", hưởng ứng quân Đường.

Lý Uyên tập trung hơn 20 vạn quân đánh Trường An, quân Tùy giữ Trường An không thể chống lại được. Lý Uyên vào Trường An, liền tuyên bố 12 điều ước pháp để tranh thủ lòng dân, đồng thời phế bỏ hết mọi pháp lệnh hà khắc của vương triều Tùy. Tạm thời, Lý Uyên đưa cháu của Tùy Dạng Đế là Dương Hựu lên làm hoàng đế bù nhìn. Năm sau (618), khi có tin Tùy Dạng Đế bị giết từ Giang Đô truyền lên, Lý Uyên liền phế Dương Hựu, tự xưng là hoàng đế, đổi quốc hiệu là Đường. Đó là Đường Cao Tổ.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Lý Thế Dân Chiếm Đông Đô

Trong khi Lý Uyên đánh Trường An thì quân khởi nghĩa ở khắp nơi trong nước cũng phát triển và lớn mạnh. Ngoài quân Ngõa Cương còn các lực lượng chủ yếu khác như quân khởi nghĩa ở Hà Bắc do Đậ Kiến Đức lãnh đạo, quân khởi nghĩa ở Giang Hoài do Đỗ Phục Uy cầm đầu. Các cánh quân khởi nghĩa đều dồn dập tiến đánh quân triều đình. Hôn quân tàn bạo, Tùỵ Dạng Đế biết ngày tàn của mình sắp đến, liền bỏ chạy xuống Giang Đô, ngày ngày cùng Tiêu hoàng hậu và các phi tần uống rượu vui chơi, chìm đắm trong say sưa điên đảo. Ông không muốn nghe biết mọi tin tức thất bại của quân triều đình, nhưng trong lòng đã cực kì hoang mang, nói với Tiêu hoàng hậu: "Nghe nói bên ngoài có nhiều kẻ muốn thanh toán ta. Nhưng mặc kệ, ta cứ việc uống rượu cho sướng!".

Có lần, ông ta cầm gương lên soi, tự ngắm nghía hồi lâu, rồi nói: "Cái đầu đẹp quá, không biết kẻ nào sẽ tới chặt đây".

Cái ngày mà Tùỵ Dạng Đế lo lắng cuối cùng đã tới. Binh lính trong đội quân cấm vệ của Tùỵ Dạng Đế, đa số là người Quan Trung (tức phía tây Hàm Cốc quan, gần Trường An, nay gồm tỉnh Thiểm Tây, Cam Túc). Họ thấy trước mắt nếu cứ đi theo Tùỵ Dạng Đế thì sẽ rất nguy hiểm. Tướng Vũ Văn Hóa Cập nắm được tâm lý binh lính đang muốn đào ngũ trốn về quê hương, liền phát động binh biến. Vũ Văn Hóa Cập dẫn binh sĩ tiến công hoàng cung, cử người giam lỏng và giám sát chặt Tùỵ Dạng Đế. Tùỵ Dạng Đế hỏi người giám thị: "Ta phạm tội gì?".

Viên giám thị nói: "Người phát động chiến tranh, xa xỉ cùng cực, tin dùng kẻ gian tà, cự tuyệt lời ngay thẳng, làm cho đàn ông phơi xác trên chiến trường, đàn bà trẻ nhỏ bỏ mạng nơi đường xá, trăm họ lưu tán khắp nơi. Người còn nói là vô tội sao?".

Tùy Dạng Đế nói: "Đúng là ta có lỗi với trăm họ, nhưng các người đều cùng ta hưởng phú quý, ta đâu có lỗi với các người. Việc làm hôm nay do ai đứng đầu?".

Viên giám thị trả lời: "Nhân dân cả nước đều căm giận hôn quân. Đầu chỉ riêng người đứng đầu!".

Tùy Dạng Đế không còn nói gì được nữa, liền cởi khăn quần trên đầu giao cho viên giám thị. Các vệ sĩ dùng dải khăn đó thắt cổ giết chết kẻ thống trị tàn bạo. Triều Tùy chỉ thống trị Trung Quốc được 38 năm, tới đây là kết thúc. Sau khi Tùy Dạng Đế chết, Đông Đô Lạc Dương vẫn nằm trong tay viên lưu thú Đông Đô và Dương Đồng (cháu của Tùy Dạng Đế) và đại thần Vương Thế Sung. Vương Thế Sung lập Dương Đồng lên làm hoàng đế, tiếp tục giương lá cờ của triều Tùy để chống lại quân khởi nghĩa. Vùng xung quanh Đông Đô vốn thuộc phạm vi hoạt động của quân Ngõa Cương. Lý Mật đã nhiều lần đánh bại quân Tùy, nhưng vì kiêu ngạo tự mãn, lại nghi ngờ các tướng lĩnh nghĩa quân, nên sau trận đánh thắng lợi với lực lượng của Vũ Văn Hóa Cập từ Giang Đô kéo lên, lực lượng quân Ngõa Cương của Lý Mật dần suy yếu. Vương Thế Sung nhắm đúng nhược điểm của Lý Mật, liền mở 1 trận tập kích, đánh tan đại quân Lý Mật. Lý Mật dẫn tàn binh bại tướng chạy lên Trường An, theo triều Đường. Vương Thế Sung đuổi được Lý Mật, tự cho là có lực lượng mạnh, liền phế Dương Đồng, tự xưng là hoàng đế, lấy quốc hiệu là Trịnh.

Lúc đó, quân Đường đã dẹp được mấy thế lực cát cứ của địa chủ cường hào ở tây bắc, ổn định được hậu phương. Năm 620, Đường Cao Tổ cử Lý Thế Dân thống lĩnh đại quân đi đánh Đông Đô. Quân Lý Thế Dân ra khỏi cửa Hàm Cốc, rất nhiều châu huyện thuộc Hà Nam liên tiếp đầu hàng,

nên đã nhanh chóng hình thành thế bao vây với Đông Đô. Lý Thế Dân không những giỏi đánh trận mà còn khéo dùng người. Ông thu nạp được 1 số hàng tướng từ hàng ngũ quân Ngõa Cương và các thế lực cát cứ khác. Trong số này, có những người đã trở thành trợ thủ đắc lực của ông, như Tần Thúc Bảo, Trình Giảo Kim, Uất Trì Cung tức Uất Trì Kính Đức. Một lần, Lý Thế Dân đang dẫn 500 kỵ binh tuần tra trên trận địa thì bị Vương Thế Sung phát hiện và đem 1 vạn kỵ binh ra vây chặt. Đại tướng của Vương Thế Sung là Đan Hùng Tín xông tới sát Lý Thế Dân, phóng trường mâu đâm sang. Ngay lúc đó, Uất Trì Kính Đức phi ngựa tới, hét 1 tiếng lớn, đâm Đan Hùng Tín ngã nhào xuống ngựa, rồi bảo vệ Lý Thế Dân vượt khỏi vòng vây. Sau đó, 2 người lại dẫn kỵ binh quay lại xông xáo chém giết hàng ngũ quân Trịnh, khiến quân Trịnh hoảng sợ không chống đỡ được. Ngay sau đó, quân Đường kéo ra nườm nượp, đánh cho quân Trịnh thảm bại.

Từ mùa xuân năm đó đến mùa xuân năm sau, quân Đường ngày càng vây chặt Đông Đô, liên tiếp đánh suốt ngày đêm. Vương Thế Sung tổ chức phòng thủ nghiêm mật, không ngừng dùng máy bắn đá và nỏ bắn lại quân Đường. Chiến đấu kéo dài, tướng sĩ Đường cũng cảm thấy mệt mỏi, có người đề nghị Lý Thế Dân cho ngừng tiến công và lui quân về Trường An nghỉ ngơi, chinh đốn lại rồi sẽ tiến đánh sau. Lý Thế Dân nói: "Hiện nay các châu xung quanh đều đầu hàng, Lạc Dương trở nên một tòa thành cô lập, sắp sửa bị hạ, sao có thể nửa chừng bỏ dỡ được?". Rồi hạ lệnh cho toàn thể tướng sĩ: "Chưa hạ được Đông Đô, quyết không lui quân".

Vương Thế Sung không còn cách nào khác, phải cử người trốn khỏi vòng vây, lên Hà Bắc xin Đậ Kiến Đức mang quân về cứu viện. Quân khởi nghĩa do Đậ Kiến Đức lãnh đạo là 1 lực lượng rất lớn mạnh ở vùng Hà Bắc. Đậ Kiến Đức cũng tự xưng là hoàng đế, quốc hiệu là Hạ, đã đánh chiếm rất nhiều đất đai của Đường. Nhận được thư xin cứu viện của Vương Thế Sung, Đậ Kiến Đức 1 mặt đem 30 vạn người ngựa đi theo 2 đường thủy bộ về cứu Đông Đô, 1 mặt gửi thư cho Lý Thế Dân, yêu cầu quân

Đường rút về Quan Trung. Các tướng Đường hoảng sợ trước binh lực lớn mạnh của quân Hạ, chủ trương tạm thời rời khỏi Đông Đô. Nhưng lại có ý kiến khác, cho rằng quân Vương Thế Sung còn rất mạnh, chỉ có khó khăn về lương thực. Nếu để quân Đâu Kiến Đức liên kết được với quân Vương Thế Sung, dùng lương thực của Hà Bắc tiếp tế cho Đông Đô, thì không còn hi vọng gì thắng được chúng nữa. Vì vậy, nhất định phải chặn đường tiến quân xuống phía nam của Đâu Kiến Đức.

Lý Thế Dân nghe theo, quyết định để Lý Nguyên Cát tiếp tục bao vây Đông Đô, còn tự mình dẫn 3000 tinh binh tiến lên phía bắc giữ chặt Vũ Lao quan (tức Hồ Lao quan, nay ở thị trấn Dĩ Thủy, Huỳnh Dương, Hà Nam). Đại quân của Đâu Kiến Đức đến Vũ Lao quan bị quân Đường chặn đứng. Quân Hạ mấy lần tổ chức tiến công, đều không thành công. Trong khi đó, Lý Thế Dân lại phái kỵ binh đi vòng đường nhỏ, cắt đứt đường tiếp lương của quân Đâu Kiến Đức. Đâu Kiến Đức cậy thế quân đông, cho rằng nhất định sẽ hạ được Vũ Lao quan, nên đã cự tuyệt lời khuyên ngăn của vợ và cấp dưới, huy động toàn quân dàn trận, khua chiêng giống trống ào ạt tiến công. Lý Thế Dân trèo lên điểm cao, quan sát trận thế của quân Hạ rồi nói: "Đâu Kiến Đức chưa từng giao phong với đối thủ mạnh nào, nên bố trí trong trận thế, đã tỏ rõ tính kiêu căng khinh địch. Chúng ta hãy cứ án binh bất động, chờ cho quân của hắn mỏi mệt, sẽ nhất tề xuất kích thì nhất định sẽ giành thắng lợi".

Quân Hạ dàn trận, chuẩn bị giao phong, nhưng suốt sáng sớm tới giữa trưa, vẫn không thấy quân Đường ra giao chiến. Quân vừa mệt vừa đói, có người ngồi bệt xuống đất, người ra sông múc nước uống. Lý Thế Dân thấy thời cơ đã đến, liền hạ lệnh cho tướng sĩ vượt sông Dĩ Thủy, xông thẳng vào đại doanh của Đâu Kiến Đức. Đâu Kiến Đức đang hội họp với các tướng soái trong đại doanh, thấy quân Đường đột nhiên xông tới, vội vàng chỉ huy kỵ binh ứng chiến. Hai bên xung sát kịch liệt, trận địa mù mịt, tên bay tua tủa như mưa. Lý Thế Dân nhân lúc quân Hạ không phòng bị, dẫn 1 toán quân thọc sâu vào sau trận địa quân Hạ, giương cao lá cờ Đường.

Quân Hạ từ phía trước nhìn lại, thấy thế, tưởng rằng quân Đường đã chiếm được đại doanh, thì không còn lòng dạ nào tiếp tục chiến đấu nữa, chen lẫn nhau chạy trốn thực mạng. Đậ Kiến Đức bị thương trong cuộc hỗn chiến và bị quân Đường bắt làm tù binh. Sau khi đánh bại Đậ Kiến Đức, Lý Thế Dân đem quân về tiếp tục bao vây Đông Đô. Vương Thế Sung toan phá vây, nhưng các tướng nói: "Nay Hạ vương đã thất bại, dù chúng ta có phá được vây, cũng không có tác dụng gì". Vương Thế Sung thấy đại cục đã hỏng, đánh đầu hàng quân Đường.

Đậ Kiến Đức bị giải về Trường An, ít lâu sau liền bị giết. Bộ tướng của Đậ Kiến Đức là Lưu Hắc Thát tiếp tục lãnh đạo quân Hạ ở Hà Bắc, chống lại quân Đường. Quân Đường phải mất 3 năm mới dẹp yên được các lực lượng chống đối ở Hà Bắc. Năm 623, chiến tranh thống nhất quốc gia của Đường kết thúc về cơ bản. Nhưng mâu thuẫn trong nội bộ hoàng thất nhà Đường lại trở nên gay gắt.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Sự Biến Cửa Huyền Vũ

Sau khi Đường Cao Tổ lên ngôi, liền phong Lý Kiến Thành làm thái tử, Lý Thế Dân làm Tần vương, Lý Nguyên Cát làm Tề vương. Trong 3 người, phải kể Lý Thế Dân là người có công lao lớn ở Thái Nguyên, ban đầu là do ông đề xuất, trong mấy cuộc chiến sau đó, ông cũng lập được nhiều chiến công nhất. Chiến công của Lý Kiến Thành không bằng Lý Thế Dân, chỉ vì là con cả nên mới được phong thái tử. Lý Thế Dân không những gồm đủ trí, dũng mà thủ hạ cũng có nhiều nhân tài. Trong phủ Tần vương về văn thì có 18 học sĩ loại như Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối; về võ thì có những dũng tướng nổi danh như Uất Trì Kính Đức, Tần Thúc Bảo, Trình Giảo Kim. Thái tử Kiến Thành biết mình không có uy tín bằng Lý Thế Dân, nên sinh lòng đố kị, liền cùng em là Tề vương Lý Nguyên Cát liên hợp để loại trừ Lý Thế Dân.

Kiến Thành, Nguyên Cát dùng biện pháp gây thiên cảm, thường xuyên nịnh nọt các hoàng phi được cha sủng ái để nhờ họ nói tốt cho mình trước mặt Đường Cao Tổ. Lý Thế Dân không chịu làm như vậy. Sau khi bình định Đông Đô, có bà phi đòi có những bảo vật lấy được từ cung Tùy và yêu cầu phong quan tước cho thân thích của mình, đều bị Lý Thế Dân từ chối. Vì vậy, các sủng phi thường nói tốt cho thái tử và nêu nhiều thiếu sót của Tần vương. Đường Cao Tổ tin lời các sủng phi, dần dần lạnh nhạt với Lý Thế Dân. Lý Thế Dân nhiều lần lập được công lớn, Kiến Thành và Nguyên Cát ngày càng ghen ghét, muốn mau chóng trừ bỏ. Có lần Kiến Thành mời Lý Thế Dân đến Đông cung uống rượu, Thế Dân uống mấy chén bỗng nhiên bụng đau quặn. Thủ hạ vục về cung, ông thổ ra huyết, thuốc thang

mãi mới khỏi. Lý Thế Dân hiểu rằng Kiến Thành đã dùng rượu độc định hại mình.

Kiến Thành, Nguyên Cát muốn hại Lý Thế Dân, nhưng lại sợ thù hằn của Lý Thế Dân có nhiều dũng tướng, nếu gây sự sẽ gặp khó khăn. Vì vậy họ nghĩ cách mua chuộc các dũng tướng đó. Kiến Thành phái người mang 1 phong thư và 1 xe vàng bạc đến biểu Uất Trì Kính Đức, tỏ ý muốn cùng Kính Đức kết bạn. Uất Trì Kính Đức nói với người mang thư: "Tôi là bộ hạ của Tần vương. Nếu đi lại riêng tư với thái tử và mang lòng này nọ với Tần vương thì sẽ trở thành kẻ tiểu nhân tham vàng bỏ nghĩa. Một người như vậy thì có ích gì cho thái tử". Nói rồi, nhất định từ chối không nhận xe vàng bạc.

Kiến Thành bị Uất Trì Kính Đức cự tuyệt thì giận run người. Sợ lộ việc này, đêm đó Kiến Thành sai thích khách đến nhà Uất Trì Kính Đức hành thích. Uất Trì Kính Đức đã dự liệu đến khả năng đó, nên cố ý ở rộng cửa, nằm trên giường giữa nhà, để cây trường mâu bên cạnh. Thích khách lén vào sân, thấy tình hình đó, lại biết Uất Trì Kính Đức có vũ dũng hơn người, nên không dám hành động. Kiến Thành, Nguyên Cát thất bại trong chuyện này, liền nghĩ kế khác. Lúc đó, Đột Quyết xâm phạm Trung nguyên, Kiến Thành tâu với Đường Cao Tổ, xin cử Nguyên Cát thay Thế Dân đem quân bắc chinh. Sau khi được Đường Cao Tổ phong làm chủ soái, Lý Nguyên Cát lại xin điều 3 viên tướng Uất Trì Kính Đức, Tần Thúc Bảo và Trình giảo Kim cùng số tinh binh của phủ Tần vương sáp nhập vào đội quân của mình. Làm như vậy, để tước bớt lực lượng của Lý Thế Dân, tạo thuận lợi cho việc trừ bỏ sau này.

Có người báo âm mưu đó cho Lý Thế Dân biết. Lý Thế Dân thấy tình thế nguy cấp liền mời người con cậu là Trương Tôn Vô Kỵ và Uất Trì Kính Đức đến bàn bạc. Hai người đều khuyên Lý Thế Dân ra tay trước, Lý Thế Dân nói: "Anh em tàn sát lẫn nhau là chuyện chẳng đẹp đẽ gì. Thôi hãy để họ động thủ trước, rồi ta sẽ đối phó sau".

Uất Trì Kính Đức và Trương Tôn Vô Kỵ vội vã nói, nếu Lý Thế Dân không ra tay thì họ không thể cứ ngồi trong phủ Tần vương để chờ chết được. Thấy bộ hạ kiên quyết, Lý Thế Dân liền quyết tâm hành động. Ngay đêm đó, Lý Thế Dân vào cung tố cáo với Đường Cao Tổ về việc thái tử Kiến Thành đồng mưu với Nguyên Cát mưu hại mình. Đường Cao Tổ quyết định sớm hôm sau sẽ gọi cả 3 anh em vào cung để tự xét hỏi. Sớm hôm sau, Lý Thế Dân sai Trương Tôn Vô Kỵ và Uất Trì Kính Đức dẫn 1 toán tinh binh mai phục tại cửa Huyền Vũ phía bắc hoàng cung, chờ Kiến Thành và Nguyên Cát tới. Chốc lát sau, Kiến Thành và Nguyên Cát cưỡi ngựa tới. Đến cạnh cửa Huyền Vũ, Kiến Thành và Nguyên Cát thấy không khí có vẻ khác thường, nên sinh nghi, quay đầu ngựa chuẩn bị đi về. Lý Thế Dân từ trong cửa Huyền Vũ phóng ngựa ra, kêu to: "Điện hạ, chớ đi". Nguyên Cát quay mình lại, cầm cây cung đem theo sẵn, muốn bắn chết Thế Dân. Nhưng vì hồi hộp quá, không giương được cung. Lý Thế Dân nhanh mắt, nhanh tay, bắn 1 phát tên, giết chết Kiến Thành. Ngay lúc đó, Uất Trì Kính Đức dẫn 70 kỵ binh xông ra, bắn 1 phát tên, giết chết Nguyên Cát. Các tướng sĩ ở Đông cung và phủ Tề vương nghe tin cửa Huyền Vũ có biến, liền huy động hết lực lượng tiến đánh phủ Tần vương. Lý Thế Dân vừa chỉ huy tướng sĩ chống lại, vừa sai Uất Trì Kính Đức vào cung tâu với Đường Cao Tổ.

Đường Cao Tổ đang chờ 3 con vào triều kiến, thì thấy Uất Trì Kính Đức cầm trường mâu xông xộc chạy vào, tâu lớn: "Thái tử và Tề vương nổi loạn. Tần vương đã giết được chúng. Tần vương sợ làm kinh động bộ hạ nên sai thân vào hộ giá".

Cao Tổ biết rõ sự việc đã xảy ra, kinh sợ và thương tâm, ngồi lặng đi không biết nói gì. Tế tướng Tiêu Vũ nói: "Kiến Thành, Nguyên Cát vốn không có công lao gì. Hai người đổ kỵ Tần vương nên đã thực hiện gian kế. Nay Tần vương đã tiêu diệt được họ, thì là việc tốt. Bộ hạ giao việc nước cho Tần vương thì sẽ không có chuyện gì cả!".

Đến bước này, Cao Tổ có phản đối cũng vô ích, đành làm theo ý các đại thần, tuyên bố Kiến Thành, Nguyên Cát có tội, ra lệnh cho tướng sĩ các phủ phải chịu sự chỉ huy của Tần vương. Hai tháng sau, Đường Cao Tổ nhường ngôi cho Tần vương, tự mình làm Thái thượng hoàng. Lý Thế Dân lên ngôi. Đó là Đường Thái Tông.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Ngụy Trưng Can Ngăn Thăng Thấn

Sau sự biến cửa Huyền Vũ, có người tố cáo với Lý Thế Dân là ở Đông cung có 1 viên quan tên là Ngụy Trưng đã từng tham gia vào quân khởi nghĩa của Lý Mật và Đậu Kiến Đức. Sau khi Đậu Kiến Đức thất bại, Ngụy Trưng đến Trường An và trở thành thủ hạ của Kiến Thành, đã từng khuyên Kiến Thành giết Lý Thế Dân. Lý Thế Dân thấy nói vậy, lập tức cho người tìm Ngụy Trưng tới. Khi Ngụy Trưng vào phủ, Tần vương Lý Thế Dân hầm hầm hỏi giận hỏi: "Tại sao ngươi dám xúi bậy ly gián anh em ta?".

Mọi người xung quanh thấy vậy, cho rằng Tần vương muốn trả món nợ cũ, đều toát mồ hôi lo thay cho Ngụy Trưng. Nhưng Ngụy Trưng vẫn bình thản, trả lời không hề sợ hãi: "Đáng tiếc là lúc đó thái tử không nghe lời tôi. Nếu không, không thể xảy ra chuyện như vừa rồi".

Tần vương nghe nói, cảm thấy Ngụy Trưng nói năng thẳng thắn, tỏ ra gan dạ và có hiểu biết, không những không trách mắng, mà còn nói rất hòa nhã: "Việc đã qua, không nên nhắc tới nữa".

Sau khi lên ngôi, Đường Thái Tông thăng Ngụy Trưng lên làm Giám nghị đại phu, ngoài ra còn tuyển chọn 1 số người trước kia là thủ hạ của Kiến Thành, Nguyên Cát, phong cho quan chức. Những quan lại trong phủ Tần vương cũ thắc mắc, phàn nàn riêng với nhau: "Chúng ta đã theo hoàng thượng bao nhiêu năm. Nay hoàng thượng phong quan tước, lại cho người cũ của phủ Đông cung và Tề vương được hưởng lợi. Không hiểu thế là thế nào?".

Tể tướng Phòng Huyền Linh nói cho Đường Thái Tông biết điều đó. Đường Thái Tông cười nói: "Triều đình đặt ra quan chức để cai trị đất nước, cần phải chọn người hiền tài, chứ sao lại lấy mỗi quan hệ để làm tiêu chuẩn chọn lựa. Nếu người mới có tài năng, người cũ không có tài năng thì không nên bài xích người mới mà cứ sử dụng người cũ!". Mọi người nghe nói lại, không nói gì được nữa.

Đường Thái Tông không ghi thù hận cũ, biết lựa chọn nhân tài và khuyến khích các đại thần nói thẳng ý kiến của mình. Vì vậy, có việc gì các đại thần đều mạnh dạn nói ra, đặc biệt là Ngụy Trưng, luôn suy nghĩ chu đáo mọi công việc của triều đình, có ý kiến gì đều trực tiếp nói với Đường Thái Tông. Đường Thái Tông cũng hết sức tín nhiệm ông, thường gọi ông vào nội cung để nghe ông trình bày. Có lần, Đường Thái Tông hỏi Ngụy Trưng: "Các hoàng đế trong lịch sử, tại sao có người rất sáng suốt, có người lại rất u mê?".

Ngụy Trưng trả lời: "Ai biết lắng nghe mọi ý kiến thì sẽ sáng suốt, ai chỉ nghe theo một loại ý kiến thì sẽ u mê". Rồi ông kể ra các thí dụ về Nghiêu, Thuấn và Tần Nhị Thế, Lương Vũ Đế, Tùy Dạng Đế và nói: "Vị hoàng đế nào trong khi cai trị thiên hạ, biết tiếp nhận ý kiến của bên dưới thì tình hình bên dưới có thể thông suốt lên trên, những kẻ thân tín bên mình muốn che đậy cũng không được".

Đường Thái Tông gật đầu lia lịa, nói: "Đúng! Đúng! Khanh nói rất đúng!".

Một hôm khác, sau khi đọc xong văn tập của Tùy Dạng Đế, Đường Thái Tông nói với các đại thần tả hữu: "Trẫm thấy Tùy Dạng Đế là người có học vấn uyên bác, biết rõ Nghiêu, Thuấn là tốt; Kiệt, Trụ là xấu; mà tại sao ông ta lại hành động buông thả vô độ như vậy?".

Ngụy Trưng đáp ngay: "Một hoàng đế mà chỉ dựa vào thông minh uyên bác thì không đủ mà còn phải khiêm tốn lắng nghe ý kiến các bầy tôi.

Tùy Dạng Đế tự cho mình là tài cao, nên kiêu ngạo tự mãn, nói lời nói của Nghiêu, Thuấn, nhưng làm những việc của Kiệt, Trụ; càng về sau càng hồ đồ nên đã tự tạo nên sự diệt vong".

Đường Thái Tông nghe xong, xúc động sâu xa, thở dài nói: "Ồ, những bài học của quá khứ đúng là thầy dạy của chúng ta".

Thấy chính quyền ngày càng được củng cố, Đường Thái Tông rất phấn khởi. Ông thấy những lời khuyên của các đại thần rất có ích cho mình, nên nói với họ: "Trị nước giống như trị bệnh. Tuy bệnh đã khỏi, vẫn cần chăm sóc thân thể cho tốt, không thể buông thả. Nay Trung nguyên đã an định, bốn phương đã qui phục, từ xưa tới nay hiếm có thời kỳ nào được như thế này. Nhưng chúng ta vẫn phải hết sức thận trọng, chỉ lo rằng không giữ được như thế này mãi. Vì vậy, trẫm còn phải tiếp tục nghe ý kiến can gián của chư khanh".

Ngụy Trưng nói: "Trong hoàn cảnh an bình mà bệ hạ còn lo nghĩ tới lúc nguy cấp thì chúng thần hết sức phấn khởi".

Sau đó, càng ngày Ngụy Trưng càng nêu nhiều ý kiến. Hễ thấy Thái Tông có điểm gì không đúng là ông đều ra sức tranh biện. Có lúc, Đường Thái Tông thấy khó chịu, sầm mặt lại, nhưng Ngụy Trưng vẫn tiếp tục nói, khiến Đường Thái Tông không dứt ra được. Một lần, khi lâm triều, Ngụy Trưng tranh cãi với Đường Thái Tông đến đỏ mặt tía tai. Đường Thái Tông không muốn nghe nữa toan nổi nóng, nhưng lại ngại làm như thế trước mặt các đại thần thì làm mất tiếng tốt xưa nay là chịu tiếp thu ý kiến của các đại thần, nên ông đành gắng nhịn. Sau khi thoái triều, Đường Thái Tông hăm hăm tức giận trở về nội cung, vừa gặp mặt Trương Tôn hoàng hậu, liền bực tức nói: "Thế nào cũng có ngày ta phải giết chết lão già nhà quê đó".

Trương Tôn hoàng hậu rất ít khi thấy Thái Tông nổi nóng như vậy, liền hỏi: "Chẳng hay bệ hạ định giết ai vậy?".

Đường Thái Tông nói: "Vẫn là cái lão Ngụy Trưng đó chứ còn ai nữa! Bao giờ lão ta cũng làm nhục trẫm trước các đại thần, trẫm không thể nào nhin được nữa!".

Trưởng Tôn hoàng hậu nghe nói vậy, lặng lẽ trở về nội thất, thay mặc triều phục rồi trở ra, sụp lạy trước Đường Thái Tông. Đường Thái Tông ngạc nhiên hỏi: "Khanh làm gì vậy?".

Trưởng Tôn hoàng hậu nói: "Thiếp nghe nói chỉ có bậc thiên tử anh minh mới có được các đại thần chính trực. Nay Ngụy Trưng có thái độ chính trực như vậy, tỏ rằng bệ hạ rất anh minh, thiếp không thể không chúc mừng bệ hạ".

Lời nói đó như 1 chậu nước mát làm tiêu tan cơn giận của Đường Thái Tông. Từ đó, không những ông không còn giận Ngụy Trưng nữa mà còn khen ngợi: "Mọi người đều nói Ngụy Trưng có lời nói và cử chỉ thô lỗ, nhưng ta thấy đó chính là chỗ đáng yêu của ông ta".

Năm 643, Ngụy Trưng bị bệnh mất, Đường Thái Tông rất buồn rầu. Ông chảy nước mắt nói: "Người ta dùng đồng làm gương soi thì có thể thấy được y phục có chỉnh tề không; dùng lịch sử làm gương soi, thì có thể thấy nguyên nhân hưng vong của đất nước; dùng người làm gương soi, thì có thể thấy được công việc của mình là làm đúng hay sai. Ngụy Trưng mất đi, trẫm mất một tấm gương soi tốt".

Do Đường Thái Tông trọng dụng nhân tài và biết tiếp thu lời can gián của các đại thần, tương đối sáng suốt về chính trị, đồng thời chú ý giảm nhẹ lao dịch cho nhân dân, áp dụng các biện pháp phát triển sản xuất, nên thời kì đầu của nhà Đường đã xuất hiện cảnh tượng phồn vinh, trật tự xã hội tương đối ổn định. Lịch sử gọi thời kì này là "Trinh Quan chi trị" (nền thịnh trị dưới thời Trinh Quan. Trinh Quan hay còn gọi là Trinh Quán, là niên hiệu của Đường Thái Tông).

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Lý Tĩnh Tập Kích Âm Sơn

Thời kì đầu khi Đường Thái Tông lên ngôi, chiến sự ở Trung nguyên tuy đã kết thúc, nhưng miền biên cảnh phía tây vẫn chưa được yên ổn. Đặc biệt là bộ tộc Đông Đột Quyết, lúc đó khá lớn mạnh, trở thành mối uy hiếp chủ yếu cho triều Đường. Sau khi khởi binh ở Thái Nguyên, Đường Cao Tổ tập trung đối phó với triều Tùy, nên chỉ có thể dùng biện pháp vừa uy hiếp vừa hòa hoãn để duy trì quan hệ hữu hảo với Đông Đột Quyết. Nhưng giới quý tộc Đông Đột Quyết vẫn không ngừng đưa lực lượng vào quấy nhiễu biên cảnh, làm cho tình hình địa phương không yên ổn. Đường Thái Tông lên ngôi chưa được 20 ngày thì khả hãn Đột Quyết là Hiệt Lợi dẫn hơn 10 vạn quân tiến công tới bờ Vị Thủy, có Trường An có 40 dặm. Hiệt Lợi cho rằng Đường Thái Tông mới lên ngôi, vị tất đã dám chống lại, nên cử sứ giả đến Trường An gặp Đường Thái Tông, nói vớng lên rằng Đột Quyết có 1 triệu quân, sẽ tới ngay tức khắc.

Đường Thái Tông là người từng trải, ông phớt lờ sự uy hiếp của Hiệt Lợi, cho giam sứ giả lại. Sau đó, ông cho quân Đường bày trận ở Trường An, rồi thân dẫn Phòng Huyền Linh và 5 viên tướng đi ngựa tới chân cầu Tạm ở Vị Thủy, đòi Hiệt Lợi ra đứng cách sông nói chuyện. Hiệt Lợi nghe nói sứ giả bị giữ, đã hơi kinh sợ, lại thấy Đường Thái Tông đích thân ra trận, phía sau có quân Đường hàng ngũ chỉnh tề, cờ xí phấp phới thì thực sự hoảng sợ, liền dẫn 1 số tướng lĩnh đến bờ Vị Thủy, xuống ngựa bái kiến Đường Thái Tông. Đường Thái Tông từ bên này sông nói sang: "Hai bên chúng ta từ lâu đã có minh ước. Mấy năm nay chúng tôi đã cho các ông

không thiếu vàng bạc vải lụa. Tại sao các ông lại làm trái tín nghĩa, đem quân xâm phạm bờ cõi Đại Đường?".

Hiệt Lợi không biết trả lời ra sao, đành tỏ ý giảng hòa. Hai ngày sau, 2 bên lập minh ước ngay trên cầu Tạm và Hiệt Lợi rút quân về. Từ đó, Đường Thái Tông ra sức huấn luyện tướng sĩ. Hàng ngày triệu tập mấy trăm tướng sĩ đến trước điện luyện tập cung tên. Ông nói với họ: "Kẻ địch từ ngoài xâm phạm là việc thường xảy ra, không có gì đáng sợ! Điều đáng sợ là khi biên cảnh hơi ổn định là mọi người chỉ thích an nhàn, không phòng bị chiến tranh, có địch tới không chống đỡ nổi. Từ nay, ngày thường ta làm thầy dạy, dạy các người việc cung tên, khi có chiến tranh, ta làm tướng soái chỉ huy các người đánh giặc".

Được Đường Thái Tông khuyến khích, các tướng sĩ dốc lòng luyện tập. Chỉ trong mấy năm, đã huấn luyện được 1 đội quân tinh nhuệ. Một năm miền bắc có tuyết lớn, súc vật chăn nuôi của Đông Đột Quyết bị chết nhiều, miền sa mạc phía bắc có nạn đói. Khả hãn Hiệt Lợi tăng cường áp bức các bộ tộc khác nên dẫn tới sự phản kháng của họ. Hiệt Lợi phái người anh em họ Đột Lợi đi trấn áp, nhưng bị đánh cho đại bại. Đột Lợi trở về, bị Hiệt Lợi trách mắng, 2 người nảy sinh mâu thuẫn lớn, nên Đột Lợi chạy sang hàng triều Đường. Đường Thái Tông nắm ngay thời cơ đó, liền phái Lý Tịnh và Từ Thế Tích cùng 2 đại tướng khác dẫn hơn 10 vạn quân, do Lý Tịnh chỉ huy chung, chia đường tiến đánh Đột Quyết. Lý Tịnh là nhà quân sự nổi tiếng đời Đường, rất tinh thông binh pháp. Vào cuối triều Tùy, ông theo Đường và lập nhiều chiến công trong cuộc chiến tranh thống nhất đất nước.

Năm 630, Lý Tịnh thân dẫn 3000 kỵ binh tinh nhuệ xuất phát từ Mã Ấp, hành quân suốt đêm; nhân lúc Hiệt Lợi không phòng bị, tiến sát doanh trại Đột Quyết. Hiệt Lợi đột nhiên thấy quân Đường xuất hiện thì rụng rời sợ hãi. Các tướng sĩ Đột Quyết cũng cuống quýt nói: "Lần này, nhất định là

quân Đường huy động binh lực cả nước đến đánh. Nếu không thì sao Lý Tịnh dám đi sâu như vậy?".

Quân Đường chưa mở cuộc tiến công, hàng ngũ Đột Quyết đã rối loạn. Lý Tịnh lại cử gián điệp trà trộn vào nội bộ Đột Quyết, thuyết phục được 1 tướng tâm phúc của Hiệt Lợi đầu hàng. Hiệt Lợi thấy tình hình bất lợi, liền ngầm chạy trốn. Lý Tịnh đánh hạ được Định Tương, đắc thắng trở về. Đường Thái Tông rất phấn khởi, nói: "Trước kia Lý Lăng triều Hán đem năm ngàn quân, chẳng may bị Hung Nô bắt sống. Nay khanh mang có ba ngàn quân vào sâu trong đất địch, mà chiếm được Định Tương, uy danh chấn động cả miền bắc. Đó là công lao từ xưa tới nay hiếm có".

Hiệt Lợi chạy đến phía bắc Âm Sơn, sợ quân Đường tiếp tục đuổi đánh, liền phái sứ giả đến Trường An xin hòa và còn nói sẽ đích thân tới triều kiến. Đường Thái Tông 1 mặt phái Đường Kiệm đến Đột Quyết tỏ thái độ phủ dụ, mặt khác hạ lệnh cho Lý Tịnh đem quân theo sát động tĩnh của Hiệt Lợi. Lý Tịnh dẫn quân tới Bạch Dao (nay ở tây bắc Hút Hao thuộc Nội Mông Cổ) hội quân với Từ Thế Tích. Hai người bàn bạc phương án hành động. Lý Tịnh nói: "Tuy Hiệt Lợi đã thua trận nhưng ngựa trong tay hãn còn nhiều. Nếu để hãn chạy mất thì sau này sẽ khó tìm được. Chúng ta cần chọn một vạn tinh binh mang theo hai ngày lương, bám thật sát thì nhất định có thể bắt được."

Từ Thế Tích tán thành ý kiến đó, 2 cánh quân liền tới Âm Sơn. Hiệt Lợi cầu hòa thực tế là 1 kế hoãn binh, để chờ tới mùa hè, ngựa đủ cỏ ăn, béo tốt sẽ quay về Mạc Bắc. Thấy Đường Kiệm tới, ông ta cho rằng triều Đường đã trúng kế nên phấn khởi, việc phòng bị tự nhiên bị buông lỏng. Tối hôm đó, quân Đường do Lý Tịnh và Từ Thế Tích chỉ huy tới Âm Sơn, liền lệnh cho bộ tướng Tô Địch Phương dẫn 200 khinh kỵ lợi dụng sương mù tiến gần khu đóng quân của Hiệt Lợi. Khi quân tiên tiêu của Đột Quyết phát hiện, thì quân Đường chỉ còn cách doanh trại của Hiệt Lợi có 7 dặm. Hiệt Lợi được tin quân Đường tới, liền vội tìm Đường Kiệm thì Đường

Kiếm đã nhân lúc sơ hở trốn về với quân Đường. Hiệt Lợi hoảng hốt nhảy lên thiên lý mã chạy trốn. Lý Tịnh chỉ huy quân Đường đuổi đánh. Quân Đột Quyết không có chủ tướng nên hoàn toàn rối loạn. Quân Đường tiêu diệt hơn 1 vạn quân Đột Quyết, ngoài ra còn bắt được rất nhiều tù binh và súc vật. Hiệt Lợi chạy trốn khắp nơi, cuối cùng dẫn mấy binh sĩ thân tín chạy vào núi hoang, bị bộ hạ bắt nộp cho quân Đường, rồi bị giải về Trường An.

Đông Đột Quyết từng lớn mạnh 1 thời, nay đã bị diệt vong. Đường Thái Tông không giết tù binh, mà thiết lập Đô đốc phủ tại vùng bị chiếm, chọn quý tộc Đột Quyết làm đô đốc để quản lý các bộ lạc Đột Quyết. Lần thắng lợi này đã nâng cao uy quyền của Đường Thái Tông đối với các bộ tộc thiểu số vùng tây bắc. Trong năm đó, thủ lĩnh các thị tộc Hồi, Hột cùng đến Trường An triều kiến Đường Thái Tông, tôn Đường Thái Tông làm thủ lĩnh chung của họ, tôn xưng ông là "thiên khả hãn". Từ đó về sau, rất nhiều người ở Tây Vực và các nước Châu Á khác không ngừng đến Trường An. Trong thời kỳ đó, Cao tăng Huyền Trang của triều Đường cũng đi Tây Trúc theo con đường đi qua các nước Tây vực.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Hòa Thượng Huyền Trang Đi Lấy Kinh

Huyền Trang là hòa thượng ở chùa Đại Từ Ân, Trường An. Vốn ông có tên là Trần Huy, quê quán ở Câu Thị (nay là thị trấn Câu Thị, Yên Sư, Hà Nam) thuộc Lạc Châu. Năm 13 tuổi, ông xuất gia đi tu và miệt mài nghiên cứu Phật học. Ông đã đi nhiều nơi tìm thầy học tập, nên đã tinh thông kinh điển Phật giáo, được tôn xưng là Tam Tạng pháp sư. Ông phát hiện thấy kinh Phật được phiên dịch có rất nhiều sai lầm, lại nghe nói ở Thiên Trúc có rất nhiều kinh Phật, nên quyết định đến Thiên Trúc để đọc kinh Phật từ bản gốc. Năm 629 (có thuyết nói là năm 627), ông xuất phát từ Trường An đến Lương Châu (nay là Vũ Uy, Cam Túc). Lúc đó, triều đình cấm không cho dân Đường xuất cảnh, nên bị binh lính biên phòng Lương Châu yêu cầu quay trở lại Trường An. Ông liền bỏ qua Lương Châu, đi sang phía tây, đến Qua Châu (nay là Tây An, Cam Túc) gần Ngọc Môn quan.

Huyền Trang ở Qua Châu, tìm hiểu biết rằng ở ngoài Ngọc Môn quan có 5 trại canh gác, mỗi trại cách nhau 100 dặm. Trong khu vực đó không có nguồn nước, chỉ có canh các trại mới có. Lúc đó các quan chức ở Lương Châu đã biết được ông đang tìm cách vượt biên, nên gửi công văn đến Qua Châu để bắt giữ ông lại. Vì vậy, nếu đi vào các trại, nhất định sẽ bị binh lính biên phòng bắt. Huyền Trang đang lúc khó khăn thì gặp 1 người Hồ tên là Thạch Bàn Đà, tỏ ý sẵn sàng dẫn đường cho ông. Huyền Trang rất mừng, liền bán quần áo, mua 2 con ngựa, rồi cùng Thạch Bàn Đà đi suốt đêm, hết sức vất vả mới thoát ra được Ngọc Môn quan. Sau đó, họ phải nằm ngủ trong 1 bụi cây để chuẩn bị tiếp tục hành trình về phía tây. Ngờ

đâu, sau chặng đường đầu, Thạch Bàn Đà không muốn đi tiếp nữa, thậm chí còn muốn giết Huyền Trang. Huyền Trang phát hiện anh ta có ý xấu, liền đuổi anh ta đi.

Từ đó Huyền Trang chỉ có 1 mình 1 ngựa lặn mò tìm lối đi trên sa mạc. Đi khoảng 80 dặm tới bên 1 trại quân biên phòng nữa. Sợ bị phát hiện, ban ngày ông ẩn dưới khe, đợi khi tối mới ra tìm nguồn nước cạnh trại quân. Trong lúc ông đang dùng túi da để múc nước, thì bất ngờ có 1 phát tên bắn sát cạnh người. Biết không thể thoát được, ông đành đứng dậy kêu to về phía chòi gác: "Đừng bắn! Tôi là một nhà sư từ Trường An tới".

Người trên trại gác ngừng bắn. Cổng trại được mở, binh lính trong trại ra dẫn Huyền Trang vào. Thật may mắn, người chỉ huy trại lính là hiệu úy Vương Tường, 1 tín đồ rất sùng tín Phật giáo. Sau khi hỏi han, Vương Tường không những không làm khó dễ, mà còn gọi người mang cơm nước cho Huyền Trang, rồi tự mình dẫn Huyền Trang đi hơn 10 dặm đường, sau đó chỉ dẫn cho Huyền Trang lối đi tới trại gác thứ 4. Người chỉ huy trại thứ 4 là anh em cùng họ với Vương Tường, thấy Huyền Trang từ chỗ Vương Tường tới thì nhiệt tình tiếp đãi rồi nói cho biết là binh lính ở trại thứ 5 rất hung bạo, nên bỏ qua, đi vòng qua đến lấy nước ở Dã Mã Tuyền rồi vượt qua đại sa mạc rộng tới 800 dặm để sang Tây Vực. Huyền Trang theo lời, từ trại thứ 4 đi vòng, được hơn 100 dặm thì lạc đường, không tìm thấy Dã Mã Tuyền để lấy nước. Họa vô đơn chí, trong lúc ông đang lấy túi da còn 1 ít nước trong đó để uống thì lỡ tay làm rớt túi, nước trào ra, ngấm xuống cát hết. Không có nước uống thì vượt sa mạc làm sao? Huyền Trang toan quay trở lại trại thứ 4 để lấy nước, nhưng chợt nhớ tới lời thề trước lúc lên đường là nếu chưa tới đích thì không lui 1 bước. Bây giờ, sao có thể vì gặp khó khăn mà quay lui được? Nghĩ tới điều đó, ông lại quay ngựa, tiếp tục đi về hướng tây.

Sa mạc mênh mông, trên không có chim bay, dưới không có thú chạy, thỉnh thoảng gió lại nổi lên, cuộn cát lên mù mịt rồi ném xuống rào rào như

mưa. Huyền Trang đi trên sa mạc liên tục 5 ngày 4 đêm, không có 1 ngụm nước, miệng rất như phải bỏng, cuối cùng không gượng được, ngã lăn trên cát, ngất đi. Đến nửa đêm, 1 cơn gió mát làm Huyền Trang tỉnh dậy. Ông cố gượng dắt ngựa đi được hơn 10 dặm thì phát hiện được 1 khu đất có cỏ mọc xanh tốt và 1 vùng nước lớn. Có cỏ và nước, người và ngựa mới thoát khỏi cảnh hiểm nghèo. Đi thêm 2 ngày nữa, thoát ra được khỏi sa mạc, rồi qua Y Ngô (nay là Cáp Mật, Tân Cương), đến Cao Xương (nay ở phía đông Tu Lu Phan, Tân Cương). Cao Xương vương là Cúc Văn Thái cũng rất sùng đạo Phật, nghe nói Huyền Trang là 1 cao tăng từ Đại Đường tới thì rất kính trọng, xin ông giảng kinh và khẩn thiết mời ông lưu lại Cao Xương. Huyền Trang kiên trì thoái thác. Cúc Văn Thái không có cách gì giữ được, liền chuẩn bị hành trang đầy đủ cho Huyền Trang, lại cử 25 người mang theo 30 con ngựa đi hộ tống. Ông còn viết thư cho 24 quốc vương các nước dọc đường đi, đề nghị họ giúp đỡ khi Huyền Trang quá cảnh.

Huyền Trang có người ngựa đi kèm, vượt qua núi tuyết, sông băng, xông pha gió xoáy băng trôi, trải qua muôn vàn gian khổ, đến được Toái Diệp Thành (nay thuộc nước cộng hòa KiêcGhiDi ở Trung Á), được khả hãn Tây Đột Quyết tiếp đãi. Sau đó, tiếp tục thuận lợi hành trình, qua các nước Tây Vực, tiến vào Thiên Trúc. Thiên Trúc là đất phát nguyên của Phật giáo nên có rất nhiều di tích cổ về đức Phật. Huyền Trang đi thăm mọi di tích, chùa chiền và tìm các cao tăng để học những điều sâu xa huyền diệu trong kinh Phật. Một lần, trong khi ngồi thuyền đi qua sông Hằng, ông gặp 1 bọn cướp. Bọn này mê tín vào hung thần, hằng năm cứ vào mùa thu là phải giết 1 người để tế thần của chúng. Bọn chúng nhằm đúng Huyền Trang, quyết định chọn ông làm lễ vật. Huyền Trang hết lời giải thích cũng không có tác dụng gì, đành nhắm mắt lại, niệm Phật. Thật khéo làm sao, đúng lúc đó, 1 trận cuồng phong, nước sông ngầu đục, nổi sóng cuộn cuộn suýt làm lật thuyền. Bọn cướp hoảng sợ, vội quì xuống cầu nguyện và thả Huyền Trang ra. Câu chuyện ấy được đồn đại đi rất nhanh. Nhân dân địa phương đều cho Huyền Trang có pháp thuật cao siêu, được đức Phật bảo hộ.

Tại nước Ma Kiệt Đà ở Thiên Trúc có 1 ngôi chùa lớn cổ kính, có tên là chùa Na Lan Đà. Trong chùa có pháp sư Giới Hiền là 1 đại học giả của Thiên Trúc. Huyền Trang đến tìm chùa Na Lan Đà, thụ giáo pháp sư Giới Hiền trong 5 năm, học hiểu hết các pho kinh ở đây. Giới Nhật vương của nước Ma Kiệt Đà là 1 vương quốc sùng tín Phật giáo, nghe tiếng Huyền Trang, liền mở 1 cuộc giảng kinh long trọng ở quốc đô Khúc Nhữ Thành (thuộc miền bắc Ấn Độ), mời Huyền Trang đến thuyết giáo. Mười tám quốc vương của các nước thuộc Thiên Trúc và hơn 3000 cao tăng đã đến dự. Giới Nhật vương mời Huyền Trang lên giảng kinh rồi mời mọi người cùng biện luận. Đại hội tiến hành trong 18 ngày, mọi người đều hết sức khâm phục trước sự diễn giảng tinh tường sâu sắc của Huyền Trang, không ai bác bỏ được điều gì. Cuối cùng, Giới Nhật vương cử người giương cao áo cà sa của Huyền Trang và tuyên bố cuộc giảng kinh đã thành công tốt đẹp. Khi tiếp kiến Huyền Trang, Giới Nhật vương nói, từ lâu ông đã nghe nói ở Trung Quốc có 1 vương quốc tài giỏi và vũ dũng là Tần vương. Huyền Trang nói cho ông ta biết, Tần vương chính là hoàng đế Đại Đường hiện nay. Chuyến đi của Huyền Trang không những thu được kết quả lớn về Phật học, mà còn xúc tiến việc giao lưu văn hóa đông tây. Năm 645, sau 10 năm xa nước, Huyền Trang đã mang theo hơn 600 bộ kinh Phật về tới Trường An.

Sự tích đi lấy kinh vô cùng gian khổ của Huyền Trang gây chấn động lớn trong nhân dân Trường An. Lúc đó, Đường Thái Tông đang ở Lạc Dương, nghe tin đó, đã hết lời khen ngợi và đã tiếp kiến Huyền Trang ở hành cung Lạc Dương. Huyền Trang đã kể lại đầy đủ, tỉ mỉ về chuyến đi Thiên Trúc qua các nước Tây Vực cho Đường Thái Tông nghe. Từ đó, Huyền Trang để hết tâm sức vào việc phiên dịch những kinh Phật đã mang về được. Ông còn cùng các đệ tử viết cuốn "Đại Đường Tây Vực ký" (ghi chép về các nước Tây Vực thời Đại Đường). Trong cuốn sách này, ông đã ghi lại tình hình địa lý, phong tục tập quán của 110 nước mà ông đã đi qua và 28 nước khác mà ông nghe nói tới (đây là những nước nhỏ thời đó, thuộc Tân Cương, Trung Á và Ấn Độ). Cuốn sách này trở thành 1 tài liệu

rất quý về lịch sử và địa lý. Vì việc lấy kinh của Huyền Trang mang rất nhiều màu sắc truyền kì, nên về sau trong dân gian lưu truyền nhiều truyện thần thoại xung quanh chuyến đi đó. Những truyện trên miêu tả, trên đường đi lấy kinh, Huyền Trang đã gặp rất nhiều yêu ma quỷ quái. Đó đều là những điều thêu dệt do óc tưởng tượng trong dân gian.

Đến thời Minh, nhà viết tiểu thuyết Ngô Thừa Ân, đã căn cứ vào truyền thuyết dân gian để gia công về nghệ thuật, viết nên bộ tiểu thuyết thần thoại trường thiên xuất sắc là bộ "Tây du ký". Cuốn tiểu thuyết đã có tiếng vang rộng rãi và chiếm địa vị quan trọng trong văn học Trung Quốc và thế giới. Nhưng những điều miêu tả trong đó hoàn toàn khác xa với sự thực lịch sử về chuyến đi lấy kinh của Huyền Trang.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Công Chúa Văn Thành Vào Thổ Phồn

Sau khi Đường Thái Tông tiêu diệt Đông Đột Quyền, liền phái Lý Tịnh đi đánh Thổ Cốc Hồn (nay thuộc tỉnh Thanh Hải), mở thông con đường sang Tây Vực. Các nước Tây Vực dần dập qua lại với triều Đường. Nước Thổ Phồn (do người Tạng dựng lên ở vùng cao nguyên Thanh - Tạng) ở xa cũng phái sứ giả tới. Lúc đó quốc vương Thổ Phồn là Tùng Tán Can Bố, 1 người có tài kiêm văn võ. Năm 13 tuổi, ông đã tinh thông việc cưỡi ngựa, bắn cung, múa kiếm, đồng thời còn thích dân ca, giỏi làm thơ, được nhân dân Thổ Phồn yêu mến. Sau khi cha mất, quý tộc Thổ Phồn nổi loạn, Tùng Tán Can Bố nhờ lòng dũng cảm và tài trí, đã nhanh chóng dẹp yên nổi loạn. Ông không thỏa mãn với đời sống quý tộc của Thổ Phồn, mà với tinh thần cầu học, đã phái sứ giả đến Trường An lập quan hệ với triều Đường để học tập văn hóa Đường.

Đường Thái Tông cũng đã nghe nói tới danh tiếng Thổ Phồn, nên đồng ý kết giao, đồng thời còn cử người tới thăm Thổ Phồn. Hai năm sau, Tùng Tán Can Bố lại phái sứ giả sang cầu hôn với hoàng thất Đường. Đường Thái Tông không thuận. Sứ giả sợ bị Tùng Tán Can Bố quở trách là không hoàn thành nhiệm vụ, nên khi về nước, liền nói dối rằng: "Thiên tử nhà Đường sắp đồng ý gả công chúa cho quốc vương thì quốc vương Thổ Cốc Hồn cũng phái sứ giả tới cầu hôn. Vì vậy đã gác việc cầu hôn của ta lại".

Thổ Phồn và Thổ Cốc Hồn vốn đã có xích mích, nên khi Tùng Tác Can Bố nghe sứ giả nói thế thì nổi giận, liền cử 20 vạn quân tiến công Thổ

Cốc Hồn. Quốc vương Thổ Cốc Hồn thấy thế quân Thổ Phồn quá mạnh, không chống đỡ nổi, liền di chuyển tới vùng Hoàn Hải. Tùng Tán Can Bố đánh bại quân Thổ Cốc Hồn, liền thừa thắng tiến tới Tùng Châu (nay là Tùng Phiên, Tứ Xuyên) thuộc đất đai triều Đường và đánh thắng quân Đường ở đây. Tùng Tán Can Bố liền huênh hoang, phái sứ giả đến uy hiếp triều Đường: "Nếu không đem công chúa gả cho ta, ta sẽ đem quân đánh tới Trường An".

Đường Thái Tông nổi giận, phái đại tướng Hầu Quân Tập đem quân đánh lại Thổ Phồn. Các tướng sĩ Thổ Phồn không muốn Tùng Tán Can Bố gây chiến tranh với triều Đường, nên khi nghe tin đại quân của Đường sắp tới, đều xin lui quân. Tùng Tán Can Bố cũng không thể làm liều để chuốc lấy thất bại nên cử người giảng hòa. Đường Thái Tông thấy như vậy cũng hợp ý mình nên đồng ý. Năm 640, Tùng Tán Can Bố lại phái 1 sứ giả có tài là Lộc Đông Tán dẫn phái bộ 100 người, đem lễ hậu gồm 5000 lạng vàng và rất nhiều châu báu, đến Trường An cầu hôn. Đường Thái Tông tiếp kiến Lộc Đông Tán. Lộc Đông Tán trổ tài ăn nói, trình bày với Đường Thái Tông nguyện ước chân thành của vị quốc vương tài giỏi và trẻ tuổi của mình muốn được sánh đôi với công chúa Đại Đường. Đường Thái Tông rất hài lòng, liền chọn trong hoàng tộc 1 cô gái xinh đẹp, dịu hiền, phong làm Văn Thành công chúa và gả cho Tùng Tán Can Bố.

Theo truyền thuyết, sứ giả Lộc Đông Tán là 1 người rất thông minh. Về sau, nhân dân trên cao nguyên Thanh Tạng có lưu truyền câu chuyện về "Vượt năm khó khăn để cầu hôn". Nội dung đại lược như sau: khi Lộc Đông Tán tới Trường An, thay mặt quốc vương Tùng Tán Can Bố cầu hôn công chúa Đại Đường thì cũng có nhiều sứ giả các nước đến cầu hôn cho quốc vương mình. Đường Thái Tông ra điều kiện: sứ giả nào giải quyết được 5 vấn đề nêu ra thì sẽ gả công chúa cho quốc vương nước đó. Việc thứ nhất là làm sao xâu được sợi tơ cực mảnh qua hết 9 lỗ nhỏ trên 1 viên minh châu. Lộc Đông Tán nghĩ ra 1 cách, buộc sợi tơ đó vào bụng 1 con kiến rồi cho con kiến lần lượt chui qua 9 lỗ nhỏ trên viên ngọc. Nhờ đó, đã

được xâu sợi tơ. Việc thứ 2 là trong 1 đàn ngựa có 100 ngựa mẹ và 100 ngựa con, làm sao nhận ra đúng từng cặp mẹ con một. Lộc Đông Tán đem nhốt riêng 100 ngựa mẹ và 100 ngựa con ra 2 nơi riêng biệt trong 1 ngày, không cho ngựa con ăn uống gì. Hôm sau thả cả 2 đàn ra bãi. Ngựa con quá đói, đều chạy đến bú mẹ. Vì vậy, việc nhận ra từng cặp mẹ con rất dễ dàng. Lộc Đông Tán vượt tiếp 2 cuộc khảo sát không mấy khó khăn. Đến lần khảo sát cuối cùng, là làm sao phân biệt và chỉ ra được trong 2500 mã nữ trẻ trung xinh đẹp, ai là công chúa Văn Thành. Với cặp mắt tinh tường và nhạy bén, Lộc Đông Tán lại vượt lên trên tất cả các sứ giả khác, nhận ra đúng vị công chúa cần tìm.

Truyền thuyết đó không hẳn là sự thực. Nhưng qua đó có thể thấy nguyện vọng của nhân dân Thổ Phồn muốn có tình hữu hảo với Đại Đường và sự khen ngợi của họ trước tài năng của Lộc Đông Tán.

Năm 641, cô gái 24 tuổi mang tên công chúa Văn Thành, được Giang Hạ vương Lý Đạo Tông hộ tống lên đường sang Thổ Phồn. Triều Đường đã chuẩn bị cho công chúa rất nhiều của hồi môn. Vàng bạc châu báu, lụa là gấm vóc đương nhiên là rất nhiều. Ngoài ra còn có nhiều đặc sản như giống lúa, giống cây ăn quả, hạt rau, cây thuốc, giống tằm... mà Thổ Phồn không có. Công chúa Văn Thành còn đem theo nhiều sách vở về y dược, cách gieo trồng, kỹ thuật xây dựng, thiên văn lịch pháp... Tin công chúa Văn Thành xuất giá truyền tới Thổ Phồn. Suốt dọc đường, người ta nô nức chuẩn bị ngựa xe, thuyền bè, lương thực để phục vụ đoàn đưa dâu. Tùng Tán Can Bố đích thân đi từ La Tá (nay là La Sa, thủ phủ Tây Tạng) tới Bá Hải (nay là Hồ Ngạc Lăng, Thanh Hải) để đưa đón. Tại đây, đã cử hành hôn lễ long trọng giữa Tùng Tán Can Bố và công chúa Văn Thành. Sau hôn lễ, đoàn đón dâu và đưa dâu đã vượt qua núi tuyết và cao nguyên, về tới thành La Tá. Hôm công chúa vào thành, nhân dân quốc đô vui mừng như trong ngày hội, đổ ra khắp đường, ca múa đón chào. Tùng Tán Can Bố còn cho xây dựng ở La Tá 1 cung điện theo kiểu kiến trúc của triều Đường, làm nơi ở cho công chúa.

Văn Thành công chúa sống ở Thổ Phồn hơn 40 năm. Bà đã có cống hiến quan trọng vào việc củng cố tình hữu nghị giữa 2 dân tộc Hán - Tạng và việc phát triển kinh tế, văn hóa Tây Tạng. Ngày nay, trong chùa Đại Chiêu và cung Bu Ta La ở Tây Tạng vẫn thờ tượng của Tùng Tán Can Bố và công chúa Văn Thành. Năm 650, Tùng Tán Can Bố bị bệnh mất. Trước đó 1 năm, Đường Thái Tông cũng mất. Thái tử Lý Trị lên ngôi. Đó là Đường Cao Tông.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Nữ Hoàng Đế Võ Tắc Thiên

Đường Thái Tông là 1 hoàng đế sáng suốt, nhưng con ông là Cao Tông lại là 1 người tầm thường, không có tài cán gì. Sau khi lên ngôi, Đường Cao Tông không biết giải quyết việc triều chính thế nào, mọi việc đều nhờ cậu là Trưởng Tôn Vô Kỵ chỉ bảo. Về sau, ông ta lập Võ Tắc Thiên làm hoàng hậu, thì tình hình thay đổi hẳn. Võ Tắc Thiên vốn là 1 tài nhân (1 cấp bậc thấp trong hàng phi tần) của Đường Thái Tông. Năm 14 tuổi đã hầu hạ trong cung. Lúc đó, trong chuồng ngựa của hoàng đế có 1 con ngựa hay nhưng rất dữ, không ai cưỡi được. Một hôm, Đường Thái Tông dẫn các cung phi ra xem ngựa, ông chỉ con ngựa đó và nói với các cung phi: "Trong các người có ai trị được con ngựa đó không?".

Trong khi các cung phi lắc đầu, lè lưỡi nhìn nhau thì cô bé 14 tuổi dũng cảm ấy đứng lên nói: "Tâu bệ hạ, thiếp có thể làm được".

Thái Tông kinh ngạc nhìn cô, rồi hỏi có biện pháp gì. Võ Tắc Thiên nói: "Chỉ cần có ba vật, là một cái roi sắt, một cái búa sắt và một con dao nhọn. Nếu ngựa ương bướng thì vọt bằng roi sắt; nếu vẫn chưa chịu thì đánh búa sắt; nếu vẫn còn lồng lộn thì dùng dao cứa cổ đứt nó đi".

Đường Thái Tông cười ha hả, tuy thấy lời Võ Tắc Thiên vẫn có tính trẻ con, nhưng ông rất thích tính mạnh mẽ của cô. Sau khi Đường Thái Tông mất, theo qui tắc của cung đình lúc đó, Võ Tắc Thiên phải vào tu ở am ni cô. Điều đó đương nhiên là cô không muốn. Khi còn làm thái tử, Đường Cao Tông đã có tình ý với Võ Tắc Thiên. Sau khi lên ngôi được 2

năm, ông đã đón Võ Tắc Thiên từ am ni cô về và phong làm Chiêu nghi. Sau đó, vì say đắm Võ Tắc Thiên, Cao Tông muốn phế Vương hoàng hậu và lập Võ Tắc Thiên lên thay. Ý định đó bị các lão thần hết sức phản đối, đặc biệt là Trưởng Tôn Vô Kỵ, cậu ruột của Cao Tông, trước sau nhất định không chịu đổi ý. Võ Tắc Thiên ngầm lôi kéo 1 số đại thần, xui giục họ tìm cách vận động cho mình. Có người nói với Cao Tông: "Lập hoàng hậu là việc trong nhà của bệ hạ, không ai có quyền can thiệp vào". Cao Tông liền quyết tâm, phế Vương hoàng hậu và đưa Võ Tắc Thiên lên thay.

Sau khi lên ngôi hoàng hậu, Võ Tắc Thiên thi thố mọi biện pháp qua đoán cay độc của mình, lần lượt giáng chức, đày đi xa các đại thần đã phản đối mình. Ngay cả Trưởng Tôn Vô Kỵ, 1 lão thần đầu triều, cậu ruột của Cao Tông cũng bị buộc phải tự sát. Không lâu sau, Cao Tông vốn đã rất nhu nhược, nay lại lặn ra ốm, suốt ngày nhức đầu hoa mắt, nhiều lúc không mở mắt ra được. Cao Tông thấy Võ Tắc Thiên có tài, lại thông hiểu chữ nghĩa, liền giao luôn toàn bộ công việc triều chính cho bà. Võ Tắc Thiên nắm được quyền, dần dần không coi Cao Tông ra gì nữa. Cao Tông muốn làm việc gì, nếu không được Võ Tắc Thiên đồng ý thì không có cách gì thực hiện được. Cao Tông trong lòng bực bội, đem tâm sự thổ lộ với tế tướng Thượng Quan Nghi. Thượng Quan Nghi vốn chống lại việc Võ Tắc Thiên nắm triều chính, liền nói: "Bệ hạ đã thấy hoàng hậu quá chuyên quyền thì không gì bằng phế bà ta đi".

Cao Tông vốn là người không có chủ kiến, nghe Thượng Quan Nghi nói thế, liền bảo: "Được! Thế thì khanh giúp trẫm khởi thảo một chiếu thư".

Câu chuyện giữa hai người bị 1 thái giám nghe thấy. Bọn thái giám đều là tâm phúc của Võ Tắc Thiên, nên nghe lỏm được câu chuyện quan trọng đó, liền báo gấp cho Võ Tắc Thiên biết. Khi Thượng Quan Nghi vừa thảo xong chiếu thư, đưa cho Cao Tông xem thì Võ Tắc Thiên xông xộc chạy vào. Bà ta lớn tiếng quát hỏi Cao Tông: "Thế này là thế nào?".

Cao Tông thấy Võ Tắc Thiên thì sợ quá, vội giấu thư mà Thượng Quan Nghi đưa cho vào ống tay áo, rồi lấp bắp nói: "Trẫm vốn không có ý đó. Đó là Thượng Quan Nghi xui trẫm làm".

Võ Tắc Thiên lập tức hạ lệnh bắt giết Thượng Quan Nghi. Từ đó về sau, lúc nào Đường Cao Tông lâm triều, đều có Võ Tắc Thiên ngồi bên giám thị. Bất kì việc lớn việc nhỏ, đều phải được hoàng hậu gật đầu đồng ý mới thi hành được. Năm 683, Cao Tông chết. Võ Tắc Thiên lần lượt lập 2 con làm hoàng đế: Trung Tông Lý Hiển và Duệ Tông Lý Đán nhưng đều không hài lòng về họ. Bà phế Trung Tông, giam lỏng Duệ Tông rồi lấy danh nghĩa thái hậu, lâm triều chấp chính. Làm như vậy, lại gặp sự phản đối của 1 số đại thần và tông thất. Có 1 đại thần là Từ Kính Nghiệp bị Võ Tắc Thiên giáng chức, liền lợi dụng việc đó, khởi binh ở Dương Châu chống lại vào năm 684. Võ Tắc Thiên bàn với tể tướng Bùi Viêm về chuyện dẹp Từ Kính Nghiệp. Bùi Viêm nói: "Hiện nay hoàng đế đã lớn tuổi mà vẫn không được cầm quyền, thiên hạ mới có cơ làm bậy. Nếu thái hậu trả lại quyền cho hoàng đế thì cuộc nổi loạn của Từ Kính Nghiệp tự nhiên sẽ dẹp được".

Võ Tắc Thiên cho Bùi Viêm là cùng 1 giuộc với Từ Kính Nghiệp, muốn buộc mình rời khỏi quyền lực nổi giận, bắt giam Bùi Viêm rồi phái đại tướng đem 30 vạn quân đi thảo phạt. Từ Kính Nghiệp thế cô, quân ít, chống đỡ 1 thời gian ngắn rồi thất bại. Sau đó, còn có 2 tông thất triều Đường là Việt vương Lý Trinh và Lang Nha vương Lý Xung khởi binh chống lại Võ Tắc Thiên, cũng đều bị trấn áp. Sau 2 cuộc khởi binh trên, toàn quốc lại khôi phục được sự ổn định, không ai còn dám chống lại Võ Tắc Thiên nữa. Võ Tắc Thiên củng cố vững được chính trị nhưng không thỏa mãn với cương vị thái hậu chấp chính, mà muốn chính thức lên làm hoàng đế. Có 1 nhà sư đoán biết tâm tư của Võ Tắc Thiên, liền ngụy tạo 1 bộ kinh Phật, dâng lên Võ Tắc Thiên. Bộ kinh đó nói Võ Tắc Thiên vốn là Phật Di Lặc đầu thai xuống nhân gian. Phật tổ phái bà xuống trần là để thay hoàng đế Đại Đường mà cai trị thiên hạ.

Mấy tháng sau, 1 viên quan tên là Phó Du Nghệ tổ chức được hơn 900 người ở vùng Quan Trung, liên danh dâng 1 bức thư, thỉnh cầu thái hậu lên ngôi hoàng đế. Võ Tắc Thiên làm bộ từ chối, nhưng lại thăng chức cho Phó Du Nghệ. Kết quả, ngày càng có nhiều thư dâng lên, thỉnh cầu bà lên làm hoàng đế. Theo nói lại, những người dâng thư thỉnh cầu thuộc đủ các giới: quan chức văn võ, vương công quý tộc, thủ lĩnh các bộ tộc, hòa thượng đạo sĩ, dân chúng các địa phương...tất cả có tới 6 vạn người.

Năm 690, tháng 9, Võ Tắc Thiên tiếp nhận lời thỉnh cầu của trăm họ, tự xưng là Trần Thánh hoàng đế, đổi quốc hiệu là Chu. Bà trở thành nữ hoàng đế duy nhất trong lịch sử Trung Quốc.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Mời Ngài Vào Trong Chum

Sau khi dẹp tan cuộc nổi dậy của Từ Kính Nghiệp, Võ Tắc Thiên quyết tâm diệt trừ các tông thất và đại thần chống lại mình. Nhưng, làm cách gì để biết những ai là người đang ngầm ngầm nuôi lòng chống đối. Võ Tắc Thiên tìm ra 1 biện pháp là phát động cuộc tố cáo trong toàn quốc. Bất kì quan lại cấp nào và người dân bình thường, miễn là phát hiện có người mưu phản, đều có thể trực tiếp báo cáo với thái hậu. Quan lại địa phương nhận được thư và người đến tố giác, đều không được trực tiếp hỏi han mà phải chuẩn bị ngựa xe, cung cấp ăn uống chu đáo và phái người hộ tống tới hành cung của thái hậu, trực tiếp triều kiến Võ Tắc Thiên. Nếu tài liệu tố giác là đúng, người tố giác lập tức được làm quan. Nếu xét ra không đúng sự thực, cũng không bị ghép vào tội vu cáo. Vì vậy, ở khắp nơi trong toàn quốc, người tố giác ngày càng nhiều.

Vì có quá nhiều người đem đơn tố giác, nên Võ Tắc Thiên phải cử người thay mình tra xét. Một tướng người Hồ là Sách Nguyên Lễ nhờ việc tố giác mà trở nên phú quý. Võ Tắc Thiên ủy nhiệm y chuyên xử các vụ án mưu phản. Khi thẩm vấn, bất kể là có chứng cứ gì không, hễ ta đều dùng cực hình buộc người được xét hỏi khai ra đồng mưu. Người bị tra không thể chịu nổi cực hình, đành khai bừa ra 1 số người khác. Vì vậy, từ 1 người, kéo theo mấy chục, mấy trăm người liên quan. Diện liên quan càng rộng, qui mô vụ án càng lớn, Sách Nguyên Lễ càng lên, liền được thái hậu khen là làm việc giỏi. Một số quan chức thấy Sách Nguyên Lễ được thái hậu tín nhiệm, liền cũng học theo cách làm của y. Trong số đó có 2 kẻ tàn bạo nhất là Chu Hưng và Lại Tuấn Thần. Dưới quyền mỗi tên có mấy trăm tên lưu

manh, chuyên làm việc tố giác. Nếu chúng ngờ ai mưu phản, là đồng thời tố giác từ mấy địa phương khác nhau và bịa ra đủ loại chứng cứ. Điều kì dị là Lại Tuấn Thần còn soạn ra 1 bản "Cáo mật la chức la kinh" (sách dạy cách thêu dệt để tố giác) để truyền thụ các thủ đoạn thêu dệt tội trạng cho tay chân thực hiện. Chu Hưng và Lại Tuấn Thần xét xử còn tàn bạo hơn Sách Nguyên Lễ nhiều, chúng nghĩ ra đủ mọi loại tra tấn cực kì thảm khốc vô nhân đạo để áp dụng đối với đối tượng tra xét. Khi bắt ai, trước hết chúng bày ra trước mặt người đó đủ loại hình cụ. "Phạm nhân" chỉ cần nhìn qua là đã khiếp sợ, khai hết mọi điều theo ý chúng. Chu Hưng và Sách Nguyên Lễ trước sau đã giết chết mấy ngàn người, Lại Tuấn Thần thì làm tan nát hơn 1000 gia đình. Cả 3 đều nổi danh về sự tàn bạo.

Có 1 đại thần chính trực tâu với thái hậu: "Hiện nay trong các các vụ án mưu phản, đa số là án oan, án giả, có thể là có kẻ muốn ly gián bộ hạ với các đại thần; bộ hạ không thể không thận trọng".

Nhưng Võ Tắc Thiên không muốn nghe theo lời khuyên đó. Phong trào tố giác càng ngày càng lên cao. Ngay cả người thân tín của Võ Tắc Thiên là đại tướng Khưu Thần Tích, chỉ huy quân cấm vệ, cũng bị tố giác là mưu phản, bị Võ Tắc Thiên hạ lệnh giết. Một hôm, thái hậu nhận được phong thư tố giác, nói Chu Hưng là kẻ đồng mưu với Khưu Thần Tích. Thái hậu giật mình, lập tức hạ chỉ sai Lại Tuấn Thần điều tra, xét xử việc này. Vừa khéo, khi thái giám mang chỉ dụ của thái hậu đến nhà Lại Tuấn Thần, thì Chu Hưng đang ở đó. Hai người vừa uống rượu, vừa nói chuyện về các vụ án. Lại Tuấn Thần xem xong mật chỉ của thái hậu, không tỏ thái độ gì, dứt mật chỉ vào ống tay áo rồi tiếp tục nói chuyện với Chu Hưng. Lại Tuấn Thần nói: "Gần đây, tôi bắt được một số phạm nhân, nhiều đứa không chịu thực thà cung khai. Ngài xem nên làm thế nào?".

Chu Hưng vuốt râu, cười khà khà nói: "Điều đó quá dễ! Gần đây tôi nghĩ ra một biện pháp mới, là đặt một cái chum lớn trên lò than. Kẻ nào

không chịu cung khai thì bắt nó bỏ vào chum, nướng nó như nướng bánh. Lo gì nó không chịu khai!"

Lại Tuấn Thần nghe nói, gật gù khen rồi rít: "Biện pháp hay! Biện pháp hay!". Vừa nói hăn vừa sai gia nhân khiêng 1 chiếc chum lớn và 1 lò than lên đại sảnh, cho quạt lò cháy tực rồi khiêng chum để lên trên. Lửa cháy rất mạnh làm mọi người toát mồ hôi.

Chu Hưng đang lấy làm lạ thì Lại Tuấn Thần bệ vệ đứng dậy, vênh mặt nói: "Ta vừa nhận được mật chỉ của thái hậu, nói Chu huỳnh mưu phản. Nếu ngài không thành thực cung khai, thì chỉ còn cách mời ngài vào trong chum".

Chu Hưng vừa nghe nói thế thì kinh hồn bạt vía, run như cầy sấy. Vốn cùng trong nghề, hăn quá rõ thủ đoạn của Lại Tuấn Thần, liền quì sụp xuống lạy như tể sao xin tha và nguyện sẽ nhận tội. Lại Tuấn Thần căn cứ vào lời thú nhận, khép vào tội chết và tâu lên thái hậu. Võ Tắc Thiên nghĩ, Chu Hưng đã từng giúp bà bao nhiêu việc, vả lại hăn ta có mưu phản thật không, còn có điểm đáng ngờ. Bà liền hạ chiếu tha tội chết, chỉ cách hết chức tước và đày đi Lĩnh Nam (vùng Quảng Đông, Quảng Tây ngày nay). Vì Chu Hưng đã gây nhiều tội ác, nhiều người oán giận, nên đi tới nửa đường, đã bị giết chết. Sau đó, Võ Tắc Thiên biết Sách Nguyên Lễ hãm hại quá nhiều người, lòng dân oán giận nên cũng giết Sách Nguyên Lễ để yên lòng dân. Còn lại 1 mình Lại Tuấn Thần vẫn được Võ Tắc Thiên tin nhiệm, tiếp tục thực hiện việc vu hãm, giết người trong 5, 6 năm nữa. Cộng cả trước sau, không biết hăn đã sát hại bao nhiêu bao nhiêu quan lại và dân thường. Ngay cả tể tướng Địch Nhân Kiệt cũng bị hăn vu cáo là mưu phản, bị tống giam, suýt nữa bị chết dưới tay hăn. Tham vọng của Lại Tuấn Thần rất lớn, hăn toan độc chiếm đại quyền trong triều, nhưng còn e sợ cháu của Võ Tắc Thiên và Võ Tam Tư và con gái Võ Tắc Thiên là Thái Bình công chúa có thể lực lớn, có thể tố giác hăn. Hai người đó đúng là ghê gớm, họ đã ra tay trước phanh phui tố giác hết mọi tội vu cáo người tốt và lạm dụng

hình phạt của Lại Tuấn Thần, cho người bắt hãn và ghép vào tội chết. Võ Tắc Thiên tuy muốn bênh vực, nhưng khi thấy có quá nhiều người chống hãn, nên đành chuẩn y việc xử tử. Ngày Lại Tuấn Thần bị xử tội, mọi người vô cùng hoan hỉ. Ai nấy đều chúc mừng nhau: "Từ hôm nay, ban đêm mới có thể ngủ yên được!".

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Địch Nhân Kiệt Phát Hiện Nhân Tài

Võ Tắc Thiên trấn áp không thương tiếc những ai chống lại việc bà nắm quyền, nhưng bà lại vô cùng coi trọng việc sử dụng người hiền tài. Bà thường xuyên cử người tới các địa phương để chọn người tài giỏi. Khi đã phát hiện thấy ai có tài năng thì không kể tới xuất thân và thâm niên làm việc mà phong chức đặt cách, mạnh dạn sử dụng. Vì thế, dưới quyền bà có nhiều đại thần tài giỏi, trong đó nổi tiếng nhất là tể tướng Địch Nhân Kiệt. Khi Địch Nhân Kiệt làm thứ sử Dự Châu, đã chấp hành nghiêm pháp luật, xử sự công bằng, được nhân dân địa phương ca ngợi. Võ Tắc Thiên nghe tiếng ông có tài, liền điều ông về kinh làm tể tướng. Một hôm, Võ Tắc Thiên triệu ông tới bảo: "Trẫm nghe nói khi khanh làm việc ở Dự Châu, có tiếng tốt, nhưng cũng có người nói xấu khanh với trẫm. Khanh có muốn biết người đó là ai không?".

Địch Nhân Kiệt nói: "Người khác nói thần không tốt, nếu đó đúng là lỗi của thần thì thần phải sửa. Nếu bệ hạ đã tìm hiểu rõ không phải là lỗi của thần thì đó là điều may mắn cho thần. Còn ai là người nói xấu sau lưng thần, thần thấy không cần biết".

Võ Tắc Thiên nghe nói, thấy Địch Nhân Kiệt có lòng độ lượng lớn, lại càng quý trọng. Khi Lại Tuấn Thần đắc thế, có vu cáo Địch Nhân Kiệt, bắt giam vào ngục. Lại Tuấn Thần bức ông cung khai và dụ dỗ: "Miễn là ngài cung khai thì có thì có thể miễn được tội chết!".

Địch Nhân Kiệt thản nhiên nói: "Nay thái hậu đã xây dựng triều Chu, mọi việc đều đổi mới cả. Những cựu thần triều Đường như tôi, giết đi là đúng. Tôi xin nhận cho xong".

Một viên quan khác nói nhỏ với Địch Nhân Kiệt: "Nếu ngài khai ra người khác, thì có thể được đối xử khoan hồng".

Địch Nhân Kiệt nổi giận nói: "Trên có trời, dưới có đất, Địch Nhân Kiệt này không thể làm việc đó được!". Nói rồi, lao đầu vào cột nhà ngục, máu chảy đầm đìa, viên quan đó sợ hãi vội ra sức khuyên Địch Nhân Kiệt ngừng lại. Lại Tuấn Thần căn cứ vào lời bức cung của người khác, liền thảo ra 1 bản án của Địch Nhân Kiệt rồi tâu lên Võ Tắc Thiên. Nhân lúc bọn coi ngục lơ là trong việc giám thị, Địch Nhân Kiệt xé 1 miếng vải bọc chắn, viết 1 tờ kháng án rồi nhét vào lằn trong áo bông. Lúc đó, trời đã chuyển sang xuân, Địch Nhân Kiệt nói với quan coi ngục: "Trời đã ấm rồi, tôi không cần dùng áo bông nữa. Xin báo cho con tôi đến mang áo bông về nhà".

Quan coi ngục không nghi ngờ gì, liền cho người trong gia đình họ Địch nhân đến thăm, mang áo bông về. Con Địch Nhân Kiệt hiểu ý, vạch áo bông ra, thấy lá đơn kháng án liền nhờ người chuyển lên Võ Tắc Thiên. Xem đơn, Võ Tắc Thiên hạ lệnh tha Địch Nhân Kiệt, rồi triệu kiến ông và hỏi: "Khanh đã nhận là có tội, tại sao lại còn kháng án?".

Địch Nhân Kiệt nói: "Nếu thần không nhận tội thì chúng đã tra tấn thần tới chết từ lâu rồi!".

Võ Tắc Thiên miễn tội chết cho ông, nhưng vẫn cách chức tể tướng, giáng xuống làm huyện lệnh ở tỉnh xa. Tới khi Lại Tuấn Thần bị giết, ông mới được điều về kinh và được phục chức tể tướng. Trước khi ông được làm tể tướng, có 1 viên tướng tên là Lô Sư Đức đã ra sức tiến cử ông với Võ Tắc Thiên. Nhưng Địch Nhân Kiệt không hề biết chuyện đó, ông vẫn cho rằng Lô Sư Đức chỉ là 1 võ tướng bình thường, không có gì đáng chú

ý. Một lần, Võ Tắc Thiên cố ý hỏi Địch Nhân Kiệt: "Khanh xem Lâu Sư Đức là người thế nào?".

Địch Nhân Kiệt nói: "Lâu Sư Đức là một viên tướng cần mẫn trong việc phòng giữ biên giới, về mặt đó là tốt. Còn ông ta có tài năng gì khác không, thì thần không được biết".

Võ Tắc Thiên hỏi: "Khanh xem Lâu Sư Đức có khả năng phát hiện nhân tài không?".

Địch Nhân Kiệt nói: "Thần đã có thời gian làm việc với ông ta nhưng chưa hề nghe nói ông ta có khả năng đó".

Võ Tắc Thiên cười: "Trẫm sở dĩ được biết khanh, chính là nhờ Lâu Sư Đức tiến cử đấy!".

Biết việc đó, Địch Nhân Kiệt rất xúc động, cảm thấy Lâu Sư Đức là người trung hậu, mình không bằng được. Từ đó, Địch Nhân Kiệt ra sức phát hiện, tuyển chọn nhân tài, kịp thời tiến cử lên Võ Tắc Thiên. Một hôm, Võ Tắc Thiên bảo Địch Nhân Kiệt: "Trẫm muốn tìm kiếm một nhân tài, khanh xem người nào xứng đáng?".

Địch Nhân Kiệt nói: "Thần chưa biết bộ hạ cần một nhân tài như thế nào?"

Võ Tắc Thiên nói: "Trẫm muốn chọn một người làm tể tướng".

Địch Nhân Kiệt từ lâu đã biết tiếng 1 viên quan ở Kinh Châu tên là Trương Giản Chi, tuy tuổi đã hơi cao nhưng làm tể tướng rất giỏi giang, liền tiến cử với Võ Tắc Thiên. Võ Tắc Thiên liền thăng chức cho Trương Giản Chi làm Tư mã Lạc Châu (trị sở tại Lạc Dương). Mấy hôm sau, Địch Nhân Kiệt vào triều, Võ Tắc Thiên lại nhắc tới việc tìm kiếm nhân tài. Địch Nhân Kiệt nói: "Lần trước, thần tiến cử Trương Giản Chi, bộ hạ đã dùng đâu?".

Võ Tắc Thiên nói: "Trẫm chẳng đã sử dụng ông ta rồi đó sao?".

Địch Nhân Kiệt nói: "Thần tiến cử với bệ hạ là tiến cử một tể tướng chứ không phải tiến cử một tư mã".

Võ Tắc Thiên sau đó mới thăng Trương Giản Chi lên làm thị lang. Sau này, lại phong ông làm tể tướng. Địch Nhân Kiệt trước sau đã tiến cử cho triều đình mấy chục người có tài. Họ đều trở thành những đại thần nổi tiếng đương thời. Những người đó đều hết sức khâm phục và kính trọng ông, coi ông là bậc lão tiền bối. Có người nói với ông: "Đào lý trong thiên hạ, đều từ cửa Địch Công mà ra cả".

Địch Nhân Kiệt khiêm tốn nói: "Điều đó có đáng kể gì. Tiến cử người có tài là vì lợi ích quốc gia, đâu có phải vì lợi ích cá nhân".

Địch Nhân Kiệt sống tới 93 tuổi. Võ Tắc Thiên hết sức kính trọng ông, gọi ông là "quốc lão". Nhiều lần ông cáo lão, xin nghỉ nhưng Võ Tắc Thiên không cho. Sau khi ông mất, Võ Tắc Thiên thường than tiếc: "Trời xanh sao sớm cướp đi của ta vị quốc lão".

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Trương Duyệt Không Làm Chứng Gian

Sau khi Dịch Nhân Kiệt mất, Ngụy Nguyên Trung được làm tể tướng. Lúc đó, Võ Tắc Thiên tin dùng 2 viên quan là Trương Xương Tông và Trương Dịch Chi. Hai người đó có quyền thế rất lớn, các quan văn võ trong triều đều kiêng dè 2 họ Trương. Nhưng tể tướng Ngụy Nguyên Trung rất coi thường chúng. Ngụy Nguyên Trung nổi tiếng là người cứng cỏi, khi Chu Hưng, Lại Tuấn Thần còn đặc thế, ông đã mấy lần bị vu cáo và bị lưu đày, 1 lần suýt bị xử tử. Nhưng trước sau ông không bao giờ chịu khuất phục. Sau này, khi ông làm thứ sử Lạc Châu, 1 tên đày tớ của Dịch Chi cậy thế ức hiếp dân, gây sự ngoài phố Lạc Dương. Quan cai trị Lạc Dương thấy kẻ gây rối là người trong Trương phủ nên không dám làm gì. Việc đó đến tai Ngụy Nguyên Trung, ông liền cho bắt tên đày tớ đó, đánh cho 1 trận chết tươi. Sau khi Ngụy Nguyên Trung làm tể tướng, Võ Tắc Thiên muốn phong em của Trương Dịch Chi là Trương Xương Kỳ làm trường sử. Một số đại thần hòa theo ý của Võ Tắc Thiên, đều khen Trương Xương Kỳ là người có tài. Nhưng Ngụy Nguyên Trung lại nói: "Trương Xương Kỳ còn non trẻ, hiểu biết ít, không làm nổi chức lớn đó". Chuyện ấy đành phải gác lại.

Vì những việc đó, Trương Xương Tông và Trương Dịch Chi ôm mối hận với Ngụy Nguyên Trung, muốn tìm mọi cách để trừ bỏ, bèn tố cáo với thái hậu là ông có nói sau lưng là thái hậu già rồi, nên tìm cách dựa vào thái tử thì chắc chắn hơn. Võ Tắc Thiên nghe thấy nói thế thì nổi giận, lập tức hạ lệnh bắt giam ngay Ngụy Nguyên Trung, chuẩn bị trực tiếp thẩm vấn và yêu cầu 2 họ Trương vạch tội tại chỗ. Trương Xương Tông sợ không nói lại

được Ngụy Nguyên Trung, liền lên tìm 1 quan chức cấp dưới của Ngụy Nguyên Trung tên là Trương Duyệt, đề nghị làm chứng giả, hẹn sẽ thăng quan cho ông ta. Hôm sau, Võ Tắc Thiên ra triều, triệu tập thái tử và tể tướng, để Trương Xương Tông và Ngụy Nguyên Trung trực tiếp đối chất. Ngụy Nguyên Trung nhất định không chịu nhận là có chuyện đó. Hai người tranh luận rất lâu không đi đến kết quả gì. Trương Xương Tông nói: "Chính tai Trương Duyệt nghe thấy Ngụy Nguyên Trung nói câu đó. Có thể gọi ông ta để làm chứng!".

Võ Tắc Thiên lập tức cho gọi Trương Duyệt vào triều làm chứng. Biết sẽ xảy ra chuyện gì, 1 viên quan là Tổng Cảnh nói với Trương Duyệt: "Danh dự của một con người là quý hơn hết. Dù thế nào cũng thể vì sự an toàn của cá nhân mà đi phụ họa với gian thần. Dù có vì vậy mà bị lưu đày thì tên tuổi vẫn vẻ vang".

Sứ quan Lưu Tri Kỷ cũng nhắc Trương Duyệt: "Không nên bôi xấu lịch sử của mình, để liên lụy tới con cháu đời sau".

Trương Duyệt biết rõ Ngụy Nguyên Trung oan uổng, nhưng cũng sợ quyền thế của 2 họ Trương, nên tư tưởng đấu tranh, giằng co rất căng thẳng, toát hết cả mồ hôi. Sau khi nghe 2 người nhắc nhở như vậy, mới xác định được quyết tâm. Trương Duyệt tiến vào sân rồng, Võ Tắc Thiên hỏi: "Người có nghe thấy Ngụy Nguyên Trung phỉ báng triều đình không?".

Ngụy Nguyên Trung vừa thấy Trương Duyệt đến, liền nói lớn: "Trương Duyệt, người định hòa với Trương Xương Tông để vu hãm người trung lương chăng?".

Trương Duyệt quay đầu lại, hừm 1 tiếng rồi nói: "Ngụy Công làm tể tướng mà sao lại nói lời sai đạo lý như thế!".

Trương Xương Tông thấy Trương Duyệt nói hơi lạc đề, vội giục: "Không cần đôi co với ông ta, hãy tới làm chứng đi".

Trương Duyệt quay lại, tâu với Võ Tắc Thiên: "Xin bệ hạ xem, trước mặt bệ hạ mà ông ta còn uy hiếp thần. Đủ biết khi ở ngoài, ông ta còn tác oai tác phúc như thế nào. Nay thần không thể không nói thực, đúng là thần không hề nghe Ngụy Nguyên Trung nói lời chống lại bệ hạ. Chỉ là do Trương Xương Tông buộc thần phải làm chứng giả mà thôi".

Trương Xương Tông thấy Trương Duyệt đổi giọng như thế, thì nổi giận đùng đùng, kêu lớn: "Trương Duyệt chính là kẻ đồng mưu với Ngụy Nguyên Trung".

Võ Tắc Thiên là người thông minh, nghe lời Trương Duyệt nói, biết chắc là Ngụy Nguyên Trung bị oan, nhưng không muốn để bọn Trương Xương Tông lâm vào thế bí, liền mắng Trương Duyệt: "Người là kẻ tiểu nhân phản phúc". Rồi hạ lệnh bắt giam lại, tiếp tục phỏng vấn. Nhưng Trương Duyệt đã quyết tâm, nhất định giữ vững ý kiến là không hề nghe Ngụy Nguyên Trung nói lời mưu phản.

Võ Tắc Thiên không có chứng cứ về việc Ngụy Nguyên Trung mưu phản, nhưng bà vẫn triệt chức tể tướng của ông và lưu đày Trương Duyệt. Năm 705, Võ Tắc Thiên ốm nặng. Người cháu là Võ Tam Tư cầu kết với Trương Xương Tông và Trương Dịch Chi nắm chính quyền trong triều. Tể tướng Trương Giản Chi và 1 số đại thần nhân cơ hội Võ Tắc Thiên không còn làm việc được, đoạt lấy quyền chỉ huy quân cấm vệ, bắt giết 2 tên họ Trương, đón Trung Tông trở về ngôi hoàng đế. Không lâu sau, vị nữ hoàng đế hiển hách 1 thời ấy qua đời.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Diêu Sùng Diệt Châu Chấu

Sau khi Đường Trung Tông trở lại ngôi vua, để vợ mình là Võ hậu nắm chính quyền, trọng dụng Võ Tam Tư, làm cho triều chính rối bết. Năm 710, sau khi Trung Tông chết, con của Duệ Tông là Lý Long Cơ khởi binh giết Võ hậu, đón Duệ Tông về trở lại ngôi vua. Hai năm sau, Duệ Tông nhường ngôi vua lại cho Lý Long Cơ. Đó là Đường Huyền Tông. Hoàng đế trẻ tuổi Đường Huyền Tông mới ngoài 20 tuổi, đầy lòng hăng hái, muốn khôi phục sự nghiệp của Đường Thái Tông. Ông dùng Diêu Sùng làm tể tướng, chinh đốn nội chính, khắc phục mọi rối loạn từ thời Trung Tông để lại. Vương triều Đường lại xuất hiện cảnh hưng thịnh. Chính lúc Huyền Tông dốc sức vào việc cai trị thì ở miền Hà Nam xuất hiện nạn châu chấu lan rộng chưa từng có. Trên khắp vùng Trung nguyên rộng lớn xuất hiện từng đàn châu chấu. Mỗi khi chúng bay tới đâu, là tạo nên 1 đám đen đặc, che lấp hết ánh mặt trời. Châu chấu hạ xuống đâu, chỉ 1 loáng, toàn bộ hoa màu bị cắn sạch quang.

Thời đó, người ta chưa có hiểu biết khoa học, nên cho rằng châu chấu là tai họa do trời giáng xuống. Có những kẻ còn lợi dụng dịp đó để tuyên truyền mê tín. Vì vậy khắp nơi, dân chúng đều thắp hương cầu thần phật phù hộ cho tai qua nạn khỏi. Đứng trước cảnh hoa màu lúa má bị châu chấu tàn phá, không ai đề ra được biện pháp gì thiết thực. Tai nạn càng ngày càng nghiêm trọng, khu vực bị tàn phá càng ngày càng lan rộng. Quan lại các địa phương tới tập gửi công văn cáo cấp về triều đình. Tể tướng Diêu Sùng dâng 1 sớ tấu lên Huyền Tông, cho rằng châu chấu chẳng qua chỉ là 1 loại côn trùng, nhất định có cách trị được. Miễn là quan dân các địa phương

đồng lòng dốc sức vào việc diệt châu chấu, thì họa châu chấu sẽ chẳng có gì là nguy hiểm. Đường Huyền Tông rất tín nhiệm Diêu Sùng, lập tức phê chuẩn lời tâu của ông. Diêu Sùng ban bố mệnh lệnh, yêu cầu dân chúng cứ tới đêm là đốt lửa ở góc ruộng, hấp dẫn châu chấu tới rồi tập trung đánh giết, vun xác xuống 1 hố lớn rồi lấp đi.

Mệnh lệnh đưa xuống, thứ sử Biện Châu (nay là Khai Phong, Hà Nam) là Nghê Nhược Thủy cự tuyệt không chấp hành. Ông cũng dâng sớ tâu lên, nói châu chấu là thiên tai, sức người không thể chống lại được, muốn tiêu diệt châu chấu chỉ có 1 cách là tích đức sửa mình. Diêu Sùng xem tờ tấu của Nghê Nhược Thủy thì nổi trận lôi đình, lập tức viết thư khiển trách và cảnh cáo: nếu cứ nhìn châu chấu hoành hành mà không có biện pháp trừ diệt, thì sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nạn đói sắp xảy ra. Nghê Nhược Thủy thấy lời tế tướng gay gắt, không thể không làm theo phương pháp do Diêu Sùng nêu ra, quả nhiên thu được kết quả, chỉ riêng vùng Biện Châu đã diệt được 14 vạn tạ châu chấu. Nạn châu chấu giảm hẳn (tạ Trung Quốc thời cổ = 50kg, 14 vạn tạ = 7000 tấn).

Nghê Nhược thủy bị sự thực thuyết phục. Nhưng trong triều đình, vẫn còn có nhiều người phản đối, cho rằng biện pháp diệt châu chấu của Diêu Sùng xưa nay chưa ai từng làm. Nay nếu cứ làm bừa, e rằng sẽ sinh ra chuyện rắc rối. Đường Huyền Tông thấy có khá nhiều người phản đối, có phần hoang mang, vội triệu Diêu Sùng đến hỏi. Diêu Sùng ung dung trả lời: "Làm việc miễn là đúng lý lẽ thì thôi, sao cứ phải phụ thuộc vào khuôn phép cũ. Vả lại thời xưa, khi có nạn châu chấu, do không có biện pháp diệt trừ nên bao giờ cũng dẫn tới nạn đói. Nay vùng Hà Nam, Hà Bắc không có nhiều lương thực dự trữ. Nếu năm nay để châu chấu phá hết hoa màu, không thu hoạch được gì thì trăm họ sẽ lâm vào nạn đói, lưu lạc thất tán, nước nhà sẽ rất nguy hiểm".

Đường Huyền Tông thấy nói nạn châu chấu có ảnh hưởng đến an toàn quốc gia thì sợ hãi và hỏi: "Theo ý khanh thì nên làm thế nào?".

Diêu Sùng trả lời: "Các đại thần nói biện pháp của thần không tốt khiến bệ hạ lo nghĩ. Xin bệ hạ đừng bận tâm quá nữa, cứ để thần xử lý. Nếu xảy ra chuyện gì xấu, thần nguyện xin chịu tội".

Đường Huyền Tông gật đầu đồng ý. Khi Diêu Sùng ra tới cửa cung, có 1 hoạn quan kéo tay áo ông, nói nhỏ: "Giết nhiều châu chấu quá e rằng tổn thương tới hòa khí của đất trời. Xin tướng công xét kỹ".

Diêu Sùng nói: "Chuyện này đã quyết định rồi. Xin ông bất tất nói nhiều. Nếu không diệt châu chấu, khắp nơi đều hoang tàn, trăm họ vùng Hà Nam chết đói hết, điều đó chẳng tổn thương đến hòa khí của đất trời hay sao?".

Do Diêu Sùng nghĩ tới việc an nguy của quốc gia và đời sống nhân dân, không chùn bước trước nhiều ý kiến phản đối, kiên quyết đôn đốc việc diệt châu chấu, nên nạn châu chấu dần dần dập tắt được. Diêu Sùng nổi tiếng là làm việc giỏi. Một lần, vì nhà có việc tang, ông xin nghỉ 10 ngày, công việc triều đình dồn đống lại rất nhiều. Một tể tướng khác là Lư Hoài Thận không biết xử lý thế nào nên hết sức bối rối. 10 ngày sau, Diêu Sùng về triều, chỉ trong 1 thời gian rất ngắn, đã giải quyết xong mọi việc tích tụ trong thời gian ông vắng mặt. Các đại thần khác thấy thế, không người nào không khâm phục. Diêu Sùng có chút đặc ý, nói với 1 viên quan: "Tể tướng như Diêu Sùng này, có thể sánh với ai thời xưa? Có thể sánh với Quản Trọng, Án Anh chẳng?".

Viên quan kia nói: "Sánh với Quản Trọng, Án Anh e rằng chưa được. Nhưng có thể nói ngài là tể tướng có tài cứu vãn tình thế".

Trong hơn 20 năm đầu sau khi lên ngôi, ngoài Diêu Sùng, Đường Huyền Tông còn sử dụng nhiều tể tướng tài giỏi như Tống Cảnh, Trương Duyệt, Hàn Hưu, Trương Cửu Linh. Ông biết tiếp thu những ý kiến đúng đắn của tể tướng và các đại thần, áp dụng 1 số biện pháp có lợi cho phát triển kinh tế. Vì vậy thời đó, đất nước cường thịnh, tài chính dồi dào. Theo

nói lại, khi đó kho tàng ở các châu huyện đều đầy ắp lương thực và vải vóc, giá lúa và giá vải ở Trường An và Lạc Dương đều hạ. Lịch sử gọi thời kì đó là "Khai nguyên chi trị" (nền thịnh trị dưới thời Khai Nguyên. Khai Nguyên là niên hiệu của Đường Huyền Tông từ 713 đến 742).

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Lý Lâm Phủ Gian Ngoan, Hiểm Độc

Đường Huyền Tông làm thiên tử được hơn 20 năm thì nảy sinh tâm lý kiêu ngạo và lười nhác. Ông ta nghĩ rằng thiên hạ thái bình vô sự, chính sự có thể tướng lo loan, biên cương có tướng soái trấn giữ, bản thân hoàng đế hà tất phải bận lòng về quốc sự. Vì vậy, dần dần đắm mình vào cuộc sống hưởng lạc. Tế tướng Trương Cửu Linh thấy tình hình đó thì hết sức lo lắng, thường can ngăn Đường Huyền Tông. Đường Huyền Tông vốn rất tôn trọng Trương Cửu Linh, nhưng càng về sau, ông ta càng không nghe nổi những lời can ngăn thẳng thắn của Trương Cửu Linh nữa. Có 1 đại thần tên là Lý Lâm Phủ, là kẻ bất học vô thuật, hăn ta không biết gì về chính trị, học thuật và văn chương, nhưng lại rất giỏi về khoa bợ đỡ, nịnh nọt. Lý Lâm Phủ câu kết với các hoạn quan và phi tần, thám thính mọi động tĩnh ở nội cung. Vì vậy, Đường Huyền Tông hàng ngày nói những gì, ước muốn những gì, hăn đều nắm rất vững. Tới khi Đường Huyền Tông bàn bạc công việc, hăn nói năng lưu loát như nước chảy, ý kiến nào cũng trùng hợp với ý hoàng đế. Đường Huyền Tông nghe lời hăn nói, cảm thấy rất dễ chịu, cho rằng hăn vừa giỏi giang vừa biết vâng lời, chứ không cố chấp như Trương Cửu Linh.

Đường Huyền Tông muốn thăng Lý Lâm Phủ lên làm tế tướng, liền đề xuất ý kiến đó với Trương Cửu Linh. Trương Cửu Linh biết rõ bản chất của Lý Lâm Phủ, liền nói thẳng: "Ngôi tế tướng có quan hệ đến sự an nguy của quốc gia. Bộ hạ định dùng Lý Lâm Phủ làm tế tướng thì e rằng đất nước sau này sẽ gặp phải tai họa".

Lời đó đến tai Lý Lâm Phủ, hấn căm giận Trương Cửu Linh đến bầm gan tím ruột. Một viên tướng ở Sóc Phương (trị sở ở Linh Vũ, Ninh Hạ ngày nay) tên là Ngưu Tiên Khách, 1 chữ bẻ đôi cũng không biết, nhưng lại rất giỏi về cách xoay tiền. Đường Huyền Tông muốn thăng quan cho Ngưu Tiên Khách, Trương Cửu Linh không đồng ý. Lý Lâm Phủ liền nói với Đường Huyền Tông: "Người như Ngưu Tiên Khách, có tài làm được đến tể tướng, còn Trương Cửu Lương chỉ là một anh mọt sách, không hiểu được đại sự!".

Sau đó, Đường Huyền Tông lại bàn với Trương Cửu Linh về việc thăng chức cho Ngưu Tiên Khách, nhưng Trương Cửu Linh vẫn không đồng ý. Đường Huyền Tông nổi giận, nghiêm giọng nói: "Lẽ nào việc gì cũng phải theo ý khanh hay sao?".

Từ đó, càng ngày Đường Huyền Tông càng chán ghét Trương Cửu Linh, lại thêm có lời gièm pha của Lý Lâm Phủ nên cuối cùng, ông đã quyết định cách chức Trương Cửu Linh và đưa Lý Lâm Phủ lên thay. Lý Lâm Phủ lên làm tể tướng, việc làm đầu tiên là chặn mọi đường dây liên hệ giữa Đường Huyền Tông với các triều thần, không để ai có thể trực tiếp gặp thiên tử. Một lần, hấn triệu tập các gián quan lại và công khai tuyên bố: "Hiện nay, hoàng thượng thánh minh, kẻ thần hạ như chúng ta chỉ cần làm theo ý của người, không cần mồm năm miệng mười làm rác tai hoàng thượng. Các ông có thấy đàn ngựa "lập trượng" không? (ngựa lập trượng: loại ngựa có tư thế oai vệ, chuyên được huấn luyện để đứng dàn hàng 2 bên lối vào hoàng cung). Chúng được hưởng sự đã ngộ tương đương chức gián quan tam phẩm. Nhưng nếu có con nào bất chợt hí lên, là bị loại ngay, có hối cũng không kịp".

Có 1 gián quan không chịu làm theo lời Lý Lâm Phủ, ông dâng lên Đường Huyền Tông 1 bản kiến nghị. Lập tức ngày hôm sau, ông ta bị giáng chức, điều đi tỉnh xa làm huyện lệnh. Mọi người đều biết đó là do ý kiến của Lý Lâm Phủ, nên sau đó không ai còn dám can ngăn Đường Huyền

Tông nữa. Lý Lâm Phủ có tiếng xấu trong các quan chức trong triều, nên tìm mọi cách để bài xích những ai giỏi hơn mình. Muốn bài xích ai, hẳn không bao giờ lộ ra nét mặt mà luôn tươi cười, nhưng chơi trò bắn lén sau lưng. Một lần, Đường Huyền Tông đứng trên lầu điện Cần Chính, hé rèm nhìn xuống thấy 1 võ tướng phóng ngựa đi qua phía dưới, nhận ra đó là Bình bộ thị lang Lưu Huyền. Đường Huyền Tông thấy Lưu Huyền có phong độ hùng dũng, liền thuận miệng khen mấy câu. Hôm sau, Lý Lâm Phủ nghe biết chuyện, liền giáng chức Lưu Huyền xuống làm thứ sử Hoa Châu. Lưu Huyền vừa nhận chức được ít lâu, lại bị gièm pha là không đủ sức khỏe, không đảm đương nổi nhiệm vụ, bị giáng chức 1 lần nữa. Một quan chức khác là Nghiêm Đình Chi, bị Lý Lâm Phủ gạt ra khỏi triều đình, xuống làm thứ sử nơi xa. Sau đó, 1 hôm Đường Huyền Tông hỏi Lý Lâm Phủ: "Nghiêm Đình Chi bây giờ ở đâu nhỉ? Con người đó rất có tài, nên trọng dụng".

Lý Lâm Phủ nói: "Bệ hạ đã nhớ tới ông ấy, thì để thần đi hỏi xem sao?".

Sau khi thoái triều, Lý Lâm Phủ vội cho gọi người em của Nghiêm Đình Chi tới hỏi: "Lệnh huynh rất muốn về kinh gặp hoàng thượng phải không? Ta có một biện pháp giúp thực hiện ý nguyện đó".

Người em của Nghiêm Đình Chi thấy Lý Lâm Phủ quan tâm đến anh mình như thế thì rất cảm động, vội hỏi xem nên làm như thế nào. Lý Lâm Phủ nói: "Ông nói với lệnh huynh gửi một sớ tấu về triều, nói là bị bệnh, xin về kinh chữa bệnh, ta sẽ tâu xin với hoàng thượng cho".

Nghiêm Đình Chi nhận được thư em, liền dâng sớ xin về kinh chữa bệnh. Lý Lâm Phủ cầm sớ tấu vào gặp Đường Huyền Tông nói: "Thật là đáng tiếc, hiện nay Nghiêm Đình Chi đang lâm trọng bệnh, không thể đảm đương việc lớn được". Đường Huyền Tông than tiếc thở dài rồi cho qua.

Những người mắc lừa như Nghiêm Đĩnh Chi có khá nhiều. Nhưng dù Lý Lâm Phủ có che giấu khéo thế nào, thì âm mưu quỷ kế của hắn cuối cùng cũng bị người ta phát hiện. Mọi người đều gọi Lý Lâm Phủ là kẻ "bề ngoài thơn thớt nói cười, mà trong nham hiểm giết người không dao". Lý Lâm Phủ làm tể tướng trong 19 năm, biết bao đại thần chính trực, có tài năng bị bài xích, biết bao kẻ tiểu nhân giỏi bợ đỡ, nịnh nọt đã được thăng quan tiến chức. Chính trong thời kì này, triều Đường đã trượt dài từ đỉnh cao hưng thịnh xuống bờ dốc suy vi. Cảnh tượng phồn vinh dưới thời Khai Nguyên không còn nữa. Chỉ ít lâu sau, bắt đầu xuất hiện cảnh loạn lạc thời Thiên Bảo (Thiên Bảo chi loạn - Từ năm 742, Đường Huyền Tông bỏ niên hiệu Khai Nguyên và đổi sang niên hiệu Thiên Bảo).

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Lý Bạch Coi Thường Quyền Quý

Năm 61 tuổi, Đường Huyền Tông say đắm 1 mỹ nhân trẻ tuổi là Dương Ngọc Hoàn, vốn là vợ của Thọ vương Lý Mạo, hoàng tử thứ 18, rồi phong nàng làm quý phi. Theo nói lại, Dương Quý Phi là người đẹp hiếm có, lại còn rất thông minh lanh lợi, am hiểu âm nhạc, vũ đạo. Đường Huyền Tông phong quan cho 2 người anh họ của nàng, và phong cho 3 người chị làm phu nhân. Dương Quý Phi có người anh họ xa tên là Dương Chiêu (sau đổi tên là Dương Quốc Trung) sống ở đất Thục, nghèo tới mức không đủ cơm ăn. Hễ nghe nói cô em họ được phong quý phi, liền đem lễ vật tới Trường An xin gặp. Dương Quý Phi chỉ nói mấy lời khen ngợi với Đường Huyền Tông, hễ liền được phong làm tham quân trong quân Cấm vệ. Đường Huyền Tông từ lâu đã trao chính sự cho Lý Lâm Phủ, từ sau khi có Dương quý Phi, ông ta liền ở lỳ trong cung cấm, ngày ngày vui chơi hưởng lạc, ngay việc triều kiến theo thường lệ hàng ngày cũng ngại không tiến hành nữa. Dương Quý Phi thích cái gì, Đường Huyền Tông đều tìm cách thỏa mãn. Đặc biệt Dương Quý Phi thích ăn vải, là 1 thứ quả chỉ ở phương nam mới có. Để chiều theo ý muốn của Dương Quý Phi, Đường Huyền Tông hạ lệnh cho các quan chức miền Lĩnh Nam dùng ngựa trạm đưa quả vải tươi về kinh thành Trường An. Thế là suốt dọc chiều dài đất nước mọc lên rất nhiều trạm ngựa chuyên dùng vào cuộc chạy tiếp sức hàng vạn dặm, đảm bảo cho quả vải tới tay quý phi vẫn tươi ngon như lúc mới hái.

Hàng ngày, khi hoàng đế và quý phi uống rượu, không thể thiếu người tấu nhạc giúp vui. Nhưng trong cung chỉ có những bản nhạc và lời ca cũ,

nghe đã chán tai. Hoàng đế muốn tìm người soạn bài ca mới. Một quan chức là Hạ Tri Chương tâu với Đường Huyền Tông: "Một đại thi nhân mới đến ở Trường An tên là Lý Bạch, là một thiên tài về thơ phú và văn chương".

Đường Huyền Tông từ lâu đã nghe tiếng tăm Lý Bạch, liền bảo Hạ Tri Chương nhanh chóng dẫn Lý Bạch vào cung. Lý Bạch tự là Thái Bạch, 1 trong những thi nhân nổi tiếng nhất thời Đường. Ông sinh ở Toái Diệp, tổ tiên là người ở Thành Kỷ thuộc Mỹ Tây (nay ở phía đông Thái An, Cam Túc). Từ nhỏ, ông đã xem nhiều học rộng, tính cách phóng khoáng. Ngoài việc đọc sách, ông còn là người giỏi kiếm thuật. Từ năm 20 tuổi, để tăng thêm kiến thức, ông đã đi thăm khắp nơi trong nước. Gót chân ông đã đặt trên các thành thị lớn như Trường An, Lạc Dương, Kim Lăng, Giang Đô và các nơi danh thắng như Động Đình, Lư Sơn, Cối Kê. Do có kiến thức sâu rộng cộng với tài năng thiên phú, nên thơ ca ông viết ra đã đạt được thành tựu kiệt xuất. Lý Bạch còn là người có hoài bão chính trị. Với bản lĩnh cao ngạo nên ông đã hết sức phẫn nộ và khinh ghét thói hủ bại trong quan trường lúc bấy giờ, hy vọng được triều đình sử dụng để có dịp mang tài năng ra xoay chuyển cục diện. Lần này tới Trường An, nghe nói Đường Huyền Tông triệu kiến, ông cũng rất phấn khởi.

Đường Huyền Tông tiếp kiến Lý Bạch trong cung điện. Sau khi nói chuyện, thấy Lý Bạch đúng là người có tài, liền phấn khởi nói: "Khanh là một nhân sĩ bình thường mà tên tuổi ngay đến trăm cũng biết. Nếu không có chân tài thực học thì sao có thể nổi tiếng như thế được".

Sau cuộc tiếp kiến, Đường Huyền Tông phong Lý Bạch làm 1 chức quan trong Hàn lâm viện để chuyên khởi thảo chiếu thư cho hoàng đế. Lý Bạch vốn ham uống rượu, đã uống là uống cho tới khi say khướt mới thôi. Sau khi đã làm quan trong Hàn lâm viện, ông vẫn không sửa được thói quen đó, thường cùng các bạn thơ tới các tửu điểm ở Trường An uống rượu. Một hôm, Đường Huyền Tông nghe thấy nhạc công trình bày 1 bản

nhạc mới nhưng chưa có ca từ, liền hạ lệnh cho thái giám đi tìm Lý Bạch. Thái giám tìm khắp viện Hàn lâm và hà riêng, vẫn không thấy Lý Bạch đâu. Sau có người mách là ông đang uống rượu ngoài phố. Thái giám đi tìm khắp phố phường Trường An, mãi mới thấy Lý Bạch trong 1 quán rượu. Thì ra Lý Bạch quá say, đang nằm ngủ ở đó. Thái giám lay gọi ông, nói hoàng thượng triệu kiến. Lý Bạch cố rửa mặt, hỏi có chuyện gì. Thái giám không kịp đôi hồi, vội vục ngay ông lên kiệu khiêng vào trong cung. Lý Bạch vào cung, ngẩng đầu nhìn thấy Đường Huyền Tông, muốn làm lễ triều bái, nhưng không thể điều khiển nổi chân tay. Thái giám thấy ông quá say, liền mang 1 chậu nước lạnh vẩy lên mặt, ông mới dần dần tỉnh lại. Đường Huyền Tông yêu tài Lý Bạch, không quở trách gì, chỉ yêu cầu ông mau viết lời cho bài nhạc mới soạn.

Các thái giám rồi rút bày bút, mực, giấy, lụa lên bàn. Lý Bạch ngồi bệt xuống đất, bỗng cảm thấy chân còn đi giày vướng víu quá. Ông nhìn thấy bên cạnh có 1 thái giám có tuổi, liền đuổi chân ra bảo người đó: "Làm ơn cởi giúp đôi giày ra".

Lão hoạn quan đó là Cao Lực Sĩ, người đứng đầu các hoạn quan, được Đường Huyền Tông rất yêu mến. Hàng ngày ông ta dựa thế hoàng đế, thường tác uy tác phúc với các quan trong triều. Thế mà bây giờ 1 viên quan nhỏ trong Hàn lâm viện dám sai cởi giày làm ông ta tức uất người. Nhưng Đường Huyền Tông đang đứng chờ bên cạnh, nếu cự lại Lý Bạch, làm hoàng thượng mất hứng, thì cũng rầy rà. Ông ta đành nén giận, làm ra vẻ không chấp gì chuyện đó, cười khanh khách nói: "Ồ say quá rồi, giày cũng không cởi nổi", rồi cởi bỏ giày cho ông.

Được cởi giày xong, Lý Bạch chẳng hề nhìn người vừa giúp đỡ mình, cầm ngay lấy bút, viết những dòng như rồng bay phượng múa. Chẳng mấy chốc đã viết xong 3 đoạn lời theo "Thanh bình điệu" nộp cho Đường Huyền Tông. Đường Huyền Tông ngâm đi ngâm lại, thấy lời văn đẹp đẽ, tiết tấu nhịp nhàng, đúng là loại thơ hay liền giao ngay cho nhạc công diễn xướng.

Đường Huyền Tông rất tán thưởng Lý Bạch, nhưng Cao Lực Sĩ, kẻ đã bị ông bắt cời giầy thì căm tức trong lòng. Một hôm, trong khi đi theo Dương quý Phi ngắm cảnh trong ngự viện. Dương Quý Phi cao hứng hát lên lời ca do Lý Bạch viết. Cao Lực Sĩ làm bộ kinh ngạc nói: "Ôi chao, tên Lý Bạch đó nhục mạ nương nương trong bài thơ đó, nương nương không biết sao?".

Dương quý Phi lấy làm lạ, liền hỏi vì sao. Cao Lực Sĩ liền thêm thắt vào, nói câu thơ của Lý Bạch có ý so sánh Dương Quý Phi với Triệu Phi Yến, 1 hoàng hậu phóng đảng thời Hán. Đó là 1 sự châm biếm cố ý. Dương Quý Phi tin theo lời Cao Lực Sĩ liền nổi giận và tìm cách nói xấu Lý Bạch với Đường Huyền Tông. Dần dần Đường Huyền Tông cũng cảm thấy không ưa Lý Bạch nữa. Lý Bạch cũng nhận ra, xung quanh Đường Huyền Tông chỉ là 1 lũ tiểu nhân loại như Lý Lâm Phủ, Cao Lực Sĩ chuyên nghề xu phụ quyền thế. Ông ở bên cạnh Đường Huyền Tông, chẳng qua chỉ có tác dụng giúp vui cho vị hoàng đế ăn chơi này, chứ không thể nào thực hiện được hoài bão chính trị của mình. Vì vậy, tới mùa xuân năm sau, ông nộp sớ tấu xin từ quan về nhà. Đường Huyền Tông lập tức phê chuẩn thỉnh cầu của ông, nhưng để tỏ ra yêu quý tài năng, đã cho ông 1 số tiền làm lộ phí. Sau khi rời Trường An, Lý Bạch tiếp tục sống cuộc đời tự do của 1 thi nhân, khi thì ẩn cư đọc sách, khi thì du lãm các nơi. Trong những năm tháng đó, ông đã viết lên nhiều bài thơ xuất sắc, ca ngợi núi sông tươi đẹp.

Một lần, xuất phát từ Bạch Đế thành, ngồi thuyền xuôi qua Tam Hiệp của Trường Giang, đi tới Giang Lăng, ông nổi hứng vung bút viết bài thơ Tảo phát Bạch Đế thành:

"Triêu từ Bạch Đế thái vân gian

Thiên lý Giang Lăng nhất nhật hoàn

Lưỡng ngàn viên thanh đề bất trú

Khinh du dĩ quá vạn trùng san."

Nhiều bài thơ của Lý Bạch đã thể hiện khí phách hào hùng, trí tưởng tượng phong phú và tình cảm nồng cháy của ông, trở thành những danh tác bất hủ trong lịch sử văn học Trung Quốc. Chính trong lúc Lý Bạch nhiệt tình ngợi ca núi sông hùng vĩ của tổ quốc, thì do sự hủ bại của vương triều Đường, 1 tai họa lớn đã giáng xuống vùng Trung nguyên.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

An Lộc Sơn Nổi Loạn

Trong thời trị vì của Đường Huyền Tông, để tăng cường phòng thủ biên giới, đã thiết lập 10 quận trấn (còn gọi là phiên trấn - tức đạo quân phòng thủ biên giới), viên quan đứng đầu quận trấn là Tiết độ sứ. Tiết độ sứ có quyền lực rất lớn, ngoài việc chỉ huy quân sự, còn kiêm nhiệm việc cai trị và tài chính, có địa vị vô cùng quan trọng. Theo lệ thường thời đó, tiết độ sứ nào lập công xuất sắc, có thể điều về triều đình làm tể tướng. Sau khi Lý Lâm Phủ nắm quyền, hẳn không những bài xích văn quan trong triều mà còn nghi ngờ, e ngại các tiết độ sứ. Vương Trung Tự là Tiết độ sứ Sóc Phương và 3 trấn khác, đã từng lập nhiều chiến công. Các tướng lĩnh dưới quyền ông như Kha Thư Hàn, Lý Quang Bật đều là những danh tướng anh dũng, thiện chiến. Lý Lâm Phủ thấy Vương Trung Tự có công lao to, uy tín lớn, sợ ông sẽ được Huyền Tông vời về kinh cho làm tể tướng, nên đã sai người tâu với Đường Huyền Tông, vu cáo ông đã liên hệ với thái tử để mưu phản, khiến Vương Trung Tự suýt nguy hiểm tới tính mạng, sau nhờ có Kha Thư Hàn thống thiết kêu oan to, nên ông mới khỏi tội chết và bị giáng chức. Vương Trung Tự không chịu nổi nỗi oan đó, đã uất ức sinh bệnh mà chết.

Lúc đó, trong các tướng lĩnh ở biên cảnh có 1 số là người Hồ, Lý Lâm Phủ cho rằng người Hồ văn hóa thấp, không thể điều về triều làm tể tướng được, nên tìm mọi cách tâu với Đường Huyền Tông là nên trọng dụng người Hồ, với lý do người Hồ thiện chiến, lại chất phác, không câu kết với quan chức trong triều, có thể tin cậy được. Đường Huyền Tông vốn rất sợ các tướng lĩnh cầm quân ở biên giới mưu phản, liền nghe theo lời Lý Lâm

Phủ, phong 1 số người Hồ làm Tiết độ sứ. Trong số các tiết độ sứ người Hồ, Đường Huyền Tông và Lý Lâm Phủ đặc biệt tín nhiệm tiết độ sứ Bình Lư (trị sở nay ở Triều Dương, Liêu Ninh) là An Lộc Sơn. Thời thanh niên, An Lộc Sơn từng làm tướng trong quân trấn Bình Lư, vì không chấp hành nghiêm quân lệnh nên đã thua trận. Tướng chỉ huy quân trấn lúc đó bắt giải hắn về Trường An, xin triều đình xét xử. Lúc đó, tể tướng Trương Cửu Linh để giữ đúng lấy luật quân đội, đã ghép An Lộc Sơn vào tử tội. Nhưng Đường Huyền Tông nghe nói An Lộc Sơn tài giỏi, nên hạ lệnh tha cho hắn. Trương Cửu Linh tâu với Đường Huyền Tông: "An Lộc Sơn đã vi phạm quân lệnh, làm hao binh tổn tướng, theo quân pháp không thể không giết. Và lại, theo thần quan sát, hắn không phải là người lương thiện, không giết hắn e rằng sẽ có hậu họa khôn lường".

Đường Huyền Tông không nghe theo lời can của Trương Cửu Linh, vẫn tha cho An Lộc Sơn. Sau đó, Trương Cửu Linh bị triệt chức, An Lộc Sơn nhờ thủ đoạn nịnh nọt, cứ thăng quan từng bước, lên tới chức tiết độ sứ Bình Lư. Không tới 3 năm, hắn còn kiêm nhiệm cả chức tiết độ sứ Phạm Dương (trị sở tại Bắc Kinh ngày nay). Sau khi giữ chức tiết độ sứ, An Lộc Sơn cho tay chân đi sưu tầm mọi thứ chim lạ và các loại trân châu bảo ngọc, thường xuyên gửi về cung đình để lấy lòng Đường Huyền Tông. Hắn ta biết Đường Huyền Tông thích nhận được tin báo chiến công của các tướng lĩnh biên phòng, liền dùng âm mưu quỷ kế, lừa mời thủ lĩnh và tướng sĩ của các bộ tộc thiểu số ở gần Bình Lư tới dự tiệc, dùng rượu thuốc chuốc cho họ say rồi cắt lấy đầu, đưa về báo công với triều đình. Đường Huyền Tông thường gọi An Lộc Sơn về Trường An triệu kiến. Lợi dụng những dịp đó, An Lộc Sơn dùng mọi thủ đoạn giao hoạt để giành sự sủng ái của hoàng đế. Hắn vốn người thấp lùn, lại có cái bụng rất to, chuyên làm bộ ngớ ngẩn khiến Đường Huyền Tông rất thích. Một lần, Đường Huyền Tông chỉ vào bụng hắn, hỏi đùa: "Khanh có cái bụng to như thế, cất giữ cái gì trong đó?".

An Lộc Sơn đáp ngay không cần suy nghĩ: "Trong bụng thần không có cái gì khác, chỉ có một tấm lòng son sắc với bệ hạ".

Đường Huyền Tông cho rằng An Lộc Sơn thực lòng trung thành với mình, nên rất đẹp lòng. Sau đó, liền phong An Lộc Sơn làm Quận vương, xây cho hắn 1 tòa phủ đệ nguy nga ngay tại Trường An như các vương công quý tộc khác. Sau khi An Lộc Sơn dọn tới ở trong vương phủ, hàng ngày Đường Huyền Tông cử người tới cùng hắn uống rượu vui chơi, lại cho Dương Quý Phi nhận hắn làm con nuôi, cho hắn tự do ra vào hoàng cung, thân thiết như người trong nhà. Do lừa bịp mà được sự tín nhiệm của Đường Huyền Tông và Lý Lâm Phủ, nên sau đó, ngoài 2 trấn Phạm Dương và Bình Lữ, An Lộc Sơn còn được kiêm nhiệm cả chức tiết độ sứ Hà Đông (trị sở nay ở Thái Nguyên, Sơn Tây), khống chế tuyệt đại bộ phận vùng biên cương phía bắc. Hắn bí mật mở rộng binh lực, sử dụng 1 số mãnh tướng như Sử Tư Minh, Thái Hy Đức và dùng 2 kẻ sĩ Hán tộc là Cao Thượng, Nghiêm Trang giúp hắn mưu tính kế. Hắn chọn trong số hàng binh các bộ tộc ở biên giới, tổ chức 1 đội tinh binh gồm 8000 tráng sĩ, tích trữ lương thảo, sắm sửa vũ khí, chỉ đợi Đường Huyền Tông chết là nổi lên làm loạn.

Không bao lâu, Lý Lâm Phủ ốm chết, anh họ Dương Quý Phi là Dương Quốc Trung nhờ địa vị ngoại thích, được thay làm tế tướng. Dương Quốc Trung vốn là 1 tên lưu manh, bị An Lộc Sơn rất coi thường, mà Trung cũng không ưa An Lộc Sơn. Giữa 2 tên xảy ra mâu thuẫn, Dương Quốc Trung nhiều lần tâu với Đường Huyền Tông là An Lộc Sơn nhất định sẽ làm phản, nhưng Đường Huyền Tông đang rất tín nhiệm An Lộc Sơn, không tin là có chuyện đó. Dần dà, những dấu hiệu mưu phản của An Lộc Sơn không thể không lộ ra. Hắn ta yêu cầu triều đình triệu hồi 32 viên tướng người Hán, để hắn cử người khác thay thế. Đường Huyền Tông tự tay viết chiếu thư, yêu cầu hắn về Trường An, nhưng hắn thác có bệnh, không về. Đường Huyền Tông bắt đầu nghi ngờ An Lộc Sơn, nhưng cả ông ta và Dương Quốc Trung không nghĩ ra cách gì để phòng sự phản loạn của An Lộc Sơn.

Năm 755, sau 1 thời gian chuẩn bị đầy đủ, An Lộc Sơn quyết định nổi loạn vào tháng 10. Lúc đó, vừa dịp có 1 quan chức từ Trường An tới Phạm Dương. An Lộc Sơn liền làm giả 1 chiếu thư của Đường Huyền Tông, triệu tập tướng sĩ lại, tuyên bố: "Đã nhận được mệnh lệnh của hoàng thượng, yêu cầu ta đem binh về kinh để thảo phạt Dương Quốc Trung".

Các tướng sĩ đều thấy bất ngờ, ngơ ngác nhìn nhau. Nhưng không ai dám tỏ ý hoài nghi thánh chỉ. Sáng hôm sau, An Lộc Sơn dẫn quân tiến xuống phía nam. 15 vạn bộ binh và kỵ binh dàn ra suốt bình nguyên Hà Bắc. Bụi cuốn mù mịt, chiêng trống vang lừng. Miền Trung nguyên đã gần 100 năm không có chiến tranh, dân chúng mấy đời không hề nhìn thấy cảnh trận mạc. Quan chức các địa phương dọc đường kẻ thì bỏ chạy, kẻ thì đầu hàng. Quân An Lộc Sơn tiến xuống phía nam, hầu như không gặp phải sự đề kháng nào. Tin về cuộc phản loạn ở Phạm Dương truyền tới Trường An. Ban đầu Đường Huyền Tông còn cho là có kẻ phao tin đồn nhảm, không tin là sự thực. Nhưng rồi tin cáo cấp tới tấp bay về. Ông hoảng hốt, vội triệu tập các đại thần lại bàn bạc. Khắp triều thần chưa ai từng trải qua cuộc biến loạn lớn như vậy nên đều run sợ, ngây người nhìn ngó nhau. Chỉ có Dương Quốc Trung là dương dương đắc ý nói: "Thần đã nói từ lâu là An Lộc Sơn sẽ làm phản, quả nhiên không sai. Nhưng dù sao, xin bệ hạ cứ yên tâm, các tướng sĩ của hãn nhất định đều không dễ theo hãn làm phản. Chỉ trong mười ngày, nhất định sẽ có người đem đầu hãn dâng lên bệ hạ".

Đường Huyền Tông nghe nói, hơi có phần yên tâm. Nhưng ngờ đâu, chẳng bao lâu, quân phản loạn đã tiến sâu xuống phía nam, vượt qua Hoàng Hà, đánh chiếm Lạc Dương.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Nhan Quả Khanh Măng Giặc

Trong giờ phút nguy cấp đó, người đầu tiên đứng lên chống lại An Lộc Sơn là Nhan Quả Khanh, thái thú quận Thường Sơn (nay là Chính Định, Hà Bắc). Nhan Quả Khanh vốn là cấp dưới của An Lộc Sơn. Sau khi An Lộc Sơn nổi loạn, Nhan Quả Khanh liền chuẩn bị chống lại. Khi quân nổi loạn tiến đến Cảo Thành (thuộc tỉnh Hà Bắc ngày nay), Nhan Quả Khanh đã chiêu mộ được hơn 1000 tráng sĩ. Ông biết rằng lực lượng của mình không đủ, không thể trực tiếp giao chiến với An Lộc Sơn, liền cùng 1 quan chức cấp dưới là Viên Lý Khiêm giả hàng. An Lộc Sơn vẫn cho ông giữ Thường Sơn, nhưng không an tâm lắm, liền bắt Nhan Quả Khanh đưa con trai và cháu đến quân doanh làm con tin, 1 mặt cử 1 tướng đến giữ Tĩnh Hình Quan (nay là Tĩnh Hình, Hà Bắc). An Lộc Sơn vượt qua Hoàng Hà, đánh chiếm Lạc Dương xong thì Nhan Quả Khanh quyết tâm khởi binh. Người em họ của ông là Nhan Chân Khanh, thái thú quận Bình Nguyên (nay là Bình Nguyên, Sơn Đông) cũng chiêu mộ được hơn 1 vạn người ngựa, phái người đến liên lạc với Nhan Quả Khanh, đề nghị ông đánh chiếm Tĩnh Hình Quan, cắt đứt hậu phương của An Lộc Sơn.

Nhan Quả Khanh dò biết tên tướng giữ Tĩnh Hình Quan là 1 con sâu rọu, liền giả truyền lệnh của An Lộc Sơn, phái người đem rượu ngon và thức nhắm tốt để khao quân. Đợi tới khi toàn bộ quân tướng của hắn đều say ngiêng ngả mới bắt giết hắn và chiếm Tĩnh Hình Quan. Sau khi chiếm được Tĩnh Hình Quan, sĩ khí trong quân Nhan Quả Khanh lên cao, ngay ngày hôm sau lại bắt sống được 2 viên tướng trong đội quân nổi loạn. Nhan Quả Khanh phái người đi nói với quan lại khắp các quận Hà Bắc: "Nay

triều đình đã cử ba mươi vạn đại quân đi thảo phạt An Lộc Sơn, đã ra khỏi Tỉnh Hình Quan, sớm muộn sẽ tới các quận Hà Bắc. Những ai bị An Lộc Sơn buộc đi theo làm phản nếu sớm đầu hàng thì được trọng thưởng, nếu dám chống lại thì tội càng nặng".

Quan chức các quận Hà Bắc nghe nói An Lộc Sơn sắp nguy, đều đua nhau hưởng ứng Nhan Quả Khanh. Vùng Hà Bắc có 24 quận thì 17 quận đã đứng về phía triều đình. An Lộc Sơn đang định tiến vào Đồng Quan thì nghe tin các quận Hà Bắc đã hưởng ứng lời kêu gọi của Nhan Quả Khanh, hậu phương không còn ổn định nữa. Hắn đành thay đổi ý định, quay trở lại Lạc Dương. Về tới Lạc Dương, hắn liền xưng là hoàng đế Đại Yên, phái đại tướng là Sử Tư Minh và Thái Hy Đức mỗi người dẫn 1 vạn quân, chia 2 đường tiến đánh Thường Sơn. Nhan Quả Khanh tuy thắng trận đầu, nhưng mới khởi binh được 8 ngày, công sự phòng ngự ở Thường Sơn chưa chuẩn bị tốt, quân số lại ít nên chống không nổi 2 cánh quân thiện chiến của An Lộc Sơn. Quân phản loạn tiến sát chân thành, Nhan Quả Khanh phái người tới Thái Nguyên xin cứu viện, nhưng tướng giữ Thái Nguyên là Vương Thừa Nghiệp không chịu xuất binh. Sử Tư Minh vây chặt Thường Sơn, Nhan Quả Khanh chỉ huy quân dân Thường Sơn chống giữ hăng hái trong suốt 4 ngày đêm. Trong thành không còn lương thực, tên bắn cũng hết. Thường Sơn cuối cùng lọt vào giặc. Sử Tư Minh cho quân giết hại hơn 1 vạn quân dân Thường Sơn rồi bắt giải Nhan Quả Khanh, Viên Lý Khiêm về Lạc Dương, trình lên An Lộc Sơn. An Lộc Sơn sai lính giả Nhan Quả Khanh tới trước, trách mắng: "Người vốn chỉ là một viên quan nhỏ ở Phạm Dương, ta đã phong cho làm thái thú, tại sao còn dám phản bội lại ta?".

Nhan Quả Khanh nổi giận đùng đùng nói: "Mày là một thằng chăn dê, nhà nước cho mày làm tiết độ sứ ba trấn có bạc đãi gì mày mà mày khởi binh làm loạn? Ta vì nước trừ gian, chỉ giận không chém được đầu mày, sao nói được là phản bội?".

An Lộc Sơn then quá nổi khùng, thét lính lôi Nhan Quả Khanh và Viên Lý Khiêm ra trời vào cột, đánh đập tàn nhẫn. Nhan Quả Khanh vẫn đường hoàng lẫm liệt, vừa cố chịu đòn đánh, vừa lớn tiếng chửi mắng An Lộc Sơn. Lính của An Lộc Sơn dùng dao cắt đứt lưỡi Nhan Quả Khanh. Tuy máu chảy đầy mặt, ông vẫn nhìn thẳng vào An Lộc Sơn và ú ớ chửi mắng. Viên Lý Khiêm nhìn thấy tình cảnh Nhan Quả Khanh chịu hình phạt thảm khốc như vậy thì rất giận, tự mình cắn đứt lưỡi rồi phun cả miếng lưỡi và máu vào mặt 1 tên tướng đứng gần. Nhan Quả Khanh, Viên Lý Khiêm tiếp tục chửi bới giặc cho đến chết. Từ lúc khởi binh cho đến khi thất bại, tuy chỉ có mười mấy ngày, nhưng sự đề kháng của Nhan Quả Khanh đã kìm giữ được binh lực của giặc, khiến triều đình có đủ thời gian điều binh khiển tướng. Tinh thần quả cảm cho tới chết của họ đã cổ vũ rất nhiều người đứng lên chống lại quân phiến loạn. Một tháng sau khi Nhan Quả Khanh bị giết, tiết độ sứ Hà Đông là Lý Quang Bất chỉ huy hơn 1 vạn bộ binh và kỵ binh cùng hơn 3000 cung thủ ở Thái Nguyên tiến ra Tĩnh Hình Quan, đánh lui quân phiến loạn, thu phục được Thường Sơn. Tiếp đó, tiết độ sứ Sóc Phương là Quách Tử Nghi cũng dẫn binh đến Thường Sơn hội hợp với Lý Quang Bất. Nhân dân vùng Hà Bắc đã chịu nhiều thống khổ do sự cướp bóc của quân phiến loạn, nghe tin quân của Quách Tử Nghi và Lý Quang Bất tới, liền tự động tập hợp lại, xây thành đắp lũy chuẩn bị chống lại quân phiến loạn và nô nức tham gia vào quân triều Đường. Hai đội quân của Quách Tử Nghi và Lý Quang Bất có sức chiến đấu mạnh mẽ, tinh thần hăng hái, liên tiếp đánh bại quân An Lộc Sơn. Mười mấy quận Hà Bắc lại về tay quân triều đình.

Chiến thắng ở Hà Bắc đã làm quân phiến loạn mất hậu phương, tinh thần bắt đầu hoang mang. An Lộc Sơn hoảng hốt, trách các mưu sĩ Cao Thượng, Nghiêm Trang: "Mấy năm nay các người vẫn khuyên ta khởi binh chống triều đình, cho đó là kế sách vẹn toàn. Mà nay thì ở phía tây, đánh Đồng Quan mấy tháng không hạ được, ở phía bắc thì bị cắt đứt đường về. Chúng ta cứ khốn khổ giữ ở đây, sao gọi được là vẹn toàn!".

Hắn toan bỏ Lạc Dương, chạy về Phạm Dương. Chính trong lúc An Lộc Sơn tiến thoái lưỡng nan, thì những kẻ cầm quyền trong vương triều Đường lại mở toang cánh cửa Đồng Quan cho quân địch tiến vào Trường An.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Binh Biến Ở Mã Ngôi

Đồng Quan là cánh cửa của kinh đô Trường An. Nơi đây có địa hình hiểm yếu, đường xá nhỏ hẹp. Đường Huyền Tông phái đại tướng Kha Thư Hàn đem đại quân trấn giữ. Tướng phiến loạn là Thôi Càn Hựu đóng quân ngoài cửa thành đã nửa năm, mà không có cách gì đánh vào được. Mỗi đêm, quân lính giữ Đồng Quan đều đốt lửa để báo tin bình an, các trạm đốt lửa phía trong cũng nối nhau đốt lửa, truyền "tín hiệu bình an" về kinh thành, để triều đình và nhân dân được yên tâm. Quân phiến loạn không đánh nổi Đồng Quan, nhưng nội bộ vương triều Đường ở trong cửa quan lại phát sinh mâu thuẫn. Kha Thư Hàn chủ trương giữ vững Đồng Quan để chờ thời cơ. Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật từ Hà Bắc cũng gửi sớ tấu về, xin mang quân lên bắc để đánh vào sào huyệt Phạm Dương của giặc và đề nghị quân lính giữ Đồng Quan phải hết sức thận trọng, không nên khinh suất mở cửa quan ra giao chiến với địch. Nhưng tể tướng Dương Quốc Trung lại phản đối những ý kiến trên. Vì có kẻ nói với Dương Quốc Trung: "Hiện nay đại quân nằm trong tay Kha Thư Hàn, nếu Kha Thư Hàn đánh thắng, trở về Trường An thì ngôi tể tướng của ngài khó mà giữ được".

Bản thân Dương Quốc Trung cũng biết mình không được lòng người, nghe nói thế thì càng lo sợ, liền nói với Đường Huyền Tông rằng: hiện nay quân phiến loạn ở ngoài cửa quan đã yếu lắm rồi, mà Kha Thư Hàn vẫn án binh bất động, bỏ lỡ mất thời cơ tiêu diệt địch. Đường Huyền Tông u mê, tin vào lời Dương Quốc Trung, liền tục phái sứ giả đến Đồng Quan thúc giục Kha Thư Hàn mở cửa quan, đem quân ra giao chiến. Kha Thư Hàn biết rõ rằng mở cửa quan ra đánh sẽ rất nguy hiểm, nhưng không có cách

nào chống lại thánh chỉ của hoàng đế, đành khóc rống rồi mang quân ra giao chiến. Quân phiến loạn do Thôi Càn Hựu chỉ huy đã tập trung và dưỡng sức từ mấy tháng, bố trí sẵn trận địa phục kích trong 1 hẻm núi ở gần Linh Bảo (ở phía tây tỉnh Hà Nam ngày nay), chờ quân Đường ra khỏi cửa quan. Hai mươi vạn quân của Kha Thư Hàn từ Đồng Quan tiến ra, rơi vào trận địa mai phục sẵn, hầu như bị quân phiến loạn tiêu diệt hoàn toàn, 20 vạn người ngựa chỉ còn lại được 8000. Kha Thư Hàn toan cố gắng thu thập tàn binh, nhưng quân lính dưới quyền đã rối loạn, quân phiến loạn thừa cơ đánh vào Đồng Quan, Kha Thư Hàn bị bắt.

Đồng Quan mất, không còn địa hình hiểm yếu nào có thể ngăn được giặc tiến vào Trường An. Các quan lại và binh lính dọc đường tới tập đầu hàng địch. Khi trận đánh diễn ra thất bại, Kha Thư Hàn đã phái người về Trường An cáo cấp, nhưng sau đó, việc liên lạc bị gián đoạn. Đêm tới, kinh thành không còn nhìn thấy "tín hiệu bình an" nữa. Đường Huyền Tông lúc đó mới cảm thấy nguy hiểm, vội cuống quýt gọi Dương Quốc Trung tới bàn biện pháp đối phó. Dương Quốc Trung mời bá quan văn võ tới bàn. Tất cả cuống cuống lo sợ, không ai đưa ra được ý kiến gì hay. Dương Quốc Trung biết nếu ở lại Trường An sẽ rất nguy hiểm, liền khuyên Đường Huyền Tông chạy vào đất Thục. Ngay tối hôm đó, Đường Huyền Tông, Dương Quốc Trung dẫn theo Dương Quý Phi và 1 đám hoàng tử hoàng tôn, do tướng Trần Huyền Lễ và quân cấm vệ hộ tống, lén mở cửa hoàng cung chạy khỏi Trường An. Hoàng đế phái hoạn quan đi trước, báo cho các địa phương dọc đường, để các quan lại chuẩn bị đón tiếp. Nào ngờ, mới tới Hàm Dương thì viên hoạn quan cùng huyện lệnh địa phương đề đã bỏ trốn. Hoàng đế và đoàn tùy tùng đi miết, chẳng được ai tiếp tế cơm nước, đều đói mèm, mệt lả. Các thái giám tùy tùng vội xục tìm dân chúng địa phương, xin cái ăn. Một số người dân đem ít bánh bột cao lương dâng lên hoàng đế và đoàn tùy tùng. Các hoàng tử, hoàng tôn, phi tần, thái giám xưa nay quen ăn sơn hào hải vị, có bao giờ biết tới thứ bánh dân dã này, nhưng vì quá đói, chẳng còn nghĩ gì tới thể diện, chẳng cần tới bát đũa, xúm lại bốc ăn 1 loáng đã hết.

Đường Huyền Tông gắng gượng nuốt mấy miếng bánh, nghẹn ngào rơi nước mắt. Có 1 cụ già chen tới trước xa giá, nói với Đường Huyền Tông: "An Lộc Sơn muốn làm phản, không phải là chuyện ngày một ngày hai. Trong bao nhiêu năm đó, nhiều người đã cáo giác với triều đình, nhưng lại bị bắt giam và giết hại. Tình hình ở bên ngoài, bệ hạ không hề hay biết. Những người dân thường chúng tôi sớm biết sẽ có ngày như hôm nay, nhưng cửa vào triều quá thâm nghiêm, bệ hạ không thể nghe thấy ý kiến của dân. Nếu không có cảnh như ngày nay, thì lão tiện dân này sao có thể đứng trước xe mà thưa chuyện cùng bệ hạ".

Đường Huyền Tông ủ rũ nói: "Tất cả đều do trẫm quá hồ đồ. Bây giờ hối lại thì không kịp nữa".

Đoàn chạy loạn lúc đi lúc nghỉ, tới ngày thứ 3, đến trạm Mã Ngôi (ở phía tây huyện Hưng Bình, Thiểm Tây ngày nay. Thời Đường đây là nơi đặt trạm giao thông giữa kinh thành với đất Thục). Các tướng sĩ tùy tòng vừa đói vừa mệt. Họ càng nghĩ càng tức tối, oán trách những kẻ đã gây nên tình trạng khiến họ phải bỏ gia đình vợ con ở Trường An nay mai sẽ rơi vào tay giặc, và bản thân họ phải vất vả đói khát như hiện nay. Họ thấy tất cả là do gian tướng Dương Quốc Trung gây nên. Món nợ này, Dương Quốc Trung phải trả! Vừa lúc đó, có mấy chục sứ giả Thổ Phồn chặn ngựa của Dương Quốc Trung lại, yêu cầu hẳn phải cấp lương thực cho họ. Dương Quốc Trung chưa biết đáp thế nào, thì binh sĩ đã ùa tới vừa hô: "Dương Quốc Trung làm phản!", vừa bắn tên tới tấp vào hẳn.

Dương Quốc Trung hoảng sợ, nhảy xuống ngựa chạy vào trạm, liền bị mấy binh sĩ đuổi theo, lôi ra ngoài chém đầu, bêu trên ngọn giáo cắm trước dịch trạm. Giết xong Dương Quốc Trung, binh sĩ vẫn bừa bừa phần nô, bao vây chặt dịch trạm có Đường Huyền Tông và toàn thể đoàn tùy tòng trong đó. Đường Huyền Tông thấy bên ngoài có tiếng ồn ào, liền hỏi có chuyện gì. Các thái giám nói cho ông ta biết các binh sĩ đã giết Dương Quốc Trung. Huyền Tông giật nảy mình, vội lật đặt chống gậy đi dép cỏ ra

cửa dịch trạm, úy lạo các binh sĩ và yêu cầu họ về trại nghỉ ngơi. Binh sĩ không để ý đến lời hoàng đế, vẫn ồn ào hỗn loạn. Huyền Tông cử Cao Lực Sĩ đi tìm Trần Huyền Lễ, hỏi tại sao binh sĩ vẫn không chịu giải tán. Trần Huyền Lễ trả lời: "Dương Quốc Trung mưu phản, thì không thể để Quý Phi sống được!".

Yêu cầu đó đặt Đường Huyền Tông vào thế rất khó xử. Ông làm sao dứt bỏ được mỹ nhân muôn phần sủng ái đó? Đường Huyền Tông chống gậy cúi đầu đứng chết lặng hồi lâu, rồi nói: "Quý Phi xưa nay vẫn ở trong thâm cung, sao biết được chuyện Dương Quốc Trung mưu phản?".

Cao Lực Sĩ biết rằng không giết Dương Quý Phi thì không có cách nào làm nguôi cơn giận của binh sĩ, liền nói: "Quý Phi không có tội, nhưng binh sĩ đã giết Dương Quốc Trung, mà Quý Phi vẫn sống bên cạnh bệ hạ thì họ sao có thể yên tâm được. Kính mong bệ hạ thận trọng suy xét. Binh sĩ có yên tâm thì bệ hạ mới an toàn được".

Để bảo toàn tính mạng của mình, Đường Huyền Tông đành nghĩ rằng gạt nước mắt trao Dương Quý Phi cho Cao Lực Sĩ mang đi nơi khác thắt cổ chết rồi mang xác về cho binh sĩ kiểm tra. Binh sĩ chứng kiến việc đó xong, mới nguôi giận, tháo vòng vây trở về trại. Qua cuộc binh biến này, Đường Huyền Tông như con chim bị tên, vội vàng chạy vào Thành Đô. Thái tử Lý Hanh muốn đi theo, nhưng bị địa phương giữ lại để chủ trì việc triều chính. Lý Hanh thu thập đội ngũ còn lại quay lên phía bắc, tới Linh Vũ (nay ở tây nam huyện Linh Vũ, Ninh Hà) thì lên ngôi hoàng đế. Đó là Đường Túc Tông.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Trương Tuần Làm Người Cỏ Mượn Tên

Sau khi Đường Huyền Tông chạy khỏi Trường An, quân phiến loạn của An Lộc Sơn liền vào chiếm Trường An. Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật nghe tin Trường An thất thủ, buộc lòng phải bỏ miền Hà Bắc. Lý Quang Bật lui về giữ Thái Nguyên, Quách Tử Nghi về Linh Vũ. Những quận huyện đã thu phục được ở miền bắc lại rơi vào tay quân phiến loạn. Trước khi quân phiến loạn vào Đồng Quan, An Lộc Sơn phái hàng tướng của triều đình là Lệnh Hồ Triều đem quân tiến đánh Ung Khâu (nay là huyện Kỳ, Hà Nam). Lệnh Hồ Triều vốn là huyện lệnh Ung Khâu. Khi An Lộc Sơn chiếm Lạc Dương, Lệnh Hồ Triều liền đầu hàng. Gần Ung Khâu có huyện Chân Nguyên, huyện lệnh là Trương Tuần không chịu đầu hàng, và chiêu mộ khoảng 1000 tráng sĩ đến chiếm Ung Khâu. Lệnh Hồ Triều lần này mang 4 vạn quân phiến loạn về đánh Ung Khâu. Trương Tuần và tướng sĩ ở Ung Khâu kiên quyết chống giữ hơn 60 ngày đêm. Các tướng sĩ mặc nguyên khôi giáp ăn cơm, ai bị thương thì băng bó lại rồi tiếp tục chiến đấu, đánh lui hơn 300 đợt tiến công của quân phiến loạn, giết rất nhiều địch buộc Lệnh Hồ Triều phải rút quân.

Lần thứ 2, Lệnh Hồ Triều lại tập hợp người ngựa đánh thành. Lúc đó, tin thất thủ Trường An đã truyền tới Ung Khâu. Lệnh Hồ Triều rất phấn khởi, liền gửi 1 bức thư khuyên Trương Tuần đầu hàng. Tin thất thủ Trường An được lan truyền rộng rãi trong quân Đường. Trong thành Ung Khâu có 6 viên tướng, vốn là những người có uy tín cao, thấy tình hình đó thì dao động. Họ tìm đến nói với Trương Tuần: "Hiện nay lực lượng hai bên chênh

lệch rất nhiều, vả lại không biết hoàng thượng còn sống hay đã chết, chi bằng ta đầu hàng đi là hơn".

Trương Tuần nghe nói, giận sôi lên, nhưng ngoài mặt vẫn tỏ vẻ bình thường, hẹn hôm sau sẽ bàn với mọi người. Hôm sau, ông triệu tập toàn thể tướng sĩ tại sảnh đường, quát gọi 6 viên tướng kia tới, tuyên bố chúng phạm tội phản bội quốc gia, làm dao động lòng quân, rồi đem chém đầu tại chỗ. Các tướng sĩ thấy vậy đều rất kích động, nguyện sẽ kiên quyết chống cự đến cùng. Quân phiến loạn tiếp tục đánh thành, Trương Tuần tổ chức binh sĩ đứng trên thành bắn tên xuống như mưa, buộc chúng phải lui. Nhưng lâu ngày, tên trong thành dùng hết, Trương Tuần lo đến cháy ruột gan. Một đêm, khi đã khuya, trên hành Ung Khâu thấy lờ mờ hàng trăm hàng ngàn bóng đen đang di động rồi theo thang dây trèo xuống thành. Quân lính của Lệnh Hồ Triều phát hiện thấy liền vội báo cáo với chủ tướng. Lệnh Hồ Triều phán đoán là quân trong thành ra đánh lén, liền hạ lệnh tập trung cung thủ lại bắn tên tới tấp về phía chân thành. Tên bắn như mưa suốt từ nửa đêm tới sáng. Quân phiến loạn nhìn kỹ, thì thấy đều là bù nhìn tét bằng cỏ, suốt thân cắm chi chít đầy tên. Quân trên thành phấn khởi, lôi những người cỏ đó lên, rút tên ra đếm, thấy được mấy chục vạn, giải quyết được khó khăn trước mắt.

Qua mấy đêm, vẫn vào lúc trời không trăng sao, trên thành lại xuất hiện những bóng đen. Quân lính của Lệnh Hồ Triều phát hiện thấy, bật cười, cho rằng Trương Tuần lại giở bài bản cũ, không thèm chú ý gì. Không ngờ lần này, những bóng đen từ trên thành tụt xuống, không phải là người cỏ, mà là 500 dũng sĩ. Các dũng sĩ thừa cơ quân phiến loạn không phòng bị, xông thẳng vào đại doanh của Lệnh Hồ Triều. Lệnh Hồ Triều không kịp tổ chức chống lại, mấy vạn quân phiến loạn không nhận được lệnh chỉ huy, rối loạn tan chạy khắp các ngã, có toán chạy xa tới mười mấy dặm mới dám dừng lại thở. Lệnh Hồ Triều mắc mưu liền 2 lần, rất căm tức, lại tăng thêm lực lượng đánh thành. Trương Tuần phái đại tướng Lôi Vạn Xuân chỉ huy quân lính trên thành. Quân phiến loạn thấy trên thành xuất hiện 1 viên

tướng, liền nhằm vào bản. Lôi Vạn Xuân không đề phòng, bị 6 phát tên cắm vào mặt. Để giữ vững lòng quân, ông nhịn đau, đứng im không động cựa. Quân phiến loạn thấy thế, tưởng rằng Trương Tuần giữ quý kế mang người gỗ lên thành giả làm tướng để đánh lừa chúng. Sau, Lệnh Hồ Triều được tin báo của gián điệp, được biết "người gỗ" bị tên bắn trúng mặt mà vẫn đứng im đó là tướng Lôi Vạn Xuân, thì giật mình kinh sợ. Lệnh Hồ Triều đến chân thành gọi to Trương Tuần ra nói chuyện. Trương Tuần đứng trên thành, Lệnh Hồ Triều nói với ông: "Ta đã thấy được sự dũng cảm của Lôi tướng quân, biết được kỷ luật quân sự của các ngài rất nghiêm minh. Nhưng đáng tiếc là các ngài không biết mệnh trời".

Trương Tuần cười nhạt: "Các người không biết cả tới đạo làm người, còn có tư cách gì nói tới mệnh trời". Nói xong, liền hạ lệnh cho tướng sĩ mở cửa thành xông ra đánh mãnh liệt. Lệnh Hồ Triều hoảng sợ quay đầu ngựa chạy thục mạng, 14 tì tướng đi theo hăn đều bị quân của Trương Tuần bắt sống. Từ đó, Lệnh Hồ Triều đóng quân ở phía bắc thành, không ngừng đánh chặn đường tiếp lương của Trương Tuần. Quân phiến loạn có tới mấy vạn người, mà phía Trương Tuần chỉ có hơn 1000, nhưng ông biết nắm đúng thời cơ xuất kích, nên đều thắng lợi. Một năm sau, thái thú Tuy Dương (nay là Thương Khâu, Hà Nam) là Hứa Viễn cho người mang thư cáo cấp tới gặp Trương Tuần, báo tin đại tướng Doãn Tử Kỳ của quân phiến loạn mang 13 vạn quân sắp tiến đánh Tuy Dương. Trương Tuần nhận được tin cáo cấp, vội dẫn quân đến Tuy Dương.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Nam Tế Quân Mượn Quân

Hứa Viễn, thái thú Tuy Dương, có chức quan cao hơn Trương Tuần (huyện lệnh), nhưng biết Trương Tuần giỏi dùng binh, trí dũng song toàn, liền mời Trương Tuần làm người chỉ huy việc giữ thành. Tướng phiến loạn Doãn Tử kỳ đem 13 vạn quân đánh thành, mà quân số của cả Hứa Viễn, Trương Tuần gộp lại cũng chỉ có hơn 6000, chưa bằng 1 phần 12 số quân địch. Trương Tuần tổ chức cố thủ, kịch chiến với quân phiến loạn suốt 15 ngày, bắt sống hơn 60 tướng, tiêu diệt hơn 2 vạn phiến quân, buộc Doãn Tử Kỳ phải lui quân. Hai tháng sau, Doãn Tử Kỳ có quân tăng viện, lại bao vây chặt Tuy Dương, dùng mọi biện pháp công phá thành lũy. Trương Tuần tuy đánh thắng liên tiếp mấy trận, nhưng quân phiến loạn tạm lui rồi lại tiến tới, tình hình ngày càng khẩn cấp.

Một đêm, Trương Tuần hạ lệnh cho quân lính gióng trống trận, chỉnh đốn đội ngũ. Quân phiến loạn ở ngoài thành thấy trong thành gióng trống, liền vội vàng bày trận, chuẩn bị giao phong. Nhưng chúng đợi tới sáng, vẫn không thấy quân Đường ra khỏi thành, Doãn Tử Kỳ cho người leo lên vọng lâu nhìn vào, vẫn thấy trong thành im phăng phắc, không hề có động tĩnh gì, liền hạ lệnh cho quân lính tháo bỏ khôi giáp, nghỉ ngơi. Tướng sĩ quân phiến loạn qua 1 đêm căng thẳng, mỗi mệt nên vừa nằm xuống là ngủ li bì. Chính vào lúc đó, Trương Tuần cùng các tướng Lôi Vạn Xuân, Nam Tế Vân và hơn 10 tướng lĩnh khác, mỗi người dẫn 50 kỵ binh mở cửa thành àoạt xông ra, tiến công mãnh liệt vào trại địch. Quân phiến loạn không đề phòng, lâm vào cảnh hỗn loạn, bị quân Đường giết hơn 5000 tên. Trương Tuần muốn tìm cách bắt gục chủ tướng Doãn Tử Kỳ của quân phiến loạn

khi hấn ra trước trận, nhưng Doãn Tử Kỳ cũng rất ranh ma, khi nào ra trận cũng cùng đi với mấy viên tướng khác, mặc chiến bào và cưỡi ngựa có màu sắc giống nhau, không sao phân biệt được. Trương Tuần liền nghĩ ra 1 biện pháp, sai quân lính dùng thân cây lau vót làm tên bắn vào trận địa địch. Lính địch nhặt được loại tên đó, cho rằng trong thành đã hết tên rồi nên vui mừng cầm mấy mũi tên đó, phóng ngựa đến đưa cho Doãn Tử Kỳ xem.

Doãn Tử Kỳ vừa đưa tay ra nhận mấy mũi tên đó thì Trương Tuần đã theo dõi sát, báo Nam Tế Vân đứng bên cạnh bắn thẳng vào hấn. Nam Tế Vân vốn là 1 cung thủ lợi hại. mũi tên bắn ra trúng ngay vào mắt trái Doãn Tử Kỳ. Hấn hét lên 1 tiếng, ôm mặt, ngã nhào xuống chân ngựa. Trương Tuần hạ lệnh xông ra đánh, lại thắng 1 trận lớn. Doãn Tử Kỳ đã hỏng 1 mắt, lại thiệt quân, vô cùng cay cú. Sau khi điều trị khỏi vết thương, hấn liền dẫn mấy vạn quân vây chặt Tuy Dương, như tường đồng vách sắt. Quân vây ngoài thành mỗi ngày 1 đông, quân giữ thành thì càng chiến đấu càng giảm. Về sau, trong thành Tuy Dương chỉ còn lại 1600 người, lương thực cũng cạn dần, mỗi binh sĩ mỗi ngày chỉ được phân 1 hợp gạo (=0,10355 lít) phải trộn thêm vỏ cây, lá cây và giấy vụn để nấu cơm ăn. Cuối cùng, không còn 1 hạt gạo nào nữa, quân lính trụ không nổi, lần lượt gục ngã vì đói. Tình thế càng ngày càng nguy cấp, Trương Tuần chỉ còn cách là cử Nam Tế Vân dẫn theo 30 kỵ binh mở đường máu vượt qua nhiều lớp bao vây, chạy tới Lâm Hoài (nay là tây bắc Vu Đài, Giang Tô) mượn quân về cứu viện.

Tướng giữ Vu Đài là Hạ Lan Tiến Minh sợ thế quân nổi loạn, không cho mượn quân về cứu Tuy Dương. Ông ta thấy Nam Tế Vân là 1 dũng tướng, muốn giữ lại làm bộ hạ cho mình, nên mở 1 bữa tiệc thết đãi, mời các tướng đến cùng tiếp Nam Tế Vân. Nam Tế Vân lòng như lửa đốt, còn bụng dạ nào để uống rượu nữa. Ông chảy nước mắt, kích động nói: "Quân dân trong thành Tuy Dương đã hơn một tháng nay không có hạt cơm nào vào bụng, chúng tôi làm sao có thể ngồi đây ăn uống. Dù có đưa vào miệng chẳng nữa, cũng làm sao có thể nuốt nổi? Trong tay tướng quân có nhiều

binh lính mà nhìn thành Tuy Dương sắp bị mất, không chịu đem quân đến cứu, lẽ nào đó là việc làm của bậc trung thần nghĩa sĩ hay sao?". Nói xong, đưa 1 ngón tay vào miệng cắn đứt, máu chảy ròng ròng, tức giận nói: "Tế Vân này không hoàn thành được nhiệm vụ chủ tướng giao cho, xin để lại một ngón tay này làm bằng để khi về có thể trình bày với chủ tướng".

Cử tọa trong buổi tiệc đều kinh hoàng, nhiều người giơ ống tay áo lên che mặt, có người chịu không nổi, khóc rống lên thảm thiết. Nam Tế Vân thấy Hạ Lan Minh Tiến cuối cùng vẫn không chịu xuất binh, đành rời khỏi Lâm Hoài, đến nơi khác mượn được 3000 quân đưa về Tuy Dương. Đến ngoài thành, quân phiến loạn huy động lực lượng vây chặt họ lại. Nam Tế Vân chỉ huy quân mã, tả xung hữu đột, triển khai 1 chiến đấu đẫm máu ngay dưới chân thành. Trương Tuần thấy tiếng la hét vang dội ngoài thành, biết Nam Tế Vân đã về tới, liền mở toang cửa thành, đánh lui địch, đón cánh quân của Nam Tế Vân vào thành. Số quân còn lại chỉ được 1000, Nam Tế Vân báo cáo với Trương Tuần, Hứa Viễn về tình hình xin quân cứu viện. Tướng sĩ trong thành thấy không còn hy vọng có được viện binh, đều ôm mặt khóc ròng. Trương Tuần và Hứa Viễn bàn đi bàn lại, thấy Tuy Dương là bình phong của miền Giang Hoài, muốn bảo vệ được Giang Hoài không cho quân phiến loạn tiến xuống phía nam thì phải quyết tâm tử thủ Tuy Dương. Trong thành đã hết lương thực, họ nấu vỏ cây làm thức ăn. Vỏ cây hết, thì giết thịt chiến mã, hết chiến mã, đành cử người đánh bắt chuột, sẻ để ăn đỡ đói

Tướng sĩ và dân chúng trong thành đều xúc động trước quyết tâm tử chiến của Trương Tuần. Dù họ biết rõ ràng thành không thể giữ được mãi, nhưng tuyệt nhiên không có ai trốn ra hàng giặc. Cuối cùng, toàn thành chỉ còn lại 400 người. Doãn Tử Kỳ dẫn quân dùng thang mây leo lên mặt thành, quân lính giữ thành quá đói không còn giương nổi cung, không còn sức đâm giáo nữa. Tháng 10, năm 757, thành Tuy Dương rơi vào tay quân phiến loạn. 36 viên tướng gồm Trương Tuần, Hứa Viễn, Lô Vạn Xuân, Nam Tế Vân...đều bị địch bắt sống. Tướng giặc trói từng người một, buộc

họ đầu hàng. Chúng ướm dao vào cổ Trương Tuần, ông cười nhạt, chửi rửa giặc thậm tệ. Đến lượt Nam Tế Vân, ông không nói 1 lời nào. Trương Tuần ngoảnh mặt lại thét lên với Nam Tế Vân: "Tám Nam! (Nam Tế Vân là con thứ 8 trong gia đình). Người hảo hán chỉ có chết, chứ không thể khuất phục trước quân phản tặc!".

Nam Tế Vân cười lớn: "Trương Công hãy yên tâm. Tôi đang nghĩ cách làm sao tiêu diệt chúng, chứ đâu có sợ chết".

Tướng giặc biết họ không chịu khuất phục, liền đem giết hết. Tiết độ sứ Hà Nam là Trương Cảo nghe tin Tuy Dương nguy cấp, liền mang quân hành quân gấp đến Tuy Dương, đánh lui quân Doãn Tử Kỳ, thì thành Tuy Dương đã mất 3 ngày trước. Bảy ngày sau đó, Quách Tử Nghi chỉ huy quân Đường thu phục được Lạc Dương. Do sự cố của Trương Tuần, nên khu vực Giang Hoài phía nam đã không bị quân phiến loạn giày xéo.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Lý Tiết Trở Về Núi

Khi Đường Túc Tông lên ngôi ở Linh Vũ, các quan văn võ bên mình chỉ có chưa tới 30 người. Trong triều đình vừa được thành lập đó, mọi việc đều ngổn ngang rối loạn. Các võ tướng cãi lộn, không chịu nghe theo lệnh chỉ huy. Muốn dẹp được loạn, Túc Tông thấy gấp rút cần có 1 người giỏi giúp điều hành mọi việc. Lúc đó, ông nhớ tới người bạn cũ khi ông còn làm thái tử. Người đó là Lý Tiết, hiện ở Dĩnh Dương. Đường Túc Tông lập tức cho người đi mời Lý Tiết đến Linh Vũ. Lý Tiết nguyên là người Trường An, từ nhỏ đã rất thông minh và đọc rộng. Trương Cửu Linh khi đó là tể tướng, sau khi đọc 1 số thơ văn của ông đã đánh giá cao và khen ngợi ông là "thần đồng". Khi Túc Tông làm thái tử, Lý Tiết đã trưởng thành. Ông dâng lên Huyền Tông 1 sớ tấu, nêu ý kiến về các việc lớn quốc gia. Đường Huyền Tông xem xong rất tán thưởng, triệu kiến ông, muốn phong cho ông 1 chức quan. Ông từ chối, nói rằng mình còn trẻ, không muốn làm quan. Huyền Tông liền để ông làm bạn với thái tử. Từ đó, ông thường xuyên lui tới Đông cung. Thái tử cũng rất quý trọng ông, coi ông như bậc thầy.

Sau đó, Lý Tiết không ưa cảnh lộng quyền của Dương Quốc Trung, từng làm thơ châm biếm. Vì lý do đó, ông bị Dương Quốc Trung đuổi ra khỏi Trường An. Thấy chính cục hỗn loạn và không muốn bị làm nhục, ông dứt khoát về ẩn cư ở Dĩnh Dương (nay thuộc Hà Nam). Lần này, Đường Túc Tông cho người đến mời, ông thấy triều đình có nhiều khó khăn, liền tới Linh Vũ. Đường Túc Tông gặp lại ông, mừng rỡ như được của báu. Trong triều đình lâm thời lúc đó, chưa chú ý nhiều đến lễ tiết vua tôi, Đường Túc Tông và Lý Tiết vẫn như đôi bạn thời thanh niên, cùng nhau ăn

ở, bàn bạc mọi công việc lớn nhỏ. Lý Tiết đề xuất ý kiến nào cũng được Đường Túc Tông chấp nhận. Túc Tông muốn phong Lý Tiết làm tể tướng, nhưng Lý Tiết không nhận. Ông nói: "Bệ hạ đối đãi tôi như với người bạn tri kỷ, điều đo còn quý hơn là làm tể tướng, cần gì phải có chức tước".

Túc Tông thấy không ép được ông, đành cho qua. Khi Lý Tiết ẩn cư trong vùng núi, thường mặc áo vải. Tới Linh Vũ, ông cũng vẫn cứ mặc áo vải như vậy. Một lần, Lý Tiết đi cùng Đường Túc Tông duyệt 1 đơn vị quân đội. Quân lính ở phía sau, chỉ trỏ bảo nhau: "Người mặc hoàng bào kia là hoàng thượng, còn người mặc áo cánh ngắn kia là vị ẩn sĩ trên núi xuống".

Đường Túc Tông thấy binh sĩ bàn luận như thế, cảm thấy bất tiện quá, liền đưa cho Lý Tiết 1 bộ quan phục màu tía, nhất định bắt ông mặc vào. Lý Tiết không thể từ chối, phải mặc quan phục. Túc Tông cười nói: "Người đã mặc quan phục thì không thể không có quan hàm". Nói xong, rút luôn từ trong ống tay áo ra 1 chiếu thư, phong Lý Tiết làm nguyên soái phủ hành quân trưởng sứ (tương đương như quân sư). Lý Tiết vẫn không chịu nhận, Đường Túc Tông nói: "Nay nước nhà đang có khó khăn, hãy tạm ép người như vậy. Tới khi đã dẹp loạn xong, sẽ để người tự do theo ý mình".

Lúc đó, Quách Tử Nghi cũng đã đến Linh Vũ. Triều đình phải chỉ huy cuộc chiến trên toàn quốc, việc quân rất bề bộn. Công văn giấy tờ từ khắp nơi trong nước gửi về, từ sớm đến tối không lúc nào dứt. Đường Túc Tông ra lệnh đưa tất cả công văn cho Lý Tiết xem trước, có công văn nào đặc biệt quan trọng, mới chuyển cho Túc Tông xem. Chìa khóa của cung đình cũng do thái tử Lý Thúc và Lý Tiết giữ. Lý Tiết bận rộn đến mức không còn thời giờ ăn uống nữa, ngay thời gian ngủ cũng rất ít. Đường Túc Tông nôn nóng muốn trở về Trường An, liền hỏi Lý Tiết: "Kẻ địch mạnh như thế này, chúng ta làm thế nào?".

Lý Tiết nói: "An Lộc Sơn nổi loạn, chỉ có rất ít kẻ thực lòng giúp hãn, còn lại đều là bị buộc tham gia. Theo dự liệu của tôi, chỉ không quá hai năm, chúng ta có thể tiêu diệt được chúng".

Sau đó, ông vạch ra cho Túc Tông 1 kế hoạch quân sự, tạm hoãn thu phục Trường An, mà phái Quách Tử Nghi, Lý Quang Bất chia quân 2 đường đánh lên Hà Bắc, đánh vào sào huyệt cũ của địch ở Phạm Dương, khiến địch tiến thoái lưỡng nan rồi sẽ điều quân các lộ bao vây, tiêu diệt. Mùa xuân năm sau (757), nội bộ quân phiến loạn có tranh chấp, con của An Lộc Sơn là An Khánh Tự giết An Lộc Sơn và tự mình xưng đế. Đây vốn là cơ hội tốt để tiêu diệt địch. Nhưng Túc Tông do nóng lòng trở về Trường An, không nghe theo kế hoạch của Lý Quang Bất, điều quân mã của Quách Tử Nghi từ Hà Đông trở về, gượng ép tiến đánh Trường An. Kết quả bị đại bại, sau đó. Quách Tử Nghi mượn tinh binh của Hồi Hột (1 trong những dân tộc thiểu số ở miền bắc Trung Quốc thời đó), tập trung 15 vạn quân mã, mới chiếm lại được Trường An. Tiếp đó, lại thu phục được Lạc Dương, tên đầu sỏ phiến loạn An Khánh Tự chạy lên Hà Bắc, Sử Tư Minh buộc phải đầu hàng. Sau khi quân Đường thu hồi được Trường An và Lạc Dương, Đường Túc Tông cảm thấy hết sức thỏa mãn, liền phái tuấn mã đón Lý Tiết về Trường An.

Sủng phi của Đường Túc Tông là Trương Lương Đệ và hoạn quan Lý Phụ Quốc thấy Lý Tiết có quyền lớn, liền câu kết với nhau, muốn trừ bỏ Lý Tiết. Thái tử Lý Thúc phát hiện âm mưu đó, liền báo với Lý Tiết. Lý Tiết nói: "Không sao! Thần và hoàng thượng đã có giao ước với nhau. Khi nào kinh thành được thu hồi, thần sẽ trở về núi, sẽ không có chuyện gì nữa!".

Lúc này, Lý Tiết thấy triều đình đã thu hồi được 2 kinh (Tây kinh và Đông kinh, tức Trường An và Lạc Dương) coi như đã thỏa lòng, liền quyết tâm rời khỏi triều đình. Một buổi tối, Đường Túc Tông mời Lý Tiết uống rượu và lưu ông ở lại ngủ cùng. Nhân dịp đó, Lý Tiết nói với Túc Tông: "Thần đã báo đáp được bệ hạ rồi. Xin cho thần trở về làm một người dân an nhàn".

Đường Túc Tông nói: "Sao lại thế! Ta và tiên sinh đã cùng nhau chung hoạn nạn trong mấy năm nay. Bây giờ chính là lúc muốn cùng tiên sinh

chung hưởng yên vui. Sao tiên sinh lại đòi đi?".

Lý Tiết khẩn khoản nói: "Thần và bệ hạ quen biết nhau từ nhỏ, nay lại được bệ hạ trọng dụng, tin yêu. Chính vì những lý do đó nên thần không thể không rời bỏ nơi đây".

Đường Túc Tông gạt đi: "Thôi! Hôm nay ta ngủ đã, để sau này hãy nói".

Lý Tiết nói: "Hôm nay thần và bệ hạ cùng ngồi trên giường nói chuyện, mà bệ hạ vẫn không chấp nhận đề nghị của thần. Ngày mai, trước triều đình, thần còn có thể nói gì được nữa. Nếu bệ hạ không cho thần đi, coi như bệ hạ buộc thần phải chết".

Đường Túc Tông không muốn rời xa Lý Tiết nhưng không thể bác bỏ yêu cầu khẩn thiết của ông, đành phải đồng ý để ông rời khỏi triều đình. Lý Tiết tới Hành Sơn (tại tỉnh Hồ Nam ngày nay), làm 1 căn nhà trên núi, lại sống cuộc đời ẩn cư. Sau khi Lý Tiết đi khỏi, bên cạnh Đường Túc Tông thiếu mất 1 đại thần chính trực. Quyền lực của Lý Phụ Quốc và 1 số hoạn quan khác dần dần tăng lên. Triều Đường đi vào giai đoạn suy thoái.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Lý Quang Bật Đại Phá Sử Tư Minh

Sau khi vương triều Đường thu phục 2 kinh, An Khánh Tự chạy lên Hà Bắc, chiếm 60 tòa thành và tiếp tục kháng cự, Đường Túc Tông quyết định phái đại quân tiến đánh An Khánh Tự. Lần tiến công này, triều Đường huy động lực lượng quân đội dưới quyền 9 tiết độ sứ, gồm 60 vạn quân. Một lực lượng lớn như thế cần có người tổng chỉ huy giỏi. Xét tài năng và uy tín, thì chỉ có Quách Tử Nghi và Lý Quang Bật là xứng đáng. Nhưng Đường Túc Tông lại có tâm lý nghi kỵ, sợ 2 người có quyền lực quá lớn. Vì vậy, cố ý không đặt chức chủ soái, mà cử 1 hoạn quan không biết gì về chiến trận là Ngự Triều Ân làm quan quân dung sứ (chức quan đứng đầu về quân sự, có quyền giám sát các tướng soái xuất chinh). Vì vậy, trên thực tế, 9 tiết độ sứ đều phải chịu sự chi phối của y.

Khi quân Đường đánh Nghiệp Thành, Sử Tư Minh lại khởi binh đánh lại, đem quân từ Phạm Dương về cứu An Khánh Tự. Trong khi 60 vạn quân Đường chưa kịp triển khai trận thế thì cuống phong nổi lên, bụi cát mù mịt, trời đất tối tăm. Chín đạo quân không có sự chỉ huy thống nhất, bị tan tác như đàn ong vỡ tổ. Quân Đường thua trận, Ngự Triều Ân trút mọi trách nhiệm thất bại lên đầu Quách Tử Nghi.

Đường Túc Tông tin theo lời Ngự Triều Ân, liền cách chức tiết độ sứ Sóc Phương của Quách Tử Nghi, để Lý Quang Bật kiêm nhiệm. Lúc đó, trong hàng ngũ quân phiến loạn lại có xung đột. Sử Tư Minh giết An Khánh Tự ở Nghiệp Thành, tự lập làm hoàng đế Đại Yên, rồi chinh đốn đội ngũ, tiến công về hướng Lạc Dương. Lý Quang Bật tới Lạc Dương, các

quan chức ở đây thấy thế quân Sử Tư Minh quá mạnh, có phần sợ hãi, có người chủ trương lui quân về Đồng Quan, Lý Quang Bất nói: "Hiện nay hai bên lực lượng ngang nhau. Nếu chúng ta lui, kẻ địch sẽ càng ngông cuồng. Chi bằng chúng ta nên di chuyển tới Hà Dương (nay là huyện Mãn, Hà Nam) để tiến lên có thể đánh, lui về có thể giữ".

Lý Quang Bất hạ lệnh cho quân đội và dân chúng rút toàn bộ khỏi Lạc Dương, rồi đưa quân tới Hà Dương. Sử Tư Minh tiến vào Lạc Dương, chỉ còn 1 tòa thành trống rỗng, không có nguồn nhân lực, không có lương thực, lại sợ Lý Quang Bất tập kích. Hắn không dám đóng quân trong thành, mà kéo ra xây đắp trận địa phía nam Hà Dương, tạo thế giằng co với Lý Quang Bất. Lý Quang Bất là 1 lão tướng dày dặn chinh chiến. Ông biết rằng binh lực hiện nay không bằng quân phiến loạn, chỉ có thể dùng mưu để giữ vững, không thể dùng lực để tiến công. Ông nghe Sử Tư Minh đem hơn 1000 chiến mã từ Hà Bắc xuống, hàng ngày đem ra bãi sông cho ăn cỏ và tắm tấp, liền hạ lệnh cho tập trung toàn bộ ngựa cái lại và nhốt hết ngựa con trong chuồng. Chờ tới khi quân Sử Tư Minh thả chiến mã ra bãi, Lý Quang Bất cho thả đàn ngựa cái ra xen kẽ vào đoàn chiến mã (đều là ngựa đực) của địch. Một lát sau, ngựa cái nhớ con, liền quay về. Đàn ngựa chiến của địch liền đi theo, sang hết trận địa của quân Đường. Trong chốc lát, Sử Tư Minh bị mất hàng ngàn ngựa, thì tức lồng lộn, cho tập trung mấy trăm thuyền chiến tấn công theo đường thủy. Hắn cho 1 hỏa thuyền dẫn đầu, chuẩn bị đốt cầu phao của quân Đường. Lý Quang Bất cho chuẩn bị mấy trăm cây tre dài và to, đầu bịt sắt. Khi hỏa thuyền của địch tới, mấy trăm binh sĩ khỏe mạnh đứng trên cầu phao phóng tre ra ghìm chặt hỏa thuyền địch lại. Hỏa thuyền không tiến lên được, bốc cháy tan nát rồi chìm xuống lòng sông. Quân Đường lại từ trên cầu phao, dùng máy bắn đá đánh cho chiến thuyền địch phía sau tan vỡ. Quân lính địch đưa thi toác đầu, đưa thi chìm nghim theo thuyền, 1 số sống sót ngoi ngóp được lên bờ, ôm đầu tháo chạy.

Sử Tư Minh liên tiếp dùng mọi cách tiến đánh Hà Dương, đều bị Lý Quang Bật dùng mưu đánh lui. Cuối cùng, Sử Tư Minh nổi khùng, tập trung hết lực lượng, sai tướng Chu Chí tiến công thành phía bắc, còn tự mình dẫn tinh binh tiến công thành phía nam của Hà Dương. Sáng sớm, Lý Quang Bật dẫn bộ tướng trèo lên thành phía bắc quan sát, thấy quân địch người người lớp lớp đen đặc, đang dẫn đầu tiến lại gần. Các tướng lĩnh Đường không nói ra, nhưng trong lòng đều thấy nao núng, hoang mang. Lý Quang Bật đoán biết thâm tâm của tướng sĩ, liền trấn an họ: "Đừng sợ! Quân địch tuy đông, nhưng đội ngũ không chỉnh tề, tỏ ra có phần kiêu ngạo. Các người yên tâm, chỉ trước trưa nay, bảo đảm có thể đánh tan được chúng".

Sau đó Lý Quang Bật hạ lệnh toàn thể tướng sĩ chia đường xuất kích. Các tướng sĩ tuy hết sức dũng mãnh, nhưng quân địch quá đông, lớp này bị đánh lui thì lớp khác lại xông lên. Mặt trời đã đứng bóng, 2 bên vẫn chưa phân thắng bại. Lý Quang Bật lại họp các tướng lại, hỏi: "Các người thấy trận thế địch, hướng nào là mạnh nhất?".

Các tướng đều nói: "Góc tây bắc và góc đông nam".

Lý Quang Bật gật đầu, lập tức rút ra 500 kỵ binh, cử 2 danh tướng chỉ huy, chia đường đánh mãnh liệt vào góc tây bắc và góc đông nam trận địa địch. Lý Quang Bật tập trung số đông còn lại, nghiêm khắc tuyên bố quân lệnh: "Tất cả oai hành động theo hiệu cờ của ta. Khi cờ hiệu phất thông thả, có thể hành động tự do; nếu thấy cờ hiệu vẫy gấp, là hiệu lệnh tổng công kích, phải dũng cảm xông lên, không cho phép chần chừ hoặc lùi lại". Nói tới đây, ông rút 1 con dao nhọn cắm vào ống giầy, nói: "Đánh trận là chuyện một sống một chết. Ta là đại thần của triều đình, quyết không chết trong tay quân địch. Nếu các người đều tử chiến trên chiến trường, ta sẽ dùng con dao này tự sát".

Các tướng sĩ nghe mệnh lệnh sắt đá của ông, đều kích động xông lên với sức mạnh được nhân lên hàng trăm lần. Lát sau bỗng thấy bộ tướng

Hách Đình Ngọc chạy bộ từ phía trước trở về, Lý Quang Bất liền trao kiếm cho 1 binh sĩ xông ra chặn lại để chém Hách Đình Ngọc tại chỗ. Hách Đình Ngọc thấy tên lính truyền lệnh toan chém mình, vội hô lớn: "Ngựa của tôi bị tên bần ngã, không phải tôi chạy trốn!".

Lý Quang Bất lập tức sai cấp cho Hách Đình Ngọc con ngựa khác để quay lại tiếp tục chỉ huy chiến đấu. Thấy tinh thần tướng sĩ quân Đường đang hùng hực, Lý Quang Bất sai vẫy gập cờ hiệu, hạ lệnh tổng công kích. Quân lính toàn mặt trận thấy hiệu cờ, đều ào ạt tranh nhau tràn lên, tiếng hô "giết" vang trời dậy đất. Quân phiến loạn bị tấn công mãnh liệt, không thể kháng cự nổi, hàng ngũ tan vỡ, rút chạy. Quân Đường ào lên đuổi theo chém giết, bắt sống hơn 1000 tù binh. Ngoài ra, còn hơn 1000 quân địch bị ép ra bờ sông, rơi xuống chết đuối. Tướng Chu Chí của phiến quân đang chỉ huy đánh thành phía bắc, hoảng sợ bỏ chạy. Sử Tư Minh đang chỉ huy quân đánh thành phía nam, thấy quân đánh thành phía bắc chạy dạt tới bờ sông, biết Chu Chí đã hoàn toàn thất bại, không dám ham đánh, vội hạ lệnh lui quân về Lạc Dương. Lý Quang Bất đã liên tục giao chiến với Sử Tư Minh suốt 2 năm ròng. Đường Túc Tông không hiểu gì về thực tế trên chiến trường, tin theo lời Ngự Triều Ân, hạ lệnh Lý Quang Bất tiến đánh ngay Lạc Dương. Lý Quang Bất thấy binh lực quân phiến loạn còn rất mạnh, không nên khinh suất đánh thành. Đường Túc Tông liên tục phái hoạn quan đến giục giã, Lý Quang Bất đành mạo hiểm tiến công. Kết quả bị đánh thua và do đó bị cách chức chủ soái.

Sử Tư Minh bắt được 1 đối thủ lợi hại, liền thừa thắng tiến công Trường An. May sao lúc đó trong hàng ngũ phiến loạn lại xảy ra xung đột nội bộ lần thứ 3: Sử Tư Minh bị con là Sử Triều Nghĩa giết chết. Nội bộ quân phiến loạn vì thế chia năm xẻ bảy. Năm 763, Sử Triều Nghĩa thua trận, tự sát. Kể từ khi An Lộc Sơn nổi loạn cho tới khi Sử Triều Nghĩa thất bại, vùng Trung nguyên trải qua 8 năm binh lửa, sinh mạng và tài sản vị tổn thất nghiêm trọng. Lịch sử gọi sự kiện đó là "Loạn An - Sử". Sau loạn An - Sử, cảnh thịnh trị của nhà Đường không còn nữa. Nhiều mầm mống biến

loạn và chia rẽ chín muồi dần trong cơ thể đầy thương tích của 1 triệu đại
tùng đạt tới đỉnh cao huy hoàng của chế độ phong kiến Trung Quốc.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương
www.dtv-ebook.com

Đỗ Phủ Viết Thi Sử

Loạn An Sử kết thúc, đối với dân chúng từng điêu linh khốn khổ vì chiến loạn, hết sức khát khao cuộc sống bình yên, thì đó là 1 việc hết sức đáng phấn khởi. Thi nhân Đỗ Phủ lúc đó đang sống cuộc sống lưu vong ở Tử Châu (nay là Tam Đài, Tứ Xuyên), nghe được tin đó lại càng vui sướng trào rơi nước mắt. Đỗ Phủ, tên tự là Tử Mỹ, cũng như Lý Bạch, là 1 trong những đại thi nhân nổi tiếng thời bấy giờ. Văn học sử thường gọi gộp 2 ông là "Lý Đỗ". Vốn là người huyện Củng, Hà Nam; Đỗ Phủ sinh ra trong 1 gia đình quan lại suy tàn, từ nhỏ đã khổ công đọc sách và đi khắp núi cao sông lớn, viết ra nhiều bài thơ nổi tiếng. Năm 39 tuổi, ông gặp Lý Bạch ở Lạc Dương, Đỗ Phủ kém Lý Bạch 11 tuổi. Tuy cá tính 2 người khác nhau, nhưng chí hướng và lòng yêu thích văn chương đã khiến họ trở thành đôi bạn thân.

Sau đó, Đỗ Phủ đến Trường An dự kì thi tiến sĩ. Đúng vào lúc ấy, Lý Lâm Phủ đang nắm triều chính. Hắn rất ghét những người đọc sách, sợ số trí thức xuất thân tầng lớp dưới này lên làm quan, sẽ góp ý kiến về triều chính, không lợi cho hắn. Do đó, hắn câu kết với quan chấm thi, đánh trượt hết người dự thi, rồi nói với Đường Huyền Tông các bài thi khoa này đều rất kém, không có bài nào trúng cách. Đường Huyền Tông đang lấy làm lạ thì Lý Lâm Phủ dâng ngay 1 sớ tấu lên, nói rằng việc này chứng tỏ hoàng đế rất thánh minh, đã tuyển dụng hết người tài trong thiên hạ, trong dân gian không còn sót lại người hiền tài nào nữa. Những nho sinh thời đó chỉ có 1 con đường tiến thân là đua tài trong hệ thống khoa cử triều đình, nay bị đòn đánh bại đó của Lý Lâm Phủ, Đỗ Phủ buồn rầu chán nản đến cực độ.

Ông sống 1 cuộc đời nghèo nàn và buồn khổ ở Trường An, tận mắt chứng kiến quang cảnh trái ngược giữa 1 bên là bọn quyền quý ăn chơi xa xỉ với 1 bên là dân nghèo đói khát thảm thê. Không tìm được phần nộ, ông đã viết nên những câu thơ bất hủ:

"...Cửa son rượu thịt thừa, ôi...

Dân nghèo đói rét, xương phơi dọc đường..."

Đỗ Phủ ở Trường An trong 10 năm, vừa được Đường Huyền Tông phong 1 chức quan nhỏ thì loạn An Sử nổ ra, dân chúng Trường An nhao nhác chạy loạn. Gia đình Đỗ Phủ cũng chen lẫn trong đám nạn dân đó. Trải qua trăm ngàn cay đắng, toàn gia đình vất vả lắm mới tìm tới được vùng nông thôn, tạm thời định cư. Đúng lúc đó, ông nghe tin Đường Túc Tông đã lên ngôi ở Linh Vũ, liền rời gia đình, tìm cách đến với Túc Tông. Ngờ đâu, mới đi được nửa đường ông lại gặp phải quân phiến loạn. Chúng bắt ông giải về Trường An. Trường An đang nằm trong tay giặc, quân phiến loạn đang tàn sát và cướp bóc, cung điện và nhà dân chìm trong biển lửa. Các quan chức triều đình, kể thì đầu hàng, người thì bị bắt giải đi Lạc Dương. Sau khi Đỗ Phủ bị giải về Trường An, tên đầu sỏ quân phiến loạn thấy ông không có dáng quan to, liền thả ông ra. Năm sau, Đỗ Phủ từ Trường An trốn ra ngoài, nghe tin Đường Túc Tông đang ở Phượng Tường (nay là huyện Phượng Tường, tỉnh Thiểm Tây), liền vội vàng tìm đến yết kiến. Lúc này, Đỗ Phủ nghèo khổ tới mức không có nổi 1 bộ quần áo lành lặn, chiếc áo mặc trên người rách lòi cả khuỷu tay, chân đi đôi giày cỏ mòn vẹt. Thấy Đỗ Phủ lặn lội đường xa tìm đến với triều đình, Đường Túc Tông rất mừng, phong cho ông làm chức Tả thập di. Tả thập di là chức gián quan. Tuy Đường Túc Tông phong quan chức cho ông nhưng không có ý trọng dụng ông. Đỗ Phủ làm việc rất chăm chỉ và nghiêm túc. Ít lâu sau, tể tướng Phòng Quán bị Đường Túc Tông bãi chức. Đỗ Phủ thấy Phòng Quán rất có tài liền dâng lời khuyên can xin đừng bãi chức tể tướng của Phòng

Quản, điều này làm phật ý Túc Tông, may nhờ có người nói hộ, ông mới không bị liên lụy.

Sau khi quân Đường thu phục Trường An, ông theo các quan chức khác cùng về Trường An. Đường Túc Tông cử ông làm 1 chức quan nhỏ lo việc tế tự và mở trường học ở Hoa Châu (nay là huyện Hoa, tỉnh Thiểm Tây). Đỗ Phủ đem theo nỗi lòng thất vọng đến nhận chức ở Hoa Châu. Lúc đó, tuy triều Đường đã thu phục được Trường An và Lạc Dương, nhưng quân phiến loạn An - Sử vẫn chưa bị tiêu diệt, chiến tranh vẫn rất dữ dội. Quân Đường bắt trai tráng khắp nơi để bổ sung binh lực khiến dân chúng trăm bề điêu đứng. Một hôm, Đỗ Phủ đi qua thôn Thạch Hào (nay ở đông nam huyện Thiểm, Hà Nam) thì trời đã rất khuya, ông ngủ nhờ 1 gia đình nghèo, chỉ có 2 vợ chồng già tiếp ông. Nửa đêm, khi ông đang trằn trọc không ngủ được, thì có tiếng đập cửa dồn dập. Đỗ Phủ nằm im trong phòng nghe ngóng, thấy ông già chủ nhà vội leo qua tường chạy trốn, còn bà già vừa lên tiếng trả lời, vừa chậm chạp ra mở cửa. Một số tên sai dịch do quan phủ phái đi bắt lính xông vào nhà, lớn tiếng quát hỏi bà lão: "Đàn ông nhà này đi đâu cả?".

Bà lão vừa khóc vừa nói: "Ba đứa con trai tôi đều đi đánh trận ở Nghiệp Thành. Hai hôm trước một đứa viết thư về nói, hai anh nó đã chết ở chiến trường. Trong nhà chỉ có một cô con dâu và một cháu nhỏ còn đang bú. Các người còn muốn bắt người nào nữa?".

Bà lão vừa khóc vừa van vỉ, nhưng bọn sai dịch vẫn không tha. Cuối cùng, chúng bắt luôn bà tới quân doanh để hầu hạ quân lính. Trời sáng, khi Đỗ Phủ rời gia đình, chỉ có ông già trở về tiễn ông. Đỗ Phủ tận mắt chứng kiến cảnh tượng thê thảm đó, lòng cuộn lên nỗi xúc động, viết nên bài thơ bất hủ "Thạch Hào lại" (bọn quan lại ở Thạch Hào). Trong thời gian ở Hoa Châu, trước sau ông đã sáng tác 6 bài thơ về đề tài đó, gộp lại gọi là "Tam lại, tam biệt" (gồm: Thạch Hào lại, Đồng Quan lại, Tân An lại, Tân hôn biệt, Thù lão biệt, Vô gia biệt). Do thơ ca của Đỗ Phủ đa số là viết về

nổi khổ của nhân dân trong thời kì loạn An - Sử, phản ánh quá trình trượt dài từ hưng thịnh đến suy vong của triều Đường, nên nhân dân gọi thơ của ông là "thi sử". Năm sau, ông từ chức quan ở Hoa Châu. Tiếp đó, vùng Quan Trung gặp đại hạn. Đỗ Phủ quá nghèo túng, dẫn gia đình lưu lạc tới Thành Đô, sống nhờ vào bè bạn. Ông dựng 1 căn nhà cỏ bên khe suối Hoàn Hoa ở ngoại ô phía tây Thành Đô, ẩn cư ở đây gần 4 năm. Sau đó, người bạn mất đi, không còn dựa được vào ai, ông lại dẫn gia đình lưu lạc.

Năm 770, vì đói nghèo và tật bệnh, ông mất trên 1 con thuyền nhỏ trên Tương Giang. Sau khi ông mất, nhân dân thương xót nhà thơ vĩ đại, đã giữ gìn ngôi nhà nhỏ nơi ông từng sống bên suối Hoàn Hoa làm kỉ niệm. Đó là "gian nhà cỏ của Đỗ Phủ", hiện nay là 1 di tích nổi tiếng.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Đoàn Tú Thực Không Sợ Cường Bạo

Quách Tử Nghi đã lập công lớn trong việc dẹp loạn, danh vọng rất cao. Sợ Đường Túc Tông đem lòng nghi kỵ, nên ông đã tự xin rời bỏ binh quyền và giải tán luôn cả đội thân binh bảo vệ. Sau khi Đường Túc Tông mất, thái tử Lý Thúc (còn có tên là Lý Dự) lên nối ngôi. Đó là Đường Đại Tông. Quý tộc Thổ Phồn nhân cơ hội biên giới phía tây của triều Đường bỏ trống, liền lôi kéo cả 1 số bộ lạc Thổ Cốc Hồn, tất cả có hơn 20 vạn người ngựa đánh vào lãnh thổ Đường. Dọc đường tiến quân của họ không có sự chống cự nào, nên lực lượng Thổ Phồn - Thổ Cốc Hồn đánh thẳng tới Trường An. Đường Đại Tông phải bỏ Trường An, chạy đến Thiểm Châu (nay là huyện Thiểm, Hà Nam). Đường Đại Tông khẩn thiết mời Quách Tử Nghi ra cầm quân chống giặc Thổ Phồn. Lúc này trong tay Quách Tử Nghi không còn quân đội, ông vội vàng chiêu mộ 20 kỵ binh đi gấp tới Hàm Dương thì Trường An đã rơi vào tay Thổ Phồn. Quách Tử Nghi cử người hư trương thanh thế quanh vùng Trường An: ban ngày khua chiêng gióng trống, ban đêm đốt lửa ở nhiều nơi, chọn hàng trăm thiếu niên Trường An đánh trống ngoài phố, reo to: Quách Lệnh Công (tiếng tôn xưng gọi Quách Tử Nghi) đem đại quân đến rồi! Quân đội đông đúc, cơ man là người, không thể nào đếm xuể! Tướng lĩnh Thổ Phồn nghe thấy, đều sợ hãi, vội cướp bóc và rút ra khỏi Trường An.

Quách Tử Nghi do đó đã có công lớn. Khi Đường Đại Tông trở lại Trường An, liền phong ông làm phó nguyên soái. Một năm sau, quân Thổ Phồn và Hồi Hột tiến sát Bân Châu (nay là huyện Bân, Thiểm Tây), Quách Tử Nghi phái con là Quách Hy mang quân tới hiệp trợ với tiết độ sứ Bân

Châu là Bạch Hiếu Đức, cùng nhau phòng thủ. Quách Hy dựa vào thế lực của cha nên có thái độ kiêu ngạo, phóng túng. Binh sĩ dưới quyền Hy không có kỷ luật, thường hà hiếp dân thường ngoài phố, thường làm nhiều việc xấu xa, nhưng Quách Hy vẫn lơ đi, coi như không biết. Tại Bân Châu có 1 số thổ phỉ, lưu manh, thấy vào làm lính của Quách Hy không bị gò bó gì, lại có chỗ dựa, liền rủ nhau tìm người quen biết, ghi tên làm lính của Quách Hy, mặc quân phục để dễ bề làm bậy. Bọn lưu manh này và 1 số binh lính vô kỷ luật đi từng đàn từng lũ, hoành hành trên đường phố, thấy ai không thuận mắt là gây sự ẩu đả, có trường hợp đánh người bị tàn phế. Các cửa hiệu ngoài phố thường bị chúng xông vào cướp bóc. Tiết độ sứ Bạch Hiếu Đức rất khó xử trước chuyện này, bản thân ông ta là 1 tướng dưới quyền Quách Tử Nghi trước kia nên không dám can thiệp vào sự việc có liên quan đến quân lính của Quách Hy. Ở sát cạnh Bân Châu là Kinh Châu (nay ở phía bắc Kinh Châu, Cam Túc), thứ sử Kinh Châu là Đoàn Tú Thực nghe thấy tình hình đó, liền viết thư cho Bạch Hiếu Đức, xin được tiếp kiến.

Bạch Hiếu Đức vội mời Đoàn Tú Thực tới. Đoàn Tú Thực nói: "Bạch Công chịu sự ủy thác của triều đình, cai trị địa phương này. Nay trong địa phương nảy sinh tình trạng hỗn loạn mà ngài vẫn coi như không có chuyện gì. Nếu cứ tiếp tục thế này, thì thiên hạ sẽ loạn to mất!".

Bạch Hiếu Đức biết Đoàn Tú Thực là người có kiến thức, liền xin ông chỉ giáo. Đoàn Tú Thực nói: "Tôi thấy địa phương của ngài quá hỗn loạn, trong lòng rất không yên, nên mới tìm tới đây, xin làm chức Đô Ngụ Hầu (chức quan phụ trách duy trì pháp luật) dưới quyền ngài để lo việc trị an của địa phương. Không biết ý kiến của ngài thế nào?".

Bạch Hiếu Đức vỗ tay nói: "Thế thì tốt quá!. Ngài chịu đến đây, thì tôi không mong gì hơn nữa!".

Đoàn Tú Thực làm Đô ngụ hầu ở Bân Châu, việc đó không làm cho binh lính của Quách Hy chú ý. Chúng vẫn hoành hành bậy bạ như trước.

Một hôm, 17 tên lính trong trại của Quách Hy ra phố, vào quán uống rượu say rồi gây sự. Chủ quán đòi trả tiền, chúng liền rút dao đâm chủ quán bị thương, rồi đập đổ tất cả các thùng rượu trong quán. Rượu đổ lênh láng khắp quán và tràn xuống cống rãnh Đoàn Tú Thực được tin báo, lập tức phái 1 đội quân tới bắt toàn bộ bọn lính đó, chém ngay tại chỗ. Dân chúng thấy bọn lưu manh hại người đó bị trị tội, tất cả đều hò reo phấn khởi. Tin tức truyền tới trại quân của Quách Hy, quân lính thấy nói có kẻ dám giết người của Quách gia, liền ào lên đòi trả thù. Thoáng chốc tất cả đều mặc khôi giáp, chỉ đợi lệnh của Quách Hy là tới quyết sống mái với Bạch Hiếu Đức. Bạch Hiếu Đức hoảng sợ trách Đoàn Tú Thực là chuốc lấy tai họa. Đoàn Tú Thực nói: "Bạch Công đừng sợ. Tôi sẽ có cách đối phó". Nói xong, chuẩn bị đi tới trại quân của Quách Hy.

Bạch Hiếu Đức muốn phái mấy chục tráng sĩ hộ tống Tú Thực. Đoàn Tú Thực nói: "Không cần dùng đến lính!". Rồi cởi bỏ bộ đao, chọn 1 tên lính què dắt ngựa cho mình, cùng đến trại quân Quách Hy.

Vệ sĩ của Quách Hy nai nịt khôi giáp, sát khí đằng đằng, ngăn Đoàn Tú Thực ngoài doanh môn. Đoàn Tú Thực vẫn tươi cười vừa đi vào vừa nói: "Giết một lão già như ta, cần gì tới đội ngũ hùng dũng thế này! Ta mang đầu tới nộp đây, mau mời chủ tướng của các người ra đây".

Vệ binh thấy thái độ của Đoàn Tú Thực rất ung dung, đều đứng ngây người, 1 tên vội chạy vào báo cáo, Quách Hy lập tức ra mời Đoàn Tú Thực vào. Đoàn Tú Thực vái chào Quách Hy rồi nói: "Quách Lệnh Công đã lập được công lao to lớn nhường ấy, mọi người đều rất kính trọng. Thế mà ngài lại dung túng cho quân lính hoành hành phạm pháp. Nếu cứ tiếp tục thế này mãi thì sẽ có đại loạn. Đất nước lại lâm vào đại loạn thì công danh của họ Quách nhà ta đâu còn nữa".

Quách Hy nghe nói, bưng tình ngộ nói: "Đoàn Công đã chỉ giáo, thực là xuất phát từ lòng yêu mến, giữ gìn cho họ Quách. Tôi xin nghe theo lời khuyên bảo của ngài". Nói xong, Quách Hy quay đầu lại quát bảo tả hữu:

"Mau truyền lệnh ta. Tất cả các binh sĩ mau cởi bỏ khôi giáp, trở về doanh trại. Kẻ nào còn làm ồn sẽ bị xử tử!".

Tối hôm đó, Quách Hy mời Đoàn Tú Thực ở lại uống rượu. Đoàn Tú Thực cho người lính đi theo trở về, và 1 mình ngủ lại trong dinh của Quách Hy. Quách Hy sợ có kẻ xấu len vào ám hại Đoàn Tú Thực nên không dám ngủ, lại phái 1 số binh sĩ thân tín tuần phòng, bảo vệ xung quanh. Sớm hôm sau, Quách Hy cùng đi với Đoàn Tú Thực tới xin lỗi Bạch Hiếu Đức. Từ đó về sau, quân đội của Quách Hy giữ nghiêm kỷ luật, không binh sĩ nào còn dám quấy rối. Trật tự trị an ở Bân Châu được phục hồi. Nhưng chưa tới 1 năm sau, Trường An lại lâm vào tình trạng nguy hiểm.

TRUYỆN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5000 NĂM TẬP 2

Lâm Hán Đạt & Tào Duy Chương

www.dtv-ebook.com

Quách Tử Nghi Một Mình Một Ngựa Đuổi Quân Hồi Hột

Dưới quyền Quách Tử Nghi có 1 đại tướng tên là Bộc Cố Hoài Ân, đã từng lập chiến công trong việc dẹp loạn An - Sử. Hắn ta bất mãn vì không được triều Đường đãi ngộ thỏa đáng, liền nổi loạn. Để có thêm lực lượng, Bộc Cố Hoài Ân phái người lôi kéo Hồi Hột và Thổ Phồn, nói dối họ là Quách Tử Nghi đã bị hoạn quan Ngự Triều Ân sát hại, kêu gọi họ cùng liên hợp chống lại triều Đường. Năm 765, Bộc Cố Hoài Ân phái người dẫn mấy chục vạn quân Thổ Phồn, Hồi Hột tiến công Trường An. Đi tới nửa đường, Bộc Cố Hoài Ân bị bệnh, chết đột ngột, đội quân Thổ Phồn và Hồi Hột tiếp tục tiến công. Quân Đường chống cự không nổi, liên quân Thổ Phồn, Hồi Hột đánh tới Kinh Dương (nay là Kinh Dương, Thiểm Tây) ở phía bắc Trường An. Đường Đại Tông và bá quan văn võ trong triều đều chấn động, hoạn quan Ngự Triều Ân khuyên Đại Tông rút khỏi Trường An 1 lần nữa, nhưng các đại thần đều phản đối việc đó, nên mới thôi. Mọi người đều cho rằng muốn đánh lui được liên quân Thổ Phồn, Hồi Hột, chỉ trông mong vào Quách Tử Nghi. Lúc đó, Quách Tử Nghi đang giữ ở Kinh Dương, trong tay có rất ít quân, ông hạ lệnh cho các tướng sĩ xây đắp thành vững chắc, tránh giao chiến với địch, đồng thời phái thám tử đi trinh sát tình hình quân địch.

Qua trinh sát, được biết 2 cánh quân Hồi Hột và Thổ Phồn tuy liên hiệp với nhau nhưng rất mất đoàn kết. Họ vốn do Bộc Cố Hoài Ân chỉ huy, nhưng khi Bộc Cố Hoài Ân chết, không đạo quân nào chịu để bên kia chỉ huy mình, vì thế không thể nào thống nhất hành động được. Biết tình hình đó, Quách Tử Nghi quyết tìm cách phân hóa địch. Các tướng Hồi Hột trước kia đã cùng với Quách Tử Nghi đánh An Lộc Sơn, có quan hệ quen biết cũ

Vì vậy, ông quyết định trước hết lôi họ về phía mình. Tối hôm đó, Quách Tử Nghi phái bộ tướng Lý Quang Toàn lặng lẽ tìm đến doanh trại Hồi Hột, gặp đô đốc Dưộc Cát La. Lý Quang Toàn nói với Dưộc Cát La: "Quách Lệnh Công phái tôi đến hỏi ngài xưa nay Hồi Hột vốn hữu hảo với triều Đường, nay tại sao ngài lại nghe lời bọn xấu, đem quân đến tiến công chúng tôi?".

Dưộc Cát La lấy làm lạ hỏi: "Quách Lệnh Công còn sống sao? Chúng tôi nghe nói Ngài bị giết lâu rồi. Người chớ có đánh lừa!".

Lý Quang Toàn nói cho Dưộc Cát La biết Quách Tử Nghi hiện đang ở Kinh Dương, nhưng Dưộc Cát La và các tướng Hồi Hột nhất định không chịu tin. Họ đều nói: "Quách Tử Nghi còn sống xin mời tới đây để chúng tôi được thấy mặt".

Lý Quang Toàn trở về, nói với Quách Tử Nghi về nỗi nghi ngờ của các tướng Hồi Hột. Quách Tử Nghi nói: "Nếu như thế, thì để ta đi một chuyến, có thể khuyên Hồi Hột lui binh".

Các tướng đều thấy như thế là phải, nhưng chỉ ngại là để nguyên soái đi 1 mình tới trại giặc thì quá nguy hiểm. Có người đề nghị cử 500 kỵ binh tinh nhuệ cùng đi với Quách Tử Nghi phòng khi Hồi Hột có giở trò gì, đã có người bảo vệ. Quách Tử Nghi nói: "Không được! Mang quân nhiều như thế, lại làm hỏng chuyện. Chỉ cần một vài người đi theo ta là được". Nói xong, hạ lệnh dắt chiến mã đến.

Quách Hy đứng chặn trước ngựa, nói: "Hiện nay cha là nguyên soái của nhà nước, sao có thể vào miệng cọp như vậy?".

Quách Tử Nghi nói: "Hiện nay, địch có nhiều quân, ta lại ít. Nếu đánh nhau với chúng, chẳng những tính mạng hai cha con ta khó mà giữ được, mà đất nước ta cũng gặp tai họa. Ta đi chuyến này, nếu đàm phán thành

công, thì là cái sự mừng cho nhà nước. giả sử có mệnh hệ nào, thì còn có các người đó!".

Nói xong, ông nhảy lên mình ngựa, cầm roi vọt vào tay Quách Hy đang giục ngựa, Quách Hy vừa rút tay lại, ông liền phóng ngựa lao đi. Quách Tử Nghi cùng mấy người tùy tùng ra khỏi thành, tiến thẳng tới trại quân Hồi Hột. Tùy tòng vừa phi ngựa vừa la lớn: "Quách Lệnh Công đến đây! Quách Lệnh Công đến đây!".

Quân Hồi Hột thấy mấy người phi ngựa từ xa tới lại loáng thoáng có tiếng la hét, liền vội báo cáo với Dưộc Cát La. Dưộc Cát La và các tướng giết mình, vội vàng dàn trận và giương cung lắp tên, sẵn sàng nghinh chiến. Quách Tử Nghi và tùy tùng đến trước trận, cởi bỏ giáp trụ, vứt giáo xuống đất rồi gò cương ngựa, đi thủng thẳng vào gần doanh trại Hồi Hột. Dưộc Cát La và các tướng nhìn chằm chằm vào mấy người đang đi tới rồi cùng kêu lên: "Ô! Đúng là Quách lệnh công rồi!". Xong, tất cả nhảy xuống ngựa lạy chào.

Quách Tử nghi xuống ngựa, đi tới nắm chặt tay Dưộc Cát La, nói rất hòa nhã: "Người Hồi Hột đã lập nhiều công lớn với triều Đường. Triều đình đối đãi với các ông cũng rất tốt. Tại sao các ông lại giúp Bộc Cố Hoài Ân làm loạn. Hôm nay tôi đến đây khuyên các ông nên dừng ngựa trước vực thẳm. Tôi đến đây chỉ có một mình, sẵn sàng để các ông giết, nhưng tướng sĩ của tôi sẽ cùng các ông quyết chiến".

Dưộc Cát La nhận lỗi, nói: "Xin lệnh công chớ nói như vậy. Chúng tôi bị Bộc Cố Hoài Ân đánh lừa, tưởng rằng hoàng đế và lệnh công đều đã chết, Trung nguyên không ai làm chủ nên mới theo hănh tới đây. Nay biết được lệnh công còn sống, đâu dám giao chiến với ngài!".

Quách Tử Nghi nói: "Thổ Phồn và triều Đường có quan hệ thân thiết, thế mà nay họ cũng tới đây, cướp bóc tài sản của nhân dân, thực là việc làm

quá đáng. Chúng tôi quyết tâm đánh trả họ, nếu các ngài có thể giúp chúng tôi đánh Thổ Phồn, thì cũng rất tốt cho các ngài"

Dược Cát La thấy Quách Tử Nghi nói vậy, vội gật đầu lia lịa nói: "Chúng tôi nhất định sẽ đem sức ra phục vụ lệnh công, lấy công chuộc tội!".

Trong khi Dược Cát La và Quách Tử Nghi nói chuyện, tướng sĩ Hồi Hột xúm lại nghe, dần dần quây tròn lại, tùy tùng của Quách Tử Nghi thấy vậy, sợ xảy ra chuyện gì, cũng ép sát vào để bảo vệ ông. Quách Tử Nghi xua tay, bảo họ lùi ra xa, rồi bảo Dược Cát La mang rượu tới. Quách Tử Nghi cầm 1 cốc rượu tưới xuống đất, trịnh trọng thề: "Thiên tử Đại Đường muôn năm! Khả hãn Hồi Hột muôn năm! Tướng lĩnh hai quân đội muôn năm! Từ nay, ai mà làm trái minh ước, sẽ chết trên chiến trường này!".

Dược Cát La cũng thề trước Quách Tử Nghi và tưới rượu xuống đất. Hai bên đều định minh ước. Tin tức về Quách Tử Nghi một mình một ngựa đến thăm trại Hồi Hột truyền tới quân doanh Thổ Phồn. Tướng lĩnh Thổ Phồn sợ quân Đường và Hồi Hột liên hợp lại để đánh họ, nên ngay trong đêm dẫn đại quân rút chạy.

Table of Contents

[Mục lục](#)

[101-102](#)

[103-104](#)

[105-106](#)

[107-108](#)

[109-110](#)

[111-112](#)

[113-114](#)

[115-116](#)

[117-118](#)

[119-120](#)

[121-122](#)

[123-124](#)

[125-126](#)

[127-128](#)

[Cao Doãn Trung Thực](#)

[Đại Phát Minh Gia Tổ Xung Chi](#)

[Phạm Chấn Chống Mê Tín](#)

[Ngụy Hiếu Văn Đế Cải Cách Phong Tục](#)

[Bắc Ngụy Phân Liệt](#)

[Lương Vũ Đế Làm Hòa Thượng](#)

[Hầu Cảnh, Kẻ Phản Phúc](#)

[Trần Hậu Chủ Hưởng Lạc Mất Nước](#)

[Triệu Xước Làm Việc Theo Pháp Luật](#)

[Tùy Dạng Đế Chơi Giang Đô](#)

[Lý Mật Đọc Sách Trên Lưng Trâu](#)

[Quân Ngõa Cường Phá Kho, Chia Lương Thực](#)

[Lý Uyên Khởi Binh Ở Thái Nguyên](#)

[Lý Thế Dân Chiếm Đông Đô](#)

Sự Biến Cửa Huyền Vũ
Ngụy Trưng Can Ngăn Thằng Thẩn
Lý Tĩnh Tập Kích Âm Sơn
Hòa Thượng Huyền Trang Đi Lấy Kinh
Công Chúa Văn Thành Vào Thổ Phồn
Nữ Hoàng Đế Võ Tắc Thiên
Mời Ngài Vào Trong Chum
Địch Nhân Kiệt Phát Hiện Nhân Tài
Trương Duyệt Không Làm Chứng Gian
Diêu Sùng Diệt Châu Chấu
Lý Lâm Phủ Gian Ngoan, Hiểm Độc
Lý Bạch Coi Thường Quyền Quý
An Lộc Sơn Nổi Loạn
Nhan Quả Khanh Mãng Giặc
Binh Biến Ở Mã Ngôi
Trương Tuần Làm Người Cỏ Mượn Tên
Nam Tể Quân Mượn Quân
Lý Tiết Trở Về Núi
Lý Quang Bật Đại Phá Sử Tư Minh
Đỗ Phủ Viết Thi Sử
Đoàn Tú Thực Không Sợ Cường Bạo
Quách Tử Nghi Một Mình Một Ngựa Đuổi Quân Hồi Hột